

LÊ KHÂM

TRƯỚC GIỜ NỖ SỮNG

Tiểu thuyết

vh

nhà xuất bản văn học



HVN

318

THƯ VIỆN LỚN ĐANG CHỜ THIẾT MHI

LÊ KHÂM

Trước quả Nổ súng



THƯ VIỆN LỚN ĐANG CHỜ THIẾT MHI

LÊ KHÂM

Trước quả Nổ súng



TRƯỚC GIỜ NỔ SÚNG (Tiểu thuyết)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

PHAN TÚ - MẤY NÉT TIỂU SỬ VÀ TÁC PHẨM

Phan Tú tên thật là Lê Khâm, ông sinh ngày 20-12- 1930 tại thị xã Quy Nhơn; nguyên quán xã Quế Châu, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam trong một gia đình trí thức yêu nước.

Phan Tú tham gia cách mạng từ năm mười lăm tuổi, làm liên lạc chuyển tài liệu, báo chí bí mật. Năm 1950, ông nhập ngũ tại Hà Tĩnh, tốt nghiệp Trường Lục quân ở Thanh Hóa rồi sang Lào chiến đấu trong quân tình nguyện Việt Nam.

Năm 1954, Phan Tú tập kết ra Bắc rồi theo học khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Năm 1958, ông cho xuất bản tiểu thuyết *Bên kia biên giới*. Năm 1960, ông cho xuất bản tập truyện ngắn *Trở về Hà Nội* và tiểu thuyết *Trước giờ nổ súng*. Năm 1961, ông trở về công tác tại chiến trường miền Nam, làm phái viên ban Tuyên huấn Khu ủy Liên khu V, lấy bút danh là Phan Tú. Năm 1966, Phan Tú trở ra Bắc, công tác tại Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật, làm quyền Tổng biên tập Nhà xuất bản Giải phóng. Năm 1968, ông xuất bản tiểu thuyết *Gia đình má Bảy*, tập truyện ngắn *Trong đám nứa*. Năm

1970 ông trở thành hội viên Hội Nhà văn Việt Nam và giữ chức vụ Ủy viên Ban chấp hành, Ủy viên Ban thư ký của Hội. Và ông lần lượt cho xuất bản: bút ký *Mãng mọt trong lửa*; tiểu thuyết *Mẫn và tôi* năm 1972, tiểu thuyết *Trại S.T.18* vào năm 1974.

Năm 1975, Phan Tú được nhận Giải thưởng ba mươi năm (1945-1975) của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Sau kháng chiến chống Mỹ, Phan Tú giữ chức vụ Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, rồi Đại biểu Quốc hội khóa VIII, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba. Thời gian này ông cho xuất bản hồi ký *Trong mưa núi* và ba tập tiểu thuyết *Người cùng quê* (1985).

Năm 1995, Phan Tú được nhận Giải thưởng Văn học loại A mười năm (1985-1995) của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Ông còn được nhận Giải thưởng Văn học Nguyễn Đình Chiểu.

Năm 2002, *Toàn tập Phan Tú* (4 tập) được Nhà xuất bản Văn học xuất bản.

Ông mất ngày 17 tháng 4 năm 1995 do hậu quả chất độc màu da cam.

Năm 2000, Phan Tú được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật cho các tác phẩm: *Trước giờ nổ súng*, *Gia đình má Bảy*, *Mẫn và tôi*, *Về làng*.

TÁC PHẨM CHÍNH

Bên kia biên giới - Tiểu thuyết (1958);
Trở về Hà Nội - Tập truyện ngắn (1960);
Trước giờ nổ súng - Tiểu thuyết (1960);
Trên đất Lào - Bút ký (1961);
Về làng - Tập truyện ngắn (1964);
Gia đình má Bảy - Tiểu thuyết (1968);
Mãng mọt trong lửa - Bút ký (1970);
Mẫn và tôi - Tiểu thuyết (1972);
Trại S.T.18 - Tiểu thuyết (1974);
Trong mưa núi - Hồi ký (1984);
Người cùng quê - Tiểu thuyết, 3 tập (1985);
Sông Hằng mẹ tôi - Tiểu thuyết (dịch) (1984);
Toàn tập Phan Tứ, 4 tập (2002).

Mưa núi tỏa đều và nặng trên đồn Pà Thạc.

Những nóc lô cốt chìm trong đêm, hắt trên nền trời vùn vụt một đường sáng dài, chen đôi chỗ gãy góc. Ngọn đèn điện treo giữa cổng chính soi ánh vàng ệch xuống một mảng thép gai và mấy thân cọc lớn nhón chạy vào bóng tối. Cái khối bê tông, gỗ, đá, thép gai úp tròn trên đỉnh đồi này nằm lìm, chỉ hé lên đôi chấm đèn ngái ngủ. Từng lúc, bọn lính trong hầm nói mê lâu bầu, nghiêng răng, nhai tóp tép. Tiếng động luôn qua các lỗ châu mai như một hơi thở ngọt ngọt, cắt ngang tiếng dế rên ti ti từ trong lòng đất thẳm ra, rồi lắng đi.

Tên lính gác vẫn đứng dựa vào tường lô cốt, gãi, ngáp, xóc cổ áo mưa sột soạt. Lưng hắn bịt giữa lỗ châu mai. Lính gác không đứng trước lỗ châu mai bao giờ. Nhưng hắn là lính mới, hắn ngốc. Hai giờ gác dưới mưa dài hơn hai canh bạc thâu đêm. Hắn vận người, vươn vai một cái rõ mạnh. Rồi hắn giật thót bụng, bật người sang bên: Bàn tay hắn vừa chạm phải vật gì mềm mà tròn trên miệng lỗ châu mai. Như con rắn. Hắn lóng ngóng lên đạn, lại buông súng. Hắn đánh diêm, khum tay che mưa, soi. Không có gì. Chắc con rắn đã bò ra ngoài, hay là hắn mê ngủ cũng nên. Hắn xóc lại áo mưa, chập chờn ngủ đứng.

Dưới chân hắn, cách đế giày độ một gang tay, nền đất không phẳng nữa mà còn lên lượn xuống thành những nét lạ. Những nét ấy từ từ chuyển, từ từ chuyển, không một tiếng động, như con trăn gió nửa đêm trườn lên cây bắt khỉ.

Đại đội trưởng Lương nhún mình trên mười đầu ngón tay, nhích lùi ra một gang nữa, rồi nằm im, dán người dọc chân tường. Thân hình trần truồng bôi kín đất đỏ lẫn vào màu đất sân đồn. Anh nheo mắt nhìn thẳng lính gác ngờ nghệch đang ghếch cùi tay lên thành lỗ châu mai. Cáu không thể tả. Y như hắn đánh bạc bịp với Lương. Vừa rồi anh sót ruột, nhoi lên gang lại chiều dày của tường lô cốt, bị hắn chạm phải tay suýt lộ. Giờ đây, đôi giày vải rách lại cắm sừng sững trước mặt anh như trêu tức. Từng luồng hơi thổi khăm phọt qua lỗ thùng chỗ ngón chân út. Cái mảnh cao su đen tròn dính ngang mắt cá giày giống như một tròng mắt lồi nhìn Lương ngạo nghễ, không chớp.

Tiếng giày đinh lệt sệt đến gần. Lương lé mắt nhìn nghiêng. Mấy bóng đen dừng lại. Một tia đèn bầm lóe, tắt. Thằng lính gác lập cập bước ra, nói ấp úng, bị thộp ngực day cho lạng chúi. Chỉ trong một loáng, Lương đã nhô lên, đo vọi lỗ châu mai, và uốn người bò đi. Chạm mắt rồi. Tiếng chân

chó lép nép trên bùn chạy vào, to dần. Lương duỗi tay, úp mặt, nín thở, cổ nén tiếng tim đập nhanh và ồn ào quá.

Hơi con chó nóng rà trên chân Lương. Như một đàn ong bò vẽ đang bò lổm ngổm trên da Lương, tìm chỗ đốt. Bình tĩnh, bình tĩnh... Lương nghiêng răng, cố nghĩ sang một chuyện vớ vẩn gì đấy... Bập! Nó cắn rồi! Con chó béc giê nhay mãi cái xác chết kỳ lạ, có máu mẩn ầm mà không có mùi người. Nó nhả bắp chân, hít hít trên đùi, trên lưng. Bỗng nó rít khê, dạng chân quắp đuôi, vừa lùi vừa gù gù, rồi chạy biến. Từ đầu đến cuối không một tiếng sủa.

Lương đưa tay vuốt trán nóng như lửa, hít dài. Thoát nạn. Cũng không uổng công anh nằm dầm sương mấy đêm cho mát mùi mồ hôi, và bôi ít mỡ cọp vào lưng dọa chó. Không khí sao ngọt và thơm lạ, Lương thở mãi không chán.

Nửa giờ sau, anh ra đến rào thép gai. Hai lần rào “cũi lợn” ngồn ngộn chặn trước mặt, ông bơ và mìn nhằng nhịt. Bụng dán sát đất, hai tay xoa xoa trước mặt dò những sợi dây nhựa nhỏ muốt gài mìn, anh nhích từng tấc một, kéo theo bó cọc dài hai tấc chống dây thép gai. Mìn nhảy chôn chỉ chút theo hình nanh cá sấu, chỉ đợi một ngón tay chạm mạnh là tổng lên trời một quả thép bằng bắp chuối, nổ ngang tầm ngực. Xâu kim băng xỏ kíp mìn cứ vui dần, lại đây. Không được để lại dấu vết.

Thân hình dẻo như bó gân ấy luôn sâu mãi vào giữa cái mạng nhện tưởng con muỗi qua không lọt. Đây là quãng đường vất vả nhất, nhưng ít nguy hiểm hơn chỗ sườn đồi trọc bị đèn pha quét loang loáng ngoài kia. Vào đồn thì “nhà nó cũng như nhà ta”, không có gì đáng ngại. Chả là thằng địch chỉ căng mắt dòm ra ngoài mà ít ngó xuống chân. Tự nhiên Lương nảy ra một cái thèm lạ lùng: hát một bài, chửi một tiếng thật to, hay giở một trò tếu gì đấy cho cái đồn ngốc nghếch này dựng tóc gáy lên mà chơi. Người ta ra vào như đi chợ mà cứ tưởng kiên cố lắm. Anh nhoẻn cười, gạt mồ hôi cằm, lại trườn.

Một giờ sau, Lương ra đến rừng.

Bức tường cây dựng lù lù trước mặt. Ba mẫu lá lân tinh cài hình tam giác sáng lập lờ trên một gốc cây to. Anh vạch lá chui vào mươi bước, chum môi huýt sáo. Cành khô gãy rắc bên cạnh. Một bóng người cao to nhô lên, cất giọng khao khao hỏi bằng tiếng Lào:

- Xong rồi chứ?

- Xong cả.

Lương nghe tiếng mình khác hẳn đi. Suốt đêm không mở mồm, quai hàm và lưỡi cứng lại. Anh lập cập xỏ tay mặc áo. Mưa đã ngớt mà gió vẫn thổi xông xông. Cái rét đêm vùng núi luôn qua lỗ chân lông, thấm vào buốt thịt. Đến bây giờ Lương mới thấy rét ghê gớm. Hai hàm răng gõ lách cách. Anh bực mình, tổng một góc khăn vào đầy mồm, lại rút ra để hỏi anh cán bộ Lào:

- Bên đồn B thế nào?

- Chiều đèn pha nhiều, nhưng không có tiếng súng. Trót lọt rồi.

- Cái thằng Khiêm chúa nghịch. Cho nó đi, tôi cứ thấp thỏm.

Đại đội trưởng Văn Thon buột mồm:

- Thế còn tôi?

- Anh bảo gì?

Văn Thon im lặng. Hai con mắt lóng lánh nhìn Lương như muốn nói thêm. Lương cúi xoa xà phòng trên chân cho vắt đỡ bám. Chạm phải vết máu chảy ẩm tay, anh mới nhớ ra chỗ chó cắn đang ngứa ran. Anh rùng mình. Cả một chùm vắt rúc đầu vào vết thương, căng bụng mà hút, chồng lên nhau thành một nắm lầy nhầy. Anh đắp lên một nắm thuốc lá, xót nhói người, bóp thịt giật mạnh. Vắt co vùi rưng dần.

- Lương này...

- Gì thế?

Văn Thon ngẫm nghĩ, rồi nói nhanh, giọng không tự nhiên:

- À anh có vào nhà quan ba không?

- Chỉ bò dưới cửa sổ. Lại con đĩ hôm nọ cứ ửn ửn. Muốn đòm cho một phát đỡ ngứa tai...

Ban nãy anh nói gì, tôi không nghe rõ.

- Không...

Phía đồn vắng đến một tiếng nấc. Một đóm lửa vọt lên cao, đứt rời thành đường chấm lả tả gạch chéo những mảng mây mỏng nước. Đèn dù bật sáng lòe, một cái ô ánh sáng úp xuống rừng và cái đồi mu rùa. Từ trong lòng đêm mưa, tất cả khối công sự chom chồm vùng nhảy chồm ra như con thú tỉnh giấc. Một lỗ châu mai mở mắt chớp chớp tia lửa, phun mấy chùm đạn bay vu vơ. Vàng sáng xanh xuống dần, ngả sang màu vàng nâu, tắt phụt. Lại con nhím, con cầy chạy vương ống bơ trên đồn.

Hai người vạch lá chui sâu vào rừng, đi về phía quả núi cao thất cổ bông. Văn Thon đi nhanh thoăn thoắt. Lương chập choạng theo sau, bám đèn pin bọc vải xanh soi đường mà vẫn trượt ngã dúm. Một cành gai sắc vướng vào người Văn Thon, co lại như cánh cung, bật mạnh vào mặt Lương. Vừa gỡ được thì đôi vai đồ sộ đằng trước đã mất hút.

- Văn Thon! Đợi tí đã. Mắt anh là mắt mèo có khác.

- Tôi thuộc rừng, đi dễ. Anh mệt lắm à?

- Thường thôi. Cơ sở bên làng Phi Lạt báo tin gì không?

- Có về nhà tôi báo cáo.

Văn Thon nhún hai tiếng *lai ngan* (báo cáo) hơi mạnh, Lương chột nhận ra Văn Thon có cái gì khác thường đã mấy hôm nay mà không muốn nói ra. Khó khăn trong công tác, hay va chạm với anh em trong đội? Theo thói quen, Lương biết là không nên hỏi ngay..

Hai người băng rừng vài cây số, lội ngược một quãng suối dài cho nước xóa sạch dấu chân, rồi trèo lên sườn núi Vượn. Một con gà rừng gáy xa eo óc, tiếng lãnh lói khác hẳn gà nhà. Sương đặc

như bông quần ngang chồm núi đã ửng màu da cam, mà mặt đất dưới vòm cành lá vẫn đen kịt, chỉ lấp lờ những mảnh lá mục như in lại một nền trời nào đầy sao.

*

* *

Trên bản đồ quân sự của mặt trận Tây Nam, vùng Pà Thạc nằm kẹp giữa hai con sông chảy song song: sông Xê Ban phía bắc, sông Nậm Đăm phía nam. Một vùng núi tiếp núi trập trùng, xô bồ, chông chênh, như một luồng sóng biển đột ngột bị đông lại thành đá phủ rêu xanh.

Khu căn cứ du kích từ trên mạn bắc loang xuống đến sông Xê Ban là hết. Cách đó hơn một trăm cây số, về phía nam sông Nậm Đăm, lại một khu du kích lớn nữa nằm lọt thỏm trong lòng địch. Hai mảng đỏ trên bản đồ bị phòng tuyến sông Nậm Đăm cắt lìa: một đường xích chi chít những chấm vuông đen, cắm cờ xanh trắng đỏ. Nó như con dao bầu thiếu ngang bụng mặt trận Tây Nam, xén đứt những đường dây liên lạc và tiếp tế giữa hai khu du kích. Qua bảy năm chiến tranh rồi, chưa hề có viên đạn nào bắn vào mười hai cứ điểm của phân khu Pà Thạc dọc bờ sông Nậm Đăm. Ngược lại, các làng vũ trang chung quanh đồn thường mang đầu cán bộ Itxala đến lĩnh muối thưởng.

Giữa năm nay, Pháp tung ba trung đoàn vào khu du kích phía nam, càn đi quét lại như bừa xáo. Hai đại đội Itxala và Tình nguyện cùng với hơn nghìn du kích quần nhau với ngót vạn quân địch, đánh bật chúng ra. Pháp bỏ chiến thuật cũ, chuyển sang càn lâu quét kỹ, thả dần túi lưới. Máy bay đổ đến như những đợt sóng lửa, giới na pan đốt làng. Bảy chục con voi dàn hàng ngang xéo lúa đều đặn từng khoảnh, từng ô. Không hạt muối mẩu sắt nào lọt được vào khu du kích. Nhân dân ăn củ rừng chাম tro nứa, chặt lưỡi cuốc lấy sắt rèn dao, cắm chông gài bẫy kín một vùng rộng hơn năm nghìn cây số vuông. Nhưng rồi bộ đội, du kích phải lùi từng bước vào núi. Vòng vây thắt dần. Điện báo nguy tới tấp bay về ban chỉ huy mặt trận, về Bộ Quốc phòng Chính phủ kháng chiến Lào.

Theo quyết định của Mặt trận liên minh Lào - Việt - Khome, một trung đoàn chủ lực Việt Nam được lệnh bí mật vượt biên giới, phối hợp với bộ đội Itxala và Quân tình nguyện đánh thốc xuống giữa rốn địch, tiêu diệt toàn bộ phân khu Pà Thạc. Ngọn đòn rất ác. Nó sẽ đánh gãy nát xương sống của Pháp ở vùng Tây Nam, phá vỡ trận vây quét dai dẳng dưới kia, nối liền hai khu du kích, đoạt lại vùng Pà Thạc hơn mười vạn dân. Bộ mặt của vùng Tây Nam sẽ thay đổi hẳn sau chiến dịch.

Các tổ trinh sát của Itxala đang bám sát quốc lộ 13 rút về không kíp. Vì thế đội chuẩn bị chiến trường lần này gồm hầu hết là Bộ đội tình nguyện, do Lương chỉ huy. Đại đội trưởng Văn Thon cùng đi để rút kinh nghiệm, không trực tiếp nắm đội chuẩn chiến số 3.

Hai tháng qua, đội đã luôn về vùng làng vũ trang của địch, vừa gây cơ sở nhân dân vừa điều tra mười hai đồn dọc sông Nậm Đăm. Đến nay công việc tạm xong, vừa đúng khi có điện của mặt trận gọi “đội CC3” về đón trung đoàn chủ lực và các đơn vị phối hợp.

Chuyến vào đồn cuối cùng đã trót lọt. Đêm nay, các tổ trinh sát lần lượt trèo lên hang đá trên núi Vượn, nơi đội ở.

*

* *

Văn Thon nép mình vào chỗ hõm trong sườn núi, bấu những mấu đá ướt, từ từ chui qua dưới thác núi. Dòng nước đổ dựng đứng bên trái, rung đá đều đều dưới chân anh, tung bụi nước mù mù. Một bước sẩy chân là lao theo thác xuống những mũi đá mấy chục thước bên dưới. Bò qua hết thác, anh quay lại, thốt lạnh người. Lương đâu rồi?

Anh vánh bàn tay lên miệng, gào:

- Lương ơi! Lương ơi!

Nước đổ rền như sấm, ầm tiếng gọi vào họng. Anh hốt hải bám đá bò ngược lại, sờ soạng trong đêm đen.

- Lương ơi!

Miệng gào mà tai không nghe. Bỗng một ánh đèn pin chớp rất gần, chìm trong bụi nước, bé như con đom đóm xanh. Lương ngồi vắt vẻo trên mấu đá, một tay bấu, một tay bóp chân. Văn Thon vỗ lấy anh, quát vào tai:

- Chân thế nào?

- Chó cắn. Về đến đây nó rút gân đau quá.

Máu phòi ngàu bọt từ những lỗ răng chó, loang nhọt màu trên bắp chân ướt. Lương nhăn mặt, nhún người đứng dậy. Anh nắm thắt lưng Văn Thon, lò cò trên đá trơn, chui qua thác. Đầu gối bên phải chỉ chực gập lại, nhức xói lên tận óc. Văn Thon quay lại:

- Tôi cõng anh.

Không đợi trả lời, anh xốc Lương trên lưng. Lương ôm cổ bạn, vừa mừng vừa ngượng. Chân anh không bước nổi nữa rồi. Văn Thon cõng anh đến thẳng cửa hang đá mới đặt xuống mà không thở mạnh. Văn Thon to như ông hộ pháp, khỏe gấp rưỡi người thường, cao hơn Lương một đầu.

Động lửa cháy ngùn ngụt giữa cái hang rộng bằng hội trường tiểu đoàn, rắc kim cương trên vòm đá vôi. Những tai đá và mũi thạch nhũ lủng lẳng treo trên đầu. Một cây cột đá mé bên trái vịn mình vươn lên chống nóc hang, lồi lõm như xương sồng voi. Tiếng cười đùa, tiếng chân nhảy huỳnh huỳnh, tiếng đàn tre quyện theo luồng hơi ấm và ánh lửa lùa ra, phả trên mặt Lương. Anh cau mày nhìn quanh, mắt hấp háy. Gần sáng rồi, sao anh em không ngủ?

Một người cởi trần đang đi bài quyền chờn vờn, đấm đứ, đá gió. Thân hình ngang bè, bắp thịt nổi hằn con chuột trên ngực nhấp nhánh mồ hôi. Ấy là Chánh, đội viên giữ ragônô (máy phát điện quay tay). Chánh quần thảo với bóng mình trên vách đá, đọc hỏn hển từng miếng võ:

- *Thanh long biên giang phụ tử tương tùy.*

Hề... *hoành phát địa hồ song phi triển dực...* hấp, này!

Trong góc hang, liên lạc viên Lích ngồi xếp bằng tròn, gõ cái đàn tre dài ba gang trên đầu gối. Ông tre róc cật, chẻ tách một đường dọc, rung những tiếng từng từng rề rề. Lích mỉm cười một mình. Mái tóc xoắn tít tựa ngựa vào vách đá, đôi mắt hơi lờ lờ lim dim.

“Thi sĩ” Sử cầm cúi ghi nhật ký bên đồng lửa. Tóc vẫn chải tròn úp gáy. Sử là hiệu thính viên kiêm mật mã kiêm thư ký của đội. Sử có cái mũi đỏ như quả cà chua chín và cặp kính cận thị nhẹ lúc đeo lúc không. Anh em giễu đủ nước: “Đèn đỏ đi trước, mắt cặp-bà-lời, thầy bói sáng...”. Sử hay ngâm thơ và làm thơ chép sổ tay, không cho ai xem.

Nghe tiếng sỏi động, Sử ngác đầu, reo to:

- Về rồi anh em ơi!

Bốn năm người đổ xô ra cửa hang, Lích túm lấy Văn Thon, sờ nắn mãi cánh tay. Nhưng Văn Thon sầm mặt, đi thẳng vào ổ lá trong góc hang. Sử gọi với: “Anh lại xem vắt đã” Văn Thon lắc đầu, ngồi xuống ổ, châm điều thuốc lá, rồi ngả lưng thở khói một mình.

Lương đang trả lời những câu hỏi xoắn xuýt, cũng thoáng thấy dáng đi bực dọc của Văn Thon. Anh đến ngồi cạnh đồng lửa, hỏi Sử:

- Sao các cậu chưa ngủ?

- Chánh nó đánh thức đấy. Nó kêu nhớ vợ không ngủ được, ngồi đốt lửa uống rượu với chuối xanh. Không biết kiếm đâu ra một chai lít cô nhắc. Hình như nhờ anh Văn Thon xin của cơ sở dưới làng để ngâm thuốc tê thấp...

- Không ai can à?

- Can, hấn phốt. Với lại... đêm nay các anh đi lần cuối sao nó cứ hồi hộp thế nào. Chả ai ngủ được.

Mọi người đã đi nằm. Chánh bỗng bật giọng hát nghêu ngao một khổ chèo:

- *Đêm ời đêm khuya sao lặn mấy giăng tàn, chứ rom để tình dưới khe nước chảy i ối i mà để mây trên ngàn mây trên ngàn thông reo. Cái con đường tình riêng nhớ ít mà tưởng nhiều...*

Lương nín cười, quay lại xẵng giọng:

- Ngủ đi ông mãnh ạ. Mai tôi hỏi cho mà say.

Anh soi chân, sờ nách, gõ vắt ném vào lửa. Vắt no tròn như quả sim mọng, nở phình ra rồi nổ lục đục, để lại vệt máu đen trên than. Cái tên Pà Thạc nghĩa là rừng vắt. Trong mùa nắng sáu tháng, vắt thiếu nước không chết mà khô đét lại, nằm thẳng đờ như cái que mực. Mưa đổ xuống là chúng mềm ra, đo thoăn thoắt tìm ăn trả bữa. Người đi rừng mùa mưa thường nghe tiếng rào rào trên lá đuổi theo vây quanh: vắt đánh hơi người đang lâu nhâu phóng đến.

Sử bắc cái nồi nhôm đun nước băng vết thương cho Lương. Trong đội Sử không thân với ai,

chỉ phục sống phục chết anh đội trưởng. Nhiều khi Sử vô tình bắt chước cả cách ngồi, cách xòe tay đập gió khi nói của Lương.

- Lần sau các cậu đừng tếu thế nữa. Ban đêm đốt lửa to dưới kia dễ thấy. Đùa ầm ầm mà không cất người gác, có ngày mất mạng toi. Kỷ luật bí mật để đâu... À, báo cáo chép xong chưa?

- Đây ạ.

Mắt Sử lấp láy kiêu hãnh. Tập giấy dày cộp hơn bốn mươi tờ khổ lớn viết chữ nhỏ, xen những bản yếu đồ xanh đỏ, tất cả đều do tay Sử ghi, vẽ. Trên trang đầu, một hàng chữ tô mực đỏ thẫm: ANH HÙNG CA SỐ 5.

Lương hát hàm, ra ý hỏi. Sử nhoèn cười thú vị, đưa tay vuốt tóc:

- Mật danh đây. Báo cáo thường là “bài hát”. Báo cáo quân sự tối mật là “anh hùng ca”.

- À... Anh hùng ca... nghe rôm rả chứ nhỉ !

Lương lật nhanh từng tờ, gật gù. Bản báo cáo tổng kết viết sạch, gọn, đẹp, dễ hiểu. Văn hóa lớp chuyên khoa có khác. Con số 5 gợi lên một thoáng thương xót: Đồng chí liên lạc mang báo cáo số 4 về mặt trận bị phục kích chết giữa đường, nhưng kịp vắt báo cáo xuống vực. Kế hoạch không lộ... Anh thì thầm đọc các dòng chữ lớn, đọc chậm như người nghiện nhấp từng ngụm rượu ngon:

1. Yếu đồn công sự đồn A.

2. Lực lượng và quy luật hoạt động đồn A.

3. Tình hình nhân dân, nguy quyền, vũ trang, gián điệp khu vực A...

Những dòng chữ đen cựa quậy, đi lại, quất tháo, rên rỉ. Trên trang giấy hiện dần lên cảnh đồn bọc thép gai, neho lỗ mắt châu mai nhìn ngang ngửa, những toán quân *Xỉra pa* (cọp rừng) áo dù loang lổ đi sục làng, những chuỗi người rách tướp còng lưng khiêng gỗ xây lô cốt, những xe tăng Séc-man và xe bọc sắt Côventori của Mỹ nghiền mặt đường xào xạo... Mỗi chữ mỗi câu ở đây có sức nặng hàng tạ, có chiều dày hàng thước bên dưới trang giấy, có cả một đời sống riêng mà chỉ những người trong cuộc mới hiểu được qua mấy nét mực đơn sơ. Năm đêm liền vào đồn vì một con số lẻ: tường lô cốt dày một thước hay một thước ba? Cơ sở mất một người vì một chữ nhỏ: trong hầm cố thủ, có bốn khẩu súng cối 81 ly chứ không phải hai khẩu...

Mắt dán vào tập báo cáo, Lương nói khẽ:

- Nhớ đánh điện báo tin ngày kia đội về.

- Vâng. Tiếng Việt hay tiếng Lào?

- Tiếng Lào, để anh Văn Thon xem trước.

Sử rửa vết thương, băng chân cho Lương theo kiểu quần xà cạp khô đỏ, vừa chắc vừa đẹp không kém y tá lành nghề. Lương thầm khen con người khéo tay, giúp đội được bao nhiêu là việc. Sử thu dọn các thứ xong, mới sực nhớ:

- Tối qua anh đánh rơi cái thư...

Lương vờ cái phong bì giấy nửa vàng, ấn vội vào túi. Anh lại dò từng dòng chữ trên báo cáo, nhưng không tìm thấy những hình ảnh ban nãy. Chỉ còn lại những nét mực đen sì, lạnh ngắt, bám vào mặt giấy không chịu rời.

Cái phong bì nằm trong túi áo ngực sao nóng bỏng như tấm sắt nung áp vào thịt. Trong đó có hai lá thư, Lương đọc mãi đã thuộc lòng. Nhưng tay anh vẫn như cái máy thò vào túi... Tờ giấy tròn góc, xé trong một cuốn vở ngoại khóa, nếp gấp đã sắp đứt rời. Nét chữ tròn, ngửa về đằng trước trông lạ mắt. Vợ anh viết báo tin gia đình anh bị giết sạch trong một trận đổ bộ, thuyền lưới cháy trụi. Vợ anh đi buôn xa nên thoát chết. Con anh được du kích bế ra ném vào bụi dứa giữa bãi tha ma, cũng thoát chết.

...Anh đi bộ đội yên vui phần anh để gia đình nheo nhóc như thế rồi nay chết thảm chết thương như thế không biết anh còn nghĩ gì đến mẹ con tôi nữa không chứ cũng là bộ đội mà người ta dẫm bảy tháng một lần về thăm nhà còn anh đi biệt tăm tích luôn sáu năm nay mới được có mấy lá thư đánh về. Thôi thì anh liệu đảng nào thì mẹ con tôi nhờ đảng ấy chứ cứ thế này tôi sông dờ chết dờ không biết trông cậy vào ai...

Lá thư thứ hai, chữ viết li ti kín các lề giấy nội hóa xanh, phải xoay ngang lật ngược mãi mới đọc hết. Một người bạn vào thăm quê anh, cái làng kháng chiến lầy lừng ở ven biển, đã kể tiếp sự tình. Làng anh được huân chương, cờ tặng, du kích vác trung liên và xì tóc. Vợ anh chạy ra vùng tự do, lấy chồng chủ hiệu chữa xe đạp, hiện mở quán giải khát gần thị xã. Một bà cụ trong xóm đón con anh về nuôi. Nó gầy, rách. Cho gói kẹo, nó nuốt nước bọt mà không cầm. Trung đội nữ du kích nhận nó làm cháu nuôi chung.

Ba tháng trước tin dữ đến với Lương như viên đạn xuyên ngực. Díu một cái, anh lạng chúi người mà chưa kịp hiểu, mãi về sau mới thấm buốt tận óc. Rồi vết thương dần dần thành sẹo, tưởng như lành hẳn, nhưng đến khi trái gió trở trời lại đau thắt ruột từng cơn. Lương đã cố quên, cố lao vào công tác đến mù người, mệt lử, nhưng lá thư cất kín trong gói áo lại rơi ra... Anh nhét cái phong bì vào túi, ngồi im.

Anh lửa nhảy loang loáng trên khuôn mặt đen trũi, gãy góc như đẽo bằng rìu. Con mắt bên trái bị mảnh đạn móc mất, chỉ còn cái hốc rỗng đỏ đỏ. Đầu húi trọc để khỏi vướng thép gai. Một nếp nhăn dọc từ tinh mũi ngược lên đến giữa trán khiến anh già hơn cái tuổi hăm tám. Anh ít cười, ít nói, hà tiện cả những cử chỉ thân mật, nom cứ lừ lừ như bộ đội đi tuần đêm. Đôi lúc vui anh vui em, Lương cười một cái cười lặng lẽ rất hiền, nó làm anh trẻ hẳn lại mấy tuổi. Không mấy ai trông thấy nụ cười ấy. Có người bạn đã nhận xét: “Mới gặp cậu, tớ cứ tưởng cậu hơi khô. Quen nhau hai năm, tớ thấy cậu đúng là khô thật!”.

Lương chỉ cười, không nghĩ ra câu trả lời.

Một cây củi tươi nõ lép bép, phì khói. Lửa bỗng reo phần phật, xoay tít ngọn. Lửa cười.

Một tiếng cười trong trẻo từ đâu vọng về, xoáy vào tim Lương.

- Con ơi!

Anh giật mình khi nghe vách đá rền trả lại tiếng mình. Anh vừa buột mồm gọi con thành tiếng.

Trước khi lên Lào, anh tạt qua thăm nhà được một ngày đêm. Đứa bé mới vào kỳ sổ sữa, mập nung núc. Anh xúc con lên, chúm miệng thổi trên da bụng nó “pù ù ù... pù ù ù... pup!”. Nó cười sặc, đá cái chân tròn nần nần vào cằm bố. Anh thấy nó giống cả bố lẫn mẹ: nhìn vợ thì thấy giống mẹ, soi gương xem mặt mình lại thấy giống bố. Sáu năm trôi vèo, anh còn nhớ tiếng cười sặc, nhớ bàn chân con đá vào cằm như mới hôm qua...

Một tiếng vượn hú rong róc bên ngoài, nắc dòn. Đồng lửa lụi dần. Vòm hang sà xuống thấp, mé cửa hang hiện ra một mảng ánh sáng trắng đục. Lương ngồi gục đầu trên hai gối, ngủ say lúc nào không biết.

*

* *

Tiểu đội phó Khiêm xách các bin bước vào hang đứng dạng hai chân gọi lạnh lạnh:

- Dậy nhá! Mời bà con ngóc cái cổ cho được việc!

Rồi Khiêm thổi luôn bài kèn mồm báo thức: “Te, te te te te tí tí te te tí tí te... tò !”

Có tiếng lá khô sột soạt, tiếng gọi nhau, đập đen đét. Những bóng mờ từ trong tối lao đảo bước ra cửa hang, ngáp ra từng luồng hơi trắng. Khiêm đảo mắt ngó quanh, rồi đi xộc vào chỗ Chánh nằm, túm một tay Chánh kéo dựng dậy.

- Nhóc con, buông ra không?

- Anh em tập hợp cả rồi kìa.

- Tao... đau bụng.

Khiêm cười khúc khích, thả tay Chánh:

- Đau mắt chứ. Mày định tập nốt mấy ngón quyền cho đội cơ mà.

Chánh mở mắt, ngơ ngác một loáng rồi vọt dậy:

- Bỏ mẹ, suýt quên.

- Hết đau bụng rồi hử?

Chánh lườm Khiêm, phóng luôn ra cửa hang.

Đội chuẩn chiến tám người đã ra bãi cỏ mé sau hang, nhảy nháy cho đỡ cồng chân. Bác Cống già khoác súng vào vai xuống gác dưới dốc, hai tay còn búi nùm tóc củ tỏi trên đầu. Chánh biểu diễn cái thế võ tay không đoạt côn của địch thủ, miệng giăng tay vung, bấp thít nổi cuộn cuộn.

- Thấy nó hoa côn lên đừng có lùì, hiểu chưa? Hai tay chấp đứng, cây côn trượt dọc tay

xuống đến nách thì quắp lấy, hiểu chưa? Giật côn, đập luôn một cái vào dái nó, hiểu chưa?

Chánh túm luôn Văn Thon đứng cạnh, ấn cây gậy vào tay anh:

- Anh cứ phang cho tôi một hèo, khỏe vào!

Sử nhắc lại bằng tiếng Lào. Văn Thon cười, gật gật, vụt luôn một gậy. Chánh chộp được đầu gậy, đập mạnh, nhưng bị Văn Thon túm chân xóc ngược lên, ngã đánh hự. Văn Thon cười ha hả, dè ngửa Chánh ra cù luôn vào rốn một cái mới chịu dậy. Cả đội cười âm, trêu Chánh vuốt mặt không kịp. Chánh cũng cười theo, không bực mình.

Vừa lúc ấy Lương đi đến. Mặt và tay anh còn trát kín đất đỏ tóe qua vào đồn chưa rửa, hai ống quần ướt sũng. Anh vừa đi rào một vòng soát lại những chỗ gài mìn muối phòng địch đánh úp. Anh mỉm cười nhìn Chánh đang phân trần: “Cái lúc tớ đi ét ô tô phải tranh khách, cũng mỗi ngón ấy...”. Anh bước ra trước đội, xua tay:

- Theo kế hoạch, sáng nay tập vượt rào cũi lợn có gài mìn. Các đồng chí chuẩn bị kim băng và cọc chống.

Khiêm ớ ra:

- Điều tra xong cả rồi mà?

- Mới tạm xong. Mà xong lần này còn lần khác chứ.

Cả đội tạnh cười. Anh em vốn không thích tập bò qua rào, vừa nhọc vừa bẩn. Khiêm và Sử tiu ngửu đi vào hang. Chánh đi sau lầu ầu: “Hừ, máy móc bỏ mẹ!” Sử cau mặt:

- Đừng có phát ngôn thế nhé!

- Phát ngôn cái phải gió!

- Đồng chí muốn phê bình thì...

- Vâng, tôi biết ông tiến bộ.

Khiêm cười, can đôi bên:

- Thôi im, chúng mày chỉ khỏe vặc nhau. Tới qua tao lấy được hộp kẹo trong đồn, chốc nữa chia. Bেম đầy nhớ, anh Lương biết thì chết.

Lương và Văn Thon ra góc bãi, chỗ cắm cọc căng dây tre giả làm rào thép gai, có đủ cả ống bơ treo lủng lẳng và mìn giả chôn ngầm chỉ thò lên ba cái mấu bằng que tăm, giăng sợi chỉ đen lẩn vào cỏ.

- Hôm nay anh làm luôn động tác dò mìn.

Văn Thon bò dãn bụng xuống đất, xoa tay tìm mìn, chống cọc nâng từng sợi thép gai. Người anh to và nặng, hết chạm mông lại chạm vai, các ống bơ trên dây cứ đung đưa. Lương ngồi xổm, nheo con mắt lạnh, lắc đầu:

- Anh chết bốn lần.

Văn Thon bò chuyển nữa. Lại chết những sáu lần!

Vừa lúc ấy anh em xách mìn giả và cọc chống đến, Sử nói hậm hực:

- Báo cáo anh, Chánh nó kêu đau bụng. Có lẽ...

Khiêm khẽ huých Sử, nháy. Sử im. Lương không để ý, quay lại:

- Khiêm vượt cho anh Văn Thon xem.

Khiêm cởi áo, quần dài. Cả người Khiêm cũng xoa bùn đỏ chưa kịp tắm, dưới bụng bết từng mảng đất.

Khiêm nhìn lớp rào một loáng như lượng sức, rồi thoăn thoắt mở đường chui qua quăng rào rộng bốn thước chỉ mất có ba phút. Các ống bơ vẫn nằm yên.

Nhưng Lương cau mày:

- Động tác khá, phải cái chủ quan. Cậu vấp ở đây. Ban ngày mà còn thế, hồng!

Lương luôn tay chỉ một cái mấu mìn bị ngón chân út của Khiêm chạm phải. Rồi anh cởi áo quần, vơ bó cọc, làm động tác mẫu. Sử đứng trố mắt nhìn. Tài quá, nhanh và chắc đến thế là cùng!

Lương vượt rào mất năm phút. Rồi anh bò ngược lại để Văn Thon thấy rõ hơn. Vừa đứng lên anh lại ngã ngồi, chân phải rung bần bật. Văn Thon chồm đến đỡ Lương, hỏi dồn. Lương nhăn trán nói khẽ:

- Chỗ chó cắn hôm qua.

Suốt một giờ Văn Thon bò qua bò lại dưới mạng dây tre. Đến lần cuối cùng anh không chạm mìn, các ống bơ cũng không động. Anh đứng lên, co tay ngấm hai vết tuột da đỏ hỏn ở cùi, cười thích chí. Lương chỉ gật đầu, buông một câu dè dặt:

- Tạm ổn đấy. Hôm sau chuyển sang tập tránh đèn pha và pháo sáng được rồi.

II

Đội chuẩn chiến họp bàn kế hoạch đánh Pà Thạc để đề nghị lên trên. Đây là công việc cuối cùng và hào hứng nhất của mọi cuộc chuẩn bị chiến trường. Nhưng hôm nay buổi họp nổi cơn sóng gió.

Đại đội trưởng Văn Thon đứng chấp tay sau lưng, hằm hằm nhìn trung đội trưởng Đại đang ngồi xỏm, mỗ ngón tay lia lịa trên tờ yếu đồ như con cò ruồi, lại mỗ gió về phía Văn Thon, nói oang oang những gì không hiểu. Cái lối chỉ mặt quát tháo thật dễ ghét, người Lào không xía xói vào mặt nhau thế. Từ đầu buổi họp, Đại đã bác hết ý kiến của Văn Thon, khi nghe anh phát biểu lại nhăn răng cười chế nhạo. Hai bàn tay Văn Thon vịn vào nhau. Anh giận lắm.

Đại đang trình bày cách đánh của mình:

- Theo chiến thuật nhất điểm lưỡng diện, thì tập trung binh lực diệt đồn A trước. Mũi phụ công đặt ở đồn B, mũi dương công tui cho ở hướng tây. Đánh rứa mới chắc ăn. Bộ đội biên chế thành tứ tổ nhất đội. Hàng rào thứ nhất giải quyết bằng mật bộc...

Văn Thon thấy bác Công đang dịch cho mình nghe bồng luống cuống, quay sang hỏi Đại cái gì bằng tiếng Việt. Có lẽ bác nghe câu nói nặng lời nào đó. Anh đập vào tay bác, nói xẵng:

- Bác dịch thật đúng cho tôi. Đừng bớt chữ nào.

Trung đội phó Công đang ù tai vì những danh từ mới của Đại, dịch không xuôi. Bác chặn Đại lần nữa:

- Anh nói gì tứ tổ tứ đội?

Đại tưởng bác Công bẻ mình, càng nói nhanh, cái giọng Hà Tĩnh càng vang to:

- Không tổ chức tứ tổ nhất đội thì công kiên mô được! Sáu tổ bộc phá tui cho nằm dọc đây, bộ phận hỏa lực yểm hộ tám trung liên tập trung không chế hai hỏa điểm 3 và 4, còn xung kích một vô lợt đột phá khẩu sẽ phát triển tung thâm theo hướng ni...

Trung đội trưởng Đại là cán bộ trinh sát của trung đoàn 217, được phái đi trước với đội chuẩn chiến. Trong đội chỉ một mình anh đội mũ lá bọc vải phủ lưới, mặc quân trang xanh xám, đi giày vải, đeo cái ba lô da đồ sộ như cái tủ đứng. Khẩu K.50 lụm treo trên ngực. Anh bị bom hớt mất mẫu tai nên mọi người quen gọi là Đại sút cho khỏi lẫn. Tính nết có phần trái ngược với nghề quân báo: nói nhiều, cười to, thích ồn ào quấy nhộn. Lại thêm cái tật hay khoe tỉnh Hà Tĩnh cái gì cũng đứng đầu toàn quốc, từ hội Mẹ Chị đến cây bút máy sừng trâu: “Ày, thứ ni ở chỗ *mền* họ mần còn khéo tới mô...” Được cái hay nói đi đôi với hay làm, nên anh em đều mến.

Văn Thon thấy nóng mặt. Cái cậu cán bộ non choẹt này định giở những tiếng lạ ra lòi cho anh khiếp chứ gì. Lại còn khinh người ra mặt. Anh ngồi xồm xuống, vớ cái que vạch lia lia một sơ đồ trên nền hang. Sờ nhìn anh, trố mắt kêu: “Về đúng quá!” Văn Thon cắt ngang lời Đại:

- Bác Công dịch đi... Tôi không hiểu tại sao anh ấy chỉ muốn dùng sức mà không chịu dùng mưu. Mạng người rất quý, bắt bộ đội hy sinh vô ích là có tội. Ấy là chưa nói đến tiếp tế. Bắn hết đạn thì còn sức đâu đánh sâu xuống phía nam nữa?

Đại không chịu thua:

- Dân công tiếp tế chớ. Đến đại bác còn khiêng được nữa là...

- Một viên đạn sang đến đây phải đi hai tháng đường núi. Một khẩu súng cối 82 mang theo ba chục đạn đánh xong đồn A hết nhẵn, rồi đào đâu ra đạn đánh trận khác? Bỏ đạn 81 ly vào mà bắn à?

Văn Thon chấp tay sau lưng đi qua lại, đá một tảng vôi vỡ tung. Trong câu vắn của Đại, anh thấy một mũi nhọn châm biếm rõ rệt. Đại nói:

- Tui tưởng sang đây cũng có dân công chớ.

- Anh đi qua khu căn cứ, chính mắt anh thấy rồi đó. Làng cách nhau năm bảy cây số, con trai đi bộ đội cả. Huy động được vài trăm người là hết nước. Tôi đề nghị một lần nữa: cứ cho mấy tổ làng vắng vào khu đồn dân, như địch ra càn quét, ta phục kích tiêu diệt bộ phận lớn trước đã rồi sau mới đánh đồn. Chỗ nào còn mạnh thì vây chặt, cắt đứt đường tiếp tế. Trái cây thất cuống thì khắc nẫu, khắc rụng...

Lương từ nãy vẫn cúi xem bản đồ, so sánh hai lối đánh của Văn Thon và của Đại. Một đằng là vận động phục kích, một đằng cường tập, cả hai cách đều có chỗ hay chỗ dở. Tốt hơn hết là phối hợp giữa hai chiến thuật, bổ sung cho nhau... Anh mãi nghĩ, không nghe Đại trả lời câu kinh:

- Cứ cái lối đánh du kích bọp xẹt! Đây ta cả mấy ngàn quân mạnh ra rứa, tội chi lại mần kiêu anh Văn Thon. Anh ta thấy địch đông là sợ thôi mà, tui hiểu.

Trung đội phó Công lại ra ngoài nhiệm vụ phiên dịch:

- Kia anh Đại! Ấy tức thị rằng là anh...

- Bác cứ dịch y nguyên cho tui.

Văn Thon nắm hai bàn tay chuối mẩn, trừng mắt:

- *Dà phả-mạt koong-thấp Itxala hâu nơ!* (Đừng coi khinh bộ đội Itxala chúng tôi nhé!)

Lương giật mình ngẩng lên:

- Đồng chí Đại ngồi xuống!

- Anh ấy nổi tự ái...

- Thôi!

Đại “hứ” một tiếng vớt vát, quay sang lau khẩu K.50, ra điều ta không cần cãi nữa. Văn Thon lại giẫm bẹp một mẩu đá vôi, nuốt cơn giận đang trào lên cổ. Anh nói thông thả với Lương:

- Ở đây các anh đa số, cứ quyết định lấy thôi. Bàn cãi thêm nhiều ý kiến rắc rối, phiền ra. Tôi đi theo đội để rút kinh nghiệm, không có quyền gì cả. Tôi rút lui ý kiến.

- Anh Văn Thon ngồi đây ta bàn tiếp. Tôi thấy kế hoạch...

- Các anh cứ họp.

Văn Thon đưa mũi giày xóa những nét vạch trên đất. Một bắp thịt giật dưới bộ râu quai nón, nhưng khuôn mặt mai mái vẫn tĩnh như không. Sử thở dài, đeo kính trắng vào mắt, ngửa đầu ngấm trần hang mơ màng như đang làm thơ. Chánh ngủ gật từ lúc nào, một bàn tay lùa vào nách tìm rận. Khiêm ngơ ngác nhìn quanh, không hiểu gì trong cái trận cãi nhau bằng tiếng Lào lẫn tiếng Việt này. Lương vẫn cố nèo Văn Thon:

- Anh xem, tôi định bố trí binh lực ở...

- Các anh cứ họp tự nhiên.

Văn Thon lừng lững đi ra cửa hang, hai gò má đỏ rựng.

Hôm mới về đây, anh va chạm một lần với Lương về việc phân công. Cái bộ ba Lương,

Đại, Cống lúc nào cũng ăn ý nhau nói rập một giọng. Họ không muốn cho anh vào đồn nhiều, sợ nguy hiểm. Họ đẩy anh sang công tác dân vận. Họ nuông anh như đứa trẻ khó tính. Hình như lúc nào họ cũng nháy nhau sáu lưng anh: “Coi chừng, Văn Thon hay liêu, hay tự ái đấy!” Đến nay, anh chàng Đại kia mới nói toạc ra rằng anh sợ địch. Hai năm rở mười rồi: họ không tin anh. Họ vẫn coi thường người Lào, coi thường Itxala!

Một mẩu đá vôi nữa vỡ dưới mũi giày vải chiến lợi phẩm, bốc khói trắng như quả lựu đạn nổ. Lích ngồi gác trước cửa hang quay đầu nhìn Văn Thon.

- Lích ạ, xong chuyện này mình không đi với bộ đội Việt nữa.
- Anh nói sao?
- Văn cộp nằm ngoài da, văn người nằm trong bụng.

Lích đang khâu lại cái bùa giữ mạng đeo cổ. Anh ngừng tay, phúi bụi vôi trên mái tóc xoắn tít như phôi bào:

- *Hoqi!* Cái gì văn cộp, văn người?
- Cậu thích đi với bộ đội Việt không?

Lích giương đôi mắt lồi, không hiểu ý Văn Thon.

Lích là người thiểu số La Ven, nói tiếng Lào hơi cứng, thuộc rừng như lòng bàn tay. Anh hay ngồi khâu vá với bác Cống, tỉ mẩn kể chuyện người La Ven đánh Pháp hai mươi sáu năm tròn. Ông Kẹo bị Pháp bắt mổ bụng mà không thấy có ruột. Cụ Côm Ma Đam cho chữ hiện trên da, dân chép lấy mà học. “Dân La Ven chúng tôi cứng như núi, như núi đá bác ạ!” Bác Cống rử rì: “Phải phải. Người *Lào lùm* ⁽¹⁾ cũng thế. Người Việt cũng thế”. Lích rất thú cái đội này, vui mà thân nhau như bà con. Khi ở làng, Lích với người làng là một. Rời làng ra ở một mình, không cộp vỏ sáu nuốt thì cũng chết đói. Làm rẫy chung, được thóc về ăn chung, săn được nai cả làng cùng say rượu. Đi theo đội cũng giống hệt khi ở làng.

Lích gãi tai, buông một câu quen miệng:

- *Mù pây tô cò pây!* (Người ta đi mình cũng đi!)

Ấy là câu đầu lưỡi của người Lào. Làm gì, đi đâu cũng phải theo *mù*.

Văn Thon nín lặng. Cái bóng cao lớn hằn xuống đất trước cửa hang, nặng và tối như nỗi bức dọc trong bụng anh. Bàn tay xoa trên cằm, anh đi đi lại lại... Lương vào đồn chín lần, chỉ để anh vào bốn lần, những nơi dễ. Lương không nói ra nhưng hẳn là cũng đánh giá anh nhất gan. Họp đội lại kiểm thảo cũng vô ích, họ sẽ bênh nhau, chối biến... Văn Thon không chịu được nữa. Anh quay vào hang, định nói thẳng tuột hết với Lương.

Nhưng bộ ba kia đã đi vắng. Hừ, lại ra rừng họp riêng, bàn mảnh, định cách đối phó với anh chứ gì?

Sử mang đến cuốn sổ điện báo:

- Đề nghị anh duyệt bức điện sắp đánh.
- Tôi không xem.
- Báo cáo anh, viết bằng chữ Lào...
- Cát đi!

Sử xịu mặt, đi vào góc hang. Chánh ngồi vào máy ragônô, quay rề rề. Máy điện tín ửng chấm đèn xanh, bắt đầu tí tách dưới tay Sử.

Ngoài rừng, tổ Đảng họp vắt vẻo trên một tảng đá để tránh vắt. Đại xuề xòa nhận lỗi ngay: “Tính tui có hơi nóng, các đồng chí thông cảm”. Nhưng Lương vẫn dòn cho một hồi không kịp thở:

- Hơi nóng à, không phải! Đồng chí coi thường Văn Thon ngay từ đầu. Mới hôm nọ đồng chí còn nói rằng Văn Thon chỉ biết đánh chim sẻ và quấy rối là gì!

- Đồng ý tui có nói. Rứa thì sai chỗ mô?

- Văn Thon nắm hai trung đội đánh kỳ tập mà lấy được đồn nó ngót trăm quân, đồng chí biết chưa? Một mình một dao dám nhảy lên đâm chết quan ba trên xe Gíp, có phải sợ địch không?

- Là tui thấy anh không dám cường tập...

- Không đánh cường tập tức là sợ địch à? Thế nghĩa là tất cả các đội du kích ở đây cũng như ở Việt Nam đều sợ địch chứ gì? Đồng chí làm to. Văn Thon chỉ huy du kích giỏi số một ở mặt trận này đấy. Chúng tôi học mãi kinh nghiệm đánh đường rừng của Văn Thon mà không theo kịp. Anh ta không quen cường tập, đúng thế. Nhưng đồng chí chưa hiểu gì về chiến trường này cả!

Đại ngạc nhiên thấy Lương nổi giận như chính anh bị quy là sợ địch. Lương nhăn trán, nói lắp, xòe tay đập gió lia lịa, ấy là anh đang nóng. Ở đơn vị, Đại lắm khi đốp chát với anh em trong khi bàn kế hoạch, nhưng chưa lần nào phải đưa ra tổ Đảng kiểm thảo. Cãi chán lại cười khì với nhau.

- Thôi thôi, tui nhận khuyết điểm rồi. Việc bằng móng tay, các đồng chí cứ làm to ra...

- Thế đồng chí không nhớ đây là đất Lào, Văn Thon là người Lào à?

Trung đội phó Cống ngồi kiêu đầu gối quá tai, gật gù cái núm tóc củ tỏi búi sau gáy như người thiếu số. Bác đồng ý với Lương. Đại đuối lý, còn gượng một câu:

- Răng anh ấy hay tự ái ngầm rứa hè? Không vừa bụng thì choạc luôn cho ra lẽ chứ!

Cống chen vào:

- Ai quy cho cậu sợ địch, cậu có tức không? Sờ lên gáy mà xem!

- Thôi, tui nhận xin lỗi anh Văn Thon rồi mà.

Cuộc họp ngừng mười phút để Đại và Lương bắt bầy vắt bò trên chân, chui vào ống quần.

Lương trầm ngâm một lúc lâu, hút gần tàn điếu thuốc mới nói:

- Hình như Văn Thon cũng giận tôi... Các đồng chí xem có phải tôi ôm đồm quá không? Hay là tôi chưa thật tin ở Văn Thon?

Cái băn khoăn lớn nhất của Lương là ở đó. Văn Thon muốn sục vào đồn thật nhiều, nhưng

người anh nặng nề, kỹ thuật vượt rào và giấu hình còn non, dễ bị hy sinh. Lương nhiều lần phải gạt khéo không để anh vào đồn với mình. Biết Văn Thon âm ức, nhưng Lương chưa phân trần vội. Anh đợi ý kiến tổ Đảng.

Bàn cãi một lúc lâu, bộ ba vẫn chưa ngã ngũ ra sao cả. Thật tình cái ranh giới giữa “thận trọng” và “chưa tin” trong trường hợp này rất khó vạch. Không biết bao nhiêu cán bộ Tình nguyện bị phê bình là bao biện nhưng vẫn lúng túng không hiểu nên cư xử thế nào cho phải.

Vấn đề cuối cùng đưa ra lại vấp. Lương đề nghị nếu có biên dọc đường thì toàn đội phải đưa Văn Thon về đến nơi. Công gặt đầu: “Tất nhiên!” Đại ngớ ra một giây, rồi gằn cổ:

- Không được. Phải bảo vệ anh Lương mới đúng.

- Lại thế nữa!

- Hai người là cán bộ đồng cấp, nhưng mà anh Lương là chỉ huy. Anh Văn Thon đi rút kinh nghiệm, lại nắm tình hình không chắc bằng anh Lương. Đối với chiến dịch anh Lương cần hơn.

- Cậu chưa hiểu...

- Hầy, tui hiểu. Không có nguyên tắc mô ngược đời rứa cả.

Lương phát bần:

- Cậu gàn bỏ mẹ đi ấy. Cứ rập khuôn bên ta không được đâu.

- Chớ mọi hôm anh nói ra rằng? Anh nhủ mình giúp người Lào làm cách mạng, không làm cách mạng thay cho người Lào. Chừ anh lại muốn bao lấy cả...

Đại gằn hất to tiếng. Lương nhìn cái tai sứt đỏ dừ, tự nhiên bật cười. Anh vỗ lưng Đại, xoa mấy cái:

- Khẽ mồm chứ ông tướng. Tớ lại phải lên lớp tí đây. Muốn giúp họ làm cách mạng thì phải giúp họ đào tạo cán bộ, bảo vệ cán bộ. Bao giờ họ đủ cán bộ, đủ cơ sở, đủ lực lượng, chúng tớ rút búng ngay về Việt Nam tức khắc. Họ là chủ, mình là khách. Mất khách chẳng sao, mất chủ mới rầy rà to. Văn Thon đi chuyến này để rút kinh nghiệm về xây dựng đội trình sát của Itxala đấy. Bên tình nguyện mất ngàn này người chả ngại, chứ bên Itxala mất một Văn Thon thì bán to. Nào, nhớ nhập tâm chưa hờ?

Đại ngồi ngây ra, nghĩ. Tưởng đánh Tây ở đâu cũng là đánh, chứ nào hay lên đây lại lăm chuyện rắc rối quá thể. Học tiếng Lào, tập đứng ngồi ăn nói cho đúng phong tục, rồi cả một lô những nguyên tắc về tôn trọng chủ quyền, về quan hệ Lào - Việt, rồi bao nhiêu là đường lối, phương châm, phương thức, chính sách... học đến mụ người vẫn cứ vấp. Kể ra cũng có đôi điều dễ nhớ. Rằng tiêu chuẩn cung cấp đã nằm lại bên Việt Nam, sang đây không lo cày ruộng phát nương thì xin cứ vui lòng ăn mẳng. Rằng lạc rừng là một sự tối ư nguy hiểm, vì Đại đã một lần rời lán đi ngoài, bị lạc luôn ba ngày đói meo.

Lương và Công về rồi, Đại vẫn ngồi trên tảng đá. Tay lau khẩu K.50, miệng lẩm nhẩm mấy

câu tiếng Lào mới học: “*Tha-hản Itxala...* bộ đội Giải phóng. *Thang ni pây xấy ...*đường này đi đâu”. Lương dạy tiếng Lào cho Đại, Khiêm, Chánh. Đại không chịu học, bị tổ Đảng đập cho một trận về tinh thần quốc tế. Đến khiếp cái anh một mắt...

- *Tha-hản hâu xĩa chắc khôn?* Bộ đội ta mất mấy người... *Tha-hản hâu... xĩa... chắc khôn...*

Đại chợt nhớ đến cuộc tranh cãi vừa rồi. Có biển dọc đường, phải bảo vệ Văn Thon. Còn Lương? Vết chó cắn trên chân Lương bắt đầu sưng tấy. Anh đi hơi nhúc nhắc. Tám ngày leo núi... Đại bỗng còn cào cả ruột. Đại vừa tức, vừa phục, vừa thương con người khắc khổ ấy.

*

* *

- Huýt huy... huýt huy...

Tiếng huýt sáo bắt chước chim hót từ một ngách hang đá vọng đến. Bác Cống nhếch mép cười, nhận ra ám hiệu riêng của bố con bác gọi nhau. Bác đi vòng cái cột đá, chui ra phía “cửa sau”. Tiểu đội phó Khiêm, đưa con nuôi đẹp trai mà bất trị của bác, đứng đợi sẵn đây. Khiêm lúng búng nói gì, rồi kéo tuột bác ra một góc suối vắng.

- Con chó béo lắm, bố ạ.

- Cái gì?

- Chó lai tai cụp, nặng è cổ. Đây bố xem.

Trong bụi rậm, một con chó béo hủ nằm rên ư ử, bốn chân trối bó giò. Bác Cống trừng mắt thật dữ, đôi lông mày chọc vào nhau:

- Mày lại giở trò nỡm. Chó của dân làng...

- Không, của đồn mà. Con nói sai con chết. Nó bị xích cổ mòn một khoanh lông đây này.

Bác Cống gầm khe khẽ, để nén cái cười đang rung quai hàm:

- Đồn nó mất chó, nó đồ nháo đi tìm, nó thả chó đánh hơi lần theo đến đây. Ấy tức thị rằng là mày làm lộ bém rồi ông mãnh ạ. Sao mày đại thế hử?

Khiêm đứng lặng cá, xịu mặt:

- Thôi được, tôi mang đi thả. Đồng chí cứ giữ nguyên tắc...

- Bao nhiêu lần cấm, mày còn rờ rẫm đi trộm chó!

- Lầy của địch mà đồng chí bảo là trộm?

Khiêm chỉ gọi bác Cống bằng đồng chí khi hờn dỗi. Hai người nhận nhau làm bố con nuôi đã đầy năm nay. Bác Cống không có con gái lớn, nên không ai nghi ngờ gì cái động cơ nhận bố của Khiêm cả.

Nghe Khiêm đôi giọng, bác nao nao bụng. Tội nghiệp, nó đang sức lớn mà độc có mắng

luộc chấm muối ăn trừ bữa.

- E hèm... không phải đi nữa. Thả chó về, nó quen đường lại dẫn Tây lên mất. Thôi để đây, vào thú thật với anh Lương, rồi kiếm con dao, cái nôi. Khéo chứ anh Văn Thon biết thì rầy rà to, nghe chưa?

Khiêm tươi mặt, quăng con chó đánh hự, phóng về hang đá. Cống chọc chọc ngón tay vào đùi chó, chép miệng: “Thằng khéo chọn. Của này đánh tiết canh mát phải biết!”. Dân Lào tởm thịt chó nên bộ đội Tình nguyện phải tự giác nhịn. Cái tài rửa mặn, dồi và tiết canh chó của bác mai một dần. Bây giờ sự đã rồi, bác đành linh động một lần vậy. Chỉ sợ anh Lương bắt đem chôn như dạo nọ.

Nửa giờ sau, con chó sạch lông. Bác Cống chặt phứt ngay đầu, đuôi, bốn chân, hẩy sang cho Khiêm:

- Dem sang bờ bên kia, chôn sâu vào. Sả, riêng, húng chả có, nấu nướng thế nào đây... Đi bút cho tao ít mùi tàu, lá lốt. Dọc suối đi lên, vô thiên lũng rau thơm.

Dồi nướng bốc mùi thơm hắc. Bầy xâu chả rỉ mỡ xuống than xèo xèo. Tiếng chân người khua cành mục đến gần. Cống quờ tay chộp khẩu các bin, vừa lúc Văn Thon lên tiếng:

- Làm gì đấy?

Khiêm đáp ngay bằng một tiếng Lào mới học:

- *Tó phan* (con mang).

Văn Thon nhìn quanh, bật cười ồ:

- Con mang cũng biết sữa à?

Trên bãi sỏi bên kia suối, cái đầu chó nằm tênh hênh, nhe răng trắng hơn như cười chế nhạo. Cống đờ lưỡi, muốn chui tuột xuống đất. Thì ra nhóc con lười, chỉ ném hú họa qua suối, đầu chó va phải cây rơi bật lại cũng không biết!

Văn Thon bỏ đi còn nói với:

- Các đồng chí cứ ăn tự nhiên, việc gì phải giấu. Thật thà với nhau vẫn hơn chứ.

Giọng anh lẫn chút mỉa mai. Cống ngời thừ ra, ngượng chín cả người. Bác gắt Khiêm:

- Chỉ tại mày, nhãi ranh ạ!

- Tại con cái gì?

Khiêm không hiểu mô tê nào cả, vẫn thôi lừa phù phù. Chỉ nghe Văn Thon cười, nói tiếng Lào, Khiêm tưởng anh có lời khen ai bắt được mang cho đội chén bữa tươi! Nhìn theo tay bác Cống trở, Khiêm phá lên cười sặc sụa, cười nôn ruột. Bác Cống bật cười theo. Cái thằng lỏi con sao nó dễ thương thế chứ!

Một viên đá lăn trên sườn núi. Lương đứng trên đầu dốc, tay cầm một sợi dây dài, gọi to:

- Về ngay! Nó tặng viện cho Pà Thạc ba trăm xe, toàn Âu Phi cả!

Hai bố con sừng sốt một giây, rồi sấp ngựa chạy theo Lương. Khiêm ngoái cổ nhìn lui, nuốt

nước bọt, lại vọt lên dốc. Khúc dồi chó tím mọng tỏa thơm nức đang sém dần trên bếp than.

Trong hang đá, Lương hồi hải đếm lại sợi dây dài thắt gút chi chít. Anh Chum, tổ trưởng Itxala bí mật làng Phi Lạt, đang kể với Văn Thon:

- Loại xe tăng này to, nòng súng bằng bắp đùi. Lại còn xe bọc sắt bánh cao su chỏm tròn. Quân nó mặt đen như đất nồi, chỉ một ít da trắng...

Lương kéo Văn Thon ra một góc, bàn thì thầm. Một phút sau, anh bước vào giữa vòng anh em đang hỏi Chum rồi rít. Anh nói tiếng Lào:

- Tất cả mọi công việc gác lại. Phải điều tra ngay binh đoàn Âu Phi này về Pà Thạc với ý định gì, đóng quân tại đây hay chỉ tạt qua. Tối nay, đồng chí Cống và Khiêm vào sân bay, tôi với Đại vào chỉ huy sở. Sử đánh điện cấp báo về mặt trận.

Văn Thon giật tay áo Lương:

- Tôi xuống đồn với anh.
- Đề nghị anh với Lích nắm cơ sở, cho người làng vào đồn lấy tình hình.
- Đề người khác đi cũng được.

Lương bối rối. Chuyên đi này rất nguy hiểm vì địch nhất định gác và tuần tra chặt chẽ gấp bội, mà kỹ thuật vào đồn Văn Thon chưa thạo. Với lại Văn Thon nắm cơ sở làng Phi Lạt vững lắm, nói ra một lời được mọi người nghe rầm rập. Uy tín của Văn Thon rất cần trong công tác dân vận.

- Anh hiểu cho. Cử người khác xuống làng, e rằng cơ sở chưa tin...

Văn Thon sầm mặt, quay ngoắt đi. Lương nhìn theo chỉ thoáng thấy đôi vai đồ sộ lắc mạnh, và một bàn tay nắm chặt như quả búa. Lương đưa mắt tìm Cống. Bác cũng đang ngó anh, khẽ gật đầu. Anh nhẹ người hẳn đi, vì có đồng chí hiểu mình.

III

Mặt trời đỏ bầm như đĩa tiết đông trôi bồng bênh trong mưa bụi. Một dòng suối lửa vàng ửng chảy qua sông Nậm Đăm, lập lòe chết đuối trên mặt nước xám. Trên rẻo đất dài và hẹp chạy dọc theo bậc sông, có bốn cô gái đang cuốc đất. Máy con chim *cà xum* lông đen cổ trắng trầm ngâm dạo bên cạnh. Tiếng ô tô rền như tiếng thác từ mé đồn Pà Thạc vẳng đến.

Lả, cô trẻ nhất đám, đứng lên vắn lưng khục khục. Mưa ngấm vào lưng áo và sau váy, trông Lả như con chim hai màu, mặt trước nhạt, mặt sau sẫm. Lả rũ váy, cười:

- Chị Pha hát đi!

- Chìu.

- Thôi chị đừng cuốc, cứ hát chúng em nghe, chúng em làm thay. Con trai không hút thuốc giống con khi, con gái không hát cũng giống con khi!

Pha dừng tay cuốc, thở mạnh, cười nhột nhột. Nước mưa rắc trắng trên búi tóc chéo bên mang tai. Hai cô kia cũng giục Pha hát cái bài núi Vượn.

Pha đỡ mệt, lại thấy đói còn cào. Nắm củ rừng ăn ban sáng bay mất veo. Chân tay cứ nhão ra. Pha vuốt nước trên mặt, hát cho đỡ đói:

Ô la no... ò!

Ai cày ruộng cứ đánh trâu

Ai rèn dao cứ đập sắt

Lắng tai mà nghe tôi kể

Kể chuyện nàng Mô La biến thành vợ hủ khóc gọi chồng...

Giọng hát ban đầu hơi khản, sau trong dần, rung êm êm như tiếng suối rừng. Lả đứng im, đôi môi bậu mấp máy nhắm theo từng câu. Tiếng cuốc thưa mãi, rồi lắng hẳn.

Trên núi Vượn có dòng suối mát

Sợ mất đá cuội cứ đêm lóc cóc ngày đêm

Trên núi Vượn có ngọn gió thơm

Là nàng Mô La gọi đầu quay tóc thơm thành gió

Nàng đẹp như...

Pha vụt đưa tay lên chặn ngực, ho khúc khắc mấy tiếng. Chị em xúm lại.

- *Thố!* Chị xanh quá!

- Tại mày bắt chị hát...

- Về nghỉ thôi chị. Cuốc bỏ đây em rửa. Em đưa chị về.

Pha không nói sợ bật ho, chỉ gật đầu, vịn tay Lả trèo lên bậc dốc trơn, hai tay vẫn nắn nắn cổ. Đến đầu con đường mòn, Pha ẩy Lả quay lại. Lả chạy ù về chỗ vườn rau đang cuốc, toét mồm cười:

- Hay là chị Pha ôm ghen chúng mày ạ.

Ba cô cúi đầu thì thảo một lúc. Rồi Lả thở dài:

- Ho lao... chắc khó sống lâu nhì? *Dà ơi!* Thương chị quá.

- Trước kia chị xinh thế...

- Bây giờ chỉ thua mày thôi hử Lả?

- Dơ! Thế hôm nọ quan đồn xuống chọn...

Lả ngừng giữa câu, nhưng không kịp. Cô kia quay mặt khóc òa. Cả ba lại ném cuốc châu vào nhau hồi lâu. Khi ngẩng lên, mắt Lả còn ướt. Lả nhặt cuốc, nhếch môi cười qua nước mắt:

- Chúng mày còn khá hơn chị Pha. Mới bị đói, bị hiệp chứ chưa ho lao. Cũng không có chồng theo Pháp.

Lả cấn rằng bỏ từng nhát cuộc ngập đến đầu cán. Suốt buổi họ không nói gì thêm. Mưa bụi vẫn xoáy tròn sâu hun hút, trùm quanh ba cô gái cuộc đất trên bậc sông.

Pha bước từng bước nặng như dũi đất. Con đường mòn quấy hoài dưới chân. Pha chống chénh bước hụt, ngã ngồi xuống bùn. Từng quả bong bóng nổ tung, rắc những đóm vàng lộn tít trước mắt Pha, réo vù vù.

Một lát sau, Pha vẫn ngồi chống cằm trên đầu gối, rũ rượi. Tóc đỏ xỏa xuống chấm đất, áo dính bết vào hai vai tròn. Chỉ có đôi mắt còn sống. Dưới cái trán hơi dô bướng bình, dưới đôi lông mày rậm đen hình nét mác, đôi mắt xéch lia ra ánh lửa, vừa sắc vừa dữ. Trai làng thường kháo nhau: “Con bé Pha xinh thật là xinh, nhưng mắt như mắt cọp, nom cứ chờn chợn thế nào”.

Pha nhìn đăm đăm về phía đồn Pà Thạc.

Sân bay dưới đồn hôm nay nhốn nháo. Quãng dốc đỏ từ con đường đá lớn vào sân bay lăm lăm những quân lính đi lại. Đoàn xe kéo đến từ trưa đến giờ chưa dứt. Lại quân ở Sài Gòn lên, nhưng không biết Tây trắng Tây đen hay lính Việt lính Miên. Chiếc xe này lên đến đầu dốc, lại chiếc khác dưới chân đồi nhô ra, như cả một bầy bọ hung bê bết đất đỏ nối nhau dưới lỗ chui lên, mãi không thấy hết. Ban trưa Pha đếm thầm được một lúc, chị em hỏi mấy câu lại quên sạch. Nhưng chắc đội anh Văn Thon đã cắt người nấp theo dõi.

Pha chống tay đứng dậy, lê về làng.

Con voi già vẫn ăn lá tre cạnh hàng rào lông nhím đầu làng. Nó gầy quá, bơi lùng nhùng trong làn da nhăn nheo chảy thông xuống ở cằm và bụng, móc trắng loang lổ. Đôi ngà cưa cụt đã bong mất lớp đồng bịt đầu, nứt từng khía dài. Nó học mừng một tiếng, quơ vòi hít hít bên vai Pha, vẩy đôi tai rách như lá đu đủ. Nó gằn lòa hẩn mà vẫn nhận ra cô chủ. Pha chập choạng đi thẳng. Con voi theo chủ mấy bước, dừng lại, rướn vòi lên trời rống lên một tiếng dài nức nở.

Làng Phi Lạt nằm trong rào, bên con đường ô tô rải đá chạy dọc sông Nậm Đăm. Trước làng ở sát chân bên kia núi Vượn, bây giờ khi mặt trời sắp lặn thì bóng núi thất cổ bông mới chạm đến làng. Giấy trên đồn ghi là làng số 11 thuộc khu tập trung Pà Thạc. Trước tám mươi bảy nóc nhà gỗ to, bây giờ còn hai mươi một túp lều thấp, mặt sàn đến ngang bụng và mái tranh vừa tầm tay với. Nhà xếp thành hai dãy, nom khắp khểnh như hai hàm răng sắp rụng. Một đứa bé bò lê trên đất bùn rắc trấu, mắt thô lổ, trán nhăn như ông cụ. Từng đàn nhặng rung cánh lơ lửng giữa trời, sà xuống lại bốc lên một loạt. Các bếp tắt ngấm, tịnh không có mùi khói, mùi xôi đồ, mùi mắm *pa đec* gói lá chuối vùi tro quen mũi. Một cái làng tẻ ngắt ngoài, vơi người, mất tên, sắp sửa biến hẳn.

Nhà của Pha ở cuối làng, cao gấp đôi các nhà khác tuy cũng rách như nhau. Bố Pha vừa cày vừa rên, đến đâu cũng phải dựng nhà cao để đặt lò rên bên dưới.

Trèo lên khỏi cầu thang, Pha ngã chúi luôn xuống sàn, thở dốc. Nước trên người Pha rỉ qua lần tre mục, rỏ xuống bếp lò dưới đất lộp bộp, xốc tro bay như khói.

Pha thiếp đi.

- Pha ơi! Pha!

Mè Xi bên hàng xóm đi lấy nắm về, đứng dưới cầu thang gọi giật giọng:

- Gớm chữa con gái ngủ ngày! Lại nằm dọc nhà, sái quá...

Bà cụ trèo lên nhà, hốt hoảng ném phịch giỏ nắm. Pha sốt hâm hấp, áo quần ướt đầm mà mồ hôi lại vã trên cổ tay, trên trán.

- Người làng ơi! Đến xem hộ con Pha ốm thế nào đây?

Làng vắng cả. Đàn ông đi chặt gỗ nộp xây đồn. Đàn bà đi nương, đi rừng. Chỉ có lũ trẻ chạy đến, kiễng chân dòm qua khe sàn. Mè Xi chạy về nhà. Nhà mè cũng vắng. Mè lâu bầu chửi con rẻ, vòng ra chùa.

Một lúc sau ông sư đến, mặc áo dài tay lụng thụng màu vàng rực. Bà cụ xuýt xoa theo sau. Ông sư thắp một cây nến, cắm trên mâm cúng mè Xi vừa bày xong. Nắm gạo, dùm muối, quả trứng, thêm mấy bông hoa đại ngắt vội ở sân chùa, tất cả xếp trên cái mâm gỗ tròn đã cáu đen. Mấy sợi bông trắng nằm vắt ngang qua mâm. Ông sư ngồi xếp bằng tròn, lần tràng hạt, bắt đầu làm lễ *xù khoăn* (gọi vía). Bài kinh tiếng Phạn tụng rầu rầu kéo dài như cơn mưa không dứt bên ngoài:

A-li-na la-ma-vê la-ma-ni xíc-kha pa-thang xôm-ma ti-nha miii...

Tiếng con voi già rống khàn khàn vọng đến. Mè Xi giật mình, liếc trộm nhà sư. Ông vẫn cúi đầu, cau đôi lông mày cạo nhẵn, đọc kinh. Mè lại ngồi xồm ngay ngắn, hai tay chắp ngang trán, khấn suýt soát. Bài kinh khác lại tiếp:

Na-mô-ta-xa pha-kha-va-tô u-ra-ha-tô xam-ma xam- phu-tha-xaan...

Ngọn nến cháy tàn. Ông sư đưa cho mè một cái vuốt hồ, mấy mẫu vò, hai khúc rễ thuốc. Ông xuống cầu thang, chột nhớ ra, vẫy mè Xi nói khẽ:

- Bảo người làng đừng nói cho ai biết tôi ra khỏi chùa nhé.

- Dạ.

- Tôi còn bị giam bốn tháng nữa.

- Dạ. Rước sư ông về ạ.

Mè Xi nhìn theo bóng áo vàng, đôi chân xéo lấm, hấp hay đôi mắt ướt.

Sư ông chùa Phi Lạt tu đã trọn bảy năm. Các làng giàu đến thỉnh, ông không nghe, cứ ở mãi cái làng nghèo xác này, lấy tình dân làm quý. Đạo đầu năm, lão tỉnh trưởng về Pà Thạc có gọi dân đến cho lão thăm. Ai cũng biết lão là chủ hiệu buôn xăng dầu và vải tây lớn ở Viêng Chăn, có mở thêm cửa hàng ở Pà Thạc giao cho vợ trông nom. Gần đây lão lại vào đảng *Xatcaona* ⁽²⁾ của chính phủ, phe phái to lắm. Lão ngồi xe hơi vào tận sân chùa, đi cả giày tây vào điện thờ Phật, miệng ngậm cái tẩu nói xì

xỏ với quan Pháp. Sư ông tức lắm, nhắc một câu kệ lơ lửng với dân làng:

- Sự khổ não nhục nhã sẽ bám theo kẻ kiêu ngạo như cái bánh xe lăn theo chân con bò kéo vậy.

Hai hôm sau, sư ông bị bắt lên đồn tra hỏi. Rồi hòa thượng ở chùa Pà Thạc họp các sư lại, buộc tội sư ông theo quân phản đạo Itxala nói xấu người chính phủ, phạt giam lỏng một năm lẻ bốn ngày trong chùa. Các sư đều tức nhưng sợ oai hòa thượng không dám cãi. Dân làng Phi Lạt thêm quý sư ông gấp bội. Giữa cơn đói khát ruột này vẫn biện đủ ngày hai bữa cơm cá lên dâng vào canh sáng canh trưa, đúng giờ trống gọi.

Mè Xi lấy bát nước lã mài các thứ thuốc đổ cho Pha uống, rồi ngồi xếp cạnh Pha đợi thuốc ngấm. Pha nằm thêm thiếp, đôi lúc giãy mình, ú ớ. Mồ hôi đọng từng giọt to trên cái trán xanh rớt. Mè Xi chép miệng, thở dài, rì rầm khăn. Mè nổi tiếng chua ngoa ác mồm nhất làng, nhưng thương ai thì nắm cơm xẻ đôi cùng ăn cùng nhịn.

Hồi còn mồ ma cụ Thít La, tức bố Pha, nhà này đông người đến chơi nhất. Tối tối ông cụ đốt to bếp lửa lò rền, cuộn một điệu thuốc bằng lá chuối lược, ngồi đọc thơ. Mè Xi đến luôn. Chả là đạo còn con gái, cô Xi mê anh La ghê lắm. Khi anh La lấy người khác, có Xi ra dãi mắt hàng tháng. Con cái đôi bên đã lớn, mè Xi mới ngồi chuyện cũ, lại sang nhà cụ thợ rền nghe thơ.

Ông cụ có dăm bộ sách quý chép tay trên lá cọ từ đời cụ kỵ để lại, tất cả chừng hai chục quyển dày trên gang tay đóng nẹp gỗ. Rặt những thơ hay đả đố. Truyện *Xỉ Xây, Kalakệt, Lin Thoong*. Truyện *Bốn cây hoa đại*. Nhiều truyện khác nữa, đọc lên mọi người ngồi nghe mê mẩn đến gáy không chịu về. Ông cụ lại hay làm thơ. Những câu hát đối đáp, những bài *con lâm* ⁽³⁾ ghẹo gái của cụ, ai nghe cũng cười chảy nước mắt.

Mè Xi ghen với mẹ Pha, nhưng cũng nhận rằng vợ chồng họ quả thật tốt đôi. Ông cụ rền súng kíp nổi tiếng khắp vùng, súng bắn trăm phát đậu trăm, mười năm không hỏng. Bà vợ rời tay cây lúa lại ngồi vào khung cửi dệt. Ngày hội, hai vợ chồng dắt hai con đi chơi, vác theo cái đàn *khoong vong*. Chồng đánh đàn, vợ múa. Mẹ Pha múa ít người theo kịp. Con đã gả chồng mà trông bà ta vẫn ong óng như gái đương xuân.

Sau ngày làng bị Pháp vây đốt, lửa ra ở cạnh đồn, gia đình cụ Thít La tan nát dần.

Anh con trai trốn ra vùng du kích, theo bộ đội Itxala. Chồng Pha cũng bỏ nhà đi biến, không biết đi đâu. Mẹ Pha ho khan một năm liền, gầy rộc đi, thổ ra máu hai lần rồi chết. Cụ Thít La làm lũi chặt gỗ làm giàn thiêu xác vợ. Thiêu xong, cụ uống một bữa rượu thật say, lấy cái đàn *khoong vong* ra ngồi đánh những bài ngày xưa vợ hay múa, đánh suốt đêm, nước mắt nhỏ xuống mười sáu cái đĩa đồng trên đàn. Rồi ông cụ lại gửi mua nòng súng kíp về rền súng. Mỗi khẩu súng phải nộp những năm chục đồng bạc thuế. Pháp lại hay cấm rừng, nên dân trong vùng không dám mua súng. Tuy vậy, không hiểu sao ông cụ vẫn bán chạy tay, xong khẩu nào đi veo khẩu ấy, tiền thì lại chả thấy đồng nào, cả nhà cứ

phải ăn củ rừng thay cơm.

Cách đây vài tháng, chồng Pha về. Lúc ra đi là anh con buôn ngồi đầu voi đi đổi muối lấy thóc, nay lại đóng lon quan một cửa Pháp, có lính đồn vắc súng theo hầu, bắt dân làng gọi là *thàn* (ngài). Pha đâm bổ ra gọi “anh Muôn!”, rồi đứng sững, ngơ ngác. Muôn trèo lên nhà được một lúc thì nghe cụ Thít La gất to tiếng. Muôn nhảy vọt xuống sân, vừa kịp tránh cái kim sắt bay sạt qua tai, cắm xuống đất. Muôn rút súng ngăn cầm tay, ngoáy ngoáy mũi súng, chừng định bắn bổ vợ. Pha ào đến ôm chồng. Muôn cười nhạt bỏ về đồn. Pha chạy theo mấy bước. Cụ Thít La gọi giật lại:

- Pha! Mày theo nó thì đừng bước về nhà nữa! Xéo!

Pha ngồi bệt xuống đất, khóc không ra tiếng.

Cụ Thít La từ con rể. Cụ uống rượu nhiều hơn trước, lại làm thơ. Cụ lấy cái tích hang núi Vượn, đặt thành bài *con lâm* thật hay. Dân làng nhiều người thuộc lòng, đem hát trong chỗ đông người. Mè Xỉ nghe mãi cũng nhớ nhập tâm được từng đoạn.

Những con vượn hú khóc trong rừng, thỉnh thoảng xuống vật nhau với lũ chó làng Phi Lạt, chính là kiếp sau của nàng Mô La phản phúc.

Xưa kia trên hang núi Vượn có ông *Phạ lư xỉ* (đạo sĩ) tu luyện bên dòng suối đêm ngày đếm đá cuội lách cách. Con gái ông là nàng Mô La sáng sủa gọi tóc trong nước suối, quay tóc tỏa thành gió thơm. Nàng dan díu với chàng Chăn Tha-khô-rốp, học trò cha mình. Phạ lư xỉ bèn cho hai người trở về trần tục giúp đời, để ông ở lại tu với bầy vượn trắng hầu hạ bên mình.

Chăn Tha đưa vợ về phương Bắc. Trèo núi mất tám ngày. Gặp voi cạp, chàng bắn cung giết chết. Gặp quỷ dữ, chàng múa gươm thần xua tan. Khi thiếu nước, chàng rạch cánh tay lấy máu cho vợ uống, cống vợ lợi suối trèo đèo về cõi trần.

Đến sông Xê Ban, họ gặp một bọn cướp từ nước ngoài đến. Tướng cướp khỏe, béo trắng, khắp người đeo vàng lụa. Nàng Mô La thay lòng, liếc mắt đưa tình với tướng cướp, quay mặt không nhìn chàng Chăn Tha gầy, rách, trong người cạn máu. Tướng cướp ra lệnh cho tay chân bắt Mô La làm vợ. Chăn Tha múa gươm thần chém chết năm trăm tên cướp, cuối cùng chỉ còn tướng cướp chống cự rất dữ. Gươm bị văng khỏi tay, Chăn Tha xông vào vật ngã hẳn. Cả hai người cùng với tay gọi Mô La trao cho thanh gươm thần. Nàng Mô La như quả sung da bóng ruột thối, trao đẳng mũi gươm cho chồng và chuôi gươm cho tướng cướp. Tướng cướp chém Chăn Tha đứt làm đôi, làm tư. Mô La nhặt xác chồng ném xuống vực, đi theo tên tướng cướp từ nước ngoài đến, khắp người đeo vàng ngọc lụa là. Nhưng hăn quát:

- Chồng nàng, nàng còn giết, huống chi ta là kẻ chưa quen! Ta lấy được gươm thần, đủ sức làm chúa nước Triệu Voi, còn thiếu gì gái đẹp, Lui ra, không ta chém bay đầu!

Tướng cướp lên làm chúa nước Triệu Voi. Nàng Mô La lặn lội quay về hang đá của cha, nhưng không còn ai xua cạp, đuổi quỷ, cắt máu cho uống, cống trên lưng vượt núi nữa. Về đến nơi thì

nàng chết, được Phật hóa kiếp thành con vượn nước nở hú gọi hồn chồng xin tha tội.

Từ đó, những kẻ ăn ở hai lòng, tham vàng bỏ ngãi, bán dân hại nước đều biến thành kiếp vượn khóc bơ vơ, kéo về giữ hang cho Phạ lư xỉ. Bầy vượn trắng vẫn châu trong hang đá đến ngày nay...

Bài con lâm của cụ Thít La bay như gió, lan khắp khu đồn dân. Bọn lính ngục nháo nhác, lý trưởng tề cũng hốt. Vì nhiều người đã chính mắt thấy bầy vượn trắng trên núi Vượn, chỉ lớn vờn giữ cửa hang, không bao giờ xuống gần làng. Xưa có kẻ táo gan trèo lên gần đến hang trông thấy vượn trắng sợ quá ngã gãy chân. Từ đó không ai dám men lên núi Vượn.

Pháp cố dò mãi mới biết cụ Thít La đặt ra bài con lâm. Chúng bắt cụ lên đồn giam nửa tháng, mới hôm kia có giấy về báo tin ông cụ ốm chết trong ngục. Biết rằng Pháp giết, nhưng không ai dám nói...

Bên ngoài mưa vẫn giăng màn kín trời. Pha nằm im bên chân mè Xi, thở thoi thóp, đôi lúc giật bàn tay. Nhện dệt lưới trên lò rèn. Mối đục mấy pho sách cổ, trút từng búng con bột lá xuống sàn. Mè Xi ngồi thừ, tay khoanh tròn quanh gối. Một giọt nước mắt đục lờ lẩn xuống má, biến vào những nếp răn đan chéo trên mặt. Cái bùi to bên cổ mè khề nẩy theo tiếng nấc.

*

* *

- Pha ơi!

Pha thở hộc một tiếng, quẫy mạnh. Đôi mắt xéch mở choàng. Đêm xuống từ bao giờ, ngọn lửa bếp lom dom sắp tắt. Tiếng gọi dưới sàn vọng lên:

- Chị Pha ơi!

Pha lắc đầu cho thật tỉnh, thốt rùng mình. Pha đang nằm dọc nhà, như người chết rồi. Pha vội quay ngang người, vuốt mồ hôi trên trán, thều thào:

- Lên đây.

Một bóng đen nhô trước khung cửa. Anh Chum, tổ trưởng Itxala bí mật, con rể mè Xi. Pha thường chế anh là cái bồ đựng chửi của mẹ vợ. Đầu húi trọc, mặt sần sùi già cằn như ruộng khô, không đoán ra tuổi. Anh đi phu đắp đồn suốt ngày mới về, bùn vấy từng mảng trên cổ, bám cả vào lông mũi dài thò ra đến giữa môi trên.

- Nghe bảo chị ốm, tôi mang sang ít củ *còi*. Chị khỏe chưa?

- Còn sống.

- *Xa thú*, đừng nói gở! Vợ tôi sắp đẻ, nguy quá. Lại chết đói cả nút... À, anh Văn Thon đến đây. Đang chờ ngoài rùng.

Cây đèn chai bén lửa nổ lép bép, cháy to ngọn. Pha chống tay ngồi lên. Pha không ho, không tức ngực nữa. Có lẽ ban chiều cuộc nướng mệt quá lửu đi đây thôi. Pha sờ sờ mấy nút chỉ trắng trên cổ

tay, không hiểu ai buộc tay cho Pha lúc nào. Anh Chum lại nói lơ lửng:

- Anh Văn Thon bảo có việc cần gấp lắm. Chả biết chuyện gì...

Anh ta không nhìn thẳng, nói không thật miệng.

Pha rút cái lược chải tóc, hỏi vặn:

- Sao anh còn ở đây?

- Ờ, đến thăm chị... với lại chắc anh ta muốn gặp chị...

- Còn vòng quanh mãi như con rắn!

- Là tôi đoán vậy. Chị đi nhé?

Pha buông cốc lốc:

- Tôi không đi.

- Chị chịu khó...

- Tôi ốm, tức ngực. Đi đêm mưa lấy chết à?

Nhưng khi Chum xuống cầu thang thì Pha cũng xuống theo. Pha trùm tấm *phà phe* (4) trên đầu và vai cho đỡ ướt, đi trên bùn trơn nhẫy. Mưa vẫn rây van vát xuống mặt. Nhưng trời không rét. Pha đi một lúc, thấy khỏe lại như thường.

Một lớp rào lông nhím cao sáu cùi tay bọc quanh làng lờm chờm. Đêm đến cổng gài chặt, bấm một cái khóa bằng nắm tay. Lão *nai bản* (lý trưởng) giữ chìa khóa, một đêm năm bảy lần đốc bọn lính làng đi tuần. Ngày chủ nhật cổng mở toang để lính Pháp vào gheo gái. Chum nhìn quanh, nghe ngóng, rồi dẫn Pha luồn theo bóng cây đi về một góc vắng. Anh rút cây rào vừa đủ người chui lọt. Ra ngoài rào, anh cắm lại những cây tre vạt nhọn, gạt lá khô xóa dấu chân.

Dưới gốc cây bạc lá, Văn Thon đang ngồi đợi. Anh hỏi thăm Pha mấy câu gượng gạo, cũng không thật miệng. Pha đâm bực:

- Tôi ốm thế nào anh biết rồi, hỏi mãi. Gọi tôi ra làm gì?

- Ờ, ờ, có tí việc...

- Việc gì?

Trong bóng tối, hình như Văn Thon và Chum đưa mắt cho nhau. Rồi Văn Thon lên tiếng:

- Thế này... lẽ ra sáng mai chúng tôi về. Nhưng lại gặp chuyển xe vừa rồi đổ đến. Phải điều tra gấp xem chúng nó...

- Lại điều tra!

- Chị Pha này...

- *Thố*, điều tra! Tưởng các anh đánh đồn cứu bỏ tôi ra. Các anh bỏ mặc xác cho nó giết bỏ, rồi bảo con đi đưa tin, mang cơm, điều tra...

Tổ trưởng Chum ngắt lời: “Kìa, khê chứ!” Nhưng Pha đứng thẳng lên, một tay chống nẹ, day nghiêng, hằn học:

- Các anh đến, bố con tôi mừng như sống lại. Bố tôi cháy ruột cháy gan đợi các anh đánh đồn. Các anh chỉ máy ngón tay là ông cụ vào chỗ chết không từ. Nó treo ông cụ lên, đổ xăng đốt mồi. Ông cụ khai thì ông cụ sống, các anh chết. Thế mà ông cụ không khai nửa tiếng gọi là có. Còn các anh hai tháng nay thì thọt, nay bảo đánh đồn mai bảo đánh đồn, mà vẫn nhắm mắt cho ông cụ chết một mình... Anh Chum để tôi nói. Tôi còn miệng còn lưỡi, bắn chết tôi cũng nói. Tôi không đi. Không đi...

Pha ngồi xuống khúc gỗ, ho khan một hồi, thở hắt hắt. Văn Thon bước đến gần. Đôi vai rộng hơi rung, cái đèn bấm lóng lánh trong tay hơi rung. Anh nói gần từng tiếng:

- Chị không muốn trả thù cho cụ Thít La nữa à?
- Anh muốn chửi cứ chửi. Thằng nào giết bố tôi, mang cho voi xé xác!
- Đánh đồn mới bắt được nó chứ!
- Bao giờ đánh hờ Trời Phật?
- Bao giờ nắm tình hình thật chắc thì bộ đội về đánh. Bởi thế mới cần điều tra. Việc này chỉ riêng chị giúp được ác cái chị đang ốm...
- Ốm gì? Lâu nay tôi bỏ việc Itxala bao giờ?
- Thế thì tốt. Chị lên đồn gặp anh ấy, hỏi dò xem cánh quân mới đến nó định đóng luôn tại đây hay đi nơi khác. Càng biết tỉ mỉ càng hay.

Pha rùng mình. “Anh ấy” tức là Muôn, chồng Pha, quan một trên đồn. Ba năm Pha đợi chồng khắc khoải. Từ ngày Muôn về, Pha khóc cạn nước mắt. Không dám khóc to sợ bố nghe lại mắng là đồ dĩ rạc, cố bám theo cái thằng bán làng cho Pháp. Bây giờ chính anh Văn Thon bảo Pha lên tìm chồng...

Pha ngồi im một lúc lâu, rồi thở dài, nói rất khẽ:

- Anh Văn Thon ạ... Bao giờ đánh đồn, anh cứu chồng tôi nhé.

Văn Thon nín lặng. Pha nhắc lại, van vãn:

- Cứu chồng tôi anh ạ. Anh Muôn bị lừa theo Pháp thôi. Ngày trước anh ấy chỉ đi buôn, có hại người bao giờ.

Chum từ nãy vẫn đứng yên, giờ xoa xoa hai bàn tay vào nhau, ngứa miệng muốn nói. Anh chỉ sợ Văn Thon đồng ý tha thằng Muôn. Mới vài tháng về đây, nó đã giết trên chục mạng người, đốt tám cái nhà.

Văn Thon nhìn vào mắt Pha, nói chậm:

- Đánh nhau, chuyện may rủi không lường được.

- Không, anh Muôn ra hàng ngay mà. Anh ấy trông thế chứ nhát gan, tôi biết. Các anh thương tôi, cứu chồng tôi đi. Mẹ chết, bố chết, anh ruột đi mất tăm, tôi chỉ còn mỗi một anh Muôn...

Pha nói hồi hã, lạc giọng. Hai bàn tay xoắn vào nhau, Pha thở gấp, mặt đang nóng bỗng lạnh tê.

- Nếu bắt được anh Muôn... Chúng tôi giao cho dân làng quyết định.

- Không, không... dân làng họ không ưa anh Muôn. Trước anh ta buôn ăn lãi nhiều, họ ghét.

Chứ anh ấy chả tội tình gì cho đáng, người làng bị Pháp giết cả đấy thôi. Ừ đi anh!

Văn Thon đi qua đi lại, tay chấp sau lưng, đứng dằng điệu khi anh bối rối. Việc này phải hỏi tổ Itxala, bàn với Lương. Nhưng tình hình gấp rút quá, anh phải tự liệu lấy và chịu trách nhiệm một mình. Qua đêm nay thì chậm mất.

- Được rồi. Chúng tôi giao anh Muôn cho chị xử.

- *Xa thú!* Tôi xử làm sao?

- Tùy chị.

- Tôi tha được không?

- Tùy chị.

Tiếng trả lời gọn, chắc nịch. Pha nhìn Văn Thon nhìn Chum, rồi cuống quýt đứng dậy:

- Mai các anh đợi tôi ở đây nhé. Đợi ở đây.

Chum đợi Pha đi khuất mới túm tay Văn Thon, trợn mắt:

- Anh điên hả? Hả? Thằng Muôn còn độc hơn Pháp. Tha nó như thả rắn vào hang, dân làng chết hết. Vừa rồi chính tay nó bóp chết cụ Thít La. Thế mà anh để nó sống ăn hạt cơm trời nữa!

Văn Thon giật mình:

- Nó giết bố chị Pha à?

- Chứ sao. Chúng tôi biết, chưa kịp báo cáo. Tội nó, xử cho nấu vạc dầu mười kiếp chưa đủ nữa kia!

- Chị Pha biết chưa?

- Chúng tôi còn dò thêm. Năm chắc mới nói.

Văn Thon lay vai Chum, cười khẽ:

- Thế thì chị ta chẳng tha nó đâu mà lo.

Gió lên mạnh dần. Phía làng Phi Lạt, trời đêm chỉ quang hơn trong rừng một chút, mà tịnh không có chấm lửa sáng. Tiếng chó sủa gà gáy cũng không. Khu đồn dân chết lịm. Giữa cái im ắng dễ sợ, gió bỗng lùa đến một tiếng voi rống khản đặc, ngạt thở. Chum thì thào:

- Con voi của cụ Thít La. mấy hôm nay nó không ăn, chỉ rống gọi chủ.

Văn Thon đi xa làng, tiếng rống còn đuổi theo, bóp ruột anh như tiếng gào của trăm nghìn người cùng một lần giãy chết trong khu đồn dân.

*

* *

Pha xóc tung hòm áo, lấy từng chiếc váy ướm thử vào người, rồi vắt sang bên. Cái nào cũng

bạc phếch, vá năm bảy chỗ. Đi phu, Pháp không phát vải, chỉ phát nước hoa với xà phòng đánh răng trả công. Vợ lão tỉnh trưởng mở cửa hiệu bán giá cắt cổ, vải chất ngập đến nóc nhà mà dân làng vẫn rách tướp. Nghe đồn anh Muôn bám theo con gái mù ta ráo riết lắm. Con ấy, Pha thấy nó ra chợ một lần. Răng vầu, đi ngoe nguẩy uốn éo buồn cười lạ. Hơi đâu mà nghe tin đồn hoảng...

Pha tàn ngần một lúc, rồi rút dưới đáy hòm chiếc váy nhung đỏ thêu chỉ bạc. Váy mùa ngày hội của mẹ ngày trước. Mặc đồ người chết để lại, có tội lắm. Nhưng Pha cần mặc đẹp. Hơn ba năm mới một lần thăm chồng. Mẹ Pha chắc không giận đâu.

Pha cài cúc áo, hát lầm nhảm:

Hỡi chàng trai đó ơi

Em không hát được lâm toi... hứa đơn tàn...

Áo xong ngày hội, bài hát ngày hội. Pha cũng vui như hội. Pha lên gặp chồng, rủ anh về, bắt anh về.

Nhưng đêm nay dưới trăng sáng

Đôi ta biết nhau đây...

Anh Chum đưa Pha vào Itxala bí mật đã hai tháng. Vào mới biết bố theo Itxala. Ông cụ kín tiếng đáo để. Ông cụ rèn súng kíp, đem giấu vào hốc núi để sau này đánh Pháp, đến cả Pha cũng không biết. Ông cụ sợ Pha nghe lời chồng, nói lộ hết. Cả cái tích bày vượn trắng trên hang núi Vượn, ông cụ cũng hiểu rõ đầu đuôi. Dám trèo lên tận đáy tìm cắt dơi làm thuốc súng, gan quá gan hùm. Thì ra vượn chui vào hang đá vôi ngủ, sáng ra bụi phấn rắc kín lông, thành vượn trắng. Nhảy nhót một lúc, bụi phấn rơi hết, khi xuống gần làng lại hóa vượn đen. Ông cụ vẫn để bụng, đến khi đội anh Văn Thon về mới dẫn vào hang núi Vượn cho kín.

Pha ngừng tay chải tóc, đứng im. Pháp giết bố Pha, hôm nay Pha lại lên chỗ Pháp ở, thật không phải quá... Đành vậy, muốn ăn lươn phải lội bùn. Pha lên đồn điều tra, sau này đánh nó trả thù cho bố. Mang cái thừng giết bố Pha ra buộc tay chân vào hai con voi, cho voi xé làm đôi.

Mảnh gương vỡ trên phen soi khuôn mặt gầy, xanh, đôi mắt xéch hơi dữ. Pha cười trong gương. Pha còn trẻ, cũng chưa xấu lắm. Ngày trước Pha vào hạng xinh trong làng. Bây giờ ốm vất vưởng, nhưng Pha chỉ mới hai mươi hai tuổi. Đánh đồn xong, anh Muôn về, Pha chỉ vui cũng khỏi bệnh. Làng Phi Lạt vào ở chỗ cũ, cày ruộng cũ, gây lại đàn trâu, dựng nhà mới. Chồng cày, vợ cấy. Năm sau Pha sinh con gái đầu lòng. Sinh con gái để sớm có chàng rể đến đỡ tay. Pha đeo đôi khuyên tai bạc vào tai.

Lòng em theo tiếng đàn

Ca lên mãi tiếng lâm toi

Mắt anh cứ như con cá vàng ơi... ời!

Pha xúng xính bước xuống cầu thang. Nắng sớm sáng trên nhung đỏ, hắt ánh hồng hồng lên

má. Pha cười một mình. Mấy năm nay Pha mới được một lần vui, như ai múa hát trong lòng.

Ra đến cổng làng, Pha nghe tiếng gọi giật. Mè Xi cỡi trần ngồi trên hiên nhà, thái củ còi để đồ ăn thay cơm. Mè hỏi:

- Mày đi hội đâu hở Pha?

Pha bước lại, mỉm cười, giơ một ngón tay thì thào:

- Cháu lên đồn gặp anh Muôn.

Mè đứng phắt dậy:

- Ra mày còn bám lấy nó ư?

- Không...

- Không thì tao hỏi mày lên tìm nó làm gì? Nó ăn bánh Tây như nhét đất thó vào bụng, quên làng quên nước. Đây tao nói thế đấy, mày cứ lên mà hót với nó.

Pha luống cuống bước lùi, giương mắt:

- Không ạ, cháu lên có việc...

- Việc quan đồn đã có *nai bản lo*. Cái việc mày với nó, không bảo tao cũng biết chán. Tao hai đời chồng, đẻ sáu đứa nuôi bốn, còn cho mày bú chục hàng tháng nữa kia (Mè đập vào cái vú dẹt vì cho bú mãi một bên). Lên mà đánh đĩ với nó. Làng này hết con trai rồi mà. Còn bố mày thì đồ dám!

Mè uất người lên, sắp lưng đi vào nhà, cái biau trên cổ lắc mạnh. Pha tức muốn khóc, nhưng sợ lộ không dám nói.

Pha đi nép bên vệ đường, chực thấy người là tạt vào rừng. Con đường ô tô trông quá, phía sông là vườn rau chi chít, phía rừng là rẫy lúa, vườn ớt. May sao lúa chưa chín nên không gặp người đi suốt. Dân làng về đây không có ruộng, phải vỡ rừng làm rẫy, một *mừn* (s) giống giỏi lắm được hai chục mừn thóc, lại phải nộp đồn mất quá nửa. Cuộc bon chen từng mảnh đất đầu trâu trán khỉ rau trồng ra vẫn không đủ ăn qua giáp hạt.

Sắp đến chỗ vườn rau bốn chị em làm chung. Pha rẽ sâu vào rừng đi vòng, cứ mười bước lại cúi xuống gỡ vắt.

Đến chỗ suối, Pha xắn váy định lội, bỗng giật bắn người. Mấy tràng cười the thé cùng bật lên:

- Gớm chị Pha, làm chúng em hết hồn!

- Cứ tưởng lính nó sục tận đây!

Ba cô gái nấp sau hòn đá to giữa suối cùng nhô đầu. Họ vào đây tắm. Lả lên bờ hỏi hỏi mặc váy, chạy đến xoắn xuýt:

- Chị Pha đi đâu hở chị Pha? Ủi trời, chị đẹp như tiên chúng mày ời!

Pha nói dối lúng búng, đi thẳng. Lả ngây mặt, cầm cái áo nghĩ mãi, rồi lắc đầu:

- Sang làng bên mua muối mà phải mặc váy nhưng, áo lụa, đeo khuyên... tao ngờ thế nào...

- Hay là lên đồn? Thằng Muôn...

- Nó lấy hai ba vợ khác rồi mà!

Lả giẫm chân gắt, như chị Pha đang đứng trước mặt:

- Theo thằng Muôn thì tao không chơi với nữa. Tao không làm vườn chung với nữa. Tao không gọi bằng chị nữa, tao cứ bà quan đồn tao gọi cho biết mặt!

Lả vùng vằng đi ra đường. Hai cô kia xách cuốc lật đất chạy theo:

- Mặc áo vào kìa con nỡm! Định khoe của đấy à?

*

* *

Một giờ qua.

Cánh cửa nép sắt kín kít đóng lại, Pha ngồi trong buồng chồng.

Pha ngơ ngác nhìn, gì cũng nhìn. Cái quần ka ki sáu túi vắt trên giường, đôi giày đinh bết bùn, cái roi da trên bàn... Pha chợt buồn nôn, ộc luôn mấy cái. Mùi gì tởm quá, vừa tanh vừa khét, mũi ngửi mà người cứ rộm lên. Anh Muôn phải ở thế này sao? Khổ nhất đời là nằm mặt đất ăn cơm nấu. Ở đây giường kê trên đất, cũng như nằm đất. Đông người ăn, thì làm gì có xôi đồ?

Ánh nắng ngừng lại ngoài cửa, không muốn chui vào chỗ hôi hám. Pha đến mở cửa sổ, thở mãi cho đỡ lợm. Hai mục đàn bà ồng ẹo đi qua, mặt bụi phấn mà vẫn xanh rớt. Pha quay đi, không thèm ngó. Trên bàn có cuốn sách dày cộp, tô màu xanh đỏ vui mắt. Pha đánh vắn hàng chữ trên bìa: "*Xuôi lửa chạc A-mè-ri-ca*" (viện trợ Mỹ). Lá cờ có sao có sọc trông hay hay... *Xa thú*, gì đây? Bên trong sách, rất những ảnh đàn bà cởi truồng. Chao ôi, anh Muôn lấy vợ khác thật rồi! Con kia cho cả ảnh cởi truồng đây! Pha xé toạc tờ giấy. Tờ dưới cũng thế. Tờ dưới nữa cũng thế...

Cánh cửa bật mở toang. Pha quay lại. Anh Muôn!

Tim Pha ngừng đập. Trong chớp loáng, Pha nhận ra anh Muôn đen và già đi. Má phỉ, hơi chảy xuống. Tóc đỏ lòa xòa trên trán. Anh cười nhếch mép, hở mấy cái răng vàng. Ngày xưa anh không có răng vàng.

Muôn đứng cạnh cửa, đảo mắt nhìn quanh buồng, dáng nghi ngại. Rồi y bước đến giật cuốn sách trên tay vợ hỏi xằng:

- Sao lại xé?

Câu đầu tiên sau ba năm xa vợ. Giọng Muôn cũng đổi khác. Khản hơn, đánh hơn. Pha thoáng ngửi thấy mùi rượu. Muôn phì cười, ném cuốn sách:

- Ghen à?

Giọng Muôn tỉnh quá. Pha nuốt nước bọt, hỏi:

- Anh... lấy vợ khác rồi phải không?

- Nhảm!

- Thế... người trong sách đây?

Muôn cười to. Pha chột xấu hổ. Vợ chồng nghi nhau, không tốt.

- Người Mỹ đây chứ. Ngốc quá. Lên làm gì?

- Em lên thăm anh.

- Có việc gì không?

Pha thấy lạ. Anh làm như vợ chồng phải có việc gì mới gặp nhau ấy. Muôn ngồi xuống giường, lé mắt nhìn vợ từ đầu đến chân. Luồng mắt sắc lạnh như mũi dao gí trên người Pha. Tự nhiên, Pha bật ho. Muôn đồ đồ điều thuốc xuống bàn một lúc lâu, liếm môi, hỏi vợ bằng giọng nhẹ hơn:

- Ho từ bao giờ?

- Từ ngày mẹ chết.

- Hừ, chết thế nào?

Pha tấm tức kể, kể mãi. Nước mắt ứa dần mờ mắt, đọng đầy mí. Rồi Pha bật khóc to:

- Về làng thôi... anh ạ. Bà con dè bủ... em khổ lắm. Lính đồn suýt hiếp... mấy lần... làng mất tên, hết người... em không sống được.

Muôn ngậy người. Mặt y dờ dẫm. Núm yết hầu chạy lên chạy xuống trên cổ y. Nước mắt Pha rót vào lòng y từng giọt nóng, làm tan một cái gì lạnh lắm, cứng lắm. Y chống cằm ngồi nghe, nuốt khan nước bọt thể mãi, buồn rười rượi.

- Anh Muôn nghe em, về làng đi. Không sống ở đây được. Bố mẹ hiền lành thế mà đứa nào nó giết. *Bặc hà kìn hủa măn!*

Nghe câu rửa độc, Muôn xanh mặt, đánh rơi cái roi da cầm tay. Y cúi nhặt hỏi hỏi:

- Bận việc gấp tí. Đi đã.

Y vớ cái chai rượu ở chân giường, tu một hơi. Da mặt đang tái dần dần đỏ lên. Y quất roi da vào ống quần, ra cửa.

- Anh Muôn!

Y không quay lại, cũng không ngoảnh mặt lại.

Pha tưởng mình điên. Chung quanh tối sẫm, xoay tròn. Pha đâm bổ ra sân. Về, về thôi, ở đây làm gì. Pha chạy mấy bước, dừng lại. Pha thấy rõ anh Văn Thon đứng trước mặt mình, mắt long lanh, đếm từng tiếng rành rọt: “Chị không muốn trả thù cho cụ Thít La nữa à?”. Pha còn phải điều tra cho bộ đội đánh đồn cơ mà. Hai chân Pha mềm nhũn. Pha ho rũ một hồi.

Chiều hôm ấy gió lên mạnh. Pha ra phố Pà Thạc, vào cửa hiệu của vợ lão tỉnh trưởng, coi cái nhẫn cuối cùng bán lấy trăm bạc để đi chợ. Ngày trước bố bấy được voi, mua nhẫn ấy cho mẹ mất trăm tám. Con gái lão tỉnh trưởng đi khạng nặng, Pha đoán nó chữa hoang với quan đồn. Lại không đẻ ra đứa mũi lỗ tóc quần thì chớ kể!

Pha mát ruột chỉ được một lúc. Về đồn, Pha chen với bọn gái đĩ trong bếp, bằm cá trê sống làm *lap*. Pha nhớ khi ở nhà, Muôn thích nhất món *lap* cá trê sống. Một con đĩ tắm truồng ngay cạnh bếp bỗng nói bô bô rằng thàn Muôn nợ nó hai chục một đêm chơi chưa trả tiền. Mấy đứa khác nhao nhao: thàn Muôn còn dòn tiền cưới con gái lão tỉnh trưởng, đừng hòng đòi. Pha bằm lưỡi dao trên thớt mà tưởng như đang cắt ruột mình ra trăm nghìn mảnh.

Tối đến, Pha vá chiếc áo rách cho chồng bên mâm rượu bày sẵn. Pha muốn khấn Phật giúp mình, mà không biết khấn thế nào. Con gái không đi tu, không biết kinh Phật. Pha chỉ biết *Nang Tho-la-ni* là bà chúa ở dưới đất. Từ bé, mỗi lần hắt nước sôi xuống đất, Pha vẫn nhớ gọi Nang Tho-la-ni tránh ra kéo bỏng. Bây giờ Pha khấn thầm Nang Tho-la-ni xua tà ma ám chồng, dắt dẫn chồng về với mình. Không được thế, thì cũng xui anh nói hết bí mật, để Pha giúp bộ đội đánh đồn, cướp chồng về ở với mình, không cho theo Pháp nữa.

Gió hú dài từng hồi bên ngoài, rung cửa lạch cạch, khiến Pha cứ giật mình tưởng chồng gọi cửa, đứng lên ngồi xuống mấy lần.

Kể đôi gác đánh đến hai lượt, Muôn mới về. Y ném roi da xuống giường, lè nhè cái giọng búr rượu:

- Tưởng cô xéo rồi. Được, muốn ở thì ở. Có điều đừng vương chân tôi.

Y rót rượu uống liền liền. Mặt y đỏ bóng, nhây nhớp mồ hôi như cái chum sành bôi mỡ. Y ngật ngưỡng kéo vợ vào lòng, luồn tay nắn ngực. Pha giằng ra:

- Việc gì bận lắm thế anh?

- Quân nó ùn đến như rắc đỗ. Hạch đủ điều. Quan Mỹ cũng đến. Mẹ kiếp chứ, nó xem chúng ông bé hơn cái lông chân nó!

- Họ ở luôn đây à?

- Không, ở bốn hôm đủ chết mẹ người ta... Hỏi làm gì?

- Thế thôi...

Muôn lừ mắt. Pha luống cuống ngó nơi khác, chợt thấy cái roi da dính nước đen, hình như máu. Pha hỏi, mắt vẫn nhìn dấu máu:

- Chúng nó hoạch thế nào được anh?

- Đừng nói nữa, ông điên tiết lên rồi. Quân nó bị đánh mìn suốt dọc đường từ nước Việt lên, kéo đến đây bắt đèn chúng ông hay sao chứ... Hừ, cũng gọi là đội quân nhà vua, quân đội quốc gia đấy! (Muôn gỡ cái huy hiệu đồng có mạ chữ *Koong thập hòng xạt Lao* (6) ném xuống bàn). Những lo hầu chúng nó đủ nhọc xác. Trên đầu đội quan Pháp, trên nữa công quan Mỹ. Pháp chỉ huy, Mỹ trả tiền, các ông lớn ở Viêng Chăn chỉ phải đeo lon đi ăn tiệc thôi.

- Thế còn độc lập quái gì hở anh?

Muôn húp một thìa *lap*, lại uống. Mặt hấn không đỏ nữa, mà tái dần đi. Hấn say đến cái độ

mở mắt nói mê. Hắn giơ tay chỉ mặt Pha, ngón tay giật giật:

- Mày lại một duộc với lão già... Hề, ông cho chết. Quân đến rồi quân đi. Chúng ông không đi, chúng ông giữ đồn đánh nhau với *người rừng*, với chúng mày. Ông thịt hết chúng mày rồi ông mới chết. Đẳng nào ông cũng chịu tiếng làm phản rồi. Hề...

Pha nghe chông đời giọng đột ngột mà sợ run. Muôn vẫn nói:

- Lão già bóp mày gân mả, gân mả. Lão tát tao một cái. Tay lão đập búa, cứng thật. Tay tao cũng không mềm. Bóp cổ... tao bóp cổ thể này này, trông nhé (Muôn đuổi chân trên ghế, đưa hai bàn tay chít lấy bắp chân, lắc lắc) Ra tao khỏe hơn. Giá lão chịu khai thì chả sao, đẳng này cứ rửa sả, măng xơi xơi. Muốn nghèo thì ông giúp cả hai tay...

Ai đánh một nhát búa vào gáy Pha. Pha lấp bắp:

- Anh... anh giết bố à?

- Cọp cắn nhau ắt một con chết. Để lão sống, lão cũng chẳng tha tao. Tao bị giang mai, mà tao chưa thích chết. Con gái còn chữa được với tao mà. Mày xem con bé kia chưa? Kháu đấy chứ!

Ngọn đèn nổ bung trước mắt Pha, rắc lửa bay lốm đốm. Khuôn mặt Muôn dài vọt ra, chạm đất. Pha từ từ ngồi xuống đất, tựa lưng vào tường, lịm đi. Tiếng Muôn vẫn léo nhéo, léo nhéo, mỗi lúc một xa.

Nửa đêm, Pha tỉnh dậy.

Ngực Pha đau tức không thở được, như bị thân cây đồ dè ngang. Pha cựa mình, nhận ra một cánh tay nào quàng lên ngực. Hơi thở nồng, hơi ngậy phì vào tai. Pha nằm với ai? Ở đâu?

Ý nghĩ bay loạn trong óc như đàn muỗi. Mỗi lúc lâu, Pha nhớ ra hết câu chuyện hôm qua. Pha bật người nhảy xuống đất, nhặt vấy mặc vào người. Cái áo lụa bị xé toang trước ngực, hai vạt treo lòng thòng.

Pha đứng im trong bóng tối, thở gấp dần, đầu nóng dần như thổi sắt nung trong lò rèn. Lò rèn của bố... Ngày đây bố Pha đập đe chí chát, anh Pha thổi bể. Mẹ Pha đi cấy về, xách theo một giỏ xoài. Pha ném cho anh quả chín nhất, nó rơi tồm vào lò than, bố gắt um. Cả nhà cười. Rồi bố ngồi xếp bằng tròn, đánh đàn khoẳng vông. Hai cái vỗ con đầu cầm hai khoanh da voi vung tít trên bàn đĩa đồng. Mẹ tập cho Pha múa điệu Lao phen, nắm hai tay Pha đưa rà sát đất, uốn lên trời... Pha thấy một hàng mả mới. Mả chen chỗ nhau ở góc rừng phía đông. Dân làng đi dần ra nằm góc rừng phía đông, vừa đi vừa thổ ra máu ồng ộc. Pha ngủ với thằng giang mai trên đồn, bên cạnh cái roi da dính máu. Hắn bóp cổ thể này này, thể này này... bóp cổ bố... hai bàn tay quều quào thít ngang cổ, lắc lắc...

Pha thở hồn hên, người nóng bỏng. Không biết Pha đứng như thế bao lâu.

Đột ngột như ống thuốc súng phụt lửa trong hội pháo hoa, Pha chồm lên. Con dao nằm trong ngăn bàn, Pha còn nhớ rõ nó nằm chĩa mũi nhọn ra ngoài. Pha lùa tay tìm trong ngăn kéo, nghĩ rất nhanh đến điệu bộ của bố khi kể chuyện săn nai: “Đâm vào tim, vặn ngang lưỡi dao, ngoáy một cái

mạnh cho máu phọt ra mới chóng chết”. Ngăn kéo rỗng không. Chắc nó giấu con dao. Chân Pha vấp chiếc ghế đầu. Pha cúi xuống túm hai chân ghế, bước đến cạnh giường, vung ghế lên cao, nện xuống. Sầm! Chiếc ghế nảy bật trên cái gì mềm mềm, Pha quật lần nữa, lần nữa. Hình như có tiếng ặc. Quật lần nữa, tiếng ặc dứt. Pha bỏ nhào ra cửa. Gió đêm đẩy Pha bật lùi, loạng choạng xéo trên bóng mình.

Tên lính gác cổng tròn thét: “*Ách ! Ách*”. Tiếng chân cứ sấn đến. Hấn hoảng, đưa súng lên, lại hạ xuống. Hấn cười hềnh hếch:

- Phúc bảy mươi đời nhà mày! Câm à?

Người đàn bà dừng một loáng trong khung sáng, rồi đi qua cổng. Hấn gọi giật: “*Ỉa xa xa đấy!*”.

Ánh đèn soi vói theo bóng người mặc váy đỏ màu lửa, áo rách hở ngực, tóc xõa tung trước gió, giống như ngọn đuốc cháy phân phát bốc một luồng khói đen đang chạy thuần vào trong đêm.

Dân làng Na Phô trong khu căn cứ du kích thường chèo thuyền đánh cá dọc sông Xê Ban. Hôm nào hiếm cá phải đi xa, đến một chỗ dốc mòn từ trên rừng xuống bến, họ nhìn nhau hát hăm: “*Xả-m-nắc-ngan*” (cơ quan). Chỉ biết thế, chứ cơ quan gì không rõ. Lắng tai nghe, có tiếng máy kin kít, xoèn xoẹt, có cả tiếng gì như tiếng ô tô kêu rù rù. Càng biết nhiều càng phải giữ miệng, nó ngứa ngáy khó chịu lắm, nên không ai muốn hỏi thêm, thấy thêm cái cơ quan ấy.

Quãng bờ sông ấy rậm và vắng. Rừng vầu dài hơn chục cây số, đan ngọn cong vào nhau chẳng chặt thành vô vàn cái cổng chào. Trần lá bịt kín trời, nhưng dưới đất quang quẻ dễ đi. Ủy ban kháng chiến mặt trận Tây Nam đóng tại đây. Ban chỉ huy Quân tình nguyện cũng ở gần bên. Dưới vòm lá xanh, bộ óc của mặt trận Tây Nam ngày đêm làm việc.

Trong một cái lán nhỏ và cao lợp tranh, có hai người ngồi đối mặt cúi xuống tám bản đồ trải trên bàn tre. Họ mặc giống nhau: *phạ-xà-lùng* ⁽⁷⁾ xanh đỏ, somi nâu. Một người dong dỏng cao, lưng hơi còng, râu lởm đốm bạc. Người kia béo lùn, tóc húi cua trắng gáy. Họ nói tiếng Lào, trầm ngâm như đang đánh cờ.

- Cộng thử xem bao nhiêu mừn gạo?
- Chín trăm mừn. Chưa đến mười một tấn.
- Còn bao nhiêu thuyền chưa về nhỉ?
- Tám chiếc. May lắm được ba tấn. Sợ không được.
- Chết thật!

Thông Phun gãi mớ râu nhọn, cứng. Ông chủ tịch Ủy ban kháng chiến có dáng dấp một nhà triết học. Nụ cười hiền, cử chỉ dấn đo, kiêu đi vất tay nom ra người lặn lội.

Trái lại, trung đoàn trưởng Tuyên quen nói nhanh, đi vội, cười to, đứng nói trước bộ đội thì cứ mỗi câu kèm một tiếng khịt mũi. Cán bộ chung quanh thường gọi đùa đồng chí trung đoàn trưởng kiêm bí thư Đảng ủy Quân tình nguyện là “ông xã đội”.

“Ông xã đội” đang nhăn nhó:

- Kiểm đâu ra sáu tấn gạo nữa bây giờ?
- Có thể rút bớt khẩu phần cơ quan...
- Bốn lạng một ngày, rút xuống ba... Không ăn thua. Hay chúng mình nhịn quách vài tháng cơm?

- Làm tội anh đi! Người ta lo cuống lên lại còn giỡn. Tôi gầy ăn hết mấy. Béo như anh, nhịn thừa khối gạo.

Trung đoàn trưởng Tuyên cười phì phì híp mắt, cái cổ ngắn lắc lư. Tếu cho vui, chứ anh lo

không kém Thông Phun. Trung đoàn 217 đang hành quân trên đất Lào. Những dấu mũi tên đỏ trên bản đồ cứ nhích dần về phía sông Xê Ban, mà gạo chiến dịch chưa kiếm đủ. Hai đại đội Itxala, một đại đội Tình nguyện đang tỏa đi mua thóc, giã gạo, tải về mặt trận bộ.

Ngay trước lán, hai con voi lách qua giàn lá vầu như tàu thủy rẽ nước, trên bành chạt ngập những giỏ tre lót lá *mạy cung* to bằng cái quạt. Rồi một đàn trâu mộng bám nhau kéo xe quệt sồn sột điếu qua. Rồi tiếp đến bầy ngựa thồ lùn tè, mỗi con cồng hai bao tải trĩu lưng... Gạo! Rất nhiều gạo kìn kìn đổ về mặt trận bộ, như những dòng thác trắng chảy ngầm dưới lá xanh, từ các làng tuôn về đây. Vẫn chưa đủ. Tuyên quay lại gọi tham mưu trưởng Đặng đang nằm trên cái võng treo giữa hai cột lán, tờ báo che lấp nửa người:

- Này Đặng, thiếu gạo to đấy. Dậy!

Đặng buông tờ báo, ngáp dài:

- Các ông nói tiếng Lào, tôi hiểu gì mà bàn góp... Gạo thiếu thế nào?

- Ban cung cấp không báo cáo với cậu à?

- Báo gì, có mà báo hại báo đời. Chỉ thấy mặt ông cung cấp nhăn như bị. Lần này hết khoe tài cơm áo gạo tiền nhé. Cứ nói đến “tham mưu chỉ đạo hậu cần” là cu cậu lu loa kêu bị động!

Tuyên cau mày, máy môi định nói gì, lại thôi. Thông Phun mỉm cười kín đáo. Anh không nói tiếng Việt, nhưng nghe hiểu cả, đọc cũng thạo. Đặng mới ở Việt Nam lên, đã hai lần cãi giảng co với Tuyên trước mặt anh vì ngỡ rằng anh không biết tiếng Việt. Đồng chí mặt mỗ lẳng lẳng đến cạnh bàn, trao cho Thông Phun hai mảnh giấy. Anh đọc lướt qua mảnh đầu, trên mặt thoáng một nét buồn:

- Đội trinh sát chúng tôi lại hy sinh hai người. Vào đồn vấp mìn. Một trung đội trưởng bị thương nặng, e khó sống.

Tuyên gõ gõ ngón tay trên bàn. Anh biết Thông Phun đau đớn lắm. Lần thứ ba rồi, đội trinh sát Itxala mất người. Họ gan góc, bình tĩnh, nhưng thiếu kỹ thuật vào đồn. Đội trưởng Văn Thon đi với đội chuẩn chiến 3 của Lương để rút kinh nghiệm. Nhỡ Văn Thon có làm sao thì Tuyên sẽ ân hận mãi. Nhưng Thông Phun đã đẩy sang tờ giấy thứ hai, giọng vui hẳn lên:

- Điện của CC3! Kết quả tốt, rất tốt.

Bức điện viết bằng tiếng Lào phiên âm ra chữ La tinh: *Thwnggr hongbawnxakan xanamrroops...* (8) Tuyên đọc và dịch cho Đặng nghe:

- Ở lại thêm một ngày... Điều tra binh đoàn Âu Phi mới từ Sài Gòn lên... Báo cáo số năm xong... Tám ngày nữa về đây, vị chi đúng hôm trung đoàn đến. Hay lắm! Ăn khớp như máy đồng hồ!

Trong cái mừng của Tuyên có lẫn ý nghĩ: “Văn Thon không hề gì”. Hình như Thông Phun cũng nghĩ thế, nhưng không mừng bằng Tuyên.

Đặng chen vào một câu lơ lửng:

- Cái hạn tám ngày ấy, tôi quy định đấy. Phải thế mới khuỷp nhau được. Tôi cũng điện

hướng dẫn thêm cách điều tra Âu Phi cho Lương hôm qua.

- Ồ, chu đáo đấy. Hoan hô tham mưu!

Thông Phun lại gãi râu, hơi mỉm cười nhìn Đặng. Vốn trước là nhà giáo kiêm nhà thơ, Thông Phun quen nhận xét những khía tế nhị trong tính nết những người chung quanh, và đôi khi buông một câu châm biếm nhẹ nhàng. Nhưng đối với Đặng, anh chưa quen mấy nên còn dè dặt. Anh nghĩ một lúc, rồi nói ngập ngừng:

- Trung đoàn dừng lại đây dăm hôm mới đủ thời gian học tập và nghỉ chân. Nhưng nếu có thể rút ngắn đi một hôm chẳng hạn... chỉ sợ anh em mệt...

- Đúng, phải đánh nhanh. Phải rồi!

Tuyên vơ bút chì, phác vội một con toán. Anh tươi hăng lên:

- Đánh nhanh sẽ giải quyết được vấn đề gạo. Anh nói đúng. Có lẽ ta chỉ giữ trung đoàn lại đây hai ngày là đủ. Anh ở nhà chạy gạo, tôi đi hỏa tốc đón bộ đội cách đây năm ngày đường để nắm tình hình đơn vị, tổ chức học tập các chính sách luôn dọc đường, bàn luôn kế hoạch đánh Pà Thạc với cán bộ. Về đến đây là mọi việc đã xong một nửa. Vừa gặp đội CC3, nghiên cứu báo cáo số 5, phổ biến kế hoạch trong hai ngày, cho xuất quân luôn. Được không?

- Bộ đội hành quân hàng tháng trời, chỉ nghỉ hai hôm.

- Không sao đâu. Bảo đảm không mất sức. Đánh xong anh cho một châu khao quân nhé!

Thông Phun cười lặng lẽ, gật đầu: “Khao chứ!”

Thông cảm nhau, làm việc thật là dễ. Ba năm nay công tác chung một mặt trận với Tuyên, anh quý Tuyên như bạn thân, như em ruột. Anh ngại nhất cái nghi ngờ dễ bụng, giữ miệng với nhau. Mà Tuyên thì bụng dễ ngoài da, không đồng ý cứ nói toạc ra ngay, thấy sai sót là phê bình thẳng cánh. Đôi lúc anh muốn rủ Tuyên buộc chỉ cổ tay kết làm *xiêu* ⁽⁹⁾ với nhau, rồi lại thôi. Làm thế nó có vẻ phong kiến. Cái áo nâu với cái phạ-xà-lùng Tuyên đang mặc, chính là của anh cho. Anh nói giễu: “Ra ngoài nhân dân gọi là *phù coong*, về nhà bộ đội gọi là *nai phon*, mà áo quần cứ như lá chuối khô, không trông được... Con gái Lào để ý anh lắm đấy”. Tuyên cười, nhận bộ áo quần. Anh cũng thấy mình lúi xùi quá thật.

Tuyên gọi Đặng ra về. Đi mấy bước, anh quay lại hỏi Thông Phun:

- Cuốn *Lịch sử nước Lào* anh viết đến đâu rồi?

Thông Phun chỉ một ngón tay vào bụng:

- Gạo!

- Hừ, chạy gạo vẫn cứ viết chứ!

- Sách lịch sử chưa cần gấp bằng tập báo cáo số 5.

Tuyên vẫy tay:

- Bảo đảm báo cáo về đúng hẹn. Anh cố viết nốt đi. Thi đua nhé?

- Đồng ý. Tôi thêm một chương, hôm nào về anh xem.

Lán của Tuyên cách độ nửa cây số. Cũng một kiểu lán vầu lợp tranh, chỉ khác là sàn nằm cao quá tầm tay với, sát vào mái nhà. Dựng lán như thế được lợi là hộp hành bên dưới sàn không phải cúi đầu, lại đúng với cái thuyết của đồng chí quân y trưởng cho rằng muỗi anôphen không bay cao quá mặt đất một thước rưỡi. Qua thực tế, muỗi vẫn bay lên đốt Tuyên đến sưng người, nhưng cái lợi thứ nhất quả là có thực.

Tuyên xếp giấy tờ quần áo vào cái phạ phe, ướm thử ngang lưng. Đồng chí cần vụ quen tính Tuyên, chỉ hỏi:

- Đi mấy ngày ạ?

- Mười hôm. Cậu mời hộ thường vụ Đảng ủy họp ngay. Khoảng một giờ, mời các trưởng ban đến hội ý.

Đặng vợ tờ báo, bỏ đi, lảm bảm mấy câu về những ông chỉ huy làm việc không có giờ giấc. Ở phòng tham mưu trên khu dừng hòng gọi cán bộ vào giờ trưa này! Một nỗi bức khác là mỗi lần Đảng ủy họp, anh phải đi vắng, nhường lán cho Tuyên. Trong Đảng ủy có hai tiểu đoàn phó, một đại đội trưởng. Còn anh, tiểu đoàn trưởng lâu năm, làm tham mưu trưởng mặt trận như cấp trung đoàn phó, tuổi Đảng không kém ai, lại nằm ngoài Đảng ủy mặt trận! Lâu lâu ý nghĩ khó chịu này lại một lần quay về, day dứt Đặng, khiến anh đâm ra bồn tính mất từ một buổi đến vài ngày, rồi khuấy đi.

Đặng đi sang lán điện đài, trèo lên sạp đọc nốt tờ tạp chí *Thời mới*. Tuyên xuống bếp ăn quàng mấy bát cơm nguội với mắm *pa đẹc*. Hai lạng một bữa, sao cơm có vẻ

hơi nhiều. Anh chợt nhớ ra mỗi lần ăn chung với cơ quan thì phần cơm chia còn đúng suất, nhưng khi anh đi đâu về ăn sau thì cơm được những ba bát. Phải hỏi lại anh em, bảo họ bỏ cái lỏi tây vị ấy đi...

- Anh ạ!

Tuyên quay lại. Cô y tá Soan đứng sau lưng anh, mỉm cười. Soan mặc váy. Lào đen, sômi đàn ông, xách một nải chuối xanh. Tóc buộc túm đuôi chồn sau gáy bằng mẩu vải quân trang cũ. Đôi mắt tròn, to, hơi xa nhau như mắt búp bê, cứ nhìn anh trân trân. Tuyên luống cuống đánh rơi một chiếc đĩa, đưa tay quệt mồm:

- Soan đi đâu về đấy?

- Em đón thương binh, đón hụt anh ạ. Ai lại chờ đến nửa đường, anh ta dùng dùng xách ba lô trở về đơn vị, không can được. Mang cho các anh nải chuối nấu canh.

Tuyên vớ bi đông rót nước uống. Anh lại bình tĩnh. Anh đưa Soan lên nhà, mời Soan ngồi xuống võng. Dây võng đứt đánh sứt, thả Soan ngồi xuống đất. Soan cười phá lên. Tuyên nóng bừng cả mặt mũi chân tay, mắng thăm mình không tiếc lời.

- Tại em nặng cân đấy... Đội anh Lương bao giờ về hờ anh?

- Sắp thôi. Độ mười hôm. Kết quả tốt lắm. Chúng tôi định tuyên dương toàn mặt trận đấy.

Mặt Soan lấm tấm những tia vàng. Soan cười ngượng ngịu:

- Anh... Anh Khiêm thế nào chả biết... Vâng, chả đạo trước anh ấy bị thương chữa ở bệnh xá, chưa khỏi đã bỏ về bộ đội mà.

- Các tướng ấy vẫn thế. Khiêm hăng lắm, vào đồn như đi chợ. Chỉ phải cái hơi tếu...

Bên tai Tuyên có ai cứ hỏi ghẹo: “Thế nào? Nói đi chứ!” Nhưng anh vẫn nhìn Soan, kể chuyện Khiêm, và nghĩ đến cái câu không chịu ra khỏi miệng mình.

Các Đảng ủy viên lục tục đến. Soan chào, ra về. Một đồng chí ngó Tuyên cười mồm mím. Tuyên chột dạ: “Chúng nó biết!” Anh ngồi vào bàn, lật sổ tay, nói một mạch không lấy hơi:

- Mời các đồng chí vào. Công việc khẩn trương đấy. Tôi xin báo cáo kết quả cuộc thảo luận với ủy ban kháng chiến về kế hoạch mở chiến dịch Pà Thạc...

Dưới bên sông vọng lên tiếng cười lạnh lạnh. Tuyên nghĩ vội: “Soan đi thuyền, mà sông nhiều thác dữ...”! Anh vẫn tiếp tục báo cáo đều giọng. Nghe Đặng thì thảo sau lưng: “Soan bột... cũng sắp sắp...”, Tuyên vụt đỏ tai, ấp úng mất vài giây.

*

* *

Một đàn voi nào đông lắm đang tập đi đều trên hai bờ sông Xê Ban. Từ sớm tinh mơ đến tối, đến khuya, tiếng bình bịch cứ rền chuyển đất, từ làng này vắng sang làng kia như gọi nhau, thách nhau. Thỉnh thoảng trong một góc rừng vắng cũng dội lên tiếng ục ịch lẻ loi. Tất cả khu du kích đang già thóc làm gạo nuôi chiến dịch. Bất cứ một anh bộ đội Itxala hay Tình nguyện nào lật ngựa hai bàn tay ra cũng thấy da tay đỏ hồng, phòng rộp từng mảng còn mọng nước hay đã gập rúm nhăn.

Chiếc thuyền độc mộc của Tuyên đi men bờ sông, lượn theo dòng nước ngược mà lên phía bắc. Suốt một ngày, Tuyên nghe không dứt tiếng giã gạo. Tim anh cũng dào lên theo nhịp chày chắc nịch ấy.

Khu du kích hồi đầu năm bị đốt nặng. Ba tiểu đoàn địch bám đuôi nhau xuyên qua vùng làng kháng chiến như con rắn lửa, để lại sau lưng một vệt cháy đen ngoằn ngoèo. Chúng đốt làng, đốt lúa, bắn trâu, bắn voi, rất đều đặn chi li, không bỏ sót thứ gì dùng được trên đường càn quét. Nhưng đến nay, thóc nằm trong rừng lại tuôn về làng, trâu rắc ngập các lối ngõ, gạo đè nặng lưng voi và lòng thuyền trẩy về mặt trận bộ.

Tuyên nhớ lại một đoạn tài liệu của địch hướng dẫn cho các sĩ quan mới đến Đông Dương. Tác giả nhận định rằng người Lào là giống lười số một trên thế giới: “*Thật*

vậy họ không sống trong hiện tại mà chỉ kéo dài mãi một cái quá khứ nhần nhục, lười biếng, vô lo. Nước Lào đẹp và thơ mộng, nhưng dân tộc Lào đang chết dần chết mòn trong cơn mê gập gềnh,

với nụ cười trên môi”. Nghe dịch xong, Tuyên túm cuốn sách định xé. Xúc phạm đến một người hay bôi nhọ một phong trào còn dễ hiểu. Chúng lại cả gan nhổ nước bọt vào cả một dân tộc!

Hôm nay, hơn bao giờ hết, Tuyên hiểu được sức mạnh của nhân dân Lào.

Người Lào hồn nhiên, vui tính, trong sáng như nước suối, ghét yêu minh bạch như muối với đường. Họ làm việc không ngớt tay từ gà gáy đến khi chim khăng khắc kêu. gần nhau báo nửa đêm, nhưng vẫn hát vẫn cười cho khuây nhọc. Đừng nghe tiếng hát trên đồng, tiếng cười trong làng mà vội tưởng rằng người Lào lười biếng hay nhẩn nhục. Khờ dại bao nhiêu những kẻ chỉ thấy hoa đào nở trên miệng núi lửa mà quên sức nóng ghê gớm ùn trong lòng núi!

Tuyên thông cảm sâu sắc với Thông Phun đang chong đèn đến sáng viết cuốn *Lịch sử nước Lào*, giữa một núi công việc hàng ngày. Lịch sử nước Lào bị bôi nhọ quá nhiều rồi. Người ta nói xấu dân tộc Lào nhiều quá rồi. Cả đến bọn người Lào mang Tổ quốc đi bán rong cho Pháp, Nhật, Mỹ, cũng rập một giọng chửi lại cha ông. Thông Phun thú thực rằng nhiều lúc anh viết mà nổi cảm giận đến run tay. Và anh vừa tức cười vừa đau xót khi đọc báo chí từ Viêng Chăn đưa lọt về, hay khi xem thư bạn cũ gửi thăm anh, hỏi anh về những vấn đề sinh tử của dân tộc Lào. Những người bạn trí thức ấy yêu nước nhưng không hiểu nhân dân. Họ xanh mặt trước xe tăng Pháp và lóa mắt trước đô la Mỹ. Thông Phun viết thư khuyên họ: “Chỉ cần ra ở khu du kích ba ngày, ông sẽ tìm thấy sự thật”. Có đôi người ra, rồi ở lại luôn với Itxala. Họ đã tìm thấy sự thật.

Trong những đêm hội làng, các anh các chị *mỏ lâm* ⁽¹⁰⁾ đứng trên bục, múa tròn hai bàn tay kẹp nển, hát lên lời ca ngợi nhân dân Lào đã dựng nước và giữ nước:

Trên nước Triệu Voi

Nước Triệu Ruộng, nước Triệu Vựa thóc

Có thần Rắn Nọc phù hộ

Người ta bắn tên thuốc độc

Múa giáo tẩm thuốc độc

Voi xóc ngà vào bụng voi

Xác người dựng thành lũy cao

Đánh lui kẻ thù,

Xác quân cướp nước làm mồi cho cá sấu

Xác quân bán nước làm mồi cho quạ...

Tiếng hát hòa theo tiếng súng trong cuộc kháng chiến Lào. Và hôm nay, tiếng giã gạo thành thành đôi đáp nhau giữa các làng trong khu du kích cứ dội hoài trong ngực Tuyên như hồi trống thúc tiến quân không dứt. Anh không quen nói ra những tình cảm lớn, những xúc cảm kỳ diệu chỉ thoáng qua vài phút mà quyết định cả một đời người, nhưng anh biết rằng suốt đời anh sẽ không quên được cái kỷ niệm phơi phới, ngây ngất, rất cao và rất đẹp của chuyến đi thuyền trên sông Xê Ban này.

Hai bên bờ sông, rừng ngừa lá đón nắng trưa lấp lánh như hai con trăn nằm song song phơi vảy. Tiếng ò ò đến. Thác Cỏ Cò. Một cái cỏ đã nuốt nhiều thuyền gạo muối của bộ đội. Đồng chí trung đội trưởng Lào ngồi vắt vẻo sau đuôi thuyền ngừng tay chèo, lên tiếng:

- Anh đổi chỗ cho tôi. Tôi nhớ lạch.

Nước gầm giữa thác. Nước ôm tròn những tảng đá gần bờ, như lớp cùi nhăn trong veo bọc lấy hạt. Chiếc thuyền độc mộc nhảy trên sông, húc vào đá, chúi xuống tọt một ngum nước, chồm ngược lên suýt hất Tuyên xuống sông. Vượt cái thác hình chữ chi dài ba chục thước mất hơn một giờ. Cả hai người ướt sũng nước sông và mồ hôi.

Anh trung đội trưởng Lào nheo đôi mắt xéch, cười:

- Chưa nguy hiểm bằng sông Nậm Đăm đâu. Tôi vượt thác sông Nậm Đăm từ bé, thuyền cứ dựng đứng thế này.

- Đồng chí quê ở đâu?

- Làng Phi Lạt. Bố mẹ và em gái tôi ở đấy.

Tuyên nhớ ngay đến cái tên Phi Lạt trong các báo cáo của CC3.

- Bố đồng chí tên là gì?

- Thít La, ông cụ rèn súng kíp nổi tiếng. Ba năm nay tôi đứt tin, nhưng chắc nhà tôi không theo Pháp đâu.

- Đúng thế!

- Ô, anh biết tin gia đình tôi hở? Biết rõ không anh?

- À, là tôi đoán thôi...

Tuyên không nhìn đôi mắt xéch lấp lánh vui. Anh nhớ rất rõ đoạn báo cáo của Lương về cơ sở Itxala làng Phi Lạt. Bức điện gần đây ghi vắn tắt: “Cụ Thít La bị giết, Pha ho lao, Muôn vẫn ở đồn”. Một cái gì nhói trong ngực anh. Phải giữ bí mật hướng chiến dịch, không được nói!

Con thuyền lại men theo nước ngược đi lên phía bắc.

Bến làng Na Phô ở mé bên kia. Tiếng rình rình cối chày quen tay. Một ông cụ đeo súng kíp đứng bên bờ khum tay che mắt, gọi với sang:

- Vào đây kiểm soát đã!

Thuyền cập bến, ông cụ nhận ra anh cán bộ Lào:

- Anh Pheng đây hả? Còn anh kia?

- Bộ đội Việt.

Ông cụ chạy xô đến. Vó dao đeo lưng đập vào báng súng lách cách.

- Ở cơ quan phải không?

- Phải.

Cụ quay ra sau, vành tay lên miệng gọi tướng:

- Mẹ nó ơi, mang xuống. Nhanh!

Bà cụ tất tưởi chạy xuống dốc, tay kéo lê một con cá to. Cô con gái chạy theo sau, vượt lên trước. Cả ba người đều có vẻ uất ông cụ nói trước, giọng sùng sộ:

- Con nghĩ xem, thế này còn ra cái gì! Hôm qua con bé Soan đi lấy thương binh tạt vào làng. Mẹ nó đang ôm (cụ gi ngón tay vào vai bà lão), nhức đầu tưởng chết, người sốt như rừng cháy...

- Cụ đừng nóng, đừng to tiếng. Đây là ông...

Ông cụ gạt lời Pheng, càng gắt to với Tuyên:

- Con tính, nó cho uống thuốc, nấu lá xông cho mẹ nó, vừa chín nồi cơm đã khổi. Rồi nó lên đi lúc nào bố không biết. Nó muốn để tiếng cho bố mẹ là người ăn ở bạc, vô ơn hay sao chứ? Hử? Sao nó lại không lấy cá? Hử?

- Mà nó không chịu ăn cơm của mẹ. Nó sợ cơm mẹ là sạn là sỏi...

- Em mới đi tìm chỉ trắng về buộc tay cho chị ấy, nháy một cái, chị ấy biến đi đâu rồi. Người cứ như ma...

Láo nháo, lú lút, rồi tỉnh lên một lúc, rồi con cá nằm gọn trong lòng thuyền, và cả gia đình kia lại trôi lên dốc. Cô con gái cười khi khí, ông cụ xoa tay hể hả, bà mẹ đi vài bước lại xì mũi. Tuyên và Pheng nhìn con cá dài ngót thước tây, nhìn nhau, cùng phì cười. Họ đẩy thuyền ra.

- Chúng mình ăn thôi, Pheng ạ.

- Anh bảo chị Soan người ta cho thì phải nhận, không họ oán. Chị Soan tốt lắm. Tôi ốm về nằm bệnh xá năm hôm, chị ta cứ thức đêm ngồi đầu giường...

Pheng ngừng tay chèo, thần thờ tiếp:

- Người lại đẹp nữa. Tôi cứ muốn ngắm mãi thôi.

Thuyên thích cái lối nói bộc trực của người Lào về tình yêu và phụ nữ. Từ mười sáu mười bảy tuổi, trai gái đi hội đã buông lời ghẹo nhau, tán tỉnh nhau tự nhiên. Nhưng muốn vác gỏi vác chiếu đến ở nhà vợ không phải dễ. Được đề ý nhất là anh bộ đội Itxala, anh du kích. Rồi đến các anh thanh niên khỏe, nhộn, bắn giỏi, săn voi rừng tài, cày bừa xóc vác... Tuyên đùa một câu:

- Anh thích lấy *xảo* Soan không?

- Thích chứ. Nhưng đợi độc lập đã. Đánh thắng rồi, cô ấy chưa lấy ai thì tôi đến hỏi.

Tuyên mỉm cười, nghĩ thầm: “Giá mình bạo như Pheng...”

Tuyên nhảm lại cái câu rất đơn giản mà rất khó nói với Soan. Ba mươi tuổi đầu, anh vẫn không kịp lo đến vợ con. Từ đạo vượt ngục Sơn La, hoạt động Việt Minh bí mật, qua kháng chiến đến nay vừa tròn mười một năm, anh chưa yêu ai, và hình như cũng chưa ai yêu anh. Anh có cảm tình với “giới phụ nữ nói chung”, thấy mỗi cô gái thoáng qua đều mang đến cho anh một chút gì tươi mát, êm dịu trong mười một năm căng thẳng liên miên ấy. Hết chiến dịch đến chinh huấn, xong chinh huấn đến luyện quân, qua luyện quân lại đến chiến dịch mới, bao giờ cũng có yêu cầu “Tạm gác việc riêng, tập

trung tư tưởng”. Đối với yêu cầu ấy anh luôn gương mẫu, quá gương mẫu là khác.

Anh em chung quanh lại đoán chệch. Họ kháo nhau: “Trung đoàn trưởng, bí thư Đảng ủy, hai huân chương, còn trẻ, nổi tiếng, tương lai sáng rực như đèn pha ô tô nhé... Ông Tuyên phải lấy cán bộ tỉnh trở lên mới xứng. Kén là đúng!”. Các cô gái chùng cũng nghĩ thế. Họ hình dung hạng cán bộ như Tuyên là một loại người riêng biệt, đúc bằng thép, tim không bao giờ đập nhanh hay chậm khác mức bình thường, miệng chỉ mở ra để nói chuyện chính trị hay hạ mệnh lệnh tác chiến, cả đến một nụ cười cũng có sắp đặt từ trước. Bởi vậy, đối với Tuyên họ chỉ mến và phục chứ không yêu. Trong tình yêu của người phụ nữ thường pha lẫn rất nhiều tình thương, mà ở Tuyên họ không tìm ra cái gì để thương cả.

Khúc sông này vắng lặng. Tuyên chèo đều tay như cái máy. Đi thuyền trên sông êm, hồn người hay trải rộng theo dòng nước. Tuyên lại nghĩ đến Soan. Anh nao nao, nửa vui nửa buồn.

Anh quen bố Soan từ đầu kháng chiến. Một hôm hành quân qua gần nhà, cụ quản lý cổ nèo anh tạt vào chơi. Soan đi học về, vai gánh một gánh lá ủ phân chuồng, cuốn vở và con khăng cầm tay. Soan chào lí nhí: “Chú ạ!”. Tối hôm ấy đội thiếu nhi không họp, Soan ngồi nghe chú kể chuyện đánh Tây, đánh ghê quá. Soan bấu tay chú, mồm tròn chữ O, mắt dựng chữ I, nghe như nuốt từng câu, hỏi dồn hỏi dập:

- Thế nó được hay ta được hờ chú?
- Thế chú không sợ hờ chú?

Cụ quản lý theo đơn vị lên Lào. Bẵng đi mấy năm, Soan bỗng lù lù công ba lô bước vào mặt trận bộ, chia ra cái chứng minh thư ghi chức vụ y tá, cấp tiểu đội phó. Ông cụ đeo kính đọc giấy, lại gỡ kính ra nhìn con, buột mồm: “Đồng chí... mày nhớn thế kia à?”.

Ít lâu sau, cụ được giải ngũ về làm chủ tịch xã. Cụ dặn Soan:

- Tao gửi mày cho anh Tuyên đấy. Anh ấy vào bậc cha chú, bảo mày phải nghe. Muốn tính đường chồng con cũng phải “thông qua” anh ấy, kéo rồi đi một về ba là tao không tán thành.

Soan đang khóc thút thít cũng bật cười, nguây nguây:

- Ú ừ, con chả đâu.
- Chả với nem gì? Anh Tuyên còn sáng suốt hơn bố mày...
- Là con chả lấy chồng đâu. Con đợi độc lập cơ!

Trước khi Soan đến mặt trận bộ, Tuyên có một cái thú riêng. Cách cơ quan của anh hai cây số có một ngã tư. Rẽ bên trái là vào bệnh xá, rẽ bên phải là vào xưởng sửa chữa vũ khí. Đi công tác về, Tuyên thường rẽ sang phải. Anh nghiện cái mùi dầu cháy hăng nồng, tiếng giũa sắt rìn rít, ánh lửa máy mài xòe như pháo hoa cải. Bước vào xưởng, tay anh bắt đầu ngứa. Anh lân la hỏi chuyện, rồi vớ cái đục, đục luôn một cái cần bật lựu đạn trên mẫu tôn thừa, nhát đục cắn nhau liền như đập máy. Có khi say việc, anh ở mãi đến tối để cãi nhau với anh em quân giới về cách chữa đạn phóng bom mìn

một cân thành mìn giật, về một kiểu ngòi nổ chậm dùng thuốc nhỏ mắt thay axit, về cái hạt nổ đạn đại liên *hốt kít* không chịu “ăn” kim hỏa súng trường Anh-đô-si-noa. Máu thợ nguội trong người anh hay bốc như thế. Vào xưởng máy là anh quên hết, chỉ còn nhớ đến hai bàn tay mình đã đục, giũa, cura, phay, tiện trong nhà máy xe lửa Gia Lâm trước Cách mạng, cho đến ngày mật thám soát thấy bó truyền đơn buộc vào đùi.

Từ khi Soan về bệnh xá, anh rẽ sang trái nhiều hơn trước. Ban đầu chỉ là đến thăm thương binh, thăm cháu. Mãi đến gần đây anh mới hiểu mình. Anh đâm sợ, cố tránh mặt Soan suốt một tháng. Nhưng khi Soan ôm, anh đâm bỏ sang ngay, hoảng hốt đến suýt nữa lộ hết. Tình yêu bị nén mãi càng bùng lên dữ. Tuyên đã yêu Soan, cô gái trẻ hơn anh ngoài chục tuổi, quen xem anh như ông chú thân mà nghiêm...

- Đến rồi anh ạ.

Mũi thuyền trượt êm trên lưỡi cát. Hai anh em du kích xem giấy. Pheng giao thuyền cho họ, hỏi đường. Vẫn tiếng rình rình kín kít quen tai.

- Báo cáo anh, dọc đường có biệt kích hoạt động.

- Sáng nay Đacôta quần phía núi. Có lẽ thả dù.

Tuyên buộc gói phạ phe vào lưng, lên đạn các bin, khóa cò. Những ý nghĩ chờn vờn vụt tan. Còn ba ngày đường bộ nữa mới lên đến chỗ hẹn đón trung đoàn 217. Đường rừng, biệt kích, máy bay dò xét...

Nửa giờ sau, một anh du kích dẫn họ đi về phía bắc. Đi với nhau cách năm sáu thước, súng kẹp nách, mắt nhìn soi xói vào hai bên con đường mòn xuyên rừng, tai động nghe từng tiếng lá khô vỡ đáng nghi. Dưới chân là những hố chân voi sâu ngập gỏi, viền những chùm vắt ngoe nguẩy trên miệng.

- ...Về chiến thuật một điểm hai mặt tôi chỉ giới thiệu đến đây. Các đồng chí đọc thêm bài của đại tá Minh Lý trong *Quân chính* tập san số tháng 12 năm 1951, và bài của tôi trong số tháng 2 năm 1952, phân tích một số trận công kiên của ta về mặt vận dụng chiến thuật. Chiều ngày kia tôi sẽ báo cáo sang chiến thuật chia cắt, đề nghị các đồng chí đến đúng giờ hơn. Đúng giờ là nguyên tắc quân sự cơ bản nhất, các đồng chí nhớ đấy. Giải tán.

Tham mưu trưởng Đặng mỉm cười, mỗ ngón tay trên mặt kính đồng hồ. Nghe câu phê bình khéo, cả hội trường cười ồ, ùn ùn ra về. Ánh đèn chai soi lên vòm lá vầu, đuôi sóc nhảy loạn.

Buổi lên lớp chiến thuật nào của Đặng cũng đông nghịt, cả các ông cán bộ già ở kho gạo bên kia sông Xê Ban cũng chèo thuyền sang nghe. Phần vì cán bộ ít được học thêm về quân sự, phần vì Đặng giảng rất hay. Tờ báo in litô của khu đã đăng tin: “Lần đầu tiên từ ngày thành lập mặt trận Tây Nam, các đồng chí ở mặt trận bộ được nghe những bài giảng phong phú, sinh động, có sức hấp dẫn lạ thường”. Và những câu pha trò vừa êm vừa đậm, cái lỏi chúm năm ngón tay bắt chuồn chuồn trong khi nói, cả cái trán hói và cây ba toong bịt bạc chiến lợi phẩm của đồng chí tham mưu trưởng được đồn

thổi ra rất nhanh trong khắp mặt trận. Cái tên “ông Đặng ba toong” có từ đấy.

Đặng bấm đèn pin đi về lán Tham mưu. Anh em đi vắng cả. Đồng chí cần vụ đang loay hoay trở ngược trở xuôi cái ống nghe điện thoại, thổi phù phù, lắc lắc. Đặng phì cười, nhắc:

- Khô! Bấm cái mấu giữa ống nghe ấy. Hỏi xem có việc gì.
- À vâng... Tôi nghe đây. Ai nói đấy? “Tôi” à? Tôi là ai?... Tôi là ai mới được chứ?

Đặng gõ ba toong xuống đất, cười sặc:

- Hỏi “đồng chí là ai”, ông mãnh ơi?

Ngoài trạm liên lạc báo tin có đại đội phó đại đội 46 về xin gặp tham mưu trưởng gấp về việc bổ sung vũ khí. Đặng cau mày:

- Bảo họ chiều ngày kia cho vào.
- Họ đề nghị sáng mai anh ạ. Đơn vị đóng xa sáu ngày đường, sắp sửa đánh xe.

Đặng rút sổ con, xem lại lịch công tác. Sáng mai anh có buổi tự học, chiều mai họp tổ chức chế độ trực ban... Không được. Phải chủ động. Cấp vũ khí chỉ mất mười lăm phút hay nửa giờ, nhưng lắt nhắt thế đâm ra sự vụ mất.

- Sáng ngày kia bảy giờ vào gặp tôi.

Cái máy điện thoại này anh đã phái người lên xin tận trên khu, cho bộ đội cắt dây của địch gửi về lắp. Chỉ mắc từ trạm liên lạc ngoài làng Na Phô vào đây xa năm cây số, mà tiện đáo để. Cán bộ ở đơn vị về không được xông xộc vào cơ quan bắt giải quyết công việc lập tức nữa, mà phải nằm ngoài trạm liên lạc đợi lệnh. Của đáng tội, họ kêu ca chầm chọc cũng lắm, nhưng cán bộ các ban có phần dễ thở hơn. Tiểu đội bảo vệ đỡ lo kẻ lạ vào mặt trận bộ. Anh em liên lạc bớt được công chạy ra chạy vào. Tóm lại chung quanh cái “ống lô phôn” rất hiện đại giữa cái chiến trường rất du kích này có lắm tiếng chê khen, nhưng tiếng chê ở xa mà tiếng khen ở gần.

Một người đi qua, gọi chỗ vào:

- Mời anh đến nghe đài ạ. Chữa xong rồi, pin mới chắc nghe tốt.

Người chen lối nhỏ trong lán chính trị. Cây đèn chai bốc khói nhiều hơn lửa, thả rơi từng chấm nhựa cháy xèo xèo xuống đất.

Làn sóng điện của đài Tiếng nói Việt Nam cũng chập chờn như ngọn đèn. Tiếng cô phát thanh dào lên rồi tắt ngấm, đến khi nghe đều lại nhỏ ri ri, lay lắt. Tất cả mặt trận bộ vây quanh cái máy thu thanh Philíp vỏ gỗ đã bong sơn, căng tai, cố lấy ra từng chữ từng câu trong cái đồng bát nháo những tiếng rồ, tạch tè, nhạc giật gân cứ tràn qua tràn lại. Hôm nào cũng ngần ấy hồi hộp và thất vọng, nhưng họ không vắng trong giờ nghe đài. Tiếng nói của Tổ quốc kháng chiến vọng sang, dù không nghe rõ, vẫn có cái gì thiêng liêng và an ủi lạ lùng.

Lặng tai một lúc, Đặng ngáp dài, hát hàm:

- Chán ốm. Mở *France - Asie* (11) thôi.

Anh liếc nhìn đồng chí trưởng ban chính trị như trâu tặc. Không đợi trả lời, anh ghé mắt xoay núm vặn. Một điệu nhạc lê thê rét mướt cất lên, kèm giọng đàn bà hát:

Sống trong lòng người đẹp Tô Châu

Hay là chết trên dòng sông Danuýp...

Nghe hát, cứ tưởng như ả kia là một mụ béo phì, mỡ lấp cổ họng, đang rên rỉ khóc chồng. Rồi tiếp một bài “xuynh” nhạc Mỹ, lời Pháp. Ngắc ngư, giật ngược kéo xuôi, như anh chàng nào đó vừa hát vừa nhảy vừa ăn kẹo mạch nha, cả ba việc đều hồi hả, hồi hả.

Đồng chí trưởng ban chính trị lẳng lẳng ra về. Đặng nhún một bên vai. Đặng không ưa anh kia từ trước, càng khó chịu khi anh được cử thay thế trung đoàn trưởng Tuyên đi vắng. Anh định đưa điều lệnh ra vặn Tuyên: “Tham mưu trưởng là người thay thế thứ nhất khi thủ trưởng vắng mặt..” Nhưng thôi, chả nói nữa. Ở chiến trường này, từ cán bộ cao cấp trở xuống đều du kích thế cả. Vòng người chung quanh máy thừa dần, rồi tan hẳn. Đặng vẫn lim dim, mỗ ngón tay trên đùi đánh nhịp. Anh ghé tai một cán bộ tuyên huấn: “Thỉnh thoảng ướm một tí chữ cậu!” Đôi bên nháy nhau, cười.

Một liên lạc viên xô vào lán. Bụi đỏ lấm bết ống quần, lên khỏi đầu gối thì nhạt thành màu da cam, đến ngực chỉ còn phơn phớt trắng. Anh chìa ra một mẫu giấy, toét mồm cười:

- Thư hỏa tốc của ông Thông Phun đây anh ạ.

- Gì?

- Ông Thông Phun ấy mà, ông bảo cầm giấy này về gấp cho anh. Gớm, gió gió khiếp, bụi vào đến ruột chứ phải chơi.

Đặng cau mày. Anh không ưa cái lối vai vế, gia đình chủ nghĩa như thế. Mà lại xồng xộc tìm anh vào giờ nghỉ... Anh nói đĩnh đạc, mắt nhìn qua vai đồng chí liên lạc viên vừa ngồi xuống kéo vạt áo lau mặt:

- Khi có giấy tờ gửi đến, đồng chí mang sang văn thư để vào sổ công văn. Đừng đưa tắt ngang, nhỡ thất lạc không ai chịu trách nhiệm. Cần tập làm việc có nề nếp cho quen. Đồng chí về nghỉ.

Sáng hôm sau, Đặng ngồi vào bàn đúng giờ hành chính, giữa cái lán trống không. Tất cả mặt trận bộ đi suốt lúa rẫy tăng gia từ mờ đất. Văn thư đã xếp sẵn tập công văn trên bàn. Lá thư của Thông Phun viết bằng bút chì bi đỏ nằm trên cùng. Đặng rút bút máy ghi bên lề: “Công văn chữ Lào phải có bản dịch của văn thư kèm theo”. Anh đẩy lá thư sang bên. Các cán bộ thường trực bên Ban chính trị cũng dịch được, nhưng anh không thích sang hỏi. Làm việc sự vụ như thế người ta coi thường mình đi.

Sẩm tối, đồng chí văn thư về lán. Đồng chí thở dài, thắp đèn chai ngồi dịch một loạt giấy tờ chữ Lào đến ba giờ sáng. Dịch xong thì vừa có còi đánh thức mặt trận bộ dậy sớm đi suốt lúa.

Đặng lại ngồi vào bàn giấy, lật tập công văn vào chiều hôm sau. Lá thư của Thông Phun viết ngắn, không có câu mào đầu trang trọng: “Ủy ban kháng chiến mặt trận gửi các đồng chí trong Ban chỉ huy Quân tình nguyện thân mến và quý trọng được biết” như mọi lần.

“Tôi vừa nhận tin hỏa tốc của trinh sát Lào. Con đường bí mật số 1 từ Pà Thạc về đây bị lộ. Dịch rải quân phục kích dọc đường từ hôm qua. Bên tôi cán bộ vắng cả. Anh điện ngay cho đội CC3 chuyển sang đường khác. Nếu chậm, có thể...”

Đặng đi như chạy sang lán mật mã. Buồng làm việc của mật mã che kín mít, bộ đội thường gọi đùa là “buồng đẽ”. Đặng vén tấm ni lông, xộc vào.

Đồng chí mật mã vơ cái chăn úp chụp trên đồng tài liệu lấp bấp:

- Yêu cầu anh ra ngoài.
- Gấp lắm, cậu cứ...
- Đồng chí ra đi!

Bị cự thẳng tay, Đặng phát khùng, nhưng phải rút lui. Anh tạt sang lán điện đài, chặn tay đồng chí hiệu thính viên đang gõ cái *ma níp* lia lịa:

- Điện hỏa tốc cho CC3, đánh cờle ⁽¹²⁾ cũng được.
- Báo cáo anh, họ hết ca ⁽¹³⁾ ban này.
- Bao giờ liên lạc được?
- Chiều mai ạ.

Đặng ngồi bệt xuống sập, vuốt mồ hôi lạnh ướt trán. Mặt anh sạm như rắc tro. Đồng chí mật mã đến trao bức điện ngắn:

“Quân số đủ Điều tra G.M.4 sắp xong, đang đợi Pha vào gắp Muôn chưa ra. Đường an toàn. Sẽ về đúng hẹn - Lương”.

Đặng không nghe lời phân trần xoắn xuýt của đồng chí mật mã. Anh hiểu nguyên tắc không được vào buồng mật mã. Nghĩ một lúc, anh lấy sổ điện, viết vội:

“Gửi CC3 - Đường số 1 lộ, chuyển ngay đường khác - Đặng, 18.12.52”.

Đồng chí mật mã cầm sổ đi, lại bước vào:

- Báo cáo anh, hôm nay ngày 19 đấy ạ.
- Gì nữa?
- Anh ghi lầm ngày. Đề nghị anh ghi luôn giờ viết điện sang bên cạnh.

Đặng vùng vằng chữa ngày, ghi giờ. Anh đã cố ý viết sai, nhưng không được. Anh lầm lầm ra về. Tiếng gõ *ma níp* giòn tan vẳng theo anh như chế giễu. Đồng chí mật mã cầm cây ba toong bịt bạc chạy theo đưa trả anh, còn thanh minh thêm mấy câu nữa.

Lương bước vào cửa hang, cúi xuống giắt lại mũi băng trên bắp chân, rút hai con vắt ném ra xa. Anh đứng thẳng lên, bỗng suýt kêu ngạc nhiên. Pha ngồi trên tảng đá vôi, tay chống cằm, mặt trắng bệch và cứng đờ như cũng tạc bằng đá vôi. Đôi mắt xéch ngó anh mà không thấy anh, giống hai viên thủy tinh lấp thay tròng. Từng mẩu vải mắc trên vai, trên cổ. Váy cũng rách bươm. Gai cào trên trán Pha những đường chấm đỏ chi chít, mắc vào tóc rồi từng khúc gãy ngang dọc.

- Chị Pha mới đến hở?

Pha không động, không chớp mắt.

Văn Thon kéo Lương vào cạnh cây cột đá hình xương sống voi. Tiếng anh khản đặc như bào cuống họng mà ra:

- Có chuyện gì không biết. Chị ta mất trí, chỉ nhớ thằng Muôn nói quân G.M. bốn ngày nữa rút đi. Có quan Mỹ đến nữa. Nói được có thể rồi chờ người ra.

- Sao chị ta biết chỗ này?

- Trước hình như ông cụ dẫn lên một lần. Lội rừng đến nát người thế kia, chắc đi tìm suốt đêm.

Khiêm bung đến một bát cháo bốc khói, trở ngón tay: “*Kin ! Kin!*” Bác Cống dỗ Pha ăn. Pha vẫn ngồi im.

Lích đến bên Văn Thon, lắc cái đầu bù:

- Chị Pha mất cả ba mươi hai vía rồi. Ma rừng nó bắt.

- Nhảm nào!

- Còn gì nữa, người cứ rỗng như vỏ rắn lột thế kia. Anh biết kinh, cúng gọi vía cho chị ấy đi... À, hay là cúng chia cơm cho bố chị ấy. Phải, ông cụ chết chưa được chia cơm, hồn còn ở lại ám con đây thôi.

Văn Thon gạt phắt. Trước anh tu đến chức hòa thượng, nay còn thuộc kinh. Nhưng anh chỉ theo lời Phật dạy, mà không tin cúng vái bùa chú như ngày xưa nữa. Nghe Lích nói, anh hơi ngượng với Lương.

Lương bàn góp:

- Ủ anh cúng cho chị Pha đi. Anh biết cúng chứ?

- Biết, có điều... tôi không tin...

- Anh không tin nhưng chị ấy tin. Không chừng tỉnh người ra ngay đấy. Cũng như truy điệu ông cụ thôi mà.

Văn Thon thở phào, nhẹ nhõm. Thật ra, anh lo cuống vì Pha, muốn cúng thử xem sao. Anh em Việt vào chùa cũng lạy sư, nghe kinh, dân quý họ lắm. Lích lấy cái đĩa nhôm bày tạm thành mâm cúng. Anh cắt lá chuối rừng lót đĩa, trút gạo lên trên, vốc một dùm con muối, xé một đầu cái phạ phe

để rút mấy sợi vải trắng làm chỉ buộc tay. Bác Cống móc gói áo quần một lúc, lấy ra mẩu nền dự trữ, cắm trên mâm. Bác đứng sau lưng Pha, căng cái áo lót cổ vuông đặc chừng vóc người Pha, định xé theo đường chỉ và đính cúc may vội cho Pha cái áo. Rồi bác lắc đầu, moi trong đáy “kho tạp hóa” của bác lấy cái phạ phe dự trữ, quàng lên vai Pha.

Lương đi soát lại một lần nữa việc chuẩn bị lên đường, để Văn Thon cúng được tự nhiên, không ngượng vì có người nhìn. Anh ra đứng cửa hang, lật xem nốt tập báo cáo số 5, ghi thêm vào trang cuối: “Ngày 17-12 G.M.4 từ Việt Nam lên đóng tại sân bay Pà Thạc. Lúc luống: bốn xe tăng Sécman, tám xe bọc sắt A.M., mười hai pháo 105, ba trăm hai mươi xe bộ binh và hậu cần. Tất cả đều trang bị vũ khí quân trang Mỹ. Cơ sở báo tin có cố vấn Mỹ cùng đi, và chỉ ở lại Pà Thạc bốn ngày”.

Ngồi bút dừng một lúc lâu.

Lương ngoái cổ nhìn. Pha, rồi đọc lại mấy dòng mới viết. Ngắn quá, cộc cằn quá. Anh muốn ghi thêm một chút gì, dù chỉ mấy chữ thôi, để người đọc báo cáo biết rằng cô gái cơ sở Itxala đã mang đến cho đội cái câu cuối cùng trong báo cáo này vừa trải qua những xúc động chắc hẳn là kinh khủng nhất, thương tâm nhất, và giờ đây đang ngồi chết lặng trong hang núi Vượn tôi và ảm... Anh nhấc tập giấy trong lòng bàn tay. Bốn mươi trang lớn, dài quá rồi. Viết báo cáo quân sự tối kỵ cái kẻ lể đông dài.

Lương tháo tấm ni lông khoác đi mưa, rọc một góc gói tập báo cáo. Mũi anh cay cay.

*

* *

Màn sương trắng như nước gạo vẩy chung quanh Pha. Tiếng u u rền ngạt trong sương. Ai nói gì léo xéo, khi xa khi gần. Gọi tên Pha, gọi cụ Thít La nhiều lần. Pha núp trong sương đặc, không đáp, như lúc bé chơi ú tim. Pha không vui, không buồn, người cứ tê dại, nổi bồng bênh.

Tiếng người đến sát trước mặt Pha, gọi tên bố. Pha tức mình, trừng mắt. Màn trắng hé ra một quang sáng, Pha thấy chờn vờn một bóng người to lớn ngồi xếp bằng tròn, hoa cây nền. Trò gì vui thế nhỉ? Pha tò mò lắng tai nghe:

Hồn lìa khỏi xác, hồn lên Niết Bàn, hồn đầu thai khiếp khác, tránh chốn khổ não tìm nơi vui thú, hồn chớ quần quanh ám mãi người trần. Hồn cụ Thít La ời... hời!

Pha giật mình. Chung quanh quang hắt. Bàn tay anh Văn Thon to như nải chuối vẩy hoa cây nền trước mặt Pha:

Đời là giấc mộng, sống thác lẽ thường. Cõi trần đầy đọa mấy mươi năm, nay mừng hồn được giờ siêu thoát. Kẻ ở lại vui vẻ đợi ngày theo hồn về chôn Niết Bàn. Hồn cụ Thít La ời... hời! Kẻ ở lại mừng hồn được giờ siêu thoát, vui vẻ đợi theo hồn về chốn Niết Bàn...

Văn Thon tụng bài kinh dài. Khi còn đi tu, anh đến đám tang đọc kinh bảy ngày đêm là thường. Nhà có người chết gọi là *hươn đi*, là nhà được phúc vì đã cho người về

hầu Phật. Bởi vậy không ai khóc ồn ào, mà lại chơi vui như mở hội. Trai gái thức suốt đêm hát đua tình cạnh quan tài bố hay mẹ. Giờ đây Văn Thon đọc thuộc lòng những câu tiễn hồn người chết và khuyên nhủ người sống, những câu anh nhớ mà không tin nữa.

Pha đã tỉnh hẳn. Máu đông lại trong tim đang chảy dần ra, tỏa khắp thân. Pha ngồi thẳng lên trước cái mâm cúng, nhìn ngơ ngác, rồi túm hai tà phạ phe che ngực.

Bác Cống bung đến bát cháo vừa hâm: “Chị cố ăn cho lại sức”. Pha lắc đầu. Pha không muốn sống. Pha hết sạch người thân như cái cây đứt hết rễ, cổ đứng gượng rồi cũng chết khô. Chết là hết giày vò, hết khổ.

Lương đến bên Văn Thon. Con mắt lạnh chớp vội mấy cái. Anh nói:

- Cố ăn cháo đi chị. Rồi kể chuyện gặp anh Muôn chúng tôi nghe với.
- Tôi giết nó rồi!

Bác Cống giật mình, suýt đánh rơi cái đĩa nhôm bác đang cất. Văn Thon hỏi dồn. Pha nín thinh. Lương khẽ xoa tay:

- Thôi để lúc khác. Chị ăn đã.
- Không.
- Nhịn mãi thì chết mất.
- Tôi muốn chết. Sống làm gì? Làm gì?

Cái gì chặn ngang cổ Lương, khiến anh ngạt thở. Anh nắm bàn tay Pha, thấp giọng:

- Pha đừng nghĩ quẩn. Pha còn anh Pheng đi bộ đội, còn dân làng, còn chúng tôi. Hôm nào đánh đồn, Pha về mà xử cái thằng giết cụ Thít La nhé! Pha trẻ lắm, đừng nghĩ bậy. Buồn thì cứ khóc, khóc to lên...

Pha ngẩng đầu nhìn anh, thều thào:

- Tôi hết nước mắt rồi. Không khóc được.

Hàm răng Pha bỗng rung lập cập. Một ý nghĩ xóc qua đầu như mũi tên: trả thù, phải trả thù, phải sống mà trả thù. Khuôn mặt gầy vụt đỏ ửng. Pha bung bát cháo lên húp. Mắt Pha khô, sắc lạnh, sáng quá.

Lích cười, nháy Văn Thon:

- Thấy chưa, cúng là ma hết ám ngay!

Lương xem đồng hồ, giẫm chân:

- Muộn mất hai giờ. Bác Cống cho ăn cơm nhanh, nửa giờ nữa xuất phát.

Đội chuẩn chiến lên đường về mặt trận bộ lúc nắng tròn bóng. Họ phải trèo núi tám ngày, luôn qua các làng vũ trang của địch theo con đường bí mật số 1.

Bác Công và anh Chum tiến một quãng. Chum thấy lính đồn xuống lòng bắt Pha, đốt nhà cụ Thít La, vội lên lên núi Vượn. Thằng Muôn chỉ bị thương, không chết. Tình hình thế này Pha không về làng được nữa. Đội đưa Pha về khu căn cứ tìm anh Pheng và chữa bệnh.

Bác Công ở lại nắm cơ sở theo dõi địch, đợi bộ đội xuống đánh Pà Thạc. Bác soạn gói tạp hóa chia cho Khiêm một nửa, dặn đường đi nước bước đến đứt lưỡi. Rồi bác kéo Lương ra, rỉ tai:

- Anh về nhớ thu xếp cho Khiêm nó đến thăm con bé Soan một tẹo. Chúng nó đổi nhau. Thằng này tính khá lắm, anh dỗ hộ tôi.

- Được, tôi cũng định thế. Ghen với ông Tuyên, lạ thật cái thằng bé!

Công há mồm:

- Sao anh biết?

- Nghe lỏm. Nó vẫn giấu tôi đây.

Đội đi khuất, anh Chum vẫn đứng bần thần, như đánh rơi đầu mất cánh tay, cái chân. Bác Công búi mãi cái núm tóc đã bạc tiêu muối. Bác để tóc dài cho tiện trà trộn vào nhân dân. Mười lăm phút sau, bác vẫn ngồi búi tóc, hai ngón tay phải xỏ vào cuộn tóc sau gáy, nghĩ gì không rõ.

Khiêm đi cuối hàng, kín đáo đưa ông tay quạt mũi. Hiệu thính viên Sử xốc gọn cái ba lô mang điện đài, ngoái cổ lại:

- Mày nhớ bố không?

- Vớ vẩn!

- Hôm qua, bố Công chinh mày hờ?

- Ủ. Tại tao ném mẩu thuốc lá cho thằng lính gác.

Sử trở mắt. Cánh mũi đỏ phập phồng. Những trò tếu của Khiêm không phải ít, nhưng đến cái nước vào đồn cho lính hút thuốc thì quá sức tưởng tượng. Trước đây Sử hay ghen ngầm với cái điển trai của Khiêm. Cậu trình sát trẻ nhất đội có thân hình cao, dẻo, cân đối, khuôn mặt trắng hồng, môi đỏ chót như con gái đương thì, đôi mắt trong veo và hơi xanh lơ. Nhiều cô trong khu căn cứ gạ đổi mười trâu lấy anh Khiêm về làm rể làng, nói cứ nửa bỡn nửa thật. Về sau, Sử chuyển sang thèm cái tài trình sát và tính táo bạo hiểm có của Khiêm. Các tay trình sát lão luyện, sẹo và huân chương đầy ngực, cũng lắc đầu khi kể chuyện tếu của “Khiêm chuột nhắt”.

- Mày đùa với lính gác thật đấy à?

- Gì đâu. Tao vớ được gói *Cô tạp* trong nhà thằng quan hai, móc một điếu. Chà, đêm rét kinh, mà tao chỉ mặc độc cái xi líp. Đánh diêm trong hàm ếch, nó cóc thấy lửa. Phải cái khói thơm quá. Thằng gác mò đến tìm mãi. Để nó sục lâu thì lộ, tao phải kẹp mẩu thuốc vào lòng bàn tay, úp sấp

lại thế này, nhoi lên đặt sau lưng nó. Cu chàng nhặt được, hút đến tụt dái lên cổ. Nó tưởng trong lô cốt hút vát ra mà lị!

Sử cười phá lên. Một lệnh ngăn truyền xuống: “Im lặng - Lương”. Sử đi một quãng, lại gọi:

- Chúng nó đồn mây định xây dựng với cái Soan bột ở bệnh xá hở?

- Cái mồm!

- Mây vẫn thẳng ruột ngựa với anh em cơ mà!

Sử đánh trúng chỗ yếu của Khiêm. Khiêm lại quệt mũi, buồn rầu:

- Ủ, có thể. Mà nó đá tao. Con gái đưa nào cũng đều mây ạ.

- O, độc miệng thế chả trách...

- Thằng lính quèn, bì thế nào được với ông Tuyên. Thôi chả thèm nói cái chuyện “lãng mạn” ấy nữa.

Khiêm không có cha mẹ, quê quán. Một bà cụ nhặt Khiêm trong bó tã, nuôi lớn lên. Gặp đạo đói kém, cụ dứt ruột bán Khiêm cho một anh làm xiếc chó và bán thuốc cao. Anh này dạy Khiêm làm đủ trò xiếc tả lổ từng phèng, cho ăn roi nhiều hơn cơm. Sau cách mạng, Khiêm trốn theo bộ đội làm liên lạc. Khiêm đội mũ sắt, đeo lựu đạn lệch người, chạy veo veo qua lưới đạn. Cái tên “chuột nhắt” có từ đây. Rồi Khiêm vào trình sát. Cái tài trèo me trèo sấu, chui lỗ cống, nhảy vòng lửa lại gặp chỗ dừng, Khiêm không nhớ mình học lúc nào mà biết đọc biết viết. Khiêm mới lên Lào đã bị thương thủng vai. Về nằm bệnh xá hai tháng lại bị thương thủng tim. Ấy là vì mê cô Soan bột và ghen với trung đoàn trưởng Tuyên. Sự tình vừa đơn giản vừa rắc rối.

Khiêm sốt dữ dội sau khi mổ không thuốc mê, chỉ lơ mơ thấy một đôi mắt. Đôi mắt to, tròn, hơi xa nhau như mắt búp bê. Hơi tỉnh ra, Khiêm thấy thêm cái miệng tươi mơn. Tỉnh hẳn, Khiêm thấy cô y tá mắt tròn, môi tròn, mặt tròn, người cũng tròn mằm mẫ. Hỏi ra mới biết Khiêm đã tát cho cô này một cái ngã chúi xuống chân giường trong khi mê. Lương tâm cắn rứt, Khiêm bèn lăn la xin lỗi. Soan cười, má lúm hai đồng tiền tròn xoe. Khiêm cười theo, xí xóa. Thế là thân nhau.

Soan vừa tròn mười chín tuổi, cái tuổi của những ước mơ đẹp nhất, rạo rực nhất, và thường là anh hùng nhất đối với những cô gái bộ đội. Soan vừa được bầu chiến sĩ thi đua của mặt trận bộ, đang được bồi dưỡng để kết nạp vào Đảng. Nhiều anh cán bộ đặt vấn đề, Soan chỉ nói: “Em đợi độc lập cơ!” Nhưng cái tuổi mười chín nào có chịu đợi độc lập...

Lúc Khiêm ngủ yên, Soan băng khuâng ngắm anh trình sát nổi tiếng gan liền, sốt lên thì hét toàn những sự đâm năm chém mười, đến lúc tỉnh lại hiền như phỗng đất. Ánh mắt Khiêm quán quýt theo Soan nhiều lần. Soan đỏ mặt, đi hay vấp, nói hay lắp, trở nên đáng trí, thường mỉm cười một mình trong gương rồi thở dài rất lâu. Chị y tá trưởng nhận xét riêng: “Đồng chí Soan có diễn biến”. Chị ta người khô hạc, điểm một thoảng râu mép, hai mươi lăm tuổi chưa ưng ai, và khuyên Soan không nên nghĩ đến chuyện chồng con trước thời hai mươi lăm như chị.

Nội quy bệnh xá cấm hẳn thương binh “đặt quan hệ linh tinh” với nhân viên. Nằm yên đấy, chữa khỏi hẳn mới cho phép. Khiêm và Soan quen chào nhau bằng nụ cười. Cũng là cười nhưng ý nghĩa mục đích ngày một khác đi. Cười mãi, ắt phải nói. Nói rằng:

- Đồng chí Soan này...
- Gì hử đồng chí?
- Đồng... Ồ, chị bao nhiêu tuổi nhỉ?
- Đồ anh biết...

Về sau cách xưng hô lại đổi:

- Soan định xây dựng đâu chưa?
- Tôi... ư... Tôi chưa... Tôi đợi đến... còn lâu anh ạ.
- Tôi cũng thế. Cũng thế.

Cả hai cùng luống cuống, ngắc ngư. Soan xỏ cuộn băng rồi quấn lại rồi tung. Khiêm thất gút đầy kín cả sợi dây dù buộc võng, sau đó mất một buổi chiều ngồi tháo gút bằng tay, chân và răng.

Vết thương đã liền da. Chỉ mười hôm nữa Khiêm sẽ về đơn vị. Một buổi trưa Soan đi tiêm thuốc, sờ thấy trong túi đựng một mẫu giấy không ký tên:

Tôi vụng lắm, không biết nói sao cho phải. Tôi yêu Soan lắm, muốn xây dựng với Soan, bao giờ cũng được. Soan không đồng ý thì tôi buồn lắm, vì tôi yêu Soan lắm, Soan trả lời tôi nhé.

Soan run tay, phải nhờ chị y tá trưởng tiêm hộ. Soan đi thẳng đến lán của Khiêm. Lán vắng quá, chỉ có một mình Khiêm ngồi viết gì trong góc. Soan đứng ngăn người cạnh cửa, rồi quay ra rừng như người mất hồn. Soan đứng dựa gốc cây, xé lá vụn rơi dồn thành đống, một đàn ong bay vo vo trong đầu.

Tiếng lá khô sột soạt đến gần, dừng lại. Soan cúi mặt, tim đập như trống báo động máy bay, đất sụt dưới chân. Ai cầm tay Soan thủ thủ rất lâu, vuốt tóc Soan. Người Soan nóng rồi lạnh từng cơn. Cả một rừng chim nổi lên hót ghẹo chung quanh, một giọt nắng đùa dai nhảy mãi trên mũi Soan, bắt Soan phải ngẩng lên bằng được.

Trời xế chiều. Soan và Khiêm cúi đầu vào cái tổ chim rơi, cãi nhau rất hăng. Bốn con chim tí xiu ngoác mỏ, rung tí cái đầu tròn đòi mẹ bón. Đôi bên đồng ý mang về nuôi. Soan tính cho ăn cơm nó mới hiền, mới ngoan. Khiêm cứ nhất định phải cho ăn cào cào, sâu róm nó mới khỏe. Soan đổi, trèo lên cây đặt tổ chim vào chỗ cũ. Soan nhảy xuống, vì trượt chân mới ngã vào lòng người yêu, chứ Soan không cố ý...

Câu chuyện đến đây tưởng đã đầu xuôi đuôi lọt, hay đầu lại gặp trắc trở. Bệnh xá ít thương binh, Soan được điều về mặt trận bộ, công việc ngập đầu, còn Khiêm ở bệnh xá như nằm trên bàn chông. Đồng chí bệnh binh mới về nằm cạnh Khiêm lại là tay ít ư phụ nữ. Đồng chí thường triết lý khề khà:

- Đàn bà nói chung cũng kẻ tốt người xấu, nhưng đều mắc cái tật trông lên, nhất là các ả bộ đội. Hôm nay thích cậu một gạch đứt tròn ⁽¹⁴⁾, mai cảm anh trung đội, tháng sau vợ được ông trung cấp lại mê. Đá đứt cứ xoành xoạch. Cô gì má bánh đúc ở đây hôm nọ, ít nhất cũng đặt tiêu chuẩn “lúc lắc, tích tắc, đứng ngoài hang”. Hầy, nghĩa là phải có súng lục “chân giò”, phải có đồng hồ điện, phải chỉ huy một bê một xê gì đấy...

Khiêm nghe như có con giun bò trong rốn, nôn nao ngứa ngáy không chịu được. Một tối Khiêm lần đường sang mặt trận bộ, nói dối là sang tìm đội trưởng trình sát. Đến lán trung đoàn trưởng, Khiêm đứng chỗ tối dòm vào, Soan đang tiêm thuốc cho Tuyên, nói gì rủ rủ, cười to. Với Khiêm, cô ả chưa cười tự nhiên thế bao giờ. Họ xưng anh em với nhau cứ ngọt xớt. Chao ôi, người sao mà dối, mà tráo trở! Sáng hôm sau, Khiêm cuốn ba lô bỏ đi, không báo cáo với ai cả.

Soan tạm ngớt việc, vội chạy sang bệnh xá. Chỗ Khiêm nằm chỉ còn sạp không. Soan khóc một mình, nghĩ: “Chắc anh đội trưởng trình sát bắt anh Khiêm về gấp. Tội nghiệp, sợ tai tiếng nên không dám viết thư để lại cho mình”.

Khiêm về đơn vị, lấy làm sầu lắm. Bền húi đầu trọc lóc phơi nắng cho đen da, và kể sự tình cho bố Công nghe. Khiêm thề: “Suốt đời con không thèm nghĩ đến nó nữa. Con nói sai, đạn chui qua áo tức khắc!” Bố Công khuyên Khiêm đừng thề vậy mà ra điều duy tâm, chỉ cần hứa rằng: “Suốt đợt công tác này con nhất định gác cái việc ấy lại, không nghĩ vớ vẩn”. Thì Khiêm nghe cũng phải.

*

* *

Những thớ núi trông xa cứ liên nhau thành bức vách tím. Ngọn cây lô nhô xếp lớp như vậy con tê tê, càng lên gần đỉnh càng khít nhau, kết thành đường chân trời khía răng cưa. Đi trên sườn núi, nhìn sang bên kia lưng chỉ thấy một thác xanh đổ dựng đứng, thăm thẳm đến rợn người. Nhưng khi đến gần, sườn núi thoải dần ra, cây hé gốc vừa lọt thân người lách. Chỉ phạt vài nhát dao là mở được lối đi. Con đường bí mật số 1 không có dấu mòn trên cỏ, mà chỉ kéo dài theo vết dao chém rất kín đáo trên thân cây, cách nhau từng quãng chục bước.

Lương bám vào sợi dây leo, bước qua hốc đá. Tiếng sỏi rơi mé sau. Lương quay đầu, kêu một tiếng khế. Pha biến đầu mất, chỉ còn hai bàn tay nắm sợi dây leo lủng lẳng trên miệng vực. Anh túm cổ tay Pha, kéo lên. Pha lặng lẽ gỡ mấy con vắt bám chân, nét mặt vẫn lạnh. Lương buột miệng: “Chịu cô!”.

Đến chân núi, rừng thưa dần ra. Sắp đến sông Nậm Phi, một nhánh nhỏ của sông Nậm Đăm. Đường mòn liên tiếp chạy ngang trước mặt. Lích truyền xuống: “Cởi dép đi chân không, tránh vết”. Quãng này nhiều đá nhọn và gai. Vòm lá quang hắt trên đầu. Mặt trời ướm không chạy loang loáng qua cành lá theo đội chuẩn chiến nữa, mà dừng lại nhìn theo. Ánh sáng nhảy xuống rừng vàng nhợt như lọc

qua bong bóng lợn.

Đội vượt sông Nậm Phi mé dưới làng Phi Lạt cũ, bây giờ chỉ còn lại mấy chục cây cột cháy nhô giữa rành rành cao ngấp đầu. Sông hẹp mà sâu, chỉ có chỗ này lội qua được Súng cầm tay, đội chuẩn chiến dò dẫm bước xuống bãi. Lích và Đại dẫn đầu.

- Rạ ạ-ạ-at! Tặc tặc tặc!

Nước tóe lóc bóc chung quanh Lích. Con dao văng khỏi tay anh, lia một ánh chớp, chìm xuống. Súng trước mặt réo dồn, réo dồn. Các bụi cây phụt khói. Lương nhảy lùi, quát: “Chạy theo đường cũ!”. Anh rút lựu đạn, uốn người ném vút hết đà tay. Quả sắt vàng vạch một đường khói, vo vo bay qua sông. Một quả nữa. Những bong ka ki Mỹ bên kia vừa nhô lên, vội thụt xuống. Lương đẩy Văn Thon đang vẩy súng ngắn: “Dẫn đội rút lui! Chạy đi!”. Khiêm kê các bin trên cành cây bấm liên hồi, nhanh như súng máy. Đạn xối đến tông tọc, bùng bùng, reo reo nhưc tai.

Gió rít như xé vải trên đầu Khiêm, Khiêm chồm lên ôm chân Lương quật ngã sấp. Hai quả đạn súng cối nổ, hất đá rào rào trên lưng họ. Quả thứ ba nổ trên cành cây, ném xuống vai Lương một mảnh gang cháy bỏng. Lương kéo Khiêm: “Rút thôi!” Hai người vọt về mé bên phải. Một cột khói bốc lên đúng chỗ họ vừa nấp. Hút chết!

Mười phút sau, Lương và Khiêm trèo lên đến chỗ hốc đá trơn ban nãy. Tiếng súng mé sông nổ rào rào mấy loạt rồi thưa dần. Chúng nó đang sục. Lương gạt mồ hôi vằn vèo trên mặt, nói không ra hơi: “Đủ cả chưa?” Văn Thon giẫm chân: “Thiếu Lích, Đại”.

Lương bật dậy đi tìm. Văn Thon rút súng ngắn cầm tay, bước lên. Thấy Lương lắc đầu định từ chối, anh sùng sộ:

- Đến nước này, anh vẫn không tin tôi à? Hay là...

Cổ anh tắc lại vì giận.

Tiếng súng lại dậy lên ở phía khác, kéo dài. Một khẩu súng máy nào thỉnh thoảng nổ ba viên một, nhát gừng. Không phải lối bắn của địch. Lương và Văn Thon tụt dốc, ào xuống bờ sông. Văn Thon hỏn hển:

- Có lẽ Súng K.50 của anh Đại...

*

* *

Lích oằn người, lê từng bước, hai tay bung đồng ruột phôi trên bụng. Khoảng trống hốc trong thân loang dần, buốt nhói. Mồ hôi chảy to giọt chung quanh đôi mắt lồi. Anh tìm dấu vạc trên cây. Vấp sợi dây rừng, anh ngã sấp. Hàng trăm mũi dùi lửa từ bụng xói lên óc. Anh mê đi một lúc.

Tiếng xì xồ đầu đây, gần lắm. Bên phải, bên trái, đằng sau, giày đinh giẫm cành khô rôm rốp. Địch giăng hàng đi lũng như săn nai. Lích cắn môi chảy máu. Lích không phải con nai. Lích rút

hai quả lựu đạn trong cái túi gai dệt xanh đỏ, đặt bên tay. Tiếng chân vẫn nguyên chỗ cũ. Chúng nó không biết xem dấu chân như Lích, chỉ tìm hú họa.

Bàn tay Lích sờ cái bùa giữ mạng đeo cổ. Trên người Lích nó là quý nhất. Một tượng Phật chạm bằng ngà voi, một mẫu nanh lợn lòi, ba bốn cái đầu đạn đồng tháo ở những viên bắn không nổ, tất cả khâu trong cái túi dài, xin ông sư phù phép rồi mới đeo. Ba năm đánh giặc, Lích không bị thương chính nhờ cái *cà thả* ấy giữ mạng. Nay nó hết thiêng rồi. Tại Lích vô ý, để nó uestap lúc nào không rõ. Lích tháo bùa, rướn người, cổ treo nó lên cành cây thấp. Đằng sau, bọn địch léo xéo:

- Có dấu máu đây! Coi chừng mình!

Rừng từ từ xoay tròn. Chóng mặt quá.

Tiếng túc chinh rõ dần, cả tiếng trống bập bùng...

Làng Lích mở hội đưa người đi cứu nước. Lích cầm giáo nhảy chung quanh cây hoa trắng lớp những bó xơ tre. Bùng bùng bùng, rình rịch rình! Lích phóng mũi giáo vào con trâu cồng, xuyên đúng sườn ba. Con trâu lồng lên rồi quy. Tiếng reo sau lưng Lích: “Anh Lích đâm giỏi nhất!”. Lích đỡ cái cần hút rượu trong bàn tay mềm, lại nghe: “Anh Lích đâm Pháp chết nhiều, em thương”. Đêm ấy Lích chỉ uống một sừng trâu rượu. Lích cầm cái sáo *khui* đuổi theo cô gái chạy giữa rẫy lúa. Tiếng cười ngất nghẹo lấp tiếng sáo.

- Nó chạy! Nhanh lên!

Chân chạy sầm sầm. Nhiều cái mồm quát um. Một giọng ồm ồm, khô nặc: “Thằng Itxala hàng đi!”. Đúng thằng quan Pháp. Lích cắn chốt hãm lựu đạn. Hai quả sắt âm dần trong tay Lích, như đã xì ngòi. Tay Lích giấu dưới ngực. Lích nằm đợi, tim ngừng đập, ngực không thở, bụng hết đau. Lích sắp về hàu cụ Côm Ma Đam. Kìa quân cụ vác giáo kéo giữa vùng cao Bôlôven, chân đội chuyển núi. Đợi tôi với. Tôi là người Itxala...

- Nó chết rồi.

Thằng Pháp giẫm trên đầu cái xác, day day chân trên mớ tóc xoắn như dăm bào. Cái xác vùng lật nghiêng, phì khói. Hai vạch trắng vọt lên, rơi giữa đám mũ rộng vành bẹp tai. Trời đất nổ tung.

*

* *

- *Hô lê mạnh!* (Giơ tay lên!)

- Mạnh cái chi? Nì lưu mạnh!

Khẩu K.50 khạc lửa. Cái bóng xanh xám lẫn gô xuống sườn dốc. Trung đội trưởng Đại cười khà, vuốt máu chảy trên mặt. Không ai cấm nói to nữa nhé! Cái giọng Hà Tĩnh rền như loa lại oang oang:

- Mẹ mi, còn lưu manh nữa không? Lên đây choa cho ăn kẹo chì!

Díu! Một sợi dây đàn rung lạnh bên tai Đại. Suýt mất thêm mẩu tai nữa là sứt đủ hai bên. Anh dòm qua kẽ đá. Một thằng áo dù loang lổ dưới kia đang kê khẩu tự động Garăng, ngắm rất lâu. Đại quỳ xuống, ngắm lại nó. Díu! Mũ anh nảy bật lên, toác vành. À, nó bắn cừ. Anh nín thở đúng yếu lĩnh, nghĩ nhanh: “Không trúng thì ba tháng luyện quân đổ xuống sông!” Khẩu K.50 nhả đúng năm viên. Thằng địch đang cúi lom khom bỗng cắm luôn đầu xuống bùn. Đại sướng quá, vành tay lên miệng, gào:

- Này lưu manh! Lên đây nhón với chắc!

Bên dưới im lặng. Chừng chúng đợi thêm quân. Đại chạy lạc rừng không biết hướng mô tê nào. Cứ chạy một quãng lại húc vào địch. Chúng nó đuổi quáng quàng. Cuối cùng Đại trèo lên mỏm đồi trọc này, mắc nghẽn luôn. Sau lưng là vách đá dựng đứng trên sông Nậm Phi, trước mặt địch rào kín. Đại cố giữ đã ngót một giờ, vừa đánh nhau vừa chửi, nhớ bao nhiêu câu chửi tuôn ra hết.

Địch lại tấn công. Bốn khẩu súng máy cùng nổ, tung bụi đá trắng mù. Khoảng hai chục thằng khom lưng chạy lên, nấp vào lưng nhau mà tiến. Đại mở nắp lựu đạn chày, bĩu môi nhận xét:

- Chỉ huy tồi! Có điểm mà thiếu diện, thiếu dương công phụ công, lại dùng đội hình mật tập. Choa ăn gỏi đừng kêu!

Anh chỉ ném hai quả lựu đạn. Địch nháo nhào chạy lùi, bỏ lại năm xác. Súng ngừng nổ.

Đại soát lại súng. Chỉ còn vài chục viên tiểu liên, không cầm cự được mấy nổi. Đại bò đến bờ vực ngó xuống. Vách đá cao hơn ba chục thước. Xa tít bên dưới, nước xanh thẫm như sơn dầu. Đại không biết bơi, nhảy xuống là chìm như hòn đá. Anh lắc đầu: “Nổ mần!” Máu trên trán rỉ bết vào lông mày, vòng xuống cằm rơi nhỏ giọt. Đại không đau, chỉ buồn nhức nhối. Đánh giặc, bị bắt là sự thường. Mình cũng giết được hơn chục thằng nằm kia. Liều mạng vô ích. Còn chiến đấu về lâu về dài...

Đại liếc nhìn xuống chân đồi, thốt lạnh người. Súng cối! Họng súng đen đang ngóc đầu dần lên theo bàn tay quay. Đại ngắm thật kỹ, thả một loạt. Hựt! Một loạt nữa. Hai tên đổ kèn. Nhưng khẩu súng cối đã dựng ngược tám mươi độ. Quả đạn vọt lên trời, lao xuống. Tất cả các cỡ súng địch cùng nổ theo.

Đá bay tới tấp. Khói trắng khét xé phổi. Đại nghiêng răng, bóp cò. Tiếng cơ bằm rơi đánh cốc trong buồng đạn rỗng. Đại gằm lên, đập những tảng đá lung lay lăn ào xuống dốc. Ngọn đèn bất ngờ chặn địch được vài phút. Oàng! Đại ngã ngời, cánh tay gần đứt lìa. Cũng trong lúc ấy, như ánh chớp, Đại nhớ đến bộ quân phục trên người và thấy địch xì xồ chung quanh mình: “Áo quần khác, súng khác... Việt Minh chủ lực đến rồi!”. Lộ hết hướng mở chiến dịch! Hơi đạn xô anh ngã dúi. “Nó sẽ tăng viện cho Pà Thạc. Chiến dịch hồng...”

Máu ộc thành vũng bên người anh. Không được, không cho nó bắt! Không cho nhặt xác! Không để lại tí dấu vết nào! Đại chống tay ngời lên, quờ ba lô. Hai mảnh đạn cối xóc vi vu vào ngực, vai. Đại không đau. Người anh mạnh ghê gớm như quả bộc phá cháy hết ngòi sắp nổ.

Bọn lính áo dù hồng học chạy lên, quét tiểu liên mở đường. Khói còn mù mịt trên đỉnh đồi. Thoảng một bóng lão đảo đứng dậy, súng quàng cổ, ba lô đeo lưng, cánh tay buông thõng.

- *Pa pun! Nho mur khun!* (Bỏ súng! Giơ tay lên!)

Một tiếng thét lạ tai. Hình người trong khói chồm vọt lên, biến mất. Cả đại đội lính *Xura pa xô rom* đến bờ vực.

Một đám bọt li ti sôi lên giữa những quãng tròn đang lan rộng, lan rộng. Mặt nước nuốt chửng người rơi. Một con cá sấu trên bãi bên kia lạch bạch bò xuống nước, nằng lìa trên cái lưng sần sùi một đường chấm trắng rợn. Nó bơi ì ạch một quãng, rồi lặn xuống chỗ bọt đang sủi.

*

* *

Tiếng súng tắt hẳn. Tiếng rừng xao xác bật to hẳn lên, nghe lạ tai. Hình như đội chuẩn chiến đã dừng lại chỗ hốc đá này, ngủ mê đi; và cùng thấy một giấc mơ dữ.

Khiêm kéo tay Văn Thon đang trèo lên, hỏi bập bẹ:

- Được không?

Văn Thon thả mình ngồi phịch xuống đất. Lương nhìn quanh, nói rất bình tĩnh:

- Chúng tôi tìm ra dấu máu, nhưng có lẽ chúng nó khiêng hai đồng chí về đồn. Đường số 1 như thế đã bị lộ. Đồng chí Sử chuẩn bị liên lạc với mặt trận, báo tin đội bị phục kích. Dịch mật mã ngay đi, sắp đến giờ rồi đấy.

Khiêm băng cánh tay cho anh Văn Thon.

Trong những lúc này, bộ đội nhìn vào người chỉ huy để đoán tình hình đã nguy hay chưa. Lương chợt thấy tay mình hơi run. Anh thọc tay vào túi, chạm phải lá bùa vẩy máu của Lích vừa nhặt được. Một mảng sương đỏ buông tối sầm trước mắt anh. Ban nãy, anh phải cấu vào ngực để buộc mình không được bắn vào bọn địch láo nháo dưới bãi sông. Khó khăn lắm anh mới giằng được Văn Thon, bắt rút lui. Lương móc con dao cạo trong bao đạn, ngồi soi gương cạo râu, đợi Sử đặt máy. Tay anh hết run.

- Báo cáo anh, mất đài rồi ạ.

Con dao nhảy một cái trên tay Lương. Khiêm ngừng tay buộc băng, nói tiếp:

- Chạy vương. Sử nó vút đâu không nhớ.

Lương đứng phắt lên, rồi ghì chân đi thật thong thả đến trước mặt Sử. Dừng nóng, dừng bồi rối... anh lại cấu vào đùi Sử xanh nhợt như tàu chuối non, lùi một bước. Lương hỏi:

- Cậu đánh rơi đài ở đâu?

Sử không nhớ ra. Sử chạy thực mạng, nghe tiếng chân mình lại tưởng địch đuổi sát gót, càng hoảng. Một sợi dây rừng ngoắc vào ba lô. Sử tụt luôn hai quai mà chạy.

- Không sao cả. Cậu cố nghĩ xem đánh rơi vào quãng nào.

- Hình như... đâu gần bờ sông...

Lương cố nén cơn giận đang lồng lên. Anh quay lại, kể qua việc mất đài với Văn Thon. Văn Thon rút súng ngắn, thay băng đạn đầy vào, đến kéo vai Sử:

- Ra đây!

Sử đứng lên, lại khụy xuống, đưa mắt nhìn Lương van xin. Văn Thon gắt:

- Kia, ra chỗ này.

Anh vung súng ngắn, chỉ một gốc cây trước mắt:

- Đi lại đằng kia!

Sử thất thểu mấy bước, đợi phát súng xuyên lưng. Lương đứng sẵn cạnh Văn Thon, lo thấp thỏm. Văn Thon chỉ chăm chú nhìn vết dệp cao su trên mặt đất ướt, rồi vẫy Lương. Hai người đâm bổ xuống dốc, đi tìm điện đài theo dấu chân Sử.

Nửa giờ sau, họ mang về cái ba lô vuông. Sử lập cập mở khóa, bung đài ra. Chánh lấp ragônô quay rè rè một lúc lâu. Bóng đèn xanh trên đài tắt lịm như mắt mèo chết. Đài vỡ hỏng nhiều quá, không chữa được, chỉ còn là cục sắt lạnh.

Từ nay, đội chuẩn chiến 3 rơi tõm vào im lặng. Người dẫn đường cuối cùng đã hy sinh.

Lương trải tấm bản đồ in litô trên cỏ, đặt địa bàn lên chỉnh hướng, hồi hộp tìm... Hai con đường bí mật luồn qua vùng làng vũ trang của địch được đánh dấu bằng hai đường chấm len lỏi băng rừng, chạy giữa những hình tam giác đen nằm rải đều từ sông Nậm Đăm ngược về phía Bắc, mãi đến gần sông Xê Ban mới gặp những vòng tròn trắng - làng của ta. Từ đây về đến mặt trận bộ đo được hai mươi bốn phân. Bản đồ tỉ lệ một phần năm mươi vạn, vị chỉ là một trăm hai mươi cây số theo đường chim bay. Hôm chọc xuống Pà Thạc đội đi mất hơn bảy ngày mới đến chỗ này. Bây giờ về...

Văn Thon khĩa một vết móng tay từ đường số 1 chéo sang đường số 2:

- Phải vòng hướng này.

- Có chắc tìm ra được đường số 2 không?

Văn Thon chặc lưỡi, hơi khó chịu:

- Không chắc cũng phải đi... hay là để một số anh em quay lại Pà Thạc, tôi với anh về mặt trận bộ báo cáo?

Lương gọi toàn đội lại cùng bàn. Chánh muốn trở lại núi Vượn:

- Mất cậu Lích, đi mò mẫm nhất định bị nó tóm. Pháp không bắn thì bọn võ trang cũng cắt đầu đổi muối.

Sử và Pha không nói. Khiêm xin đi theo Lương và Văn Thon, để ba người kia đưa nhau về núi Vượn. Chánh lờm Khiêm, thở phào ra mùi rượu, không hiểu uống lúc nào:

- Chúng tôi không quen đi rừng. Anh Văn Thon đưa chúng tôi trở lại Pà Thạc rồi đi đâu

hăng đi.

- Đường số 1 mới đi qua đây! Cứ lần theo dấu vạc...

- Đã bảo đường số 1 lộ rồi còn. Anh Văn Thon biết đường số 2 ở đâu dẫn cánh này về cái đã, vội gì.

Thế là tắc nghẽn. Chỉ một mình Văn Thon có thể dẫn đường, đội không thể chia ra hai bộ phận, một đi một ở. Chánh khăng khăng đòi cả đội rút về núi Vượn:

- Trên mặt trận thiếu gì liên lạc. Đợi lâu sốt ruột họ khắc cho người xuống tìm ta chứ lị.

Khiêm gắt:

- Bộ đội đang ùn đông lại đây chớ xuất phát...

- Hăng cứ đánh nơi khác đã, cái Pà Thạc để sau!

- Mày cứ nói như trẻ con!

- Đẳng ấy định cà khía hử?

Văn Thon huých Lương:

- Rõ rồi đấy. Không còn cách nào khác.

Lương can Chánh và Khiêm. Anh đưa tấm bản đồ, cái địa bàn Nhật và con dao còn sót lại cho Văn Thon, cử chỉ không cố ý mà trịnh trọng như trao cờ khi xuất quân công đồn. Từ phút này, toàn đội trông cậy vào cái tài mở đường rừng của anh đại đội trưởng Lào.

Tiếng máy bay trên đầu vút bùng to. Một chiếc trực thăng lượn qua sườn núi, vè vè bay sát ngọn cây. Thằng phi công thò đầu dòm xuống, nghiêng nghe. Chúng nó vẫn lòng riết.

Lương nhìn lướt qua anh em một lượt. Luồng mắt anh dừng lại trên mặt Pha. Giá lúc ấy đừng để Pha đi theo đội... Anh nói vắn tắt:

- Chúng ta đứt liên lạc, mất người dẫn đường, mà phải về báo cáo với Ban chỉ huy mặt trận và đưa bộ đội xuống đánh Pà Thạc. Tám ngày nữa phải đến mặt trận bộ, nếu không chiến dịch sẽ bị lỡ. Anh Văn Thon sẽ cắt đường đưa toàn đội đi sang đường số 2, đi rất gấp. Kết quả chiến dịch Pà Thạc do chúng ta quyết định đấy, các đồng chí nhớ cho. Chuẩn bị xuất phát!

Mọi người đứng lên. Chánh chui ra khỏi bụi rậm, ngồi xuống cạnh cái máy ragônô. Mặt Chánh đỏ hơn ban nãy.

Văn Thon rẽ sang tay phải. Khiêm đi sau, súng lên đạn sẵn cặp nách. Tiếp đến Sử và Pha. Chánh ngó ngoáy chân, vẫn ngồi. Chánh vừa tu nốt chai rượu cô nhắc giấu trong ba lô, vớt vỏ chai trong bụi. Lương đập vai Chánh, cố dịu giọng:

- Lại say bét nhè! Đi thôi cậu.

- Có mà phải đại!

- Cậu muốn ở đời đây à? Đẳng trước đi xa rồi kìa.

Mắt Chánh đỏ quạch. Chánh co một tay lên gân, kè nhè:

- Này đừng hòng dọa. Đây lên non xuống biển đã từng, đây đéch sợ thằng nào. Bàn với đảng ấy thế này này, cánh mình...

Khấp người Lương bốc lửa. Một tay anh rút súng ngắn, một tay anh túm cổ áo Chánh dựng hẳn đứng lên:

- Đi!

Chánh líu lười:

- Anh.. anh định...

Lương bật khóa hãm đánh tách, từ từ đưa súng lên ngang mắt. Chánh vồ lấy cái ba lô đựng máy, khẩu súng trường Anh, xách hai tay hai thứ cấm cổ chạy theo đội. Lương nhặt cái bao gạo của Chánh quàng lên vai mình, đút súng vào bao.

Dưới rừng già, mặt đất phủ một lớp gai hồ ngươi dày, như tấm thảm xanh xù lông rắc những hoa hồng nhạt bé tí. Đội đi trước khua hồ ngươi khép lá, thành một vệt dài sẫm màu ngoằn ngoèo luôn qua các góc cây, chạy hun hút vào rừng. Lương đi cuối cùng. Sau lưng anh, hồ ngươi lại thông thả dựng cành xòe lá, khóa lấp con đường của những người đang bước vào cuộc thử thách lớn nhất trong đời.

VI

Đêm đến, làng Phi Lạt nhắm mắt nín thở sau hàng rào lông nhím. Những người đi phu về ngồi trên đầu cầu thang, bốc ăn chập chuội mấy nắm củ *còi* chấm muối ớt, miếng mặn miếng nhạt. Pháp cấm đốt lửa. Mè đồn đèn sáng giăng giăng. Họ ngó về chỗ ấy, miếng củ nổi gai trong cổ, không nuốt được.

Riêng nhà mè Xi cứ đốt lửa. Con gái mè trở dạ đẻ. Lão nai bản dẫn lính làng đi tuần, đảo qua mấy lượt bắt đập lửa. Mè đứng trên nhà chửi xuống xơi xơi: “Mày là cháu tao, con tao không gì cũng là chị mày, chẳng giúp được thì chớ lại còn gây sự!” Cái bùi trên cổ mè nhảy lên, đôi vú một bên dẹt một bên đầy cũng nhảy lên theo ngón tay xĩa xối. Bọn kia phải lảng, không dám trêu vào bà lão, vì đứa nào cũng có họ hàng dây mơ rễ má với mè Xi cả. Anh Chum đắp sên bay chưa về.

Mè chạy tròn con quay trong nhà. Nghe tiếng rên mè lo quắt ruột. Mè ra ngồi bếp, kéo củi ra lại đẩy củi vào, lóng ngóng như người mù tìm gậy. Mè chực mãi từ chiều, đứa cháu vẫn không ra, chỉ quấy đập trong bụng mẹ. Nó giận. Mè nói một mình cho đỡ sốt ruột:

- Tao ăn muối nhiều hơn chúng mày ăn cơm, mà bảo cấm biết nghe. Báng bỏ cả lũ. Hồi xưa

tao với bà vợ cụ Thít La kiêng khem lắm mới nuôi được con gái. Con Pha cũng bị giết đầu trên đòn rôi. Cụ tiết nòi giống rồi cụ Thít La ơi... Chúng mày hồng, hồng. Bảo phơi váy ngược cho con nó ra đầu trước chân sau cũng quen. Tao dặn chớ ăn cà to mà bị bọc nước trong thai. Ăn nhộng ong sau này con nó quấy...

Chị vợ anh Chum đang rên quần quai trong buồng, bỗng nín hơi một lúc, cãi mẹ:

- Con quên bao giờ?

- Ủ, mày không quên. Chứ đứa nào ngồi bậc cuối cầu thang hôm nọ?

- Ôi... Lạy Phật cứu khổ... chết mất... ngồi cuối cầu thang từ khi chưa có mang, mẹ cứ lú lẫn... ôi, *dà ơơơ!*

Mè chạy nháo vào buồng, bày sẵn cái nia để đặt đứa trẻ vào đấy. Mè ra ngoài, vịn tay thì thảo với cái bóng mình trên phen: “Mời thầy cúng đến xem. Lấy ai đi mời bây giờ hở Phật?” Hàng xóm vắng quá. Đàn ông đi phu cả. Chị cháu mè lên cơn sốt rung sập. Cô gái nhà bên bị quan đồn gọi, giữ lại mấy đêm chưa trả. Không ai chạy việc giúp mè, còn nói chi đến cái sự tụ họp ngoài nhà, đàn hát làm vui cho người đau đẻ theo tục xưa! Tiếng rên xoắn vào tai, lòi giật mè vào buồng, lại đẩy mè ra.

Anh Chum đâm bỏ lên nhà, hỏi dồn: “Nó ra chưa?” Mè Xi rên rầm, đay đả con rề như chính mè đang đẻ khó. Bỗng mè nín tấp. Một vệt đen cắt chéo ngang mặt Chum, che lấp một mắt. Cái môi sưng vều. Mè lấp bắp: “*Xa thú!* Nó lại đánh mày ư con?” Chum không đáp, chỉ ngậy mặt nghe tiếng rên, bóp vụn một mẫu củi. Cánh tay cũng vằn mấy đường tím như rấn quần xà nhà. Mè Xi đẩy anh:

- Vào đi con. Vào cho nó dựa lấy hơi.

Chum ngồi cho vợ dựa lưng. Chị vợ quờ bàn tay chồng, nắm chặt như người sắp chết đuối bấu vào dây. Mồ hôi trên lưng vợ thấm qua áo đến lưng Chum, nóng hổi.

- Em ơi, vợ quý ơi, cố lên!

- Chết... em chết mất... ôi! Quỷ nó ăn ruột đây mà... Lạy Phật, lạy Phạ In, lạy Nang Tholani... ôi!

Một tiếng cú rúc ngoài xa lọt qua hơi thở hồng hộc nóng bỏng bên vai Chum. Anh giật mình. Từ nãy, anh đã nghe cú rúc hai lần, ba lần, không để ý đến ám hiệu. Bác Cống đợi từ chiều...

- Vợ quý ơi, em níu vào cột nhé. Dựa đây! Thế!

- Em chết...

- Em ngồi vững chưa? Anh đi lấy thuốc, gọi người giúp...

Sợ mè Xi chửi, Chum nhảy ào xuống đất, vọt ra rùng. Bác Cống đợi đã hơn một giờ. Chum đứng ngẩn một lúc mới nhớ ra tình hình:

- Bọn ba trăm xe mới đến không đào hầm. Chúng nó chặt cây gác qua loa. Vợ tôi đẻ bác ạ... Thằng Muôn không chết. Đồ trời đánh! Sáng nay nó lại quật tôi một trận, nó nghi tôi giấu chị Pha. Máy

bay xuống hai chiếc to. Thằng Mỹ đến, tôi nom thấy cứ tưởng con buôn. Bọn lính bảo nhau nó tinh lắm, nơi nào cũng đi xem. Nó mặc Tây như thằng tỉnh trưởng, gầy lêu đêu...

Một tiếng rú dài ngạt hơi. Chum hộc lên:

- Vợ tôi chắc chết! Đau bụng từ sáng, không đẻ được.

Chum lẩy bầy ngòi bệt xuống đất, úp mặt trên hai gối. Cống sờ nắn cái gói tạp hóa đeo lưng, nghĩ một lúc. Rồi bác theo Chum về nhà, trèo lên cầu thang sau mái hiên. Chum ra trước nhà, đứng gác. Mè Xi tròn mắt:

- Mày dẫn ai về đây hử?

- Thầy cúng. Mẹ đừng vào buồng, để ông ta phù phép...

Nửa giờ sau, trong buồng im tiếng rên. Đột ngột, tiếng khóc oe oe bật lên khiến Chum ứa nước mắt. Mè Xi vào buồng, chỉ thấy con gái nằm thờ trên chiếu và đứa bé quấy khóc trong cái nia. Từ đầu đến cuối mè không nom rõ ông *mở xado* (thầy cúng), cũng không nghe ông nói câu nào. Mè xoắn xuýt giục con rẻ:

- Phúc đức! Mày bắt gà cho ông đi. Bắt con mái vàng đang đẻ, lấy chai mật ong...

Chum chạy ra đến gốc me cạnh hàng rào, thấy Cống đang lau tay. Bác dúm cho Chum mẩu quế. “Anh mài cho chị uống. Che buồng lại thật kín nhé. Đừng cho đi tắm ngay. Bà con ở đây mới đẻ vài hôm đã ra suối tắm, dễ ốm lắm”. Chum đáp ứng: “Bác ạ, bác...” Anh vợ bàn tay Cống áp vào cổ vào mặt mình, ghen lời.

Sáng hôm sau, mè Xi còn giục con rẻ đi lễ tạ:

- Cái móng con gì ông *mở xado* đưa mày ấy, uống nóng hơn uống rượu. Mày bắt con mái vàng béo nhất, lấy chai mật ong...

Nhưng con gà mái vàng đã bị bọn lính đi tuần cuỗm mất tối hôm qua, giữa lúc bối rối. Vết giày đinh hằn rõ cạnh ổ. Mè Xi tắm cho cháu xong, ra đứng đầu hiên nhà chửi có ngành có ngọn. Cả làng không ai biết chửi như mè cả, nghe mè chửi lính ai cũng sững bụng.

*

* *

Hòn núi Vượn vẫn sừng sừng nhô cao cái hình thất cổ bông bí hiểm. Nhưng trong hang núi Vượn, từ ngày đội rút đi, chỉ còn một mình bác Cống lui lủi ra vào như con dơi bay trong nhà hoang.

Bác Cống ngồi xồm trước cửa hang, tỉ mẩn gọt khúc ngà voi thành cái cán dao găm. Thằng Khiêm thích con dao găm cán ngà. Bác đi đào củ rừng, vớ được cái xác voi chết, đôi ngà dài hơn ba gang. Bác vác ngà về gọt cán dao cho con nuôi, chạm cả lá cờ có ngôi sao vào đấy.

Đàn vượn trắng trong hang chui ra, nhấm nháy dòm bác, rồi vọt lên cây hú gọi nhau đồn dập. Bụi phấn bay lả tả trên lá. Gãi lông một lúc, chúng đen dần. Bác Cống để cho vượn vào ngủ hang

tự nhiên. Đôi gấu nâu cũng kéo đến. Hôm đầu gấu còn làm dữ, đứng dựng hai chân xù lông hét inh. Không thấy ông cụ kia tranh ăn hạt dẻ, gấu làm lành. Đôi bên quen nhau. Gấu liếc mắt nhìn người, gãi mõm ra đáng xin lỗi, rồi bám gốc trèo lên cây. Thỉnh thoảng chúng ngừng nhai, gật gù. Bên dưới, bác Cống ngồi gọt ngà voi cũng gật gù cái núm tóc củ tỏi, theo đà nghĩ ngợi.

Thoạt nhìn ông lão mới bốn mươi bảy mà còm cõi như ngoài sáu mươi ấy, không ai đoán là tay trình sát vững kiềng dân vận cừ. Bác Cống quanh năm mặc quần cộc phơi cặp chân đầy lông, nhưng áo somi luôn luôn cài cúc tay và nhét trong quần cộc cẩn thận. Kề kề cái bọc “tạp hóa” gói trong phạ phe đeo lưng, từ cái bắc bật lửa đến cái kéo cắt tóc, sợi dây trói tù binh đều có đủ. Ai xin gì bác sẵn lòng cho, nhưng tay đưa mà miệng căn dặn đến phát ngáy với cái câu kè cà: “Ấy tức thị rằng là...” Người chậm, yếu, nhưng lĩnh việc gì cứ nhằn nha làm kỳ xong, chắc như cua gạch.

Ngày mới gặp Khiêm, bác không ưa cái thằng nom như con gái mà lêu têu nghịch quấy, trẻ chẳng tha già chẳng thương. Tổ Đảng giao cho bác đào tạo Khiêm thành trình sát. Bác dạy một nó làm được hai ba, chỉ hơn tháng đã tuồn vào đồn như con chạch, bác cứ phải nắm cẳng kéo lại. Đến cái đêm bác sốt thương hàn, nó cầm đuốc chạy suốt bốn mươi cây số đường rừng về bệnh xá lấy thuốc cho bác, thì bác đâm phải lòng đứa con nuôi nhận đùa mà thương thật. Nó khổ mỗ côi, đầu không chẳng đít không rể. Bác chất chiu để dành được hai trăm Đông Dương, định tổ chức cho nó cưới cái Soan xong bác hăng về hậu phương mà tăng gia, nộp thuế nông nghiệp nuôi đồng đội.

Về hậu phương...

Cấp trên cho về mấy lượt, bác còn chần chừ. Bởi cái lão chánh Tam thôi tai râu quạp cấm ruộng bác vẫn còn trờ trờ làm chủ tịch Liên Việt xã, ngồi đầu cũng khoe công tác Việt Minh từ hồi còn bóng tối. Chả đạo trước khởi nghĩa nửa tháng có anh cán bộ Việt Minh đến ở nhà lão mấy hôm, thế thôi. Bây giờ ban ngày lão hăm hù đi đòi tô, tối đến họp thôn lão kêu gọi đoàn kết hy sinh. Bác ngại khi giải ngũ về làm việc với lão, nóng tiết lên lại phạm chính sách. Mà đảng viên không nhận công tác địa phương thì bỏ cho ai?

Ngày xưa hai vợ chồng anh Cống ăn cơm vay cày ruộng rể, chiều ba mươi Tết còn lội đầm móc củ sen ăn cầm hơi. Quần quật như trâu lặn suốt một năm mới vớt xong sáu sào bảy thước tư đất màu trên đồi hoang, vợ chồng ngõ phen này mở mặt được đây, bèn mua cả hai lạng thịt về cho con sướng miệng một bữa. Lão chánh Tam bấy giờ mới lật sổ địa bạ, chiềng làng rằng đất đồi ấy của lão trung khẩn, nộp thuế nhà nước từ lâu. Anh Cống uất máu chửi vung. Lão nhe răng cười, để đấy. Đến vụ thuế anh xin khất tạm hai hào, bị lý trưởng con lão bắt lên cùm một ngày một đêm, đánh đủ hai chục hèo mây. Chị Cống phải bán chạy con lợn, biện gà rượ lên xin mãi mới lĩnh được chồng về, thành thử khất hai hào hóa đi ba tong ba đồng bạc. Anh Cống bỏ làng ra tỉnh kéo xe hơn năm, khi về chỉ thêm được đôi dép cao su mỏng, có cái quai xỏ ngón chân trở vào cho con nó nghịch. Anh lì lì như người ra đại, hay gắt vợ đánh con hơn trước.

Anh hỏi dò cụ đồ được tên cúng cơm ông tổ lão chánh Tam là lý Nòng, bèn đặt tên thằng con út là thằng Nòng. Trước chỉ gọi là thằng Cún. Hôm nào rồi việc nhớ chuyện cũ anh ra quán chợ mua xu rượu, ngồi nhăm nháp rõ lâu cho thiên hạ thấy, giả vờ nát rượu say lử cò bợ tuy rượu chưa đủ cay mồm, rồi về nọc thằng cu Nòng ra. Tay anh quát roi đen đét xuống chiếu, miệng anh réo đến ngũ đại lục đại thằng Nòng ra chửi inh làng nước. Phải cái bố con chánh Tam xem trong gia phả thấy ghi tên cụ tổ là lý Nòng, nên tuy ngờ ngợ mà không động lòng, mặc anh Cống chửi thì anh Cống nghe. Chỉ tội cho thằng cu Nòng không ăn roi mà khiếp quá bị đòn hằn, nhác thấy bố là lẩn. Đến năm đói nó chết sau cùng. Đã hấp hối mà thấy bố khóc lại tưởng bố say, nó còn chấp tay van.

Mãi đến bây giờ, nghĩ đến gia đình, bác Cống lại thấy hai bàn tay khô đen như cẳng hạc của thằng con út thò ra dưới mép chiếu, vái vái bố. Chao ôi con!

Bác Cống buông khúc nga voi gọt dở, quờ tay đâm đâm lưng, thở dài.

Thôi thì trước sau cũng phải về, phải đoàn kết với chánh Tam ít lâu nữa. Đánh Tây xong là người cày có ruộng, nhất định thế. Làm cách nào có ruộng thì sau này Đảng bảo cho, áng chừng cũng chả khó... “Tây không sợ, sợ đêch gì thằng râu quăp thói tai! Hăng cứ nhả ruộng nông dân ra, trả sáu sào bảy thước tư đất màu của ông đây rồi đoàn kết thì đoàn! Nào, có muốn ăn báng súng không thì bảo?”. Những nghĩ suông cũng đủ mát ruột...

Đàn vượn hú dòn, chuyển ra xa. Đôi gấu ục ịch bỏ đi. Cống quờ tay lấy tiểu liên, đứng dậy. Anh Chum xồng xộc chạy lên dốc núi. Khuôn mặt sần sùi mụn cá lúc này cắt không ra giọt máu. Cả vết roi bầm chéo ngang mặt cũng xanh nhợt.

- Nó bắn chết đội anh Lương rồi bác ơi!

Khẩu súng buột khỏi tay Cống.

- Thế nào?

- Nó phục ngang sông Nậm Phi, bắn chết sạch. Mỗi đồn kiêng về một xác.

Chum òa khóc to. Cống nhặt khẩu súng, lau đất bám, lau mãi một chỗ như máy. Chum ném trên bệ đá một gói lá chuối con:

- Nó đặt anh Lích nằm trên bàn, gọi dân đến. Ruột anh lòng thòng, mắt còn chớp. Nó rút dao mổ bụng lấy lá gan... Anh còn chửi, còn thờ... Đây này, mỗi người phải bỏ hai đồng mua một miếng gan. Nghe nói các đồn khác đều làm thế cả.

Cống vẫn lau hoài cái báng súng. Một bàn tay lông lá bóp mạnh tim bác đến vỡ tung. Bác nuốt nước bọt, tưởng nuốt hòn than lửa. Chết hết... Không, vô lý! Không thể chết cả một lần từng ấy người!

Buổi chiều, súng các bọp trên đồn lại nổ ba tiếng gọi phu.

Dân làng Phi Lạt kéo đến. Một dây người đen sạm, mắt trắng dã, mặc áo lính ngụy rách như lá chuối héo. Có ông cụ đi chen giữa, hình như người thiếu số. Hai tai đeo lủng lẳng hai khoanh ngà

vòi tròn, tóc búi sau gáy, đóng khóa, trông người gầy gù lom đom. Ai hỏi gì, cụ chỉ bấm be, bấm be. Anh Chum đỡ lời:

- Ông lão trên núi xuống mua muối, đi thay vợ tôi đang đẻ. Khốn nạn, cầm điếu từ bé.

Thằng Muôn đứng cạnh cổng, cánh tay buộc băng treo trước ngực, tay kia vẫn ngoe ngoáy cái roi da. Nó đi vòng qua những chỗ cuốc đất đắp sân bay. Ông lão nhả nha dọn gốc gần bọn lính. Bọn này kháo nhau đủ chuyện. Thằng Muôn đến. Nó cười gằn, hàm răng vàng bật tia lửa:

- Chúng mày có thằng chết. Tao biết cả.

- *Thàn* biết gì?

- Bảo nhau bắn lên trời chứ gì. Chó đ. mẹ chúng mày! Tao cho hai thằng vào tù rồi. Đi phục kích, mới thấy Itxala nhô ra đã bập ngay.

- *Thàn* ngứa mồm, cứ nói. Dọa già đây đểch sợ.

- Mày dám nói thế hở?

- Đây còn lưỡi, đây không buộc không vu ai. Cái bọn nói điều, ra trận hay ăn đạn trước.

Chả Trời Phật phạt tội mà.

Muôn tím mặt, vung roi. Hai người lính gân mặt, ngoáy ngoáy một ngón tay trên họng súng.

Muôn quay lại, quát ông lão dọn gốc:

- Thằng khọm, nghe gì?

Trên cái lưng còng bật lên một con lươn đỏ sậm. Cụ già bấm be lảng đi. Một người lính nhô toẹt, nói to:

- Con gái ông tỉnh trưởng chắc đẻ ra vượn mày ạ.

- Đúng cái giống thằng Muôn.

Cả bọn cười. Một chiếc máy bay lên thẳng lừ lừ hạ, bên sườn nó vẽ chữ thập đỏ. Bốn năm cái cánh chui thun thút vào bụng nó. Giữa bọn lính, một câu lè nhè:

- *Bạc hà măn!* Chúng nó vắt khối xác trong rừng. Ngay chỗ suối đằng kia còn một cái chân thò ra, thối hoăng.

Tối hôm ấy, tổ Itxala làng Phi Lạt họp ngoài rừng.

Chum đánh lửa châm đèn chai. Ngọn lửa đào hõm thêm những hố mắt đen, sâu, điểm một chấm trắng dưới đáy, gọt nhọn các gò má lồi xương như sắp chọc bung da. Tám hội viên bó gối nhìn lửa, không nói, sợ mở miệng sẽ bật ra tiếng khóc mất.

Bác Cống ngồi né sau lưng Chum. Bác vẫn đóng khóa, cởi trần. Chum bắt đầu báo cáo. Anh cố gò đúng những từ chính trị nên áp ứng.

- Tổ ta họp gấp vì có tình hình xấu. Đội anh Lương bị phục kích (một chị sụt sịt). Anh Lích bị bắt mổ bụng. Anh không khai cơ sở. Nhiều người tưởng đội anh Lương chết cả. Sai, sai hết. Đội vẫn còn...

- *Xa thú!*

- Tin đâu thế?

- Anh Văn Thon nói hờ?

Cổng gãi tai định nói, lại im. Bác sợ lần việc của Chum. Chum đợi mãi không nghe bác lên tiếng, lại báo cáo:

- Bác Cổng với tôi đi phu đồn, nghe rõ hết. Thằng Muôn chửi lính làm phản, thấy Itxala vội nổ súng ngay cho họ biết. Cơ sở lính nguy cũng nói vậy. Địch chết nhiều, đầu ngón hai chục. Dân các làng gần sông Nậm Phi thấy nó khiêng về một mình anh Lích. Thế là đội thắng, hiểu chưa? Đội về gọi quân xuống đánh Pà Thạc. Ấy nghĩa là chúng mình nay mai ngóc cổ lên được...

Ánh lửa bùng cao hơn. Các khuôn mặt dần dần nếp nhăn. Chị đang sục sục cũng quệt má, cười. Chum im một lúc bỗng nói tương lên, không đáp ứng nữa:

- Mẹ nó, giết thế chó nào được hết Itxala! Còn Pháp là còn khô, còn khô ắt còn người nổi dậy đánh Pháp, còn Itxala. Nó chặt một đầu ta mọc chín đầu, để rồi xem cá ăn kiến hay kiến ăn cá!

Đột ngột, tiếng voi rống vọng đến. Không phải tiếng rống vui hay sốt ruột của con voi chở hàng nom thấy bầy. Nó là tiếng rú ăng ặc lạc giọng của con vật bị chọc tiết sắp chết còn rướn lên tiếng gọi bầy cuối cùng, khi bọt máu đã phòi ra dưới cổ.

Một người nói, môi nhợt chỉ hơi máy:

- Con voi cụ Thít La. Nó không dậy được nữa.

- Chúng mình rồi cũng thế...

Câu nói như ngòi lửa châm vào thuốc súng. Một anh thanh niên chồm lên, thở hồng hộc, đấm nắm tay vào lửa, hét:

- Cũng thế mà được à? Thù oán chất lên núi núi sụp, đổ xuống sông sông đầy. Đợi mãi rồi. Bầy khẩu súng kíp của cụ Thít La không bắn rồi gỉ hết, làng Phi Lạt không vào núi cũng chết hết. Ai vào du kích với tôi?

- Tôi. Đánh ngay bây giờ!

- Muốn ăn tim voi phải chịu gai cào!

- Lão nai bản mới mang về tám thứ thuế nữa, vị chi mười chín thứ. Cây cau năm đồng, con trâu ba chục...

- Người Lào không phải sâu bọ nhé!

Tổ Itxala nhón nháo, chửi vung, chẳng ai nghe ai. Chỉ có ông lão ngồi lẩm nhẩm tính mãi các thứ thuế trên đầu ngón tay là không quát tháo: xe bò ba chục, máy khâu trăm rưỡi... ấy là anh ruột của nai bản. Ông lão tính chán, rồi xua tay nói tự nhiên:

- Khoan, im tôi nói... Tối nay bắt thằng Muôn đi đánh bạc, tể cụ Thít La với anh Lích. Sau đó lấy súng của lính làng, sáng sớm mai úp luôn bọn đi tuần. Cả làng chỉ gọi một tiếng là chạy vào núi

theo ta cả. Thằng nai bản em tôi hậm hộc thế, chứ không lòng dạ nào bán làng cho Pháp đâu. Các anh còn trẻ, ăn chưa no lo chưa tới, đừng hét inh lên mà lộ. Đánh giặc phải im, phải kín chứ!

Bác Công sững sờ nhìn quanh khắp tổ. Không, bác không ngờ được lòng căm thù của dân Pà Thạc đã mạnh và sâu đến thế. Từ anh thanh niên xóc nổi, chị phụ nữ hay khóc, đến ông lão đếm đầu ngón tay tính thuế lắm cảm kia, ai cũng như cái bẫy căng quá sắp tung dây, phóng ra một loạt mũi lao tẩm thuốc độc. Người bác cồn lên, sung sướng và lo ngại. Tổ trưởng Chum sẽ xử trí thế nào đây?

Chum lặng lẽ nhả khói thuốc, đợi mọi người hơi nguôi mới nói. Anh trầm giọng nhắc lại nhiệm vụ của cơ sở Itxala khu đồn dân. Những người uất đến quần trí cũng im lặng, nghe. Họ không được đánh. Phải cắn răng chịu đòn nữa, nộp gạo thịt, đi phu, đổ máu, phải uống nhiều nước mắt nữa để thu góp từng con số, từng mẩu tin, góp vào một bản báo cáo nào đó. Quét được địch, cứu được dân hay không đều trông cậy vào bản báo cáo. Trong tổ Itxala, chưa ai trông thấy nó bao giờ. Nhưng nó quan trọng thế, chắc phải rộng bằng tàu lá chuối, và dày như mấy bộ sách lá cọ chép thơ của cụ Thít La.

Mãi đến nửa đêm, tổ Itxala còn bàn việc kết nạp hội viên mới. Cảm tình hội thì nhiều, nhưng sàng đi lọc lại mới chọn được năm người. Cô bé Lả mới mười bảy tuổi được ghi tên đầu tiên. Hôm nọ thấy lính xuống đốt nhà chị Pha, Lả kéo hơn chục phụ nữ ra giằng xé, hô hoán rầm làng nước, cuối cùng giật lại được mấy bộ sách cổ, cái đàn *khoong vong* có mười sáu đĩa đồng và bộ đồ rèn.

Một chị đề nghị bà mẹ vợ của Chum. Cả tổ phá lên cười ồn ào:

- Vào để chửi tổ trưởng đây chứ?
- Cừ bà ta làm cái việc đánh giặc mồm. Ha ha ha!
- *Xa thú!* Đừng khinh phụ nữ...
- Chết, chết, mè Xi cũng là đàn bà thật à?

Một đàn vạc ăn đêm đang quần trên cái chấm sáng le lói giữa rừng đêm đen ngòm. Nghe tiếng cười, chúng giật mình bay lảng ra xa, kêu quang quác.

VII

-... Hành quân bôn tập, đôi khi vội quá không kịp uống nước, quân tướng kéo nhau chạy thực mạng. Hay là khi học liên tục vận động, trên bất nhin khát chạy cho quen. Cứ gọi là ăn không kịp xỉa, ỉa không kịp chùi chứ mới khát thế này đã mùi gì. Được cái tao khéo xoay. Cứ lừa khi cán bộ không để ý, vờ ngã xuống suối ụp một cái, tha hồ uống no căng...

- Tao cháy cổ rồi!

- Rồi thì trú quân rừng mơ nhá. Bốn giờ sáng đến nơi, đào xong hố nắp là lăn gô ra ngủ, khát ra khát. Sáng mở mắt trông lên, ùi giùi ùi, thấy những mơ là mơ. Phốc lên cây, bứt nhá chết thôi. Chua, chu-u-ua lịm người...

Sử ngâm miệng, nhưng cái núm cổ trời lên trụt xuống hai lần. Khiêm cười tùm, cũng nuốt nước bọt. Khiêm kể chuyện ăn chua cho Sử đỡ khát, mà ngay mình cũng rỏ dãi.

Đội chuẩn chiến đang vượt qua vùng núi trọc không suối. Nửa năm mưa trắng trời đã chấm dứt. Nắng đầu mùa chan lửa xuống lưng. Đất nhả lên hơi trắng loa loa, nồng mũi. Sương đọng trên lá chỉ nhấp được mấy giọt buổi tinh mơ. Các lỗ chân voi đã nứt đáy, bong bunn non. Lợn rừng quấy đục ngẫu đôi hốc bunn còn sót, thối kinh người. Một tối gặp vũng nước trong, vốc tay soi lên còn trông thấy được lòng bàn tay, cả đội uống no kênh, xong đâu đấy mới nhận ra một cái xác nai rửa nát nằm giữa vũng, đòi nhưng nhúc.

Văn Thon và Pha cố tìm nước. Người Lào đi rừng chẳng khác gì thăm vườn rau quả. ăn đỡ khát có quả *mạc khảm pòm* chua chua đắng đắng, ăn xong thấy ngọt

miệng, quả *mạc xum mo* chan chát, có *mạc khọ*, *mạc giàng*, lá bứa. Nước trong cây nửa uống mát lạnh. Nhưng qua vùng núi trọc các giống ấy hết tiết. Khát nước không ăn được, người tóp rất nhanh, da nhăn nheo như da cóc. Ra khỏi bóng cây là bước vào lửa. Lửa trời trút xuống, lửa đất lóa lên, lửa trong phổi phì ra, cả các lỗ chân lông kiệt mồ hôi cũng nhả hơi lửa nóng hầm hập.

Văn Thon đi đầu hàng. Anh dừng lại nhắm hướng, rồi phát canh, rẽ gai, mở lối đi. Anh dẫn đội cắt rừng băng chéo sang phía đông tìm đường bí mật số 2. Phải đi rất gấp nên không kịp sục kỹ tìm nước uống.

Qua hết quãng đồi cháy nắng, Văn Thon lão đảo ngời xuống. Lương tháo bi đông đeo cạnh sườn:

- Anh uống một hớp.

Văn Thon vồ lấy bi đông, rồi chậm rãi đưa trả:

- Anh chia phần.

- Tôi uống rồi. Còn phần anh với Pha.

Văn Thon lấy ca, rót cho mình một đọt ngón tay nước, rót cho Pha nhiều hơn. Lương nhặt dao đi lên trước. Con khát thấy nước lại bùng lên. Lương nhá đầu lưỡi tê dại như miếng da trâu, nghĩ: “Một ngụm nhỏ thôi. Vừa đủ ướt miệng, tan nước bọt...” Nước óc ách trong bi đông nghe rõ quá. Lương đập vào tai đánh bốp, tai ù lên không nghe gì nữa. Anh cười thần, mắng mình: “Đồ trẻ con!”

Khiêm, Sử, Chánh đều nghe tiếng óc ách. Chánh rĩ tai Khiêm, chỉ trỏ: “Thấy chưa! Gương mẫu thế đấy!” Khiêm gạt đi, nhưng cũng thắc mắc sao anh Lương còn nước mà không uống. Môi anh nở toác, bong da, trông qua cũng biết anh mệt lắm.

Một lúc nghỉ, Lương nói để anh em khỏi hiểu lầm:

- Tổ Đảng quyết định bất kỳ khó khăn đến đâu cũng phải đưa anh Văn Thon về đến nhà. Tất cả mọi thứ ăn uống phải dành phần anh thật đầy đủ. Khéo nói một chút, đừng để anh ấy biết thì thôi thôi.

Mặt trời nghiêng xuống phía tay trái. Lương đi giữa một quãng sáng chập chờn, chém bừa trước mặt những nhát dao hủ họa.

- Khura dên!

Pha rú lên, chỉ về một bên rừng.

Sợi dây khura dên to bằng cổ tay rủ lòng thông từ trên cây cao xuống. Lương phứt mạnh con dao. Ba bốn tia nước trong veo trong lòng dây phọt ra. Nước uống vào đến đâu, lửa trong người tắt đến đấy. Khiêm trèo lên cây, chặt một loạt dây khura dên rơi xuống. Cả sáu người uống no, còn lấy thêm được đầy một ống nứa mang theo.

Tối đến, đội nghỉ dưới một cây to, lá xòe như cái tán. Anh em đốt lửa, thái măng luộc ăn thay cơm.

Pha trút một túm nắm nhặt ban chiều, rồi lùi vào góc tối. Hai tay Pha nắn chân. Đôi mắt xéch nhìn lửa trừng trừng, không động đậy, không chớp. Lương ngừng tay bóc măng, đến bên Pha:

- Chị mệt lắm không?

Pha không nói. Lương đánh bật lửa soi chân Pha, rùng mình. Hai bàn chân rách xước, máu rỉ vằn vèo, khô đen từng mảng. Lương giận mình không trông nom Pha từ đầu. Anh vẫy Khiêm ra, tọt dép cao su đưa cho Khiêm. Anh đặt cái ca nhôm đầy nước lên bếp, xé một mảnh sơm. Vừa lúc ấy, Văn Thon vác đến một bó đuốc nửa khô cao bằng đầu người, châm vào bếp. Lương hỏi đi đâu, anh đáp qua kẽ răng, không nghe rõ. Đóm lửa đuốc hun hút chìm vào rừng đêm. Văn Thon đi đâu, làm gì? Lương băn khoăn định gọi lại hỏi thêm, nhưng sợ anh khó chịu, đành thôi.

Mười phút sau, Lương bung đến trước mặt Pha một cốc nước nóng pha thuốc tím:

- Chị để tôi rửa chân. Phải bôi thuốc, băng lại.

Pha hốt hoảng rút chân. Lương nói mãi, Pha mới cầm mảnh vải dúng nước, tự rửa chân. Tay Pha lóng ngóng. Lương nghiêm giọng:

- Chị đưa đây tôi. Không làm cẩn thận, sau này sưng chân phải nằm lại giữa rừng mất.

Lương lau sạch những vết thít rách, bôi thuốc đỏ, băng lại. Khiêm lúi húi bóc dép của Lương lấy một đôi đế mỏng, xỏ vào đáy bộ quai cao su dự trữ của bố Cống chia cho. Lại còn mang đến đo chân Pha, ra dáng thợ lành nghề lắm.

Lương muốn nói mấy câu nhẹ nhàng, vui, nghịch một tí nữa, cho Pha tươi lên và dễ gần mọi người hơn. Nhưng anh không nghĩ ra. Như anh đã mất thói quen đùa bỡn. Khiêm, cây nhện của đội, lại không biết tiếng Lào. Cuối cùng Lương chỉ biết nhắc khẽ:

- Đi đường lúc nào mệt chị cứ bảo nghỉ nhé. Cố giữ sức, về khu căn cứ còn đi chữa bệnh

này, đi học lớp cán bộ Itxala này, còn đi đánh đòn với chúng tôi nữa chứ. Nghe đâu anh Pheng cũng ở gần chỗ anh Văn Thon. Chắc anh Pheng nhớ cô em gái ghê lắm nhé.

Ăn xong bữa mặng với nấm, Pha xỏ đôi dép mới vào chân, đi thử thấy vừa khít. Pha ra ngồi một chỗ khuất, áp má trên đùi, nghĩ đến mấy câu anh Lương nói. Những lời thủ thỉ ấy đánh thức lên cái gì nóng hổi trong lòng Pha. Pha về gặp anh, khỏi bệnh, đi công tác Itxala, đi học. Pha còn được sống vui nhiều năm nữa Pha mới hai mươi hai tuổi thôi mà... Nước mắt tưởng đã cạn lại trào lên, lăn xuống má. Pha khóc lặng lẽ như thế đến khuya.

Một chấm lửa đuốc chớp trong đêm, đến gần. Văn Thon đã về. Anh vắt mẩu đuốc sắp tàn, ngồi phịch xuống cạnh bếp. Lương giặt áo anh:

- Đi ngủ thôi Văn Thon!

Văn Thon quay đầu lại. Đôi lông mày rậm nhú lại thành một vệt đen liền trên hai mắt:

- Lạc đường rồi Lương ạ.

- Để mai hẵng liệu. Anh ngủ đi. Vào ổ lá đây này.

Văn Thon tưởng Lương không nghe rõ. Anh dần tiếng, bực tức:

- Tôi không tìm ra đường bí mật số 2. Lạ quá!

Lương kéo anh nằm xuống ổ. Anh lật người mấy lượt, thiếp đi, đôi mày vẫn cằm vào nhau. Miệng anh càu nhàu trong mê. Khiêm vác đến cả một cây gỗ, kê ngang trên đống lửa. Ban ngày nắng to thế, chắc đêm nay rét chết cóng được.

*

* *

Nghe Văn Thon kêu lạc đường, Lương không ngạc nhiên, vì bộ đội tình nguyện đi lẻ thường mắc nghẽn trong rừng như cơm bữa. Chính Văn Thon mới lấy làm lạ. Lần đầu tiên trong đời, anh bị rừng đánh lừa.

Từ khi còn ẵm ngửa, Văn Thon đã quen nghe tiếng rừng vi vút lẫn trong tiếng mẹ ru. Nhỉnh lên một chút, điệu bảm vào lưng mẹ, chú bé giương mắt nhìn cây lá diều hai bên, hấp háy khi nắng rây những giọt vàng qua lá rơi xuống đầy mặt. Tiếng rừng rì rào, thoi thóp, xào xạc, êm và thân như tiếng mẹ. Rồi chú biết đi, lữn cữn bám theo mẹ vào rừng hái rau, bẻ măng, nhặt hạt dẻ, nhổ nấm. Chú lội suối bì bõm bắt nhái và nghịch nước, khóc rống khi bị cua kẹp tay. Càng lớn khôn Văn Thon càng thuộc rừng, và rừng hé dần cho chàng trai Lào kho của không cạn. Ba phần tư đất Lào là rừng núi, dân Lào đi dọc các nguồn nước tìm chỗ khoét từng khoảnh rừng để cắm làng, vỡ ruộng. Vì thế người Lào quen rừng cũng như quen sông, quen làng.

Sau một buổi cày, Văn Thon tháo trâu thả ăn rong, vác súng kíp đi rình bắn nai ở gốc cây *mạc bôk*, xách gầu đi lấy nhựa cây *mạy nhang* về bó từng ôm đèn chai, hoặc

xem lại chiếc thuyền độc mộc đeo bằng *mạy khen* đang còn đốt lửa nóng sừng. Hơi mát của cành lá rủ bóng che đầu, mùi lá mục hăng và ẩm, tất cả những tiếng mõ trâu kéo đàn ăn rong bên bờ đầm, tiếng xích voi nhà kéo lịch kích trong đám chuỗi đại, tiếng chim *nôk tete* bay réo quanh người, là bấy nhiêu lời chào thân vui đón Văn Thon từ cửa rừng. Văn Thon đi săn voi, năm sáu ngày liền lội rừng theo dấu chân vẫn không lạc. Anh xem rêu mọc trên gốc cây, xem chiều suối chảy, nghe tiếng chim, ngửi mùi dầu rái trong gió mà tìm về làng thẳng một mạch. Đây rồi mẹ già đứng đợi trên đầu cầu thang, mỉm cười đón khẩu súng kíp và cuộn dây chảo trên tay con. Bếp lửa reo trong góc nhà, vầy mãi những ngọn vàng chào cậu chủ...

Làng Văn Thon không khác trăm nghìn làng Lào ở ven sông lớn Nậm Khoảng, mạch máu chính của đất nước Triệu Voi. Ngót trăm ngôi nhà sàn gỗ đứng trên cồn cao nhìn ra ruộng. Gió sông vượt những hàng mái tóc dừa cau, ngày đêm ghé tai rì rầm hóng chuyển từ trăm nơi đưa về. Thuyền độc mộc ghéch đầu dưới bến. Voi nhà nối đuôi nhau tải thóc và cá khô lên Viêng Chăn, tải muối sắt vải đến. Những ngày hội *Bạng phay*, làng thơm mùi thịt nướng, ồn tiếng khèn tiếng hát, rục rờ khoe những dây quần áo thêu phoi giăng giăng ra đến tận rừng. Dân làng thức thâu đêm múa đến mỏi rã chân, xem pháo hoa phụt lửa bay vút lên trời dâng lễ đức Phật, đón hạt mưa đầu tiên mở mùa cày cấy.

Nhưng cạnh làng có đồn Pháp, bên đồn Pháp có nhà lão *chầu mường* (tri huyện).

Văn Thon nhớ mang máng lúc bé hay thấy bố đi đâu vắng hàng tuần trắng, khi về không thấy cồng thịt sấy hay ngà voi, mà chỉ rách thêm, gầy thêm. Bố nói: “Nhà nước đắp đường 13”. Dân làng không đi con đường lớn ấy, chỉ có xe nhà nước chở lính đồn và xe con buôn chở hàng bên Tây sang chạy lên xuống.

Con đường đắp xong, bố Văn Thon thở phào một cái, thì lại có trát bắt phu đồn điền. Hết mùa cà phê, bố về được vài tháng, nghe gọi tên đi đắp đường nữa. Nhà nước cần đưa quân đi đánh người Mèo theo cụ Pát Chay rập ba tỉnh một lần nổi dậy.

Đạo ấy đang giữa tháng năm Lào, tức tháng tư theo lịch Tây. Dân làng vừa hồi hã làm xong cái hội Tạt nước để cầu mưa năm mới, lại lũ lượt kéo nhau đi.

Mưa đổ xuống mà ngoài đồng vắng người cày bừa. Bố Văn Thon về đến nhà thì đã hết mùa cấy, ruộng phải bỏ hoang. Năm nay làng đói to, hàng tổng hàng huyện cũng nhón nháo, nghe đồn rình rọc những tin giặc cướp. Bố đi làm thuê, không ai thuê. Kho thóc cạnh nhà bỏ rỗng.

Văn Thon còn nhớ mặt bố, nhớ nhất là một dãy đường nhẵn hình cánh chim rạch ngang trán. Những đường nhẵn ấy nhiều thêm, sâu thêm, không dẫn ra nữa. Nhà có năm chục *hày* ⁽¹⁵⁾ ruộng, một con trâu, kể như hàng năm không đến nỗi thiếu ăn. Dân làng cũng không thiếu ruộng cho mấy, mà đều đói nhao lên, không dám cho vay mượn. Bố Văn Thon vác dao vào rừng đốn gỗ bán và vỡ rẫy. Được vài hôm lão chầu mường gọi bố lên bắt đền:

- Rừng này của chúa giữ để lấy mật ong. Mà xem, ai lấy mật cũng phải nộp tao một phần

ba, sao mà dám phá?

Lão thu mất con trâu của bố. Cũng con trâu ấy đến vụ lúa sau, bố phải thuê bảy chục mìn thóc mới được mang về cày ruộng nhà. Thóc gặt về phải gặt đi mất non nửa trả thóc trâu, nghĩ mà đau ruột.

Lão châu mừng này nói chức của cha, còn tệ hơn cha lão ngày trước. Lão cậy thế quan đồn làm nhiều điều thất đức. Ngày xưa dân chỉ thay nhau đến làm việc nhà quan mỗi ngày năm người, thì lão bắt lên hầu mười người. Vào rừng lấy mật ong, trước chỉ vào dịp hội hè mới phải biếu mấy bầu mật, nay lão bắt chia thẳng cánh. Một năm bốn lần, dân các làng phải kéo đến cày, cấy, gặt cho nhà lão đủ hai trăm người, ăn một bữa cơm trừ công. Ngày xưa cha lão cũng định giở hết các ngón ấy, nhưng dân làng còn chống được vì chưa có quan đồn. Bây giờ có súng Tây chọc vào sườn, không ai dám hó hé. Đến kỳ bắt phu nhà nước, lão lấy thừa hàng ba bốn chục phu đến làm việc nhà mình. Mỗi vụ thuế lão thu lạm đến bạc vạn. Nhờ vậy mà lão cứ giàu sụ lên, tuy không có ruộng cho thuê lấy tô.

Dân làng ghét mà sợ lão. Các cụ nói lão chết xuống ắt bị vạc dầu, kiếp sau làm thân chó, chả hơi đâu mà cãi cọ với cái đũa ăn ở bạc đức. Nhưng cánh trẻ như bố Văn Thon không chịu đợi đến kiếp sau. Đến nước này chỉ có cách làm loạn, may ra nhà nước mới bớt sưu thuế cho mà sống.

Vụ thuế năm đói ấy, người làng không chạy ra tiền nộp. Bố Văn Thon vét hòm còn một cộc bạc hào thật, bán nộp hai suất thuế thân năm mươi bốn đồng, còn một suất nữa với các thứ thuế trâu, thuyền, xe bò thì xin khất. Lão châu mừng sai lính về bắt luôn tám người lên huyện chôn chân phơi nắng. Dân làng uất quá, họp trong chùa uống ba âu đồng nước phép, thẻ không ai phản trắc bản làng. Xong, họ kéo nhau lên huyện đòi người. Quan đồn cho lính ra vây, bắt lên trời dùng dùng. Không ai chạy. Tai họ quen súng kíp rồi. Nếu cần thì mười súng kíp cũng bắn đổ được một súng Tây. Cãi cọ suốt một hôm, rồi dân làng lại nghe lời châu mừng, đãi quan đồn với quan huyện một vò rượu và hai con lợn tạ tội, góp tiền nhau nộp đầy cho người thiếu thuế, dẫn bố Văn Thon và bảy người kia về. Bởi vì châu mừng là dòng họ chúa Viêng Chăn, quyền to lắm. Không có chúa thì Thái Lan chiếm đất Viêng Chăn từ lâu, hoặc chúa Châm-pa-xắc làm cỏ dân Viêng Chăn, hoặc chúa Lu-ăng Pờ-ra-băng tràn xuống cướp trâu giết người mất (16). Làm dân phải theo lệnh chúa. Châu mừng bảo thế, các cụ lão làng nghe phải, bèn khuyên dân không được làm hỗn.

Trong làng có ông giáo Bun dạy trường nhà nước ở Viêng Chăn, nghỉ hè về làng chơi. Ông giáo Bun học rộng, đọc được chữ Lào, chữ Phạn, chữ Pháp, lại quen biết nhiều quan chức. Ông vốn gốc nhà nghèo, nên ông thích chơi với dân làng. Văn Thon còn nhớ rõ dáng đi của bác Bun ngày ấy: khom lưng, vắt tay, nom yếu oặt mà đúng cái dáng con người lặn lội.

Đêm đêm, bác Bun ngồi tán chuyện với bố Văn Thon và các chú các bác. Họ hút thuốc nhiều, khói ngập nhà. Ai có rượu thì mang đến, mỗi người nhấp một chén. Văn Thon nằm cạnh bố, nghe các chú bác nói những câu chuyện lạ tai.

- Hồi tôi còn bé ngần này, làng ta cũng nhột mắt mấy tháng. Là cái ngày cụ Cà Duột gọi dân đi chống sưu thuế ấy. Ai theo cụ thì xưng là *phù mi bun* (người có phúc). Về sau đi tù cũng nhiều...

- Trên Bôlôven yên chưa?

- Chưa. Cụ Côm Ma Đam chưa hàng. Cái dân La Ven ấy, khó trị lắm. Đánh nhau hơn hai mươi năm rồi mà nhà nước chưa dám cho quan về vùng họ.

- Thế ra đánh lâu hơn người Mẹo. Chết chết sao mà nhà nước lăm lỉnh thế. Bao nhiêu nghìn quân người Việt người Miên, kéo những cỗ súng bằng cột nhà về đánh. Lại máy bay thả bom nữa...

- Sao họ làm loạn nhỉ?

- Nghe đâu nhà nước đánh thuế từng gốc thuốc phiện, bòn lắm quá.

- Cái dân La Ven nghĩ cũng góp!

- Dân Mẹo không ghê à?

Bác Bun thở phào một hơi thuốc lá, đứng đĩnh:

- Thế chỉ có dân Lào là ruột mềm lưng cúi thôi chứ gì!

Câu nói như ngọn roi trăm sợi quất vào mặt mọi người tê rát. Bố Văn Thon ghé mắt dòm ra ngoài, rồi nhô đầu, trợn mắt, trên trán mạng đường nhẵn hình cánh chim hăn sâu, nói rít răng:

- Bác Bun nói phải. Người Lào cứ khinh mãi dân thiểu số đi, bây giờ mới thấy nhục nhé! Bao nhiêu năm nay, người Mẹo không xuống núi đi phu, nhà nước làm gì được họ tốt!

- Thua đứt dân thiểu số chứ lì!

- Châu mừng mới tồn tí nước bọt, các cụ lão làng đã vâng dạ, chúng tôi xin lỗi ạ, chúng con biết tội rồi ạ, đây rượu lợn tiền chúng con xin nộp ạ. *Mả xỉ mè măn!* Phỏng thử quan đồn có dám bắn chết cả làng không nào?

- Súng Tây ác lắm, ăn một phát hai ba người...

- Súng kíp không ăn được người à?

- Cái quân vô đạo ấy, về sau quý vương Thê-va-thất cứ là vật như sung nẫu.

- Thời buổi này sao mà láo nháo! *Dà ơi!*

Họ thức khuya bàn những chuyện như thế và tia lửa dữ nhóm lên trong mắt. Chưa ai nói ra miệng cái ý nghĩ chung đang thít dần vào bấy nhiêu khối óc như sợi dây leo thít vỏ cây: “Cơ ngơi này không sống nổi, phải chống sưu thuế”. Bao giờ chống, chống cách nào, ai cầm đầu, họ chưa biết tí gì. Bác Bun chỉ hút thuốc lá, thỉnh thoảng đế vào một câu lơ lửng mà cay như ớt chuột, người nghe cứ nảy mình lên.

Về sau, bác Bun lên tỉnh dạy học, chỉ về làng ngày chủ nhật. Bác nói chuyện riêng với bố Văn Thon rất nhiều, dúm cho những tờ giấy in chữ Lào. Mẹ hỏi, bố bảo là bài con lâm của người tỉnh hay hát. Văn Thon một hôm chơi nghịch lấy tờ giấy ra bày mâm cúng, bị bố tát cho một cái. Bố mẹ Văn Thon không đánh con bao giờ, dân làng cũng thế. Mẹ dỗi bố, bỏ cơm. Bố theo dỗ mẹ mãi, bảo rằng

kinh Phật in trên giấy không được làm uế tạp. Văn Thon đâm sợ những cái giấy vừa là bài hát vừa là kinh Phật ấy.

Đột ngột, cuộc đấu tranh nổ.

Những người đánh voi và chở thuyền mang cá khô lên tỉnh bán, cùng hồi hải quay về làng rí tai bà con: Chợ búa nghỉ hết, dân thợ không đi làm. Họ kéo nhau hàng trăm đi chật phố, giơ một cái nắm tay đòi bớt thuế.

- Nghe đồn thợ mỏ thiếc Phôn Tiu bỏ việc, bắt nhà nước trả thêm tiền tháng.

- Các làng gần tỉnh rục rịch cả. Họ cũng đói như ta.

Dân làng đi phu lục tục trốn về. Trước cổng chùa ai dán mấy tờ giấy hết những bài vừa con lâm vừa kinh Phật của bố Văn Thon. Trong giấy viết rằng nhà nước phải bớt sưu thuế, bỏ hết những lệ cấm rừng, cấm sông, ở hầu quan, làm ruộng nhà quan. Lão châu mừng dẫn lính về bóc giấy, bảo dân đừng nghe cộng sản. Chả ai biết cộng sản với Nga đỏ ở xứ mô tê nào mà chỉ thấy sưu thuế ề cở ra đây, quan đồn với châu mừng ăn của dân béo hủ ra đây, tức nước vỡ bờ chúng ông phải làm loạn đây, phải làm loạn đây. Lão châu mừng bí thế, chuồn thẳng về Viêng Chăn. Quan đồn cho lính ra nằm dọc bờ rào quanh đồn, đợi dân đến là bắn.

Cả làng sôi sục. Bố Văn Thon ở Viêng Chăn về, giữa lúc dân làng họp giữa chân chùa. Bố nhảy lên bục cao, đọc một tờ giấy, giơ một nắm tay, kêu gọi dân làng đi đấu tranh đòi giảm sưu thuế. Đi tay không, nhà nước không có phép bắn. Ở Viêng Chăn, dân phố đi chật đường, hô khẩu hiệu. Bọn mật thám gây sự, họ phá luôn nhà mật thám. Bác Bun làng ta đứng lên thay mặt dân nói tiếng Pháp với quan nhà nước như vai vế. Nhà nước hứa cho dân miễn sưu, giảm thuế, tự do làm ăn, không bắt bớ.

Nghe những tin ấy lòng người cứ cồn mãi lên. Ba trăm dân làng kéo lên đồn, các nhà sư và chức dịch lão làng đi đầu, con trai cầm khèn chứ không đeo súng kíp. Đồn nổ súng bắn chết bốn người, một ông sư bị thương. Dân làng ủa chạy về làng lấy súng, nhưng ô tô Pháp chạy nhanh hơn nhờ có con đường 13 mới đắp. Lính bỏ vào làng, đốt, bắn, soát, bắt đi hơn hai chục đàn ông. Các làng bên cũng bị thế cả. Từng xâu người, từng cây số người nối nhau kéo về Viêng Chăn nằm nhà pha. Sưu thuế vẫn nguyên như cũ, rồi nặng hơn cũ. Lâu lâu còn vắng đến làng một tin vùng dậy ở đâu Thà Khéc, Xà Vần, mỏ thiếc Phôn Tiu, như trận lửa rừng gặp cơn mưa đông mà chưa chịu tắt hẳn. Rồi đâu đó lại im ắng (17).

Lúc bấy giờ Văn Thon mới lên mười bốn tuổi. Sau cơn đảo lộn ấy, bố bị đày ra hòn đảo to bên nước Việt, đâu gần nước *Xai Ngòn* (Sài Gòn). Nhà cháy trụi. Mẹ khóc sưng hai con mắt bằng quả nhót, sang ở nhờ bà con. Văn Thon làm hùng hục nuôi mẹ. Tính Văn Thon lỳ, hung, ít nói, chỉ nghĩ mãi xem vì sao nhà mình khổ, làng mình đói. Có người đánh tiếng muốn lấy mẹ, chú bé vác dao ra mài, nói: “Ai ngủ với mẹ tao, tao cắt gân!”.

Được ít lâu, mẹ bảo Văn Thon:

- Con thương mẹ thì con đi tu cho mẹ được phúc, làng nước không ai chê cười nhà ta bỏ đạo.

Một ông chú biện cái lễ, đưa Văn Thon đến chùa. Văn Thon cạo tóc đầu và lông mày, mặc áo vàng không tay, làm *xāngcanen* (chú tiểu). Vừa quét chùa hầu sư vừa học chữ. Mẹ nhìn con, sướt mướt chảy nước mắt. Công mẹ nuôi con từ trứng nước đến nay đã được đền bù, mẹ thấy con mặc áo vàng một lần là nhắm mắt được rồi.

Ba năm sau mẹ ốm chết, vẫn mang một điều mong là con mình tu cho trọn phúc rồi hãy ra chùa lo vợ con.

Văn Thon theo ý mẹ. Anh tu luôn mười năm, lên đến chức *a chan xôm đết*, nổi tiếng giỏi kinh và có đạo đức.

Nhiều chàng trai cắt tóc cạo lông mày vào chùa, chỉ học qua loa mấy bài kinh chữ Phạn, bụng ngong ngóng chờ lúc ra chùa để cưới vợ và khỏi phải nhịn cơm tối theo lệ tu hành. Văn Thon không thế. Anh học ngày học đêm đến thuộc những pho kinh dày hàng gang tay chép trên lá cọ. Cụ a chan trụ trì chùa làng gửi anh lên học trên tỉnh, tu trong chùa lớn. Đi đâu Văn Thon cũng là nhà sư trẻ tuổi mà chăm chỉ nhất, sáng dạ nhất.

Đêm khuya, chùa im ắng. Trong một góc nhà *cút tí*, nơi sư ở, Văn Thon cúi đầu trên pho kinh ghi lời Phật dạy cách đây ngót hai mươi lăm thế kỷ mà đến nay còn sáng rõ lời vàng:

“Các người chớ vội tin lời ta nói, chớ vội tin các tục lệ vì lẽ đã được nhiều đời truyền lại, chớ vội tin một câu chuyện vì lẽ nhiều người cùng nói, chớ vội tin kinh sách vì lẽ một bậc thánh hiền đã viết ra nó, chớ vội tin những điều phỏng đoán, chớ vội tin một lời dạy bảo vì lẽ nó là của thầy hay anh thốt ra. Các người hãy tự xem xét và chiêm nghiệm lấy, nếu thấy học thuyết nào hợp với chính nghĩa và đem lợi ích đến cho mọi người thì các người hãy công nhận học thuyết đó và đeo đuổi theo nó đến cùng”.

Văn Thon thuộc lòng lời dạy ấy trong kinh *A-gút-tu-ra Ni-ca-ya*. Anh tự xem xét và chiêm nghiệm để tìm ra lẽ phải, để hiểu cuộc đời.

Bên ngoài cửa chùa, cuộc đời vẫn chảy tuôn tuôn như nước sông lớn Nậm Khoảng. Làng xóm mỗi năm một lui dần, nghèo dần. Vì sao? Binh lính kéo nhau dàn ra dọc bờ sông, bắn súng to sang bên Thái Lan, rồi máy bay bên Thái Lan đến giội bom xuống nhà dân, giết từ con gà mái ấp đến đứa trẻ trong nôi. Vì sao? Những kẻ ác như quan đồn Tây, như lão châu mường kia cứ ngày càng béo núc ních, bước lên chùa oặt cả cầu thang, tay dâng lễ mà óc nghĩ điều tàn bạo, chúng nó vẫn nhón nhơ ăn lộc Phật. Vì sao? Vì sao? Vì sao?

Văn Thon suy nghĩ, đau khổ, dần vật. Nhiều lúc, anh muốn noi gương đức Đạt Ma ngồi ngoảnh mặt vào tường luôn chín năm mà nhập định, quên hết chuyện đời. Nhưng không được, Văn Thon vẫn bị kéo về chốn trần tục. Tim anh vẫn nóng hổi dưới tà áo vàng, long anh rung theo mọi nỗi

vui buồn sướng khổ của người đời. Ông *a chan* trẻ tuổi vẫn là người dân Lào mất cha trong một vụ đòi giảm sưu thuế, mất mẹ vì nạn đói dai dẳng. Nghĩ đến những sự đền bù hay trừng phạt ở kiếp sau, Văn Thon chỉ tìm thấy một chút an ủi rất mong manh. Văn Thon chỉ đòi ít nhiều công bằng ở kiếp này thôi, chỉ muốn cho dân làng đỡ khổ mà không được.

Văn Thon tự hỏi: dân làng có khổ thật hay không?

Họ làm ăn đến lấm lười, đói thô lỗ con mắt, mà vẫn thôi khen, hát, múa, nô giỡn. Phần vì quen vui, phần vì họ muốn quên bớt khổ. Uất lên, họ ủa dậy như sóng thần dữ dội, để rồi sau đó lại phẳng lặng như nước sông êm. Nếu họ hiểu được lẽ công bằng ở đời, chắc họ sẽ đấu tranh đến cùng, vì quả thật dân làng đang khổ.

Người dân Lào bình thường không hay nghĩ xa. Họ không hiểu lẽ huyền của Trời Phật, và cũng không muốn tìm hiểu như Văn Thon. Chùa là nơi thờ cúng và hội hè của họ, sư là người dạy chữ và cúng lễ cho họ được phúc, giáo lý là lời Phật răn bảo họ ăn ở thế nào cho phải chăng. Chỉ có thế. Đạo Phật bước vào làng Lào đã trút bỏ bộ mặt thần bí thâm nghiêm để hòa theo tiếng khen điệu múa của một dân tộc luôn luôn yêu đời, dù cuộc đời ấy nhiều nước mắt hơn mặt ong. Người Lào không cần và không thích một thứ tôn giáo khổ hạnh, ép xác, bắt tín đồ run sợ trước đấng Tối linh, quất roi vào mình mà sám hối những tội lỗi từ kiếp nào kiếp nào không ai biết. Họ cũng không muốn héo mòn trên sách kinh như Văn Thon. Văn Thon dần dần đi vào bế tắc, tuyệt vọng. Anh không tìm ra chân lý.

Anh trở nên cáu bẳn, lánh mặt mọi người. Suốt kỳ *phấn xả* ba tháng, các bạn tu phải ngồi yên trong chùa tụng niệm, họ sốt ruột lắm. Riêng Văn Thon thấy dễ chịu. Những tháng khác, anh cũng chỉ sớm sớm đi khát thực một vòng quanh làng, tụng hai bài kinh *Nhật thả* và *Xấp phi*, nhận mấy nắm cơm bỏ vào âu đồng rồi lặng lẽ ra về. Sư cụ thấy anh gầy đến chỉ còn hai con mắt đen hoắm trên khuôn mặt luôn luôn sa sầm, bèn mượn lời *Phạ In* khuyên đức Phật ngày xưa mà răn anh: “Muốn cây đàn nhị kêu đúng tiếng thì chớ để dây căng quá hay chùng quá”. Văn Thon lăm lăm không đáp. Anh sống một mình một cõi, chán ngấy tất cả.

Một hôm có người nghèo đến ngủ nhờ nhà chùa. Một ông lão trán cao, tóc và râu lốm đốm bạc, lưng hơi còng, mặc phạ xà lưng vá nhiều chỗ. Lễ sư cụ xong, ông lão xuống nhà khách. Văn Thon ngờ ngợ mãi, đi theo ông lão một quãng mới nhận ra bác Bun dạy học, hay nói chuyện với bố mình ngày xưa. Bác chóng già quá. Anh vội hỏi tin bố. Bác ngập ngừng một lúc rồi nói tự nhiên, không “bach thầy” với Văn Thon nữa:

- Bố anh chết ở Côn Lôn rồi. Tôi định ghé vào đây xem anh bây giờ ra sao, và nhắc lời bố anh dặn tôi trước khi chết: “Bảo con tôi đừng quên nước Lào, đừng quên thù làng, thù nhà. Nó quên thì bác cứ bắt nó đổi tên khác, đi làng khác mà ở”.

Văn Thon không khóc. Lệ thường không nên khóc người chết, mà nên mừng cho kẻ được siêu thoát. Tuy vậy trưa đến Văn Thon bỏ cơm đi nằm.

Suốt đêm, Văn Thon trộm phép sư cụ ra nhà khách nói chuyện với bác Bun. Trước kia bác cũng tu ba năm rồi mới sang học chữ Pháp, vì thế người làng thường gọi là Thít Bun. Bác vừa đi dạy vừa học thêm, vào tù bác cũng học nhiều, hiểu đến chuyện nước Pháp, Mỹ, Nga. Bác nói:

- Tôi bây giờ lấy tên là Thông Phun. Mới vượt ngục về đây. Hạn tù còn sáu năm nữa, nhưng có nhiều việc phải làm, không đợi được. Tôi có đến thăm con gái, đứng xa nhìn thấy nó khỏe đẹp. Anh chớ nói cho vợ tôi biết mà lộ.

Văn Thon nhớ ngay đến cô gái trẻ trán cao ở làng, thường nhìn anh đắm đắm khi anh ngồi trên bục tụng kinh. Lòng anh chợt dào lên một chút vui và ấm. Anh vội hỏi lảng sang chuyện khác. Nhưng bác Bun vẫn dè dặt, bác hỏi lại:

- Nghe họ bảo anh muốn thành ông sư *hạt xa đi* (18) phải không?

Văn Thon bỏ lối xưng hô nhà chùa, xưng cháu với bác Bun như ngày bé:

- Không ạ. Cháu không rời dân làng được đâu.

- Anh còn nhớ bố anh vì sao mà chết chứ?

- Nhớ, cháu nhớ lắm. Càng nhớ càng khổ, lắm lúc như người ra dại. Muốn quên cũng không quên được bác ạ.

Bác Bun nhắc câu kinh Phật:

- Chớ sầu thảm, chớ rên la, chớ khóc]óc, hãy mở lớn mắt ra mà xem, hãy nhìn cho rõ mà hiểu.

- Xem nhiều rồi, nào có hiểu gì!

- Hay là không muốn hiểu?

Văn Thon bật to tiếng:

- Bác coi cháu ra hạng người nào hở?

- Tôi coi anh là người tốt, nhưng trốn việc đời. Anh như người *Vanula* ngủ bảy năm trở mình một lần, tên bắn vào tai không dậy.

Văn Thon uất lên, không nói được. Anh ra trước hiên nhà khách đứng lặng một hồi lâu. Mùi hoa đại tằm sương thơm lạnh trong mũi anh, xông đầu anh nhẹ dần. Anh lẩm nhẩm mấy câu thơ cổ. Đến hai câu cuối cùng, anh vô tình đọc to:

Xa-si-ta pa-ri-yô đa-pha-nam

E-tam Bu-đa-nu-xa-xa-nam

(Rửa sạch cõi tâm,

ấy là đạo Phật).

Một tiếng cười chế giễu mé sau. Bác Bun vuốt râu, nháy mắt:

- Anh giỏi kinh lắm. Nhưng Phật khuyên rửa sạch cõi tâm để cứu đời hay để đắp chiếu nằm ngủ? Sao anh không nhớ lời kinh *Pa-đa-ma xut-ta* dạy: “Thà tôi chết để

tranh đấu với cái ác, chứ không chịu để cái ác nó thắng tôi”?

Văn Thon cúi đầu, hết cãi lý.

Bác Bun ngày đi vắng, đêm về ngủ nhờ nhà chùa. Văn Thon kể hết với bác những nỗi băn khoăn, nghi ngờ, chán nản của anh. Bác cời dần cho anh từng mối trong mớ bong bóng ấy. Bác nói những điều Văn Thon chưa hề nghe. Đế quốc, cách mạng, khởi nghĩa, độc lập... bấy nhiêu thứ quay cuồng trong óc Văn Thon, say người như men rượu.

- Phải cầm súng đạn mà chống lại súng đạn cháu ạ. Thăng Pháp trước kia, thăng Nhật bây giờ đều giống người Bà La Môn nọ định chặt đủ một trăm đầu để lên trời, đã chặt chín mươi chín cái, còn đuổi theo chém mẹ định lấy đầu. Đối với quân quỷ ác không cãi bằng mồm được. Ta chịu đưa đầu cho nó chém sao?

Chân tay Văn Thon rậm rật. Đây rồi, cái chân lý hợp lẽ đạo tình người, cái chân lý có sức mạnh đôi đời! Trong đôi mắt hăm sâu vì đôi ngủ dần dần ánh lên ngọn lửa mới, giống như mắt bố ngày xưa. Nhà sư Văn Thon đã tìm ra chân lý, và quyết đeo đuổi theo nó đến cùng như lời kinh *A-gút-tu-ra Ni-ca-ya* đã dạy!

Bác Bun giao cho anh việc tuyên truyền cách mạng trong các nhà sư, rồi lên Viêng Chăn. Năm hôm sau, cách mạng nổ ra ở thủ đô. Lúc bấy giờ là tháng tám năm 1945, tức là năm 2489 theo Phật lịch. Quyển sách đời của Văn Thon lật sang những trang mới, do bàn tay của bác Bun tức đồng chí Thông Phun, nhà cách mạng Lào từ Côn Đảo vượt ngục về.

*

* *

Chân trời loăng dần một góc. Những dải mây lặn tẩn ửng lên một đường viền da cam nhợt. Hai chóp núi đá nhô lên đen thui như những răng chuột nhọn hoắt cắn vào mây. Trong rừng chỗ đội nằm còn tối sẫm. Đại đội trưởng Văn Thon mở mắt, lại nhắm. Giác mơ đã dứt. Chính ủy Thông Phun và cô con gái trán cao giống bố biến hẳn. Văn Thon nghĩ lười biếng: “Chợp một lúc nữa. Vài phút thôi...” Rồi anh lật người, chống tay ngồi dậy. Tối qua, anh thiếp đi với ý nghĩ cuối cùng đọng lại “Phải tìm cho ra đường số 2”. Thì sáng nay ý nghĩ ấy bật lên đầu tiên, dựng anh dậy.

Anh cuộn chăn buộc ngang lưng, vớ con dao. Vóc người to lớn biến vào lớp sương mù giăng qua các gốc cây.

Tiếng phạt gai lá lọt vào tai Khiêm, kèm theo một tiếng gì ồ ồ ngay bên cạnh. Khiêm mấp máy đôi môi đỏ như ớt chín, rồi nghiêng đầu, dòm. Chánh đang uống nước. Hắn dốc ngược cái ống nứa, nước tóe qua miệng ròn ròn. Khiêm chồm lên, giằng tay hắn. Cả đội chịu khát, mà hắn vừa uống vừa đánh đổ mất gần nửa ống. Khiêm muốn đâm vào mặt hắn.

Chánh quệt mép, khà một tiếng, nheo mắt:

- Còn phần mày đây, cuống cái gì?

Khiêm nhổ nước bọt:

- Sao mày hèn thế hử?

- Hèn cái phải gió! Đến chỗ suối tao đèn. Chỗ anh em mày đừng nói với anh Lương. Mày hót cán bộ là mày hèn.

Chánh đứng đỉnh quay về chỗ nằm. Hấn nhìn Pha đang ngủ, quay đi, lại nhìn. Bây giờ hấn mới thấy Pha đẹp. Xanh, gầy, ho lao, nhưng vẫn đẹp. Hấn chép miệng: “Con bé được cái “co” cũng khó”. Rồi hấn cao hứng khoa tay đi mấy đường quyền cho dẫn gân:

Tả hữu tấn khai thập tự

Luyện diệp liên ba

Đả phát túc tọa hồi mai phục...

Tiếng chân nhảy huỳnh huých đánh thức mọi người. Lương chống tay đứng dậy, lại ngã ngồi. Một sợi gân ở khoeo chân cứng như gỗ. Lương quay lưng về phía anh em, bóp nắn chân một lúc, rồi vịn thân cây đứng lên được Anh hỏi Pha:

- Pha mệt không?

- Em không mệt.

- Hôm nay đi nhiều đấy. Lúc nào mệt Pha bảo nghỉ nhé.

Pha nhìn đắm đắm vào đường nhãn dọc đứng trên trán Lương:

- Em đi được. Chỉ sợ anh đau chân thôi. Ban nãy anh đau lắm hử?

Thì ra Pha tinh mắt, thấy hết. Lương lảng chuyện, ghé lại chỗ Khiêm. Trong ngực anh thoáng một hơi ấm dịu. Một người cứng rắn cố giấu nỗi khổ của mình mà được người khác kín đáo hỏi thăm, vẫn thường thấy ấm lòng như thế.

Văn Thon từ trong sương bước ra, hai vai ướt đầm:

- Đi thôi. Vẫn chưa thấy dấu vạc đâu cả mới tức chứ!

Hôm ấy Lương đi với Chánh, tí tê nói chuyện rất lâu. Đến chỗ nghỉ Chánh đi đun nước chè rừng, rót cho Lương những nửa ca. Chánh cười hì hì:

- Lần sau tôi say thế nữa, anh cứ trị thẳng tay cho tôi nhờ! Anh thương tôi anh mới mắng cho mấy tiếng chứ. Nói có mặt trời, tôi mà làm bậy nữa thì... thì không bằng con chó nhá!

Khiêm giương mắt nhìn Chánh, rồi mỉm cười, gãi tai không nói gì.

Suối! Đến suối rồi!

Khiêm nhảy căng, định ào xuống suối. Văn Thon túm áo Khiêm, xua tay. Anh lên đạn súng ngắn, vạch bờ lau chui xuống trước. Rồi anh hú một tiếng khê.

Chao ôi, nước ngọt như đường phèn, thơm hơn cơm tám, vào đến đâu biết đến đấy. Ở đời hẳn không gì thú bằng uống nước. Văn Thon cúi đầu, một tay hất nước lên mồm uống hùm hụp theo kiểu Lào. Khiêm lóng ngóng bắt chước, bị sặc. Văn Thon bật cười ha hả, ra hiệu cho Khiêm phải há mồm tọt thật nhanh. Lương quỳ hai chân uống từng hơi dài bù những ngày nhịn khát. Nước ngấm vào người, từng thớ thịt nở ra, dẻo ra.

Đội nghỉ lại đây nấu ăn. Pha chạy loăng quăng hái rau, nhặt nấm. Hôm nào Pha cũng tìm ra thức ăn. Anh em Việt không quen rừng, sục đến rã chân cũng chỉ được nắm rau tàu bay, rau dớn, lá lốt. Pha cười, trêu họ. Pha vui hẳn lên. Như trước đây Pha sống trong cơn mê kinh khủng, nay tỉnh ra thấy mừng lạ. Pha béo lẻo như hồi còn bố mẹ. Pha hay hát một mình. Pha không biết mình gây rộc đi vì ho lao, mà chỉ nhớ mình mới có hai mươi hai tuổi, về vùng căn cứ chữa bệnh, đi học lớp Itxala, gặp anh Pheng.

Văn Thon ngăn Pha:

- Chị nghỉ, chốc nữa còn đi.
- Em nghỉ rồi. Anh kiếm được gì?

Văn Thon mãi tìm đường không tìm thức ăn. Lương chìa ra nắm lá lốt và hai ngọn măng cứng như tre chẻ lạt. Pha cười khanh khách, má ửng đỏ. Pha trút cái phạ phe đầy căng xuống đất: một đồng vả chín, dẻ gai, hạt gắm. “Em nhìn ra cây vả, gọi anh Khiêm trèo. Anh trèo như sóc ấy,” Lương gãi tai: “Nhất cô!” Nhưng rồi anh lội xuống suối mò cá, một lúc xách lên hai chú sóc bằng bàn tay. Dân chài biển cũng biết ăn nhờ vào sông suối.

Văn Thon ngừng tay mài dao, vẫy Lương lại:

- Lạc xa đường số 2 rồi. Muốn tìm được dấu phải dừng một chỗ, đi quanh hình xoáy tròn ốc may ra mới gặp.
- Dừng lại... chậm mất. Năm ngày nữa chúng mình phải đưa báo cáo về đến nơi.
- Hồngбет!
- Hay là ta đi chéo qua lại như con rắn, may ra gặp dấu. Phải đi thật nhanh, thật gấp Văn Thon ạ.

Văn Thon nhìn xuống chân Lương. Ống quần Lương loang lổ, cứng như mo nang. Lương rút chân, không nói. Văn Thon hỏi khê:

- Sáng nay anh không đứng lên được hả?
- Chả sao, hơi buốt tí thôi.
- Nếu đi nhiều quá, có thể...

Lương gạt luôn:

- Tôi quen rồi, đừng ngại. Chỉ lo sức khỏe chị Pha...

Anh ngừng giữa câu. Pha cầm con dao đi đến, hỏi:

- Anh Văn Thon có thấy dấu chân cạp không?
- Không. Vùng này vắng thú.
- Em đi tắm đây.

Văn Thon rút súng ngắn đưa cho Pha. Pha hoảng: “Ấy chết, cất đi anh. Nó nổ!” Pha cầm con dao, lần dọc theo bờ suối tìm chỗ khuất.

Một lát sau, Chánh cũng đi về phía ấy.

Trong đội Chánh khỏe nhất, vật tay đỡ cả Văn Thon. Đến mỗi chỗ nghỉ, Chánh lùi lùi đi vào rừng như con cuốc, kiếm ăn lẻ. Đói quá, đói kinh người, rụng chân rụng tay. Ở cái chiến trường nhin đói đánh giặc này, Chánh không chịu được.

Hồi đầu kháng chiến, Chánh rời tay quay maniven cho xe chở hàng, về đánh xe ngựa ở hậu phương khu Bốn. Gặp khách tản cư hay con buôn lậu là vớ bở nhất. Đếm số nhân tình nhân bánh dọc đường đánh xe vừa đầy năm đầu ngón tay. Những anh bộ đội trèo lên xe thường đeo súng côn bặt, lòng thông sợi dây dù đánh xoắn con rết. Oai lắm. Các cô hàng nước ngắm họ không chớp, các ông công an cũng kiêng mặt. Chánh dần dần nghiệm ra cái nghề đánh xe có sướng thật đấy nhưng không oai. Uống xong bữa rượu túy lúy, Chánh đến chỗ tuyển tân binh, xin nhập ngũ. Anh cán bộ đeo sao vành vàng đuổi ra quây quây. Hôm sau Chánh không uống rượu, được tuyển ngay. Các cô ả dăng dện kia trở mắt nhìn Chánh mặc quân phục. Họ đãi rượu rộng tay hơn trước gấp mấy, tối ngủ với Chánh cứ tí tê hỏi anh đóng cấp gì. Chánh nghĩ, thấy xưng cấp đại đội có lẽ hơi quá, nên khiêm tốn nói rằng chỉ mới tạm một chân trung đội.

Bất đồ đơn vị Chánh nhận nhiệm vụ sang giúp Lào. Hỏi dò chấp nối từng mẩu chuyện, Chánh thích mê. Nghe đâu quân ta sang bên ấy uống rượu cần cứ tí cung thang, dân cho gà lợn ăn mứa, lại tán gái suốt đêm chả ai nói gì. Chánh hăm hở đi. Lên đến nơi, sự thể không giống lời kể. Chánh ức quá, nằm lỳ. Định đào ngũ về Việt Nam, nhưng đường xa quá đành chịu. Cuối cùng Chánh được điều về mặt trận bộ quay ragônô. Chánh hẹn với mình: “Thôi, cứ cố đủ ba năm bộ đội là về”. Nằm xó rừng, ăn mãi cơm nếp một ngày bốn lạng, động hờ ngón nào lại bị kiểm thảo như tử, Chánh ngáy lăm.

Tuy vậy gặp việc gì ưng ý, Chánh làm rất hăng. Đi ném mìn bắt cá hay săn hươu nai chẳng hạn. Một khẩu súng, một gói muối ớt, một bi đông rượu, Chánh đi lũng rừng bắn nai, có khi một ngày đêm được những bốn con. Chánh xẻo một đùi nướng ăn uống rượu, ngủ một giấc, rồi về gọi anh em ra

không. Nhiều lần Chánh được bầu xuất sắc về cải thiện sinh hoạt. Ngoài ra ai muốn học võ Thiếu lâm, Mai hoa, Chánh dạy rất sốt sắng.

Hôm mặt trận bộ chọn người đi với đội chuẩn chiến 3, Chánh giờ một nắm tay, xung phong. Ai cũng nói trình sát sườn trần đời. Chính ủy trung đoàn mỗi bữa một bát cháo, chứ trình sát cứ sửa hộp với thuốc lá cô tấp tì tì. Cơ sở trong vùng địch quý anh trình sát hơn vàng. Đánh nhau, anh trình sát thường vớ được đồng hồ, bút máy, nhẫn của lính địch về bán tiêu vung. Ngang dọc một mình, khoái nhất có anh trình sát! Nào ta đi trình sát!

Chánh được chọn đi theo điện đài. Rồi Chánh lại chán kinh những sự đói rét bệnh tật trong cái hang tối om trên núi Vượn. Ồi chao, mau cho hết cái hạn ba năm để Chánh lại về đánh xe ngựa, uống rượu với dôi chó, tối tối ngủ với nhân tình! Chánh trót dại đi theo cái súng còn bặt một lần, từ nay xin cách đến già!

Chánh đi xuôi theo bờ suối, tìm. Các thứ rau đốn, rau vừng, rau tàu bay ăn sống chấm muối đỡ đói ra dáng. Chánh trữ sẵn một lọ muối phòng thân. Đến các làng thiếu muối, chỉ một vốc con đủ đôi chệt lấy đôi gà giò. Hoặc như những lúc lạc rừng này, muối sắp hết, Chánh càng khen mình khôn mọc lông trong bụng, Chánh cũng muốn chia cho thằng Khiêm ăn chung, nhưng sợ nó mách ông Lương thì phải đem ra công cộng, nên lại thôi.

Đang với tay bẻ một ngọn lá mắt mèo, Chánh dừng phắt. Hắn ngó chăm chăm xuống suối. Hai tai hắn đỏ dần. Hắn rón chân vạch lá, ghé mắt. Người đàn bà tắm dưới suối quay lưng về phía hắn. Đôi vai trắng nõn lấp lóa trong bụi nước.

Hắn đứng im không thở, da sồn gai, đầu bốc cháy. Đàn bà... chất men say người, điên người. Hắn thè lưỡi liếm môi. Môi hắn khô bỏng. Ban nãy uống no bụng, sao hắn khát đến thế?

Bỗng hắn giật mình, ngó quanh. Anh em trong đội bắt gặp thì hắn chết. Ông Lương hắc lăm. Không cho một phát, thì cũng tổng về tòa án binh.

Hắn đi lùi mấy bước. Rồi máu tức ở đầu ộc lên cổ: “Sợ đêch gì lão chột! Lạc rừng một lũ với nhau, ai bắt nạt được ai. Quân hồi vô lệnh...” Hắn vụt nhớ đến ả nhân tình thứ ba... không, thứ tư. Con bé đi buôn lậu sợ công an tóm, ngủ nhờ lại trên xe ngựa. Nửa đêm hắn bóp máu làm liều. Cô nương chỉ ú ớ gọi là, về sau thích mê, đi chuyển hàng nào cũng tạt vào nhà hắn. Có sao đâu? Đàn bà chỉ làm bộ giữ gìn, chứ đũa nào cũng một duộc... Hắn lại đứng im không thở, da sồn gai, đầu bốc cháy.

Tiếng chân lội nước róc rách. Người đàn bà bước lên bờ. Thân thể rõ dần từng nét, từng nét, đến sát bụi cây, trước mặt Chánh có ba thước.

Chánh gầm một tiếng trong cổ họng, không ra đến mồm. Hai chân hắn đi tới như cái máy, hai tay vờn như đầu quyền.

Pha giật mình, rú lên: “Cứu tôi...”. Bàn tay lập cập bịt miệng Pha. Xác người to khỏe như

trâu điên quật Pha xuống. Pha cắn, đập, cứa xé. Tay pha chơi với chạm con dao. Không đôi hồi, Pha nắm giữa lưỡi dao, chém bừa một nhát.

Chánh bật người lên, nhảy lùi. Máu rùng rùng trên bắp tay hấn. Pha vơ cái áo che mình, run, thở. Thằng kia biến mất, Pha còn run.

Máu loang trên lưỡi dao. Pha bung mắt, nhưng vẫn thấy máu đỏ. Ghê gớm quá. Pha ngồi một lúc mới nhớ ra thằng kia là người trong đội. Sao lại thế hờ trời? Pha ho rũ, khạc. Mùi tanh trong cổ họng thoáng xông lên mũi. Pha nhìn những sợi máu li ti trong bãi đờm, nhìn máu dính trên tay, suýt ngất đi.

Về đến chỗ đội nghỉ, Pha len lét ngồi xếp xuống giữa Lương và Văn Thon. Pha cầm quả vả đưa lên miệng, chợt nhớ đến máu, lợm giọng nôn thốc luôn. Thằng kia đã băng vết chém. Hấn liếc trộm anh Lương và Pha. Pha định nói cái chuyện ban nãy, nhưng thấy hấn lăm lét lại thôi. Anh Lương bắn chết hấn mất. Hấn không ác như Muôn, không phải là Pháp.

Ăn xong, đội lên đường ngay tuy đã xế chiều. Pha chen đi giữa anh Văn Thon và anh Lương như ban nãy. Chánh tụt lại cuối hàng. Đợi Khiêm vượt lên trước, hấn kéo tay Sử, nói hấp tấp:

- Đứng lại, tao bảo... Nguy mất mày ạ. Họ bắt đi như mã hồi. Ông Lương xem ngàn này mạng người không bằng cái báo cáo. Rồi chết chả còn mống nào.

- Sao mày xanh thế? Ốm thì đề nghị...

- Đề nghị cái phải gió! Phần mày có thân thì liệu. Mày về đến mặt trận không bị tổng giam thì chớ kể!

- Ô...

- Riêng cái tội vất đài đủ một gong. Tao nghe rõ ông Lương bàn với ông Văn Thon, tính kế trị mày. Bám theo đội thì chắc chết, không chết cũng về ngồi tù. Thấy chưa?

Mồ hôi vã lấm tẩm trên mang tai Sử. Sử hoảng quá, không kịp nghĩ rằng Chánh không biết tiếng Lào mà bảo nghe lỏm được Lương với Văn Thon bàn mưu. Chánh xóc lại ba lô đeo máy, hát hăm:

- Khôn hồn thì liệu chuồn cho sớm. Vào đồn hay làng vũ trang cũng được. Mày có bà con trong thành, sẵn nơi ăn học, sướng nhé.

- Đào... đào ngũ theo địch à?

- Ngốc! Ai bảo mày theo địch? Nghĩa là... là bỏ về nhà làm ăn thôi, thiết đéo gì theo ai. Mày đi học lên kỹ sư bác sĩ, sau này độc lập rồi ra giúp nước, cũng ông này ông nọ chứ đứa nào dám khinh mày? Còn hơn làm cái nghề điếc tai chai đít này mãi, rồi chết rấp trong xó rừng, phí cả cái tài mày đi. Tao thương mày tao bảo thật. Mày phôi chứ?

- Ô...

Chánh thở phì. Hấn sốt ruột không chịu được. Có lẽ Pha đi phía trước đang kể tội hấn với

Lương. Ngụy mắt!

- Không phối thì mất xác, không mất xác cũng vào tù. Chỗ sống không muốn, lại đâm đầu theo chúng nó. Đồ ngu như lợn! Tao bảo sau này hết giặc mày vẫn ra giúp nước cơ mà! Mày sợ thằng Lương hử?

Sử vụt hiểu tất cả, kinh tởm đến rùng mình:

- Đếch sợ. Ban nãy tao nghe chị Pha kêu to, thấy mày bị chém tay... Mày đều lắm. Đừng hòng dọa tao nhé!

Mặt Chánh trắng bệch. Hấn chồm tới trước, chặn Sử:

- Mày tâu với thằng chột chưa hử?

- Chóc nữa tao nói hết...

Huych! Một quả đấm nện vào ngực Sử. Sử ngã ngòi, há mồm định kêu. Chánh vung ngược khẩu súng, trợn mắt:

- Câm họng, vỡ sọ bây giờ! Mày vù không!

- K... không!

Chánh túm cổ áo Sử, day Sử rũ rượi như bó giẻ rách, rít răng:

- Đ. mẹ, mặc mày, ông vù một mình! Ông vù một mình nghe chưa? Mày biết gì phải đẻ bụng. Hót với chúng nó thì ông cho về châu thổ!

- Mày... làm gì tao?

- Hè, ông chối biến. Bây giờ ai thềm tin thứ mày. Rồi qua chỗ vực sâu, ông hãy một cái, thằng nào biết được đòn ngăm của ông...

Hấn huých cùi tay sang bên. Mặt hấn rúm lại, quai hàm bạnh như con rắn hổ mang. Hấn cười gằn, tiếng cười nghe buốt gân, dựng tóc.

Hai giờ sau, đằng trước đi chậm rồi dừng. Lương đứng trên tảng đá, súng ngắn cầm tay. Con mắt bên phải nhìn soi xói, như móc vào ruột, moi ngược xuôi trong người Chánh. Hấn cúi mặt, ưỡn lưng Sử: “Dồn lên kia!” Sử lạnh toát từ đầu đến chân. Cái cùi tay to và đen trũi đang kề sẵn bên sườn, cái vực sâu há mồm chờ Sử chỉ cách một bước...

Lương đợi mọi người đến đủ mới nói:

- Tất cả soát lại đồ đạc, buộc thật gọn. Cởi dép xách tay. Sắp vượt qua tỉnh lộ số 6, cách đồn nó chỉ bốn trăm thước. Nếu gặp bất trắc, đồng chí Văn Thon sẽ dẫn đội chạy thẳng, tôi và Khiêm cầm cự.

Sử đứng không vững. Hơi thở Chánh nóng ran trên gáy Sử. Con cạp vẫn rình mò.

Lương nhắc lại lần nữa bằng tiếng Lào, cho mỗi người nhảy thử vài lượt xem đồ đạc thật gọn chưa. Mặt trời chỉ còn cách đỉnh núi nửa con sào. Bóng tối đọng dưới đáy thung lũng đang lù lù bò lên các sườn núi. Một tràng súng máy nổ xa, nghe ròi từng tiếng một.

Con đường ô tô rải đá lột thỏm giữa hai bức tường xanh cao ngất. Những thân cây nâu, trắng, xám xếp thành hai hàng chân song khổng lồ. Như trong một trận đánh thành phố, từng người một vọt qua đường, đâm bổ vào rừng rậm trước mặt, biến mất. Mũi hít nhanh mùi xăng dầu khét nồng, chân giẫm lép nhép mấy bước trên mặt đá phẳng, rồi rừng lại tỏa cành lá úp chụp bóng người.

Bên kia, Văn Thon đứng đợi sẵn trong bụi rậm:

- Chạy thẳng vào, đợi nhau chỗ gốc cây to.

Sử dừng trước mặt anh, ngoái cổ nhìn ra sau. Văn Thon giẫm chân:

- Nhanh lên, địch đến lại lạc bây giờ!

Sử đến chỗ tập trung, hỏn hển:

- Anh Lương coi chừng... Chánh đào ngũ...

Lương đứng ngây một loáng, vụt chạy ào trở ra đường. Văn Thon hỏi ngay:

- Chánh đến chưa?

Lương biến sắc mặt, học tốc phóng sang bên kia đường. Cái ba lô đựng máy và khẩu súng trường Anh của Chánh nằm trên cỏ. Lương quát Khiêm đeo ba lô. Thấy Lương xách súng lao vút trên đường lớn về phía đồn, Văn Thon và Khiêm đâm bổ theo.

Rừng kéo dài một quãng ngắn, rồi tụt về sau. Trước mắt Lương là quãng đồi trọc đồ xuống suối. Đồn địch sừng sững trên đỉnh đồi bên kia, một hàng lỗ châu mai hau háu nhìn sang. Một bóng người tắt tả chạy xuống chiếc cầu bắc qua suối. Lương tạt vào rừng, lên đạn đánh rắc, giương súng. Cái đầu ruồi nhảy nhót trong lỗ ngắm, rồi dừng lại trên lưng đũa đào ngũ. Vừa lúc ấy, một bàn tay chụp nòng súng. Viên đạn réo lên trời một tiếng mèo rít ngắn.

- Anh... anh cố giết nó sao?

Văn Thon lấp bắp. Anh hiểu rằng Chánh trốn vào đồn. Nhưng vì sao Lương phải giết hắn? Hắn đào ngũ nhưng bỏ lại súng. Nghĩa là hắn chỉ muốn thoát thân, không chống lại ta.

Lương gạt tay Văn Thon, lên đạn, ngắm. Chánh đã chạy xuống đến chân đồi, khuất biến. Lương từ từ hạ súng, nói lập cập:

- Địch tra hỏi hắn khai hết... chiến dịch hồng... phải bịt mồm hắn, hiểu chưa? Phải bịt mồm...

Văn Thon lùi lại sau, mắt đỏ ngầu. Bóng người lại nhô trên sườn đồi bên kia suối, nhỏ tí. Lương bấm cò phát thứ hai trong khi tay còn run. Một chắm bụi tóe trên mặt đường. Trước cổng đồn, mấy tên lính địch chạy nhón nháo. Khiêm chống các bin xướng đồng dặc như đang quan sát bắn bia:

- Chỉnh đi anh. Cự ly ba trăm, vắn lại thước ngắm cho đúng. Đường ngắm cho lên hai thước, sang phải nửa thước là vừa.

Các bin bắn xa không bảo đảm, nên Khiêm không bắn. Cái giọng tỉnh khô của Khiêm và hai phát súng vừa nổ giúp cho Lương bình tĩnh hẳn. Anh giống như người tân binh đánh trận đầu, phải

nghe giọng chỉ huy và lấy vài phát đạn mới hết hồi hộp. Chiến đấu đã trên năm mươi trận, Lương không còn cái cảm giác bụng thót lại và lạnh lưng nóng đầu trước kẻ thù. Nhưng anh đang bắn theo Chánh, cố giết một người mới ban nãy còn rót bát nước nóng đưa cho anh... Lương kê bắp tay trái lên thân cây. Chấm đen đang chạy lom khom lại từ từ chạm đầu ruồi. Khẩu súng đã chắc tay, gắn vào người anh, biến thành xương thịt của anh. Viên đạn sắp vọt ra, chính là ngón tay sắt của anh xĩa vào lưng thẳng phản bội. Lương nín thở. Tất cả tan biến chung quanh Lương, chỉ còn một lỗ ngấm tròn, một đầu ruồi vuông, một hình người méo mó xộc xệch, cả ba nằm dọc theo một đường thẳng, chập vào nhau to tướng trong mắt Lương, choán hết trời đất. Anh bóp cò.

Như con đĩa đang trườn bồng co tròn lại, cái bóng bên kia lăn lông lốc theo sườn đồi một quãng. Rồi hai tay, hai chân duỗi ra, ngó ngoáy. Hấn cổ bò lên đồi. Hai viên đạn nữa xuyên qua bụng, qua sọ. Cái xác nằm vắt ngang đường. Con đĩa bị đóng đinh căng giữa sân.

Súng trên đồn nổ ran. Mấy loạt súng máy chém cây rần rật trên đầu Lương. Đạn đại bác 75 ly hú dài. Lương đi lảo đảo, vác khẩu súng trường rỗng trên vai, không nghe gì thấy gì. Từng đường gân thớ thịt đau buốt. Chưa bao giờ anh thấm mệt như lúc này.

Đội xuyên sâu vào rừng tránh địch. Dưới đường, ô tô và xe bọc sắt đồ ra sục sạo. Bóng đêm đã tỏa lên trùm các ngọn cây. Các bụi rậm vươn móng nhọn quều quào móc áo người, níu lại. Đèn bấm trong tay Văn Thon quét ánh xanh, soi con dao phát đường. Đến gần nửa đêm, đội mới dừng bên một vũng nước.

Lương ngồi gác cho đội ngủ.

Anh nghe tiếng ngáy phì phò cạnh mình, lại nhớ những đêm đắp chung chăn rủ rủ với Chánh, những lúc Chánh tập cho anh đi quyền. Trong tổ Đảng, Lương được giao giúp đỡ Chánh. Rồi đến nay chính tay Lương bắn chết Chánh mà không biết vì sao hấn đào ngũ. Thương xót, hối hận, tủi nhục cùng một lúc đè lên ngực Lương. Anh giật tung cổ áo, vẫn thấy khó thở.

- Anh để tôi gác thay. Gớm, càng đổi càng buồn ngủ tợn.

Khiêm dụi mắt; ngáp dài. Lương vẫn ngồi im như anh không biết Khiêm đến. Khiêm lay vai anh: “Vào chợp một lúc đi anh”. Lương từ từ ngẩng mặt. Con mắt phải sáng lóng lánh, hơi ướt. Anh nói chậm, nói một mình:

- Đúng, phải bắn chết nó. Minh tôi thật. Nó mất tinh thần mà không biết. Để cái nhọt sưng tấy lên rồi mới khoét thịt...

Khiêm lại ngáp. Nghĩ một lúc, Khiêm bàn góp:

- Tôi gì. Nó chịu khổ không nổi, nó cút. Chính huân mười ngày rồi, bạn thù bè bè ra đây, nó chạy theo địch tức như nó là địch anh ạ.

- Không, mình chỉ nói về phần mình...

- Hừ, cán bộ chứ có phải vú em?

Lương sức nhớ đến vẻ hốt hoảng của Sử ban chiều: “Coi chừng... Chánh đào ngũ...”. Ủ lạ, sao Sử biết trước mà không nói? Lương dò dẫm đến chỗ câu hiệu thính viên ngũ. Anh đặt tay lên vai Sử định lay, lại rút về. Thôi để lúc khác.

Lương nằm xuống ổ lá của Khiêm, nhắm mắt, ngáy một lúc để buộc mình ngủ. Rồi anh lật nghiêng người, thì thầm như có Chánh nằm bên mình:

- Chánh ơi, sao mày ngu thế? Mày còn khỏe gấp mấy tao, sao mày trốn? Giá tao chặt một cánh tay cho mày sống, tao cũng chặt ngay. Sao mày ngu thế Chánh ơi?

Một giờ sau, Lương gác thay cho Khiêm đèn sáng, không gọi người khác. Lương có một gói thuốc lá thơm định mang về cho bạn. Từ ngày vào trình sát anh đã cai thuốc lá, sợ có mùi lạ khó vào đồn. Suốt đêm ấy, một đốm lửa cháy lập lòe chỗ Lương ngồi. Sáng hôm sau, mắt Lương thâm và trũng hẳn đi, mấy đầu ngón tay anh sém vàng khói thuốc.

IX

Đồng chí tiểu đoàn trưởng chủ lực hô nghiêm, chạy đến trước mặt Tuyên, gân tay chào rất đẹp:

- Báo cáo trung đoàn trưởng, cán bộ tiểu đoàn 3 đang họp.

Tuyên lóng ngóng chào lại, ngón tay cái xòe rồi lại khép. Bốn năm liền không chào quân sự còn gì. Anh bắt tay tiểu đoàn trưởng, hỏi mấy câu, rồi len qua dây súng cối 82 ly, đi thẳng. Có tiếng cười rúc rích mé sau. Tuyên cũng cười thầm. Đứng giữa hàng cán bộ của trung đoàn 217, trông anh chả có thứ quân sự tí nào. Anh béo lùn, lại mặc phạ xà lưng sồ sề, đầu quần phạ phe sặc sỡ. Bộ đội nhìn anh chăm chăm, cười, rỉ tai nhau: “Ông xã đội!” Cái tên đùa ấy lan đến đây lúc nào không biết.

Anh liếc sang trung đoàn trưởng Mạnh đi bên cạnh. Chính quy có khác. Bộ quân phục xanh lá cây vừa khít thân hình cao ngót thước tám, càng làm nổi bật nước da đỏ hồng của Mạnh. Tư thế nhanh, chắc, hiên ngang. Cả câu nói cũng gọn, đĩnh đạc, to vừa đủ ba nghìn người nghe rõ. Tuyên nói với Mạnh cứ phải ngửa đầu, cổ mỗi nhừ. Hôm mới gặp trung đoàn 217 dọc đường hành quân về Tây Nam, Tuyên phải lên vào rừng tập chào một lúc cho thuần tay, và thắng bộ quân phục đã lâu không mặc. Đêm đêm anh đến ngủ với trung đội trinh sát. Ở đâu cũng vậy, chiến sĩ trinh sát là giới thạo tin nhất, dễ cởi mở với cấp trên nhất trong đơn vị. Qua một tuần, anh đã biết được rất nhiều mẩu chuyện không hề ghi trên các báo cáo.

Các đơn vị Lào và Việt tập trung trên bờ sông Xê Ban đã ba ngày. Đội chuẩn chiến 3 vẫn

bật tin. Gạo bắt đầu cạn, máy bay địch lượn vòng dòm ngó.

Tuyên và Mạnh luôn dưới rừng vầu, đi về cơ quan Ủy ban kháng chiến. Hội nghị Ban chỉ huy chiến dịch mở rộng sắp họp tại lán của Thông Phun. Câu chuyện đứt quãng lại tiếp tục. Mạnh hỏi về công tác chuẩn bị chiến trường đến lần thứ mấy không nhớ. Tuyên sầm mặt:

- Có lẽ CC3 gặp tai nạn mất. Đảng ủy lo sốt vó. Các tổ trinh sát phóng đi đón đường chưa thấy về.

Mạnh gãi gáy. Đó là dấu hiệu bức ngầm.

- Nghe đồn trinh sát trên này chúa ăn chơi tự do thì phải.

- Cũng tùy nơi, tùy người...

- Cậu Đại nhà tôi được nước đưa đòi, khéo lại vắt hết quân phục, may ka ki rồi cũng nên.

Tuyên dè dặt, chỉ trả lời nhát gừng:

- Không đến nỗi thế đâu. Lương nó nguyên tắc đấy, tôi biết.

- Hừ, ngại các ông lắm. Chưa chắc đã gặp trắc trở. Không chừng các tướng nghĩ lại dọc đường, cà phê sữa hộp với nhau, để bộ đội nằm chết gí ở đây. Thiếu gì lý do! Cái trò đi công tác lẻ là chúa lè mè, cấp trên biết đây là đâu. Tôi thì tôi cho đánh sang hướng tây ăn chắc hơn nhiều...

Mạnh vẫn quay trở về đề nghị đánh hướng tây. Khi nghiên cứu nhiệm vụ giúp Lào, anh không thắc mắc gì với đường lối, phương châm. Nhưng đến đây, anh giữ mãi ý kiến mở chiến dịch sang phía sông Mê Kông, vừa dễ đánh vừa ăn to.

Nghe Mạnh nói, Tuyên thấy rân rân mặt. Anh không bức với Mạnh, chỉ xấu hổ. Nếu đội CC3 về đúng hẹn, thì hướng đánh không còn phải bàn cãi gì nữa, bộ đội đã tiến thẳng xuống nam từ hôm qua. Ba nghìn người ăn măng và rau tàu bay nằm đợi một bản báo cáo, thật là vô lý. Cũng vô lý như những trận đánh lớn thất bại vì một phát súng nổ cướp, một vết dép cao su in trên đường, một cái đồng hồ của cán bộ chỉ huy bị đứng.

Mạnh bẻ một cành cây, quất vào những bụi dành dành bên đường. Tay chân anh luôn luôn ngứa ngáy, đòi hoạt động. Anh nhìn Tuyên, nói dần giọng như thách thức:

- Chốc nữa vào hội nghị, tôi sẽ đưa vấn đề hướng chiến dịch ra tranh luận. Được chứ?

- Được thôi. Nhưng theo ý tôi, Đảng ủy đã bàn kỹ và thống nhất với bên Ủy ban từ trước.

Mạnh quật cành lá vào ống quần, cúi kính:

- Tôi sợ khi gửi kế hoạch lên Bộ Quốc phòng Lào, các đồng chí chưa xét kỹ các mặt. Và lại Bộ đã giao quyền quyết định hướng đánh lại cho Ban chỉ huy chiến dịch. Chúng ta tùy tình hình mà xử trí. Thế nào là cơ động linh hoạt?

- Đánh Pà Thạc lợi như thế nào anh đã biết đấy.

- Biết, tôi biết. Anh nhắc đến nghị quyết của Đảng ủy tôi hiểu ý ngay. Nhưng nếu trong hội nghị các đồng chí Lào theo đề nghị của tôi thì sao?

- Tất nhiên họ có toàn quyền quyết định. Xưa nay vẫn thế.
- Được, tôi sẽ đề nghị bỏ chủ trương đánh Pà Thạc.
- Tôi sẽ phản đối đến cùng.

Mành thích lối tranh cãi thẳng thắn ấy. Nếu cần, có thể đập bàn vỗ ghế, mang hết lý lẽ đập nhau không tiếc lời, để rồi thống nhất ý kiến với nhau đến chân tơ kẽ tóc. Anh vỗ vai Tuyên, cười:

- Xin điều thuốc. Bộ đội thèm thuốc lá ghê quá, cuộn cả lá chuối khô mà hút. Chiến trường Lào gian khổ thật! Chiu các cậu.

*

* *

Rừng vầu dọc sông Xê Ban vẫn đan cảnh lá um tùm, im lặng. Nhưng bên dưới cái trần xanh rì ấy, hơn ba nghìn quân đang ùn lại, sùng sục như nước lũ húc phải đập.

Các đơn vị cướp thời gian để ôn tập.

Hai đại đội Itxala dàn hàng ngang, tập xung phong đường rừng, vận động đánh bọc lưng, tạt sườn. Một đại đội Quân tình nguyện tập chôn mìn, gài bẫy phóng lao, cắm chông chìm chông nổi. Các tổ bọc phá của trung đoàn 217 ôm ống bơm độn cát lao lên rào thép gai. Xung kích lòng lộn trong những đoạn giao thông hào nông choleh, bắn, đâm, ném lựu đạn, thọc vào ruột đòn.

Sẽ đánh vào đâu, bao giờ đánh, bộ đội chưa biết. Các nhân vật “tham mưu con” chuyên xem tướng cán bộ cũng chịu tho, chỉ phán đoán rằng trận này ắt sẽ gian nan đây vì nom sắc mặt cấp trên có chiều u ám, khác với những lúc phơn phở đầy hồng khí như nhà nông được mùa.

Họ đoán đúng. Không khí trong hàng cán bộ nặng nề, khó thở, và cơn dông hôm nay nổ trong cuộc hội nghị Ban chỉ huy chiến dịch mở rộng. Bộ Quốc phòng Lào đã chỉ định Thông Phun làm chính ủy, Tuyên chỉ huy trưởng, một cán bộ Lào cùng với Mành chỉ huy phó trong chiến dịch.

Độ hai mươi cán bộ Lào và Việt đứng ngồi chen nhau trong lán của Thông Phun. Nắng xiên khoai đượm mùi lá mục hăng nồng soi chéo trên mặt trung đoàn trưởng Mành đang phát biểu. Mặt anh đỏ như râm bụt. Anh nói mỗi lúc một to, nắm tay phải đấm vào lòng bàn tay trái chấm câu, người lắc mạnh. Đôi chỗ anh đếm từng tiếng một, chắc như những phát súng tự động lẩy chạ:

- Nhân có các đồng chí trong Ủy ban kháng chiến ở đây, tôi xin nêu lại vấn đề. Một đảng thì chôn chân bộ đội lại, đợi đội CC3, vừa thiếu gạo ăn vừa dễ ăn phi pháo. Anh hùng ca số 5 về hay không? Chiu, không ai biết. Rồi nếu có đánh hướng nam, thì phải lội rừng ít nhất tám ngày, luôn qua vùng địch vũ trang, qua các đồn tiền tiêu. Chỉ sơ hở một chút thôi, địch có thể điều hàng vạn quân cơ giới đổ về Pà Thạc, chặn ngang sông Nậm Đăm. Đường tiến sẽ tắc tị. Máy bay tìm ném bom. Hết gạo. Lúc ấy mới lúng nhúng như cá vào túi lưới, bộ đội không tan vỡ thì cũng sảy vi tróc vảy mới rút về được. Thắng lợi của chiến dịch Pà Thạc như trứng để đầu đẳng, mà khả năng thất bại thì nhiều, rất

nhiều.

Anh ngừng vài giây, liếc quanh một vòng, lại nói to hơn:

- Tôi đã nghiên cứu các báo cáo sơ bộ của CC3 gửi về trước. Phân khu Pà Thạc nhỏ mà khó đánh. Chỉ bằng ta quật sang hướng tây, diệt gọn một phân khu, vừa gần vừa ăn to. Chỉ hai ngày hành quân và một đêm tổng công kích, ta có thể diệt gọn sáu đồn lớn, thu thắng lợi gấp hai ba lần đánh Pà Thạc, mở rộng được khu căn cứ xuống sát quốc lộ 13, cắt luôn đường tiếp tế của địch lên miền Bắc nước Lào. Các đồng chí cân nhắc lợi hại một lần nữa xem. Không phải tôi chỉ nhìn riêng mặt quân sự đâu. Hết!

Mành ngồi xuống lau mồ hôi trán.

Thông Phun làm chủ tọa, ngồi xồm trên sạp nứa, bản đồ trải trước mặt. Tuyên rì rầm dịch ý kiến của Mành cho các cán bộ Itxala nghe. Họ ghi vội trên sổ tay, gật gù. Thông Phun gãi râu, hỏi:

- *Phú đây mi khoam hén ?* (Ai có ý kiến?)

Hai người nữa lên tiếng ủng hộ đề nghị của Mành. Người đầu là đồng chí chủ nhiệm cung cấp của trung đoàn. Đồng chí nhăn nhó kể những khó khăn về gạo muối súng đạn, khiến mọi người cười rộ giữa lúc không nên cười nhất.

Người thứ hai là tham mưu trưởng Đặng.

Thoạt nghe Đặng nói mấy câu đầu, ai cũng tưởng anh phản đối Mành. Nhưng Tuyên ngờ ngờ nhận ra lời thuyết phục quen thuộc của Đặng: đưa ra hàng loạt ý kiến đối lập có vẻ nghe được, nhưng đã bị mài mòn và bẻ cong queo một phần, rồi bác dần đi rất khéo, dắt người nghe trôi xuôi theo ý mình một cách êm thấm. Tuyên trừng mắt nhìn Đặng đang vung năm ngón tay chúm như ném từng câu đúc gọn ra trước hội nghị, chống lại chủ trương đánh Pà Thạc với cái vẻ trầm ngâm pha lẫn buồn rầu của một người bị bắt buộc phải thừa nhận một sự thật trái với điều trước đây mình tưởng là đúng. Tuyên nghĩ chua chát: “Mới cách đây một tuần, cậu ta còn tuyên bố đánh Pà Thạc là giải pháp duy nhất đúng!” Nhìn quanh một vòng, anh thấy hình như mọi người cũng ngạc nhiên không kém mình, và Mành nhăn trán tỏ vẻ khó chịu, ầm ức thế nào.

Thực ra, dưới bề ngoài bình tĩnh, Đặng đã trải qua nhiều đêm hoảng hốt. Trong khi cháy ruột đợi tin đội CC3, Tuyên trần trọc trên cái võng ka ki treo giữa hai cột lán, thì Đặng nằm trên sạp cũng mở chong đôi mắt khô rát nhìn vào đêm đen. Đặng đoán chắc đội CC3 đã rơi vào ổ phục kích trên đường bí mật số 1 vì sự chậm trễ của mình. Nỗi hối hận giày vò cắn xé anh nhiều, nhưng chưa đủ sức bắt anh nói ra sự thực. Đảng ủy và Ban chỉ huy bận việc rối mù, chân chạy không bén đất, không có dịp kiểm tra việc làm của anh... Đôi lúc anh phát cáu với mình: “Chỉ tại cái nếp du kích lè mề chung của các ông ấy thôi, phải đâu tại riêng mình!”. Không ổn. Anh lại tự an ủi: “Một sự ngẫu nhiên, một tình huống trắc trở nho nhỏ. Kế hoạch có bao giờ thực hiện được trơn tru từ đầu đến cuối”. Rồi anh tìm ra một cách gỡ tội: Đề nghị đánh hướng khác. Khi súng đã nổ, không ai còn đầu óc nào đi soát

lại những thiếu sót tũn mủn trong việc chuẩn bị đánh Pà Thạc lúc ấy đã bị xếp xó. Ý nghĩ ấy ăn sâu dần, lớn dần, thành hẳn một kế hoạch mới, xóa mờ dần hình ảnh hai mảng đỏ bị cắt lìa trên bản đồ, bịt lấp dần những tiếng kêu cứu của khu du kích phía nam vắng đến hàng ngày trên sóng điện. Vẫn còn cái gì nhoi nhoi như mũi kim gài trong ngực áo: thương đội CC3, hổ thẹn, nhục nhã... Nhưng khi nghe Mạnh mấy lần đòi đổi hướng chiến dịch, Đặng thấy nhẹ người hẳn đi, và tự phân trần với mình: “Vì lợi ích chung, phải rồi... Đánh Pà Thạc dù sao cũng rất phiêu lưu”. Cái day dứt trong anh tạm nguôi, nhưng anh tránh không nhìn thẳng Tuyên, không nói chuyện riêng với Tuyên.

Đặng nói khá dài, đưa ra những lý lẽ xác đáng nhất để ủng hộ Mạnh. Tiêu diệt sinh lực địch là chính, không nên quá nặng giải phóng đất đai. Đánh dễ ăn chắc. Đôi khi phải hy sinh lợi ích cục bộ để giành thắng lợi chung... Cuối cùng anh còn trích dẫn một tràng những câu kinh điển về đường lối quân sự, từ Colaodovít qua Napôlêông đến Lâm Bru để kết luận rằng đánh về hướng tây mới đúng.

Mạnh nhấp nhòm như ngồi phải cọc. Anh không chịu được cái lối tán thành vớ vẩn bằng sách vở của Đặng. Anh vung tay xin nói, vừa lúc đồng chí Ủy viên quân sự Lào lên tiếng. Một cán bộ Tình nguyện dịch bên tai Mạnh:

- Ý kiến đồng chí Mạnh và đồng chí Đặng rất hay. Nhưng còn khu du kích phía nam đang bị nguy khốn thì sao? Nếu tấn công hướng tây mà gỡ vây được cho họ, thì ta nên đánh về phía đường 13.

Thông Phun tiếp luôn, ngón tay xoa giữa hai mảng đỏ trên bản đồ:

- Vấn đề mấu chốt hiện nay là nối liền hai khu du kích, làm căn cứ đánh lâu dài. Quét được phân khu phía tây cũng hay, nhưng không giữ được, Pháp lại chiếm mất thôi. Đuổi rắn không bằng đập chết rắn đâu. Tôi chỉ sợ một điều: bộ đội đi nhiều mất sức, ăn không đủ no, liệu có đánh nổi Pà Thạc không?

Chính ủy trung đoàn 217 ồm nặng dọc đường hành quân, nay trùm chần ngồi hóp. Anh chen vào mấy câu khiến Mạnh tím mặt:

- Kế hoạch đồng chí Mạnh có nhiều điểm sâu sắc, nhưng đây là đề nghị riêng của đồng chí thôi. Hôm trước chúng tôi thảo luận kỹ, vẫn thấy không hợp. Còn về sức khỏe, xin bảo đảm bộ đội ôn tập được, đánh được.

Tiếp luôn mấy ý kiến ủng hộ đánh Pà Thạc, Mạnh uất quá, chồm lên:

- Vâng thì đánh Pà Thạc, thọc xuống phía nam! Thế các đồng chí căn cứ vào đâu mà định kế hoạch tác chiến? Nắm tình hình địch lơ mơ như thế, địa hình chỉ mới xem trên bản đồ một phần hai chục vạn như thế, đội CC3 lại chưa về, các đồng chí dám hạ quyết tâm không?

Câu thách thức như một tảng đá ném giữa bàn. Mọi người quay đầu lại nhìn Tuyên, người phụ trách chuẩn bị Pà Thạc. Trước bốn chục con mắt dò xét, Tuyên đứng lên. Mặt anh hơi tái, sợi gân chữ Y chạy xoắn trên trán, giật mạnh. Anh nói thông thả bằng tiếng Lào:

- Khu du kích phía nam có giữ vững được hay không, mặt trận Tây Nam mở rộng được hay

không, tất cả đều do chiến dịch Pà Thạc quyết định. Tôi kiên quyết đề nghị đánh Pà Thạc. Đội chuẩn chiến 3 đã gửi về một số báo cáo sơ bộ, xét tình hình có thể đánh được. Nhưng còn phải đợi họ về báo cáo tỉ mỉ...

- Bao giờ họ về?

- Chúng tôi cố tìm đội chuẩn chiến 3. Phải đợi mấy hôm nữa...

Mành vẫn vắn sát nút:

- Nếu đội ấy mất tích hay hy sinh hết, địch lấy được báo cáo thì sao?

Tuyên không đáp. Thông Phun ngẫm nghĩ rồi nói thay:

- Thì đành phải đổi hướng tấn công thôi.

Thông Phun khẽ thở dài, thoáng nghĩ đến Văn Thon, đến đội trinh sát Itxala vắng đội trưởng. Ngón tay anh vẫn xoa xoa giữa hai mảng đỏ rời nhau trên bản đồ. Anh quay lại nói với Mành một câu tiếng Việt, giọng sôi đến nổi các cán bộ của 217 giương mắt sừng sốt:

- Tối nay mời đồng chí đến họp với các đại đội Itxala nhé!

*

* *

Bốn thân cây khô chồng lên nhau cháy phừng phừng. Lửa rắc những giọt đỏ trên các nòng súng và các đôi mắt.

Hai đại đội Itxala tập họp trong góc rừng thưa thành hình chữ U, ngồi nhấp nhô từ dưới đất lên đến đỉnh gò đá. Súng trường và súng máy đủ các kiểu linh tinh, cũ mới, dài ngắn, nặng nhẹ. Nhìn qua số súng trường trong một trung đội cũng đã thấy cái công góp nhặt: có súng Pháp, Nhật, Nga, Đức, Anh, Canada, Tàu Tưởng, Mỹ, nhiều nhất là Mỹ. Những chuyến xe bốn năm trăm chiếc kìn kìn trên đường 13 đổ vũ khí Mỹ vào đất Lào càng nhiều, thì bộ đội Itxala càng chóng có súng mới. Áo quần cũng không ai giống ai. Kaki Mỹ xanh xám, kaki Pháp vàng đất thó, áo vải xanh chàm, cả phạ xà lưng dẹt ô vuông xanh đỏ. Nhưng trên tất cả mấy trăm khuôn mặt đều có những nét gì giống nhau. Người thoát nhìn thấy lạ mắt, để ý lâu mới hiểu: họ đều đói cơm và đói ngủ.

Ban chỉ huy chiến dịch đến. Anh đại đội trưởng chạy ra trước hàng, tay phải đề súng ngắn, tay trái giữ cái xà cột nẩy bành bạch cạnh sườn:

- *Dun... kôông!* (Đứng... nghiêm!)

Chính ủy Thông Phun ra nói chuyện. Tuyên dịch cho Mành từng câu. Thông Phun nói lướt qua tình hình chung, kể lại cuộc hành quân của trung đoàn 217. Sau mỗi câu, anh lại rướn cổ về phía trước như muốn hỏi: “Hiểu chưa?” Chợt anh bước đến sát hàng quân:

- Đồng chí, cho tôi hỏi một câu.

Anh chiến sĩ Itxala đang nghe mê mẩn, giật mình suýt đánh rơi súng. Anh đứng dậy, dặng

hăng, cười ngượng nghịu. Trong góc tối Tuyên cũng cười, ghé tai Mạnh: “Trước kia Thông Phun dạy học ở Viên Chăn. Đúng kiểu ông giáo truy bài nhé!” Thông Phun hỏi:

- Thế nào là tinh thần quốc tế?

- Hừm... tức như là mặt trận liên minh Lào - Việt - Khome, để giải phóng đế quốc, à không, tiêu diệt đế quốc...

- Đồng chí cứ nói tự nhiên, nghĩ sao nói vậy.

Anh chiến sĩ chống súng, mím đôi môi dày, nghĩ. Rồi anh lật mũ úp lên nòng súng, vỗ bao đạn một cái, vung tay:

- Tinh thần quốc tế là thế nào, đây tôi nói đây. Thằng Pháp, thằng Mỹ như kẻ cướp vào nhà, mẹ nó chứ... Nhà có ba anh em, ở mỗi người một gian. Bây giờ chung sức lại mà đánh cướp, hay là ai lo phần này? Hừ? Đảng nào hơn?

- Hay lắm!

- Ba anh em phải đánh chung, giúp đỡ nhau thật sự, sống chết có nhau. Đuổi giặc đi rồi, ta làm ăn vui vẻ cũng giúp đỡ nhau mãi như thế. Anh có muối mang lên đây, tôi đổi sa nhân cho. Anh mất mùa, tôi gửi gạo cho anh ăn. Ấy cứ thế mà ăn ở đoàn kết giữa các nước với nhau có phải thích không! Tôi là tôi chúa ghét thằng Pháp, thằng Mỹ cứ rình mò hăm hứ, đi ăn cướp nước người ta...

Bộ đội cười khà khà, hoan hô, nhộn nhạo một hồi lâu.

Thông Phun phổ biến tiếp mệnh lệnh của Ban chỉ huy. Hai đại đội Itxala sẽ thọc sâu về phía Pa Thạc để tuyên truyền, chuẩn bị đường tiến quân. Một bộ phận đi nghi binh phía quốc lộ 13. Phải phân tán đến từng tổ, từng người. Sáng mai sớm, các bộ phận lên đường ngay. Một phút bây giờ là một ngày, một tháng.

Tiếng rì rầm trong hàng to dần. Hình như bộ đội thắc mắc cái gì.

Các đại đội chia từng nhóm thảo luận. Mạnh lững thững đi qua mấy đồng lửa, nghĩ ngợi. Anh đến ngồi cạnh một tiểu đội, vẫy Tuyên đến nhờ dịch hộ. Đúng anh em đang thắc mắc thật.

- Nay tôi bảo, cứ đi ngay bây giờ là tốt nhất. Về thẳng mỏ muối, qua sông trước khi trời sáng đỡ bị bọn vũ trang phá quấy.

- Phải, đề nghị trên cho xuất phát luôn. Cắt một tổ đi trước kiểm dò. Anh Văn Thon hay bố trí thế đây.

Mạnh hỏi một đồng chí ngồi cạnh, người bé mà bụng báng to:

- Bọn vũ trang dám bắn các đồng chí à?

- Vâng. Ấc cái, nó bắn mình, mình không được bắn lại. Chỉ độc kêu gọi thôi.

- Hừ, sao thế?

- Nó không phải là địch... Đại đội chúng tôi mất ba cậu. Nó cắt đầu nộp Pháp, đổi muối.

Pap!

Đồng chí Itxala đưa bàn tay cửa ngang cổ, nét mặt không đổi. Mành trừng mắt:

- Cũng cho qua luôn à?

- Không ạ, cho qua thế nào được... Chúng tôi đóng kho đến xin làm rẫy giúp dân, mất gần tháng mới bắt được mối liên lạc. Làng ấy bây giờ theo ta cả. Chỉ phải cái bị Pháp đốt, đang đói to, tội lắm.

Một lát sau, hai đại đội cùng xuất phát. Họ đi ngang qua chỗ Mành đứng. Đồng chí Itxala người bé bụng to vẫy vẫy tay, cười một cái cười đến mang tai. Mành cũng vẫy tay, cười, nhìn theo mãi cái bóng nhỏ vác khẩu Bờren mười bốn cân, đeo chuỗi băng đạn đầy tướng, tay cầm đèn chai soi đường, hai bàn chân trần xéo trên đá nhọn. Cây đèn chai tạt khói, bời muội đen vắn vèo trên má người chiến sĩ Lào đang đi vào trong đêm, cười hết cả hai hàm răng trắng bóng.

Bộ đội đi khuất, Mành vẫn đứng im. Anh nghĩ đến khu du kích phía nam, đến đội chuẩn chiến. Nghĩ rất lâu.

*

* *

Đến mười giờ đêm hôm ấy, tất cả mặt trận bộ đội ngọt bị náo động. Hai bức điện cùng một lần bay đến như cơn gió rét đổ về chuyển mùa từ thu sang đông. Bộ Quốc phòng Lào báo tin một binh đoàn cơ động nữa đang kéo từ Việt Nam sang Lào theo đường số 9, không rõ sẽ tiến về mặt trận nào. Khu du kích phía nam cấp báo: một trung đội vừa Itxala vừa Tình nguyện bị bao vây tiêu diệt đến người cuối cùng, tất cả súng máy Bờren và súng trường Anh phải xếp xó vì hết đạn Anh... Tình hình hết sức khẩn cấp, mà đội CC3 vẫn chưa thấy tăm hơi.

Mười hai giờ đêm. Trong lán của Ban tham mưu còn chấp chơi ánh đèn. Tuyên đang đánh dấu trên bản đồ hướng tiến của các tổ trình sát đi tìm CC3.

Cái đầu cúi thấp dần. Những đường xanh đỏ phình to, từ từ bò chổng chéo lên nhau như bầy rắn. Bức điện cuối cùng của CC3 đảo tròn thành, rơi xuống đất. Tuyên ngủ lúc nào không rõ, mắt vẫn mở, tay vẫn cầm bút chì. Mũi bút chì cắm trên một quãng hẹp của sông Nậm Phi. Đội chuẩn chiến có thể bị phục ngang đây... Các đội xây dựng cơ sở phía nam sông Xê Ban, các tổ trình sát ném đi dọn đường gửi về rất nhiều tin trái ngược. Có tin đội CC3 bị bắt gọn hết, có tin đi lạc về phía tây...

Một giọng thanh thanh rất quen vắng đến: “Anh ạ!” Ai thế nhỉ? Guồng máy trong óc Tuyên từ từ quay. Giọng nói đến gần:

- Anh chưa nghỉ ạ?

Tuyên từ từ ngẩng đầu. Đôi mắt anh trắng đục như mắt mù. Hình như anh không hề ngủ, chỉ mãi làm việc... Soan đứng trước mặt anh, cười:

- Trông anh lạ quá.

Tuyên chớp mắt, hỏi khao khao:

- Soan đến lâu chưa?

- Lâu ạ. Em đợi mãi, thấy anh còn bận việc. Anh thức đêm vừa chứ, rạc người đi thế kia ốm mất.

- Soan đi đâu về?

Soan hết cười, vờ vờ góc áo:

- Không ạ, chả ban chiều anh quân y trưởng gọi em sang anh bảo gì. Em bận mấy anh thương hàn, bây giờ mới rồi.

Tuyên tỉnh hẳn, vợ khăn lau mặt. Đồng chí quân y trưởng sang báo cáo, có phần nản với anh: “Con bé Soan liều mạng. Anh tính ba ngày hai đêm liền nó thức trắng, chúi mũi vào công tác. Nó bảo thương binh về nhiều nó không ngủ được. Anh chinh nó hộ tôi, chứ đá còn đồ mồ hôi nữa là...” Tuyên dặn qua quýt: “Cứ cho nó sang tôi bảo”. Thế mà Soan đến ngay. Nửa đêm, bốn cây số đường rừng vắng... Sao Soan vội thế? Anh buột miệng hỏi luôn câu ấy vừa mừng vừa ngượng. Vì anh chẳng? Biết đâu...

Soan hơi đỏ mặt, nhìn trộm anh, vờ vờ góc áo. Tuyên đâm luống cuống. Ừ mà có lẽ đúng vì anh. Tuyên cầm ca, lấy bi đông rót nước Soan uống. Hết nhả không còn một giọt. Giá ai đổi ca nước nóng lấy cái đồng hồ, Tuyên tháo đổi ngay. Tuyên vụt nhớ đến ngón tay của Đặng hôm trước. Thấy Soan đi qua, Đặng đưa ngón tay gạch chéo trên ngực, chỗ quả tim, xong trở về phía Soan, lại khoằm về phía Tuyên. Tuyên nuốt một cái, cau mày làm nghiêm, nhưng sau lưng ngứa như nổi rôm.

Soan nhìn cắm xuống bàn, lúng túng:

- Em tưởng... ư... có tin gì mới...

- Soan đợi tin nhà phải không?

- Vâng, à không, là em ngỡ... đợi anh Lương về...

Tuyên đã hiểu.

Hình như anh đang rơi, rơi mãi không chạm đất. Choáng váng, ngợp thở. Anh bước ra ngoài lán, bước xuống suối, như mất hồn. Gió khẽ xoa mát trên trán anh, nhưng vũng trắng dưới nước lại hấp hay những tia mắt giấu cợt dòn anh.

Soan lẳng lặng đến ngồi trên thân cây đổ, sát bên Tuyên. Đôi mắt tròn động trắng lóng lánh như van xin, cầu cứu. Soan sợ lắm. Soan đợi tin Khiêm mà như đứng trên bờ vực nhìn xuống, chỉ thấy tối om, im lặng, lạnh buốt. “Anh Tuyên vào bậc cha chú, mày phải hỏi ý kiến...” Bố Soan bảo thế. Soan cũng nghĩ thế. Đêm nay Soan liều nói thật, rồi đến đâu thì đến.

Soan kể hết với Tuyên, đôi lúc nghẹn tiếng, nấc dồn:

- Ba tháng nay anh Khiêm đi biệt, không gửi thư. Nghe nói đi với đội anh Lương. Em lo quá, hay là nhớ ra... thế nào rồi, chứ còn thì...

Soan nhét cả góc áo vào mồm, mà vẫn khóc thành tiếng. Rồi Soan gục đầu, bung mắt. Mái tóc xõa rung rung trên hai cánh tay trong tiếng nước nở.

Tuyên ngạc nhiên khi thấy mình bình tĩnh quá. Đường gân chữ Y lại rút mạnh trên trán, tim anh như nở to trong ngực, cộm cộm khó thở. Nhưng anh vẫn nói tự nhiên, chậm và buồn. Anh dỗ Soan nín. Khiêm vẫn khỏe, vẫn công tác hăng, vẫn nhớ Soan đầy chữ. Không gửi thư vì sợ lộ bí mật, trình sát phải giữ bí mật. Hai người vừa xúng đôi. Bố Soan hắt đồng ý. Không thuận đã có anh nói hộ, anh viết thư về nói hộ.

Soan nhòen cười qua nước mắt. Anh Tuyên không mắng, may quá. Thế mà sợ hãi, giấu mãi. Chả trước kia có mấy anh cán bộ đại đội muốn tìm hiểu, nói với Soan: “Chúng ta thống nhất nhau trên lập trường tư tưởng, có thể xây dựng được”. Soan lúng túng chối quanh, lo ngay ngáy. Nói thẳng thì sợ các anh bảo là kiêu, làm bộ. Mà đây đưa thì người ta điều ra tiếng vào. Soan không dám hỏi anh Tuyên, sợ bị mắng: “Cô còn đòi đến ông gì nữa kia?” Bây giờ xuôi quá rồi. Soan mừng khắp khởi. Anh Khiêm nay mai về thôi. Anh Khiêm về, rồi... rồi sao nữa? Soan nóng ran người, không dám nghĩ xa hơn. Xấu hổ khiếp.

- Chết chữa, em về thôi.

Tuyên xem đồng hồ. Đã hai giờ rưỡi sáng. Anh tần ngần:

- Anh đưa em về. Hay đừng, em ngủ lại đây.

Soan cười, rút khăn mùi soa buộc tóc:

- Phải đấy. Về bây giờ chị y tá trưởng chửi chết. Chị ấy chỉ cho em sang chơi với anh thôi đấy.

- Sao thế?

- Chị ấy bảo anh đừng dẫn, gần anh học tập được nhiều. Xem chừng chị ấy mến anh lắm.

Chao, buồn ngủ chết được!

Soan về lán, cởi áo ngoài, nằm trên cái võng của Tuyên, kéo chăn trùm đầu. Ngáp một cái, Soan lại thò đầu ra.

- Anh Khiêm nghịch ghê lắm, phải không anh?

- À, vừa vừa thôi.

- Có điều anh Khiêm gan lắm, giỏi lắm hử anh?

- Đúng thế.

Tuyên nhặt giấy tờ vung vãi, nhét vào túi dết. Được một phút, Soan tung chăn:

- Anh ạ, làm xiếc bán thuốc cao là thế nào?

- Ồ, là đi bán thuốc cao, rồi làm xiếc cho người ta xem...

- Thế khổ lắm anh nhỉ. Em nghe anh Khiêm kể, cứ thương hại...

- Thương hại thôi à?

Soan rút đầu, cười rình rích. Tuyên lúi húi dụi lửa, thổi to ngọn. Ngày càng nắng đêm càng rét, ngủ quên dễ bị sưng phổi. Soan đã ngủ say. Một cánh tay trần rơi thõng xuống chạm đất. Tấm chăn trật nghiêng về một bên.

Tuyên ngồi xuống một súc gỗ, khẽ nâng bàn tay mềm, ấm, giữ trong tay mình một loáng rồi đặt lên võng. Soan nhấp môi trong mơ, mỉm cười, má lúm nhanh một lỗ đồng tiền. Quảng mắt Soan hơi thâm, hai bên khóe mắt xếp li ti những nếp nhăn nan quạt. Hàng mi dài chưa khô hẳn, còn dính chập vào nhau. Khóc đấy rồi cười đấy, cái tuổi mười chín là thế. Và hơi thở của cô gái bay thơm mát trong cái lán đầy khói, phập phồng tỏa vào ngực Tuyên từng làn êm ru mà say người lạ lòng.

Đêm từ từ trôi, dài như một đời người. Tuyên vẫn lặng trên súc gỗ.

Trong lòng anh, những xoáy lốc rồi bời buồn, thương, giận cũng từ từ lắng xuống, đọng lại thành một khối nặng có lẽ còn lâu lắm mới tan. Lần đầu tiên trong đời, anh yêu một cô gái với tất cả sức mạnh của tình cảm, tất cả cái ngây thơ trinh trắng của người con trai đến ba mươi tuổi vẫn chưa nghĩ đến đời riêng. Và thất bại đầu tiên trong tình yêu đã in vào tim anh một dấu sắt nung đỏ. Anh nhìn Soan mà phát sợ, vì anh yêu Soan quá mất rồi, dù tình yêu ấy từ nay chỉ còn là vò xé, day dứt. Một tiếng cú rúc ngay đầu hè. Tuyên chợt nhận ra mình vẫn ngồi nhìn Soan ngủ. Anh lúng túng đứng dậy ngó quanh. Không còn ai. Anh kéo chăn đắp kín ngực Soan, rồi với cái thắt lưng súng ngắn treo trên cột, buộc vào người. Khẩu súng nặng như tảng đá. Người anh mỏi rồi từng đốt xương, đứng không nổi.

...Đàn khướu đến đầu hiên cãi nhau, đánh thức Soan dậy. Sáng rồi, nắng tỏa vàng trên ngọn cây, quét sương mù xuống thấp. Soan dụi mắt bời ngỡ, trên má còn đọng hai mảng hồng hồng. Đầu cái bàn tre có mẩu giấy chặn dưới một gói nhỏ. Mấy chữ của Tuyên để lại: “Anh bận đi công tác gấp. Em cứ yên tâm, Khiêm sẽ về. Em phải nghỉ công tác đến sáng mai, đừng gắng quá mất sức. Cho em gói kẹo chiến lợi phẩm. Được tin gì về đội anh Lương, anh sẽ báo em biết ngay, đừng sốt ruột nhé!”.

Soan chạy ù xuống sông rửa mặt, nghịch té nước đuôi con cún của cơ quan cúp đuôi chạy trên bãi cát. Rồi lên mở gói kẹo sữa, nhai một chiếc. Hãy còn thòm thèm. Nhưng Soan ấn mạnh cả gói vào túi quần, nhét cái mũi soa lên trên để thêm quyết tâm mang về cho thương binh. Kẹo này quý lắm đây. Anh em thương binh thiếu chất ngọt, cứ lén uống đường hóa học, hại người vô kể. Của độc ấy đánh trận lấy được hàng kilô, vất đi không hết.

Hôm qua ba anh bị thương hàn lên cơn sốt trên ba mươi chín, bệnh xá lại neo người, thế mà Soan còn ở đây. Soan bỗng còn cào cả ruột. Soan tắt tưới đi ra, xỏ vội chiếc áo sơmi bộ đội đã vá vai, gạt vội mấy làn tóc rời cứ nhất định chui vào cổ áo.

- Minh vun vào cho chị y tá trưởng với anh Tuyên mà hay đấy. Bảo chị ta cạo râu mép đi. Chia cho mấy cái kẹo, nói phứa là anh Tuyên gửi biếu...

Nghĩ thế Soan thú quá, cười một mình, cười mãi suốt dọc đường về bệnh xá.

Đến đây, đội CC3 gặp dãy núi đá xám dựng đứng, cao ngợp mắt. Chòm thông thưa trên đỉnh giống một hàng cò lêu đêu ngược mỏ lên mổ trời. Cảnh núi đơn giản đến dễ sợ. Mây móc vào ngọn thông, thông cắm vào đỉnh đá, đá sừng sững thành vai đổ xuống lưng sâu đầy ngọn cây nhọn như cái hồ chông. Chim đứt đường không đủ sức vượt núi cũng tránh xa quãng đường đèo chết lạng này.

Đội đi tránh đồn và làng, phải vượt qua một chỗ đèo yên ngựa. Sợi dây rừng to bằng ngón chân cái nối chằng năm người với nhau. Đầu ngón tay bấu vào đá đến sứt móng, tóe máu, kéo người rướn lên từng gang. Mồ hôi dán vào áo vào lưng, xông lên mặt ngùn ngụt. Mỗi tiếng đá rơi giống như một luồng điện phóng qua sợi dây rừng lạnh buốt, cả năm người cùng ngoái cổ xem ai hụt tay. Tiếng Văn Thon trên đầu vọng xuống từng lúc:

- Được một nửa rồi!
- Có con rắn, coi chừng!

Văn Thon không quen trèo núi. Bàn tay chuối mẩn sờ các mấu đá, lóng ngóng. Khiêm đi cuối cùng, đeo ba lô điện đài và hai khẩu súng, trườn nhanh như sóc, thỉnh thoảng đưa tay kéo Pha lên. Đôi lúc bên trên trèo chậm quá, Khiêm lại chọn chỗ ngồi nghỉ, cười với Pha, hát lảm nhảm một bài tếu:

...Tớ vội vàng bỏ - nhà ra - đi ngay

Bao công việc dấm dớ phó - thác cho - bu mày...

Văn Thon đưa tay quạt mồ hôi chảy tràn vào mắt. Cắc! Một mấu đá gãy rời dưới chân anh. Bàn tay ướt mồ hôi tuột dài trên đá trơn. Anh chới với, đạp chân vào vách núi, vẫn trượt. Anh chuối sạt qua cạnh Lương, hai chân đu đưa trên đầu Sứ. Sứ đang cầm con dao. Sợi dây níu Văn Thon vào bụng Lương. Lương rơi, cả đội sẽ rơi, lao xuống vực. Văn Thon gào:

- Chết cả... cắt dây, cắt nhanh!

Lương quàng hai tay ôm một gốc cây, quát:

- Không cắt!

Sợi dây bật căng, thít bụng anh. Lương nghiêng răng ôm ghì gốc cây, đeo Văn Thon bằng sức bụng, người muốn đứt làm đôi. Anh ngạt thở, há mồm không kêu ra tiếng. Văn Thon lúng lẳng đầu dây, mắt trợn trừng:

- Cắt mau... chết cả!

Khiêm trèo vọt lên, súng quật vào núi lách cách. Khiêm nhô vai lên vừa sát chân Văn Thon.

Sợi dây chùng dần, Văn Thon bám được hai tay, run lẩy bẩy. Trên kia Lương nằm bệt xuống một chỗ phẳng, thở cả mũi, mồm, tai. Bụng anh tuột một đường đỏ hỏn.

Nhích trên chỗ gốc cây, núi hõm thành hàm ếch. Năm người nghỉ còn rộng trên mặt đá. Khiêm rót nước phát cho mỗi người nửa cái ca nhôm, gấp đôi mức thường. Riêng phần Sử, Khiêm rót gần đầy ca, và xén bớt suất mình chỉ còn đủ một hớp. ấy là để động viên Sử.

Nghỉ một lúc, hai cậu lại tán chuyện. Khiêm cười khờ khợt, Sử cũng bật cười theo.

Chả là hôm qua đi dọc đường, anh Lương nói chuyện với Khiêm lâu lắm. Khiêm thấy anh nói chính trị mà không có vẻ chính trị, cứ như anh em tâm sự với nhau. Anh tí tê đổ Khiêm nên làm lành với Soan. Ai chứ Soan với anh Tuyên thì còn lạ gì, họ xem nhau như chú cháu. Con giai con đứa ghen vớ vẩn, không biết xấu. Khiêm tin răm rắp. Anh Lương nói thì phải đúng. Trước tiên bởi vì anh từng trải sự vợ con, ắt hiểu tính phụ nữ. Anh lại hay về mặt trận bộ, quen từ trên xuống dưới. Nhưng cái chính là vì anh đánh giặc giỏi. Theo ý Khiêm thì người chỉ huy giỏi tất phải giỏi đều mọi mặt trên đời, cái gì cũng biết. Các chú bộ đội trẻ vốn hay xem người cán bộ giỏi như ông thánh sống.

Lương đặt tay trên vai Khiêm, trầm ngâm như nói với chính mình:

- Cậu cũng giống như mình trước đây, hay hoang phí lắm. Sức khỏe, tính mạng, hạnh phúc... cái gì cũng vung tay quá trán, ném đi không tiếc. Đừng thế cậu ạ. Người cách mạng biết hy sinh tất cả khi Đảng cần đến, nhưng không hy sinh ầu bao giờ. Cậu hay liều mạng có lẽ vì cậu chưa hiểu... tính mạng chúng ta là của Đảng, là cái vốn chung của Cách mạng giao cho ta giữ. Chết vô ích là làm hại Cách mạng đấy.

Khiêm đột ngột hỏi:

- Sao mọi ngày trông anh... anh nghiêm thế hờ?

Sử đi sau, ngược mắt nhìn cái gáy hõm sâu, tóc phủ kín của Lương. Rồi nhìn xuống chân Lương đi nhúc nhích. Lương nói từng câu rời, chậm, gần như thì thầm một mình:

- Các cậu đôi khi bảo mình là người gỗ đá. Gỗ đá thế nào được hờ cậu? Cái ngày được tin gia đình chết, vợ bỏ đi lấy chồng khác, mình thấy chung quanh như đổ nát hết, tối đen. Thế rồi dần dần mình thấy mình vẫn còn rất nhiều. Còn các cậu, còn công tác nữa chứ. Cứ thế chuyện cũ nó khuây dần đi. Nghĩ xa hơn một chút, mình thấy vui. Về cuối cuộc đời, quay nhìn lại quãng đường đã qua, mình nghĩ rằng tất cả những cái sướng khổ của riêng mình sẽ không có gì đáng kể nữa, biến đi hết, chỉ sót lại chút ít gì cống hiến cho cách mạng là còn sống mãi...

Khiêm chưa bao giờ nghe anh Lương nói dài hay như thế. Hàng ngày gần anh em, khi chơi hoặc khi làm việc, anh chỉ mở miệng khi cần thiết. Khiêm nghĩ lâu lắm, rồi rụt rè: :

- Anh Lương ạ...

- Gì thế?

- Tôi... tôi muốn xin vào Đảng, được không anh? Bác Cống bảo cố gắng thì được. Lâu nay

tôi vẫn cố gắng đấy.

Khiêm đỏ mặt, ngoáy mãi ngón tay trong lỗ mũi.

Đạo trước bác Công nói: “Mày bớt tếu đi, tao mới dám giới thiệu”. Từ đấy Khiêm bớt tếu nhiều, nhưng đôi lúc cũng giở trò khi quên lời bố dặn, ví dụ như hai vụ bắt chó độn và ném thuốc lá cho lính gác hôm nọ.

Lương mỉm cười:

- Vì sao cậu muốn vào Đảng?

Khiêm ngớ ra. Câu hỏi bất ngờ quá, bác Công chưa hỏi thế bao giờ. Khiêm chỉ nghĩ rằng muốn vào Đảng là sự tất nhiên, cũng như muốn giết nhiều Tây, muốn nói chuyện với Soan. Âm ừ một lúc, rồi Khiêm nói rất thật:

- Vì tôi muốn tiến bộ như anh, như bác Công.

Câu chuyện đứt quãng nửa giờ vì qua chỗ dốc trơn. Rồi Lương vẫy Khiêm tụt lại sau:

- Mình sẽ báo cáo chi bộ. Nhưng phải thử thách cậu một tí. Đồng ý không?

- Vâng. Nay mai vào đồn thì...

- Không cần. Bây giờ mình giao cậu Sử cho cậu lãnh đạo. Từ hôm đánh mất đài, nó bị ghê lắm, mình động viên mãi chưa ăn thua. Cậu với nó dễ thân, nên đi sát nó, làm thế nào nó tươi lên tí.

Khiêm gãi tai, nghĩ. Khiêm chưa lãnh đạo ai bao giờ. Gay thật, còn khó hơn vào lô cốt ngằm theo bóng thẳng lính đối gác. Trước tiên hãy bắt chước cái gương mẫu của bố Công:

- Mày đưa ba lô tao mang giúp. Đeo khẩu các bin cho nhẹ này.

Tươi được một lúc, Sử lại xiu. Khiêm vắt óc nghĩ cách khác:

- Mày ăn súc cù là nhé?

- Tếu đấy chứ?

- Thật. Của chiến lợi phẩm, bố Công trữ mãi, hôm đi đây mới cho tao.

Thôi súc cù là ăn tỉnh người, thêm sức. Sử đi nhanh hơn. Thế là qua bước nữa. Khiêm lại bí. Cái phương pháp động viên bằng súc cù là chỉ dùng được một lần, không phải kể lâu bền. Khắc nghĩ, khắc làm, Khiêm bèn kể chuyện đông dài cho Sử vui chân dọc đường. Kể rằng:

- Đồi thẳng lính là một sự tươi. Mày là lính văn phòng, ngồi tạch tè một chỗ nên mày hay buồn bỏ xừ. (Khiêm tin thế thật). Ra chiến đấu hay trinh sát mới nhộn. Làm hùng hục chết thôi, mà quấy cũng khiếp...

Của đáng tội, nói những chuyện phá quấy cũng không phải là lỗi lãnh đạo hay. Khiêm biết vậy mà cứ nói, vì không có chuyện gì khác. Với lại Sử thích nghe loại ấy hơn cả.

- Cái hồi luyện quân Tây Bắc, đại đội tao có cậu lính kèn, cứ đúng bốn giờ sáng là thổi xói vào tai cái bài kèn dậy: “Đêm hôm qua cô quần lấy tôi tôi cứ ghét ghê”. Là chúng tao xuyên tạc ra cái lời thế. Bốn giờ sáng, rét rét kinh. Chúng nó cử tao bịt kèn, nửa đêm chui vào buồng anh tò te. Hôm thì

tổng ỏi xanh vào loa. Hôm thì bôi tí mật vào chỗ mồm thổi cho kiến nó bám. Đến lần tao giấu biến cái lưỡi gà thì bị tóm. Bò năm vòng sân tóe phở!

Đại khái những trò như thế chú “Vệ lỏi” Khiêm rất nhiều kinh nghiệm. Sử dụng mồm cười khi khí. Lương cũng lấy cái tươi mơn của chú em nổi tiếng lấu cá lấu tôm. Đói khát mệt nhọc thế, mà nó vẫn cứ đỏ hồng, xinh trai, cứ phờn được như thường mới lạ!

Nghỉ một lúc đỡ mệt, Văn Thon chống cùi tay nghiêng người ngắm cảnh dưới chân núi.

Văn Thon ở đồng bằng, rừng quanh năm chặn mắt, không quen nhìn xa. Giờ đây anh choáng váng, nhẹ bỗng, ngực căng phồng trước trời đất mở rộng. Dưới kia là rừng xanh thẳm, chen những ruộng mượt non màu lúa con gái, vườn cà phê sùilô nhô những cụm tròn, làng rắc những mái nhà vuông xám trên đất đỏ, tất cả chen nhau chỗ đứng trên bờ con sông từ chân trời đổ xuống. Đất Lào rộng lớn quá. Đất nước tỏa lên sức mạnh kỳ lạ, sức mạnh của những người không lờ từ đời ông tổ *Khum Bôlom* về đây mở nước. Dấu chân họ là những vũng đầm lấp lánh giữa rừng kia. Vết tay họ moi núi đào sông còn đỏ tươi kia. Tích xưa kể lại những người cao một trâm cùi tay, con cháu của Thần Rắn, đã bắt đàn voi dữ có dấu chân rộng ba sải, đuổi những bầy Kinali nửa người nửa chim, đắp nên bờ cõi nước Triệu Voi...

- Đẹp quá!

Tiếng Lương vắng như hơi thở. Văn Thon khẽ gạt đầu. Lương cũng mở to mắt nhìn ra, như bị hút vào không gian trong biếc. Mũi anh phập phồng tìm cái mùi gió muối say say từ biển về, rất quen và rất thương nhớ. Hai người rì rầm bên tai nhau, như sợ tiếng người rền xuống dưới kia to quá. Giấc mơ ngày mai vỗ cánh lượn trên đất Lào. Con sông quay guồng máy điện. Xe lửa tuôn khói chạy sang Việt Nam, Khome, Trung Quốc, Thái Lan. Gạt băng cái đồn Pháp trên quả đồi mù rùa kia đi, thả lên đó mấy chiếc máy cày sinh sinh lật đất lên trồng cà phê. Nước Lào giàu vô kể...

Mé sau Văn Thon, Pha từ từ nhòe lên, nghe như nuốt từng lời. Thung lũng xanh um trước mắt Pha chớp chớp biến hình theo câu chuyện của hai anh bộ đội rách tước, râu xồm xoàm, người chẳng chịt vết gai cẩu. Tự nhiên Pha nhớ đến bài con lâm của bố có cái đoạn nói chàng Chăn Thakhôrốp đưa vợ về phương Bắc, xẻ cánh tay lấy máu cho vợ uống. Đội cũng đi theo con đường vượt núi của chàng Chăn Tha, từ núi Vượn về sông Xê Ban. Pha cúi nhìn bộ quần áo bộ đội của anh Lương đưa cho mặc, bỗng nóng bừng hai má. Một cái gì lẫn lộn cả thương, khổ, ước ao và tủi thân vừa thoáng qua trong lòng cô gái họ lao. Pha không dám nhìn thẳng Lương nữa.

Lương xem đồng hồ:

- Nghỉ quá nửa giờ rồi. Đi nhé!

Một vầng mây trắng xóp lừ lừ bò quanh sườn núi che bức tranh màu dưới kia. Năm người ngồi trên hang đá như bông bênh trên hòn đảo giữa biển mây. Chung quanh họ, các chỏm núi nổi nhấp nhô, khi cao khi thấp. Ngửa đầu nhìn lên, con mắt tắm mát rượi trong biển xanh không đáy, có những

bè mây gói nhau trôi êm êm. Nhắm mắt lại, ngủ một giấc...

- Đi thôi!

Phải đi.

Lên quăng nữa, dốc đá thoải dần ra. Lương dừng lại đợi Văn Thon:

- Có lẽ núi này chưa ai trèo qua đây nhỉ?

- Ủ. Chúng mình tránh làng mới vất vả thế này.

- Không có anh, tôi đã xóc ngọn thông dưới kia.

- Thế tôi rơi anh lại chịu bỏ à? Sống thì sống cả chứ.

Văn Thon cười, vỗ lưng bạn:

- Tôi muốn hỏi anh tí việc.

Nhưng rồi Văn Thon không nói tiếp. Có nên nói nữa không? Anh thấy cái thắc mắc dạo nọ với Lương, Đại và chung cả anh em Việt, cứ tan dần đi trong mấy ngày lạc rừng vừa qua. Nghĩ lại, anh hơi xấu hổ. Thôi đừng nói, tốt hơn. Để về nhà sẽ đưa ra rút kinh nghiệm.

Đến đỉnh rồi. Bãi cỏ mát chân quá. Văn Thon vừa đi mấy bước bỗng ngồi thụp:

- Coi chừng địch!

Khiêm giật cơ bảm khẩu các bin, lăm lăm. Lương vẫy Sử và Pha nằm rạp xuống. Cái mũ nguy binh rộng vành trong bụi cây đằng trước vẫn không động. Văn Thon quát hỏi. Im lặng. Anh đến bên lùm cây, bỗng bước lùi.

Một bộ xương người.

Người chết nằm ngửa, hai tay duỗi dọc thân. Mối đã ăn sạch nhẵn tất cả, chỉ để lại những khúc xương bóng màu ngà, mấy cái cúc, cái khóa thắt lưng đồng. Một khẩu tiểu liên xiten bọc trong nilông treo lưng lửng trên đầu, cái mũ móc vào băng đã mục trắng.

Mọi người vây quanh xì xào. Xác địch hay ta không rõ. Mũ nguy, khóa thắt lưng kiểu lính nhảy dù, chắc là xác địch. Lương nhắc khẩu súng, tháo nilông:

- Bôi đầm dầu, còn tốt...

Văn Thon tiếp luôn ý Lương:

- Anh em ta rồi. Địch không quý súng.

Trong băng đạn rỗng có kẹp mẩu giấy con. Lương đọc hai câu viết bằng chữ Lào và Việt, cùng một nghĩa: “*Khỏ xồong pun ni hay koong bắn-xa-can xa-nằm-róp*. Xin trả súng này cho Ban chỉ huy mặt trận”.

Bên dưới ký hai tên: “*Thạo Khâm Thoong, Nguyễn Đồng*”. Hai tên cũng na ná như nhau. Một là tên thật, một là bí danh. Chiến sĩ Itxala hay Tình nguyện?

Khiêm lấy dao moi hố. Pha gục đầu, sợ thìn thít. Còn Sử đứng ngây nhìn cái đầu lâu không chớp mắt, một ý nghĩ ngấm sâu dần trong óc như dầu loang. Lương mở gói nilông trong túi, đặt mẩu

giấy vào giữa lòng tập *Anh hùng ca số 5*, gói lại. Cử chỉ anh trang trọng, thành kính.

Nơi đây không có tiếng chim, tiếng thú. Gió lùa chậm qua đèo, rung lá đều đều thành tiếng im lặng của rừng, cũng như sóng vỗ rì rào là tiếng im lặng của biển. Hãy nằm lại đây đồng chí nhé. Con đường đồng chí đi trước mà không qua được trọn, chúng tôi sẽ mở thêm một quãng nữa, rồi những người đến sau chúng ta sẽ tiến xa hơn và về đến đích.

- Đi thôi!

Cái đồng hồ trên tay Lương vẫn xoay tròn đôi kim, khắc nghiệt. Đội chuẩn chiến trể hẹn với mặt trận bộ mát ba hôm rồi. Phải đi gấp. Bước mấy bước, Lương còn quay lại ngắm nắm mồ mới đắp của người đồng chí đã đến nghỉ nơi đỉnh cao lòng lộng này mà nhìn về đất nước Lào đang sôi sục.

*

* *

Họ nhắm hướng Bắc vượt núi. Cái địa bàn Nhật của Lương đã rơi vỡ nát, Văn Thon ngắm mặt trời, xem dấu rêu tìm hướng. Tấm bản đồ thành vô dụng, vì không thể nhận ra đỉnh nào thung nào nữa. Rừng núi giăng màu xanh bùng mắt từ sáng đến tối.

Chiều hôm sau họ gặp vết chân người. Cả đội mừng cuống, chia nhau đi tìm. Khiêm reo ầm khi sục ra cả một dãy lều lợp lá chuối bỏ trống. Một trung đội của ta mới hành quân qua đây, Khiêm nói như dao chém đá. Nhưng Văn Thon nhìn những tàu lá khô quắt rũ lòng thông, lắc đầu. Đây là làng người *Toong lưỡng* (lá vàng). Người Toong lưỡng mặc khổ vỏ cây, đánh đá lấy lửa, không biết làm rẫy, lá chuối lợp lều vừa úa vàng là dời đi ở nơi khác. Họ xóa hết dấu vết dọc đường. Chưa ai theo dấu mà tìm ra làng Toong lưỡng bao giờ.

- Thế anh biết vùng này à?

- Không. Minh chỉ nghe nói.

Pha cũng nhớ ngày xưa bố đi săn voi về, kể rằng có ngủ lại một đêm ở làng Toong lưỡng. Vì đi lạc mới gặp họ.

Đội lại cắt rừng về hướng Bắc.

Sử đi giữa hàng, sau cái gáy hùm đầy tóc của Lương và trước khuôn mặt xanh, với đôi môi mím chặt của Pha.

Sử bước đều đều trong một cơn mê dữ. Nhịp chân đằng trước đằng sau kéo Sử đi, và Sử cảm thấy rất rõ những sợi dây vô hình buộc thân thể mình vào với Lương, Khiêm, đang giật bấp thịt trên chân mình co duỗi như cái máy. Rồi đội ra, Sử đã gục xuống từ bao giờ.

Sử kinh sợ trước cái quyết tâm của Văn Thon và Lương. Quyết tâm như núi đá: *Anh hùng ca số 5* phải về đến nơi kịp mở chiến dịch. Đói cũng đi. Khát cũng đi. Chân sưng to, chảy mủ, cứ đi. Ai kiệt sức lăn ra thì cắt người ở lại trông nom, cõ mà bò về sau. Còn lại: Đi! Bản báo cáo không thể

đội ai. Khu du kích đang bị bao vây không đội, chiến dịch không đội, nên họ không dừng lại đội. Họ đã tính tách bạch: Bốn hay năm mạng người này đổi lấy thắng lợi không phải là nhiều. Mới nghe qua Sử thấy họ nhẫn tâm quá, không còn chút tình thương nào. Y như là phải móc con tôm vào lưỡi câu mới mong được cá.

Nhưng nhìn lại Lương, Sử hiểu rằng trong số người dự tính sẽ ngã ấy có cả Lương, và Lương có thể là người đầu tiên ngã xuống. Đến chỗ nghỉ, Lương ra góc vắng rửa vết thương, không cho ai đến gần. Khi ngủ, Lương đã nằm riêng ra một góc mà mùi thối còn bay. Hình như Lương không đi bằng chân nữa mà đi bằng sức lửa trong con mắt phải. Con người nhúc nhắc ấy như khối thép nam châm hút cả đội theo mình. Dáng dấp anh vẫn điềm đạm như lúc thường, chỉ có sau hôm bắn Chánh thì anh hay thừ ra nghĩ ngợi, và nói chuyện với Sử nhiều hơn trước.

Còn Văn Thon, anh vất vả gấp đôi mọi người. Lên trước tìm đường, lùi sau xóa dấu, tay phật dao hùng hục từ mờ sáng đến nhọ mặt người. Râu mọc kín nửa mặt như đồng rễ tre. Anh như muốn chẻ người làm hai làm tư để vừa xẻ đường vừa tìm thức ăn vừa trông nom từng người trong đội.

Họ không biết thương đồng đội ư? Vô lý!

Tình thương của họ rộng lớn quá, Sử ngợp thở không theo kịp. Sử không oán trách ai, chỉ quay lại trách mình.

Trên ghé nhà trường, hồn Sử rực ánh sáng của lý tưởng anh hùng. Sử đọc ngón ngấu các tiểu thuyết kháng chiến và những tập truyện phiêu lưu mạo hiểm của Jules Verne, Sử thuộc gần hết thơ Tố Hữu. Thơ của Sử dán bích báo lớp đệ tam chuyên khoa văn học tràn đầy những hình ảnh trồng thức quân reo, vỗ kiếm hát trên biên thù, vó ngựa chinh phu và mắt huyền đắm lệ. Nhưng khi nhà trường tổ chức một tuần lễ lấy nửa tự túc hay toàn xã đi đào mương chống hạn thì Sử cáo ốm ở nhà làm thơ. Những giấc mơ hùng tráng nhất rút cục chỉ là mộng đẹp xây trên trang sách. Cho đến ngày Sử xin nhập ngũ, mà đi tân binh ở xã hẻo lánh, chứ không phải vào ngành chuyên môn hay theo học trường lục quân...

Vì sao Sử vào bộ đội? Có hai người biết rõ: Sử và Tuyết Lan.

Tuyết Lan... Cái tên trong trắng, ngát hương. Cô gái con nhà giàu Hà Nội, cùng cảnh tản cư về đại hậu phương như gia đình Sử, sợ máy bay nhưng vẫn mặc áo lụa hồng viền dăng ten, chấm một giọt nước hoa kín đáo ở cổ. Hai năm liền Sử đón Lan đi học theo con đường đê, vì Lan rất sợ trâu. Lan cười, tiếng cười trong như hạt trai rót xuống đĩa sứ. Sử đi sau ngấm mái tóc nhảy nghịch trên cái cổ ba ngấn trắng muốt mà nghĩ ra không biết bao nhiêu là thơ.

- Anh Sử ạ, Lan thích có một người nào yêu Lan đắm đuối, yêu chết đi được, nhưng không bao giờ nói với Lan cả, thế mới thật là lý tưởng anh Sử nhỉ?

Hôm sau Sử đốt lá thư tỏ tình dài tám trang giấy mỏng ngoại hóa.

- Tại sao anh Sử thích làm thơ đánh nhau thế hở? Đi đâu cũng nghe chuyện súng đạn, Lan

nhức cả tai. Lan thích những câu thơ hiền và đẹp như bông hoa này cơ...

Sử không dám khoe những bài thơ đầy hùng khí nữa.

Cứ thế trong hai năm Sử theo đuổi một cái bóng đẹp, rất gần mà không bao giờ với đến. Sử học kém dần, công tác hiệu đoàn sút dần. Học sinh rầm rộ tòng quân, vào du kích, đi dân công. Sử lần hết, vì: “Anh Sử đi thì ai đưa Lan đi học? Đường đê lấm trâu sợ sợ là...” Lan rất sẵn những nụ cười hai nghĩa, những tiếng thở dài băng quơ, những cái đưa mắt đi thẳng vào tim, nhưng Sử không thể hiểu được lúc nào Lan thật, lúc nào Lan dối. Có lẽ dối lâu thành thói quen cũng hóa ra thật.

Đùng một cái, Lan lấy chồng, về làm dâu một bà chủ đồn điền. Một hôm sau, Sử ký giấy tình nguyện nhập ngũ. Sử lao mình theo cái lý tưởng anh hùng lâu nay bị cô gái ích kỷ và giả dối kia che khuất, và cũng để nguôi bớt thất vọng.

Ba tháng tân binh bò toài lăn lê, bốn tháng học lớp hiệu thính viên, rồi Sử được bổ sung vào Quân tình nguyện.

Trong nhật ký của Sử có một đoạn ghi thế này:

Kỉ niệm hai năm tròn nhập ngũ

Cuộc hành quân đầu tiên trong đời bộ đội sao dài thế! Chung quanh anh em nhìn tôi bằng cặp mắt ngờ vực, chế giễu. Tiểu tư sản mà lị. Tôi tức khí, cố gắng cho bằng họ, bị sưng vai và bong gân mắt cá. Họ không cười nữa, quay ra gánh đỡ tôi, khen tôi chịu khó. Đêm ấy anh Thủ bóp vai cho tôi. Mãi đến khi anh sang đón vị khác, tôi mới biết anh là đảng viên cộng sản. Bí mật ghê, tâm sự với nhau mãi anh vẫn giấu. Không có anh Thủ chắc tôi nằm lại dọc đường rồi.

Vèo một cái, hai năm qua lúc nào không biết. Hai năm rất ngắn nhưng tràn đầy chất sống. Nếu tính tuổi người bằng hành động chứ không phải bằng năm tháng, tôi đã sống ít nhất là mười tuổi trong bộ đội.

Tôi đã tìm thấy cuộc sống anh hùng mà tôi hằng mơ ước nhưng nó lại không giống như mơ ước của tôi. Nó không dịu dịu, tế nhị, tươi mát mà rục rờ như tôi vẽ nên trong tưởng tượng. Những câu thơ “hùng tráng” của tôi ngày xưa đâm phá sản. Thơ tôi giống như chàng Icare trong thần thoại Hy Lạp bay lên thật cao bằng đôi cánh gắn sáp ong, đến gần mặt trời thì tan chảy rơi rụng hết.

Càng ngày tôi càng nghiệm thấy cuộc sống chung quanh tôi không thiếu những niềm vui lớn và những phút tâm hồn bay bổng, bởi nó là cuộc sống lao động khẩn trương đến độ cao nhất, hy sinh chiến đấu đến mức trọn vẹn nhất, yêu và ghét đến cung bậc cuối cùng của tình cảm con người. Cuộc sống anh hùng tỏa lên chất thơ, chính là chất thơ.

Tôi đã cố gắng từng giờ từng phút để thực hiện cái khẩu hiệu tự động biên: “Không tụt lại sau hàng ngũ”. Kết quả tốt, nhưng chưa đều. Vẫn còn những lúc buồn ngủ mà báo cáo ôm, ngại vác gao mới đi họp văn nghệ. Vẫn còn những cái tiểu khí, “tự ái vật của tạch-tạch-xè” như anh

Lương nhận xét. Bao giờ tôi mới thành một người như anh Lương hay anh Thủ nhỉ?

.....

Sử đã được đề bạt tiểu đội phó, rồi tiểu đội trưởng. Mặt trận bộ khen thưởng một lần. Trong đợt công tác này, Sử được giao cả công tác mật mã. Hiệu thính viên kiêm mật mã là trường hợp rất đặc biệt, Sử nhận túi tài liệu mà sung sướng đỏ mặt. Suốt hai tháng ở Pà Thạc, Sử không vào đồn lần nào, nhưng vẫn là cánh tay phải tin cậy của Lương.

Bỗng đâu lại xảy ra vụ vật đài chạy tháo thân. Sử giận mình, hối hận, nghĩ lan man đâm mất ngủ. Sức khỏe xuống dần. Đến nay Sử bắt đầu ngầy ngấy sốt. Trong cơn thử lửa này, cần phải dồn ý chí lại thành một quyết tâm chắc như cái đinh đóng vào óc, bắt sức thân thể phải bùng lên gấp năm gấp mười lần mức thường để làm nên những việc thần kỳ. Khổ làm sao, nỗi buồn như chất độc ngấm dai cứ loang trong tim Sử, tan vào máu, gậm nhấm từng thớ thịt cho nhão dần ra...

Tiếng Lương bật gào đằng trước:

- Tất cả nằm xuống! Bò vào rừng, nhanh!

Tiếng quát lao xao ở đâu xa lắm. Máy loạt đạn cày đất bên trái Sử, xén tranh rất rạt. Sử chúi đầu xuống tranh rậm. Khiêm nhảy tới giật khẩu các bin trên tay Sử, bấm khóa hãm, bắn liên liên mười lăm phát hết băng về phía nào đó. Sử ù tai, bò thực mạng. Đạn bay qua đầu Sử “tắc pùng....điu-u-u” như một lồng mèo cắn xé nhau dưới tròng pháo. Khiêm gọi lạnh lạnh:

- Sử, bò thấp xuống mày! Kìa cái mông!

Tiếng Lương bị đạn cắt vụn:

- Chú ý... Pha... chặn xung phong...

Đến rừng, Sử nằm vật trên lá khô. Văn Thon ào đến, nòng súng ngắn còn bốc khói: “Pha đâu? Pha đến chưa?” Thoáng bóng Lương máu đỏ dọc ngón tay út, khắp khiêng chạy trở ra đòi tranh. Sử ngồi lên, chống hai tay ngơ ngác. Khiêm nhô ra, kéo Sử luồn sâu vào rừng: “Nhanh mày, nó đuổi”. Đến khi hoàn hồn, Sử thấy đội vẫn đủ năm người nối đuôi nhau, như không có gì xảy ra.

Hai giờ sau, dừng lại nghỉ, Sử mới biết ban nãy đội vừa ló ra giữa bãi tranh liền bị một toán biệt kích nhảy dù G.C.M.A. bên kia đòi bắn sang. Hình như địch giăng lưới lòng đội chuẩn chiến, vì trông thấy đội chúng nổ súng ngay, không hỏi. Phải chui qua lưới, hoặc phá lưới mà tiến. Văn Thon vạch que trên đất, bàn hướng cắt rừng với Lương. Pha nhỏ nắm cối cạnh bụi hóp, túm vào khăn. Khiêm gác lấp ló đằng xa. Họ mở đường, đánh nhau, tìm thức ăn... Chỉ có Sử là thừa...

Sử đứng lên định giúp Pha nhỏ nắm, lại ngồi xuống. Đầu Sử nặng, nhức. Giá được nằm xuống đây ngủ... ngủ một giấc dài rồi quên, quên hết...

“Mày có bà con trong thành. Mày học lên kỹ sư bác sĩ, sau này độc lập mày ra giúp nước, cũng ông nọ ông kia chứ ai dám khinh mày là đứa đào ngũ? Mày có theo Tây đâu”. Sử kinh tởm khi nghe Chánh nói, nhưng lời nói của Chánh bám vào người Sử như một thứ bùn hôi không gột được. Có

lẽ... có lẽ nó nói có chút nào đúng chẳng? Mình bỏ phí tài năng, cái trình độ đệ tam chuyên khoa bây giờ cũng hiếm...

- Đồ hèn!

Sử buột mồm, mắng mình thành tiếng. Khiêm bước nhanh đến, sẵn đón:

- Một lăm rồi hả? Đưa nốt các bin đây tao.

Mồ hôi Khiêm rỏ giọt ở cằm và cùi tay. Khiêm vác ba khẩu súng, đeo điện đài. Lương ra lệnh chôn súng và đài để sau này tìm lấy lại, Khiêm bàn: “Để lúc nào tôi đuổi hăng chôn. Bỏ lại đây xa quá khó tìm. Cướp được súng của Tây có phải dễ!”.

Khiêm lại kể chuyện cho Sử vui chân:

- Đến cái mục kiếm ăn lẻ thì là cả một sự thú. Chỉ nói sơ qua khẩu súng trường cầm tay thôi nhé. Lấy được đạn Tây thì năm chục cứ báo cáo ba chục nộp lên, còn nhét túi. Đi công tác lẻ thì tha hồ bắn công với gà gô, đem vào rừng tẩm muối ớt nướng ăn nứt bụng. Cán bộ nghe tiếng nổ thì cứ nói là nòng súng gỉ, bắn lau nòng. Lại còn bắn cá nữa. Mày ném vài hạt cơm hay nắm đất xuống chỗ suối đá, các chú cá túm tụm lại thì đò cho một phát vào giữa, nó tức hơi nó chết. Nhưng không được nhúng mũi súng xuống nước, nó tức hơi vỡ nòng thì mày chết. Hi hi.. Tao chỉ phải cái bệnh tự do chủ nghĩa ấy mà lăm lúc bị bố Công chan tương đồ mè vào mặt, đứng nghe chính cứ sượng ngẫm...

Sử cười buồn, ngắt lời Khiêm:

- Có bao giờ mày chán đời không Khiêm?

- Không.

- Thật chứ?

Khiêm nhú chán, cố nhớ. Rồi nhận:

- Cũng có. Như lúc cái Soan nó... ấy mà, tao chán đời kinh.

- Thế mày làm gì?

- Còn làm gì nữa, đã bảo chán đời mà! Tao xách ba lô về đơn vị ngay tắp lự. Đánh nhau khắc quên. Mà thôi, đừng nói chuyện lãng mạn nữa. Mày khát chưa?

Khiêm gọi chung tất cả những sự yêu đương hay nhớ vợ là “lãng mạn”. Đôi khi quen mồm Khiêm cũng nói: “Tao lãng mạn với cái Soan bột một dạo...”

Khiêm lùi lại sau, đưa tay kéo Pha bước qua thân cây đổ to bằng thân voi. Sử ngồi xuống tảng đá, uống nước. Khiêm đi đến, thấy Sử ngồi dạng hai đầu gối, nhìn sững xuống đất. Mắt Sử có cái gì lạ, vừa sáng vừa dài dại. Khiêm nhặt cái ca rơi úp dưới chân Sử, giục:

- Đi chứ, coi chừng lạc.

Sử ngắc đầu. Một cử chỉ gãy khớp, như bị giật dây.

Khiêm dỗ:

- Đi mày, đừng tụt lại sau. Mày lại vác đèn đỏ đi cuối rồi.

Cả câu trêu “đèn đỏ” cũng không lay được Sử. Cái mũi đỏ của Sử nhọt màu từ lâu. Khiêm cuống, gãi tai, quay về phía trước gọi to:

- Dừng lại nhé. Cậu Sử mệt rồi.

Không có tiếng đáp. Văn Thon và Lương có lẽ đã đi xa. Khiêm vánh tay lên miệng định gọi nữa, thì Sử đứng dậy, nhặt cây gậy:

- Thôi để tao đi. Mà nói phải, đừng tụt lại sau...

Sử cười một tiếng lạnh ngắt, khó hiểu.

Tối đến, Sử kêu mệt không ăn, đi nằm ngay. Khiêm vun cho Sử một ổ lá thật dày, trải chăn mình lên trên. Lương đốt lửa xong, đến bên Sử. Anh cũng thấy ánh mắt và cử chỉ không bình thường của Sử. Trán Sử mát, không sốt. Sử trả lời ậm à một lúc, rồi nhồm dậy:

- Tôi hỏi, đề nghị anh nói thật, đừng động viên làm gì. Anh khinh tôi có phải không?

- Không!

Sử hỏn hển:

- Tôi đã bảo anh đừng dễ ngọt mà. Đi với anh mới vài tháng, tôi mấy lần nổi tự ái, tránh việc nặng. Rồi tôi vất dài mà chạy. Nếu còn dài, tôi sẽ điện toàn văn tập báo cáo về mặt trận, đội chỉ việc quay về nghỉ ở hang núi Vượn, có đâu phải chết mòn dọc đường thế này. Thăng Chánh rủ tôi đào ngũ không được, nó dọa đẩy tôi xuống hố. Tôi sợ nên không dám báo cáo với anh để đề phòng. Đến bây giờ tôi lại thành gánh nặng của đội. Tôi đáng khinh lắm, việc gì anh phải an ủi?

Lương nhìn Sử trừng trừng, nghe hết cả tràng lời gay gắt ấy, bỗng thấy thương Sử lạ lùng. Anh muốn ôm Sử nhưng chỉ nắm bàn tay. Anh không quen vuốt ve.

Về khuyết điểm, cậu nói đúng. Nhưng cậu không có gì đáng khinh cả. Cậu phụ trách điện đài, mật mã, thư ký, không có cậu thì chúng mình bắn to chứ. Tập báo cáo này (anh vỗ túi áo ngực) nếu để mình làm thì phải mất hàng tháng, mà lại lộn xộn, thiếu chính xác. Đừng quên cái phần đóng góp của mình đi mà buồn. Khi mới nhập ngũ, mình nghe tiếng súng hoảng quá, chạy rơi cả lựu đạn không biết, về bị phạt toại giữa sân nhà dân suốt một buổi. Mình cũng thấy nhục. Rồi dần dần con người rèn giữa mải mải mới chắc ra, bạo ra, quen súng đi. Cậu đừng nghĩ quẩn.

Lương bóp bàn tay Sử mạnh hơn. Đường nhãn dọc từ tinh mũi lên trán hằn sâu hơn, lên đến chân tóc. Trông anh nghiêm và dữ. Nhưng trong lúc rối loạn này, Sử muốn nghe những lời nghiêm khắc hơn là mơn trớn suông. Sử nhích lại gần anh.

- Cậu mới vào bộ đội, lúc ở nhà lại sướng quen, nên cậu chịu khổ không bằng chúng mình. Cái đó có thật. Nhiều lúc cậu còn tự ái, kiêu ngâm, sống cô độc, mình cũng nhận thấy. Nhưng cậu phải biết tự hào. Tự hào là đúng. Mình không so sánh cậu với những đứa sắp lưng chạy theo địch như thằng Chánh. Mình chỉ muốn cậu nhìn lại mấy đứa trốn tòng quân hôm nọ cậu kể mình nghe đấy. Chúng nó luôn trong kháng chiến như con rắn, tìm con đường tiến thân một mình mà miệng vẫn xưng là vì dân vì

nước. Chính bọn ấy mới đáng khinh. Còn cậu, cậu dám nhảy vào trong lò lửa, lao vào cuộc chiến đấu lớn này, sao cậu tự hạ mình thế? Nên bỏ cái kiêu căng đi, mà giữ lấy lòng tự hào chính đáng Sử ạ.

Sử nhìn Lương, sừng sốt. Lương nói như đếm tách bạch từng ý nghĩ sâu kín của Sử. Sử thấy vui, ngượng, rộn rực hẳn lên. Còn Lương lại tự nhiên đâm ra lúng túng. Anh không quen nói hùng hồn thế. Anh đứng dậy định đi. Sử níu lại:

- Anh Lương này, tôi còn một cái thắc mắc.

Sử ngó thẳng vào đường nhãn dựng ngược trên trán Lương, tin rằng Lương không nói quanh.

- Có bao giờ tự sát là tốt không anh?

- Sao?

- Có trường hợp nào nên tự sát không?

Lương không vận lại như Sử tưởng: “Vì sao cậu hỏi thế?”. Câu chối Sử đã sắp sẵn hóa ra thừa. Nhưng Sử không biết rằng câu hỏi của mình khía vào ngực Lương đau buốt. Lương cố giữ bình tĩnh. Chao ôi, Sử bi quan đến mức ấy rồi ư? Lương như thấy trước mắt mình một ngọn đèn lắt lay muốn tắt. Phải giữ lấy chút lửa đom đóm còn lại, kêu nó lên. Anh bối rối, nói gọn:

- Không. Mình chưa thấy lúc nào nên tự sát.

- Giả dụ như... ấy là tôi nói ví thế... nếu một người không giúp được gì cho tập thể, thành ra gánh nặng cho tập thể thì sao?

- Cậu nói chung chung quá.

- Thôi vậy, tôi lấy trường hợp anh. Nếu chân anh sưng tấy lên, không đi được nữa, anh làm thế nào?

Lương thở phào, nhẹ nhõm. Thật tình anh cũng ngại nói lý luận với cậu học sinh chuyên khoa này.

- Mình đã quyết định rồi. Nếu không đi được nữa, hoàn toàn không cố được nữa, thì mình ở lại đi sau. Không đi được thì chống nạng, lê, bò, lăn, cuối cùng nhất định về đến nhà. Với lại đội sẽ cắt người ở lại săn sóc mình cơ mà.

- Một phát đạn là hết khổ. Đơn giản vô cùng.

- Đơn giản nhưng hèn nhát!

Lương cố ý quật một ngọn roi mạnh. Sử gật đầu, cười:

- Hèn nhát thật anh ạ.

Một lúc sau, Sử ăn hết nửa nồi măng luộc, phần để dành bữa sáng mai của đội. Lại tỉ tê tán gẫu với Khiêm rồi hai cậu ôm nhau ngủ. Sử vui khiến cho Khiêm, Lương đều vui theo.

Sử đã tin ở mình, ở đồng đội. Sử biết mình kém, nhưng là kém trong số những người đứng trên mũi nhọn của cuộc chiến đấu. Những đồng chí chung quanh Sử mang mỗi người ít nhiều tật xấu: Khiêm tếu, bác Cống hà tiện, anh Lương khắc khổ, anh Văn Thon nóng nảy. Nhưng họ đều là anh hùng

không tên. Sử bưng lên vui sướng khi nhớ rằng mình đang sống và chiến đấu bên cạnh những người anh hùng, đúng như trong nhiều năm Sử hằng xây mộng trên ghế nhà trường. Mỗi người một tay, họ sẽ dìu Sử vượt qua lần thử thách lớn này, để Sử tiến lên kịp họ, bằng họ.

*

* *

Cái khăn che mặt Sử rơi ra. ánh nắng thấm đẫm hai mí mắt. Sử ngoẹo đầu, nhìn nghiêng. Rừng hai bên lác lác đều đều như Sử đang đi thuyền qua chỗ thác hẹp. Trên đầu Sử, một cây tre dài chạy về phía chân, gác trên vai Lương. Chớp mắt lơ đãng một lúc, Sử mới nhận ra mình đang nằm trên võng, Lương và một người nữa khiêng đi. Sử nhắm mắt, nằm im. Trong hành quân, bộ đội khiêng người ốm là sự thường. Sử ốm thật đấy chứ. Con sốt rét quật Sử lăn lộn lúc gần sáng, cả đội thấy rõ. Sử duỗi hai chân trên tấm võng kaki của Văn Thon, từng khớp xương dần ra dễ chịu. Anh em khiêng một hôm, vài hôm, Sử khỏe lên khắc đi được.

Qua mi mắt hé, Sử nhìn vào gáy Lương. Cái gáy nhìn mãi ấy, hôm nay lệch sang bên, ướt sũng mồ hôi. Cái vai cũng lệch sang bên. Võng lắc nhiều, vì Lương đi bước ngắn bước dài. Cái chân sung... Lương kiệt sức mà phải khiêng Sử, đi nhúc nhích. Người Sử rợn lên. Những bọt gi sủi lên cổ cay cay, ép nước mắt vọt ra. Nhưng Sử vẫn không cựa quậy. Sử phân bua với mình: “Anh Lương còn khỏe, chịu khổ quen hơn mình. Nằm một lúc nữa, một lúc nữa thôi...” Bỗng nhiên Sử thấy căm ghét mình đến cùng cực.

Sử chống tay nhồm lên, phều phào:

- Để tôi đi! Đặt xuống!

Khiêm nói qua hơi thở đứt rời:

- Đi... không được... mày sốt...

- Bỏ xuống, tôi đi được mà!

Sử loạng choạng vịn thân cây, lê từng bước. Những chớp lạnh chảy lên xuống trong xương sống. Đất trơn trành dưới chân. Nhưng được một lúc mồ hôi toát ra nhẹ người, Sử đi nhanh hơn, vượt lên trên Lương và Pha. Sử không dám ngó Lương, như sợ anh đọc thấy ý nghĩ dối trá ban nãy in trên trán. Tiếng Lương nói với Pha đằng sau:

- Cố lên một quãng nữa rồi nghỉ, Pha ơi.

Pha ho khúc khắc mấy tiếng, nói ngọt hơi:

- Cho em ngồi... một lúc...

Rồi Pha tiếp ngay:

- Thôi đi anh ạ.

Đến tối Sử nằm mê man. Bát canh lá bứa, có mấy con tôm Khiêm bắt trong vũng bùn sắp

khô, Sứ chỉ húp được mấy thìa. Lương dồn ba cái chặn đắp cho Sứ, chỉ để riêng cho Pha một cái. Anh vun lá khô thành đồng to, chui vào nằm thò đầu ra ngoài:

- Văn Thon vào đây. Vun lá kín người cứ ấm như nằm ổ rơm.

Hai người cù nhau dưới đồng lá, cười rinh rích. Im một lúc, Lương hỏi:

- Hồi ở Pà Thạc anh giận tôi phải không?

- Ừm.. giận gì đâu.

- Thật chứ?

Văn Thon không trả lời. Lương trở mình, lồm ngồm bò ra. Văn Thon ngạc nhiên:

- Sao thế?

- Cái chân tôi... không sao. Tôi gác thay cho Khiêm, để nó ngủ trước.

Văn Thon tin ngay. Anh ngáp dài, bộ râu đen ngó ngoáy:

- Thôi chuyện cũ cho qua. Ngủ cái đã.

Đợi văn Thon ngáy đều, Lương mới vun đồng lá khác, rúc vào. Anh sợ vết thương chân bay mùi thối. Anh với Khiêm thay nhau gác hết đêm, không đánh thức Văn Thon.

Sứ thiếp đi một lúc, rồi tỉnh dậy. Miệng đắng như ngậm ký ninh vàng, một cục chì lẫn qua lẫn lại trong đầu nhức nhối. Sứ chống tay, ngھn cổ lên nhìn quanh. Củi nỏ cháy to ngọn soi rõ hai đồng lá lù lù. Sứ quờ tay ra ngoài, nắn những lớp chặn phủ trên người, hiểu ngay: Anh em chịu rét vì mình. Một cốc nước đặt sẵn bên đầu Sứ. Có lẽ mọi người nhin khát để phần nước cho Sứ. Anh Lương ôm súng ngồi gác bên kia đồng lửa, quay mặt ra phía rừng.

Sứ uống cạn cốc nước, lặng lẽ nằm xuống kéo chặn trùm đầu, nghĩ lan man... “Anh em khổ vì mình, vương chân vì mình. Phải tự liệu thế nào chứ. Họ thương mình, mình cũng phải thương họ...” Sứ nhớ đến đường nhả dựng ngược trên trán Lương, cái chân khiêng vổng đi nhúc nhắc, giọng nói vừa thân vừa nghiêm. Không đi được thì đội cắt người ở lại giúp, cố mà về sau... Sứ rùng mình. Làm thế là đúng, nhưng Sứ không đủ can đảm! Nằm lại giữa rừng sâu, trong vùng của địch, không biết đường, gạo, muối, thuốc men không còn tí gì, vùng này lại thiếu nước... Cũng chết, chết cả người ở lại sẵn sóc. Chỉ còn một cách cuối cùng: tự tử. Sứ nhắm mắt nằm im, đợi xem mình có sợ hoặc đau khổ chẳng, và thấy lạ khi ý nghĩ tự tử đem lại một cảm giác nhẹ nhõm, dịu dịu. Sứ tưởng tượng đến lúc anh em hoảng hốt nâng xác mình, sờ tim, khóc thương mình. Anh Lương nhất định là không bằng lòng, nhưng anh hiểu mình muốn cất gánh nặng cho đội. Nước mắt Sứ bò ra ngựa ngửa bên mang tai, nhưng Sứ không thấy buồn. Một sức mạnh mới từ từ bốc trong người Sứ. “Anh em vất vả vì mình nhiều quá. Còn sức đi mà tự tử mới hèn. Đây mình kiệt sức rồi, kiệt sức rồi. Phải dứt khoát. Chỉ cần quyết tâm trong một phút, không, trong một giây thôi. Mình không dừng cảm được như anh Lương, cũng phải xử trí theo lối của mình...” Đầu óc Sứ xoay xoay nhanh dần. Sứ ngủ say lúc nào không biết.

Đến bốn giờ sáng, Khiêm đang gác phiên thứ hai chợt thấy đồng chặn cựa quậy. Sứ ngồi

nhỏm dậy, nhìn trừng trừng vào đồng lửa tàn. Khiêm đến gần. Thấy Sử nắm trong tay một quả lựu đạn. Khiêm giằng ngay:

- Có đi ngồi thì bảo tao đưa đi. Mà yếu, đừng đi một mình.

- Không...

- Ừ, để đến sáng càng hay. Lần sau đừng cầm lựu đạn theo, ném trong rừng và phải cây nó bật vào mặt chết toi. Máy lị địch đang lùng, nó nghe nổ to lần đến lại phiền. Mang súng phòng thân tốt hơn.

- Súng à... mà bảo súng tốt hơn...

Sử ngồi lặng một lúc, rồi ngã vật trên ổ lá, bắt đầu run. Lại lên cơn sốt.

Suốt buổi sáng Văn Thon và Khiêm khiêng Sử chỉ vượt được dặm cây số. Sử lại tỉnh, xuống chống gậy lần từng bước. Tính ra cả ngày đội chỉ đi được trên dưới mười cây số. So với ngày hẹn về gặp Ban chỉ huy mặt trận, đội đã trễ mất năm hôm.

Ngán nằng đã in ngang lưng thân cây. Xế chiều rồi. Sử đi thất thểu cạnh Văn Thon. Cơn sốt báo tin sắp đến, các đầu xương mồi và ngứa như hàng ngàn con mọt đang khoét bên trong. Sử hỏi:

- Đây có nước không?

Văn Thon lắc đầu. Anh khoát con dao trước mặt:

- Đi nhanh hai ngày, qua hết đồi trọc may ra có nước.

- Đi chậm như sáng nay thì mấy ngày?

- Chịu.

Cơn sốt trong người Sử tan dần, tất cả chung quanh Sử chập chờn lùi xa.

Sử đã đứng ra ngoài thân thể mình, lạnh lùng nhìn cái xác đi sau lưng Văn Thon, lạnh lùng đặt từng con tính, rành mạch hơn tối hôm qua:

1. Sử lên cơn sốt, đội khiêng: chậm thêm hàng năm sáu ngày, nhịn khát, chiến dịch hỏng.

2. Sử nằm lại đây: đội cắt một người ở lại, không có nước cũng chết cả hai. Một người nữa sẽ hy sinh vô ích vì Sử.

3. Sử biến đi: Mọi việc đều trôi chảy.

Bài tính ấy giải xong, Sử không buồn, không lo. Cứ như một con toán ở lớp: “Một cái bể có hai vòi, một chảy vào một chảy ra...” Có lo buồn gì trong việc xem cái bể ấy sau mấy giờ sẽ cạn?

Từ từ đi qua nước mắt Sử những hình ảnh tưởng đã quên từ bao giờ vụt chớp lên sắc nét. Cái tên Đinh Viết Sử khắc bằng mũi dao trên mặt bàn học. Thỏi súc cù là đắng ngọt Khiêm dúi cho hôm trước. Mẹ khóc rầm rứt khi nghe Sử tòng quân. Chú bé Sử lên năm bị trẻ con hàng phố buộc cành cây vào dây treo quần mà không biết, cứ kéo mãi cái đuôi lá chạy lông nhông. Tấm bảng Tổ quốc ghi công chữ đỏ lóe, dưới góc có tấm ảnh Sử viền đen. Một giọng nói trầm: “Hy sinh vì Tổ quốc”. Hy sinh... vì Tổ quốc... Đã đến lúc Sử cần hy sinh. Khiêm đã dặn dùng súng cho địch khỏi nghe tiếng.

Chỉ còn mấy tia nắng le lói trên ngọn cây. Đội dừng lại nghỉ. Khiêm nạy một gốc măng. Lương chất củi đốt lửa. Pha ngồi lả, dựa vào thân cây, đôi lông mày nét mác hơi nhú. Văn Thon vẫn lội rừng ào ào đầu đầy tìm nước nứa.

Sử nhìn quanh một lần cuối, nhặt khẩu các bin, đi sâu vào rừng mười bước. Sử rút tập nhật ký viết mấy câu ngắn xin lỗi Lương và tất cả mọi người. Trước khi gấp sổ, Sử còn rút lược chải tóc úp tròn kín gáy, rẽ đường ngôi thật gọn.

Sử lên đạn các bin, cời một chiếc dép. Nòng súng chắm lạnh cầm. Bỗng thoáng qua một cảnh buồn cười: Nhà thơ của lớp đệ tam chuyên khoa văn học lẻo đẹo bám theo cô Tuyết Lan trên đường đê, nhìn mái tóc nhảy trên cái cổ ba ngón mà làm không biết bao nhiêu là thơ.

Sử ấn ngón chân trên cò súng, mà nụ cười chế giễu còn đọng trên môi.

*

* *

Ở trang cuối tập *Anh hùng ca số 5*, dưới nét chữ lăn tăn rất đẹp của Sử có thêm những dòng Lương ghi nguệch ngoạc về trường hợp hy sinh của từng đồng chí trong đội. Đến lượt Sử, anh ghi dài hơn:

“Đồng chí hiệu trưởng viên Sử bị ốm đã cố gắng hết sức đi theo đội nhưng không nổi. Đồng chí dùng súng tự tử để cho chúng tôi khỏi khiêng nặng đi chậm. Tuy có khuyết điểm đánh hỏng điện đài, và cách xử trí chưa đúng, nhưng đồng chí tỏ ra có quan tâm đến nhiệm vụ chung của đội, đã giải quyết cho đội một khó khăn lớn”.

Nét chữ Lương run rẩy, chỗ đậm chỗ nhạt.

XI

- Pha đi được không?
- Em đi được.
- Phải chạy thật nhanh đấy, mệt thì nghỉ đã.
- Em chạy được.

Vẫn đôi mắt xéch ấy ngẩng nhìn Văn Thon tin cậy. Mấy hôm nay Pha ho khan và sốt đêm

nhiều. Con gián ngày nào lại bò trong cổ Pha, cào rách thịt, ngoáy đôi râu ngứa điên, và tống ra ngoài từng bãi đờm lẫn sợi máu li ti. Pha không kêu. Pha mím miệng, cố đi theo kịp các anh, đặt chân đúng vào vết chân đi trước. Về đến khu căn cứ, Pha vào nhà thương tiêm một phát thuốc giết chết con gián trong ngực, rồi đi học lớp Itxala ngay với anh Pheng, vài hôm xong lớp là theo bộ đội về đánh Pà Thạc. Gọn gàng thế, sướng quá.

Pha không nói ra, nên không ai hiểu vì sao Pha còn sức đi mãi đến hôm nay.

Trước mặt, dãy đồi tranh cháy lem lém suốt từ trái sang phải, ngút tầm mắt. Mắt người lóa nắng không thấy ngọn lửa, chỉ thấy một đường khói xám ngoằn ngoèo bò lên dốc, nhả lại sau một lưỡi đất đen sì. Không có lối vòng, phải vượt qua đám cháy.

Văn Thon chặt một cành nhiều lá, đi lên trước, đập lia lịa trên những bụi để còn lửa. Khiêm cầm gậy gạt băng những khúc than đỏ. Càng trèo lên đồi, hơi than càng xộc vào đốt mũi, đất nóng ngùn ngụt nung chân. Khói cuộn từng xoáy tròn quấn lấy người, rắc tàn tro bông lên tóc, trên áo quần. Pha buộc khăn bịt mũi, đi lảo đảo. Lạnh người đi, lại gượng. Bỗng Pha ôm ngực ho rũ, rồi ngã quỵ hai gối xuống một bụi tranh đang nhả khói. Máu đỏ tươi ộc qua tấm khăn, chảy thành hai dòng xuống cằm, loang trên mặt đất xèo xèo.

Lương chồm tới, xốc Pha dậy, phúi lửa.

- Đi đi... em ở đây...

Thân người mềm oặt trên tay Lương. Văn Thon quay lại đón, bung mắt tránh khói thông thốc lùa vào mặt. Anh cõng Pha vượt lên trước. Hàng rào lửa rít, nổ, nhai lép bép những túm tranh khô. Một tàn lửa đậu xuống cổ Văn Thon, buốt dựng tóc. Anh nghiêng răng đâm sầm về phía trước như người mù. Lửa tấp vội theo, không kịp bén áo quần dầm mồ hôi, chỉ đốt xoắn tròn tất cả lông chân lông tay.

Đến rừng. Gió hôm nay đứng hẳn, chỉ có bóng cây che một chút mát trên những bộ mặt bết tro đen và mồ hôi. Lương quỳ bên Pha, sờ mũi. Pha thở thoi thóp, vẫn mê. Máu loang đỏ miệng, cằm và ngực áo. Hai chân rộp từng mảng mọng nước. Văn Thon cắn môi đến chảy máu, đi đi lại lại. Hàm râu quai nón của anh cũng bị sém thành nâu, xoắn trên má như lông cừu.

Lương đỡ ca nước trên tay Khiêm, uống cạn, rồi nói thản nhiên bằng tiếng Lào:

- Chia tay được rồi.

Văn Thon sững người, chưa kịp hiểu. Lương tiếp:

- Ta chia đôi. Anh với Khiêm đi trước cho nhanh, tôi với Pha đi sau.

- Anh... nói gì?

- Tập báo cáo đây, anh giữ cẩn thận kéo nhòe khó đọc. Mục không tốt. Còn tập nhật ký của Sử thì...

- Không!

- Thì giao cho Khiêm. Địa chỉ gia đình ghi ở trang cuối. Khiêm đào hố chôn sủng và đài ngay gốc cây này cũng được.

- Không!

Văn Thon học trong cuống họng. Anh bẻ một cành cây gãy rắc:

- Không đi đâu cả. Sống cùng sống, chết cùng chết!

- Lạ chưa, anh chúc tôi chết à?

Văn Thon không mắc lừa. Anh hiểu Lương muốn khích cho anh giận, bỏ đi. Anh túm cánh tay Lương, giật mạnh:

- Anh điên à? Vượn theo bầy, chim theo đôi, anh nằm lại đây một mình sao được?

Không chút cảm động trên mặt Lương, anh xua tay lạnh nhạt:

- Anh nói sai. Tôi ở đây với Pha, không ở một mình. Mà tôi đi chứ không nằm. Chúng tôi chậm rãi đi sau, cũng về đến nơi như anh.

- Anh coi tôi ra cái gì mà bỏ đi được? Tôi không phải...

- Tôi xem anh là đồng chí, là người hiểu trách nhiệm. Anh còn khỏe, đi rừng giỏi, anh phải mang báo cáo về cho kịp mở chiến dịch. Khiêm đi theo bảo vệ anh. Để lúc khác ta nói chuyện thương nhau, bây giờ không phải lúc.

- Vô lý! Thà tôi chết còn hơn để...

Giọng Lương đánh hẳn lại, như đang vặn lý tay đôi trong hội nghị:

- Xin lỗi anh, tôi phải nói nguyên tắc. Đây là đất Lào của anh, cách mạng Lào là việc của anh. Xin trả anh tập báo cáo, anh cất vào túi kéo rơi. Tôi hết sức rồi, phải cho tôi nghỉ.

Anh gượng nhẹ kéo cái ống quần cứng như mo nang. Văn Thon thốt kêu: “Ồ!” Bắp chân Lương sưng tròn và tím mọng như cái bong bóng lợn đầy tiết. Vết chóc cắn bị loét thành hai mảng mủ xanh, rỉ nước đỏ nhòe nhọt.

- Anh xem, tôi đi chung chỉ thêm vướng các anh...

- Thì chúng tôi khiêng!

- Kéo lê thôi, bao giờ báo cáo mới đến nơi?

Văn Thon lập cập nhét gói nilông vào túi. Anh muốn phát điên, bụng rối bời, không biết nói gì. Lương dịu giọng:

- Lâu nay anh giận tôi. Tôi định về đến nơi rồi nhận khuyết điểm luôn. Tôi sợ anh hy sinh thì trình sát Itxala thiếu cán bộ, nên nhiều lúc cố kìm anh lại, không để anh vào đồn, thành ra anh thực tập được ít. Tôi xin hứa sửa chữa.

Lương quay lại, nói vắn tắt cho Khiêm hiểu. Khiêm há mồm định cãi. Thấy Lương quắc mắt, Khiêm im. Nước mắt lã xuống má Khiêm, ngấm bụi than rỏ từng giọt đen.

Lương xé sổ tay ghi mấy chữ gửi Tuyên:

Cần gì thêm anh hỏi Văn Thon và Khiêm. Cống ở lại núi Vượn, tiếp tục theo dõi. Bảo đảm đánh được. Anh cho gửi nhật ký của Sử về gia đình, và tìm xem có ai tên Nguyễn Đồng không. Hay là Khâm Thoảng bên Itxala. Đặc điểm là cao khoảng một thước bảy. Nhờ anh bảo Ban chính trị gửi tất cả tiền truy lãnh của tôi về bà cụ đang nuôi con tôi để cho nó ăn đi học, sau này vào thiếu sinh quân. Khiêm có nguyện vọng vào Đảng, riêng tôi thấy có thể được. Đề nghị anh giúp nó xây dựng với Soan, nó yêu Soan, hình như hẹn hò gì với nhau rồi thì phải. Đồng chí Văn Thon nắm toàn bộ tình hình vững lắm, anh nên hỏi kỹ vì báo cáo không ghi được hết.

Lương gấp mẫu giấy vào tập nhật ký của Sử, trao cho Khiêm. Giọng anh vẫn khô:

- Anh Văn Thon đi đi. Sắp tối rồi.

Hai người im lặng bắt tay nhau. Văn Thon bỗng dang tay ôm ghì Lương đến tức thở. Anh nấc lên. Tiếng khóc khản đặc, nặng, âm ứ, rung cả hai thân người bù xù râu tóc.

*

* *

May quá, họ đi rồi. Chậm vài phút nữa, Lương không ghìm nổi mình, cũng khóc theo nốt. Hôm qua, khi Sử tự sát, Lương choáng váng như bị đâm vào mang tai. Nhưng mắt anh vẫn ráo. Từ lâu nước mắt anh chỉ quen chảy vào bên trong người như những giọt chì nấu lỏng, gây đau xót gấp mấy những giọt ngày xưa lã ra ngoài.

Hai bóng người sang đến đỉnh đồi bên kia, dừng lại một phút rồi mất hút. Gió đẩy những tảng mây tròn ùn ùn đội nhau lên chiếm trời, như một cây đề lớn lên vòn vọt Lương chếp miệng: “Mây gốc. Lại con bắt ung!” Đi biển gặp gió này thì liệu cuốn lưới về sớm, tiếc mẻ cá thì không úp thuyền cũng đứt lèo, gãy cột buồm.

Pha vẫn thêm thiếp. Lương vét hộp cao con hổ, xoa trên ngực Pha lần nữa, sát mạnh. Xương sườn chạy xào xạo dưới tay anh. Pha không tỉnh. Nguy mất. Chóp đã bắt đầu chém những đường dao sáng chói xuống núi. Lương khập khiễng đi quanh, tìm được một hốc cây to không có rần rết. Anh quay về vực Pha trên hai tay, đi. Gió thốc lên, rồi mưa ngàn đổ sập. Những hạt nặng xóc túi bụi như búng gai vào mặt Lương. Nghỉ hai lần, anh mới lê đến chỗ ẩn. Rét ngấm vào xương, rút tay chân muốn quắp lại. Mới vài giờ trước nắng còn nung trời như tấm sắt trắng.

Hốc cây khá rộng và kín. Lương đã ôm lá rải thành đệm từ nãy, thu dọn hết gai, mạng nhện. Gió hú dài bên ngoài, phun từng đợt mưa qua lỗ hổng, đuổi theo hai người đã ướt sũng.

Mặt Pha trắng bệch, hằn rõ trên nền lá khô. Lương ghé tai trên ngực Pha: tim đập rất yếu dưới làn da lạnh như đồng. Chân tay Pha sờn da gà nham nhám. Pha chết rét mất. Chân và áo quần ướt cả. Lương không nghĩ gì nữa. Anh xóc Pha ngồi dậy, cởi áo ướt, váy ướt, đặt Pha nằm trên lá khô, nằm xuống ôm Pha vào sát mình, kéo nilông trùm kín mít, đem hơi ấm của mình sưởi cho Pha sống. Anh

không nhớ đến bệnh lao kinh khủng, đến người phụ nữ. Pha sắp chết. Phải níu giữ chút sức sống còn thoi thóp trong thân Pha, nhanh, gấp, rất gấp.

- Pha ơi!

Gió rông như voi sục hồ bầy, nuột tiếng Lương.

- Pha! Nghe tôi không? Pha ơi!

Anh giật tóc mai, lắc mạnh cái vai lạnh cóng, tê dại.

Một phút qua dài hơn một đêm nằm đợi địch. Thân người ẩm dần, khễ quây. Ngực thở mạnh hơn. Tiếng tim Pha dội trên ngực Lương rõ hơn, anh nghe rộn vui như trống thắng trận.

Pha nằm im rất lâu, nửa mê nửa tỉnh. Như Pha đang chìm dưới vực đen, có người quàng ngang lưng kéo lên chậm chậm. Càng lên càng đỡ ngạt, đỡ rét. Cánh tay nâng vẫn nóng trên lưng Pha. Pha mở mắt, chỉ thấy đen là đen. Pha mù rồi... Pha buột miệng kêu: “Sao thế này?”, nhưng không thành tiếng.

- Tôi đây, Lương đây. Pha nghe rõ không?

- Nghe... rõ.

Pha tỉnh hẳn. Tiếng gió xoáy trong tai tắt dần. Vừa lúc ấy Lương ngồi lên, lùi sang một bên. Mặt trong tấm nilông đọng hơi nước rắc giọt lấm tấm. Lương áp ứng:

- Chị lạnh quá. Áo quần ướt cả.

Lương loay hoay mặc áo ướt vào các mẩu trong thành hốc. Không ai nói gì.

Pha khỏe lại như thường. Rồi khỏe hơn cả lúc thường, mạnh bùng bùng, chân tay rậm rật muốn chạy nhảy, như ngọn đèn bốc cao ngọn trước khi tắt. Pha chống tay ngồi dậy, rồi hốt hoảng kéo nilông trùm đến cổ, nhìn lơ lảo. Lương moi trong ruột gói áo quần của mình, ném cho Pha cái áo cổ vuông và cái quần đùi còn khô. Anh ngồi quay lưng về phía Pha, cạnh lỗ hồng ra vào, mặc cho mưa tạt vào người.

Một lúc sau, hốc cây sáng và ấm hẳn lên. Khiêm đã bí mật nhét gói tạp hóa của bố Công vào bọc áo của Lương, trong ấy có một khúc nén. Lửa nén đẩy bóng tối ra ngoài, xua cả lo sợ và buồn rầu. Mưa rử một tấm rèm bạc che trước cửa cái hang gỗ. Pha vui lên, mặt đỏ gay gắt, mắt sáng lạ. Chưa bao giờ Pha thấy tỉnh và nhẹ nhõm như lúc này.

Nghe nói các anh kia đi trước, Pha thù ra nghĩ, rồi đâm hoảng:

- Anh Lương đi đi! Đi ngay cho kịp họ. *Xa thú*, đi anh!

Pha đẩy mạnh vào vai Lương khiến anh suýt ngã. Lương nói cộc lốc:

- Mưa to, không đi được. Mai hẵng liệu. Chị ngủ đi.

Tóc Lương bết nước, áo quần nhả khói mờ mờ. Gió lồng lộn tuôn nước và lá vào chỗ anh. Pha kéo anh đến ngồi bên mình. Đến lượt Lương ngấm rét. Anh cắn một mẩu gỗ để khỏi đánh đàn mồm, như người hút thuốc lá. Anh nói lúng búng:

- Chị thấy dễ chịu chứ? Gớm, ban chiều lo quá.

- Đã bảo đừng gọi em bằng chị mà.

Lương nhả mẩu gỗ:

- Ô, quen mòn thôi. Các cô Lào chưa lấy chồng thì xưng em, lấy chồng rồi thì xưng chị với bộ đội ngay đây.

- Kia, đã bảo em không có chồng!

- Thì em vậy.

Lương cười khì. Anh mừng quá. Anh muốn Pha nói mãi, tỉnh mãi. Nghĩ đến lúc Pha chết lịm đi như cái xác mà sợ. Tự nhiên anh muốn pha trò. Đã lâu lắm anh không đùa cợt với ai.

- Pha bao nhiêu tuổi mà trông trẻ thế nhỉ?

- Em hăm hai. Già lắm hử anh?

Lương nhìn kỹ mặt Pha, ngạc nhiên. Pha tươi hồng, đẹp hẳn lên, đôi mắt long lanh in hai ngọn nến, hai bàn tay nín nhau quanh cái đầu gối trắng nõn. Lương buột miệng nói nửa bỡn nửa thật:

- Không, em như con gái mười tám...

- *Hoài*, cái anh này!

- Thật, con trai Lào khôi người mê. Thôi khen nhé. Hát nhé. Thế nào nhỉ... *Em như hòn ngọc trắng lơ lửng giữa trời, có ai giúp tôi nổi sào chọc xuống...*

Nghe câu tán gái quen tai, Pha cười tíu tít:

- Miệng nói trơn thế, mà bụng như xơ mướp.

- Chưa vừa chứ cô. *Con cua chớ vênh càng làm bộ, kia con chim thì-thì đang rình...*

- *Chim thì-thì đừng làm bộ, bầy sắp ngập lụt đầu kia.*

Lương không vừa:

- *Cô em ăn nhiều thịt chôn nên mòn ngoa ngắt.*

- *Ông anh ăn thịt cá sấu, cứng họng nói không xuôi!*

Cả hai cười ồ. Lương nghe mãi những câu trai gái hát ghẹo cũng thuộc lòng, nhưng mới nói đã hết vốn.

Chợt có con gì vỗ cánh sột soạt cạnh hộc cây. Tiếng kêu rền rĩ lùa vào: “Koòng cò-ò-oi... Koòng cò-ò-oi”. Pha chúi vào ngực Lương, túm áo anh như người sắp chết đuối, lắp bắp:

- Anh nói đi!

- Nói gì?

- Nói tiếng Việt đi! Trời, nhanh lên!

Lương chợt hiểu. Anh đưa năm tay, hét đùa: “Tiêu diệt đế quốc!” Thì ra Pha vừa nghe tiếng *phỉ koòng-còi*. Con ma này ác nhất. Nó ở rừng, hình thù như đứa trẻ lên mười, nhưng hai bàn chân quặp về sau, gót đi trước. Sau cơn mưa to là nó đi kiếm ăn, bắt được người nó rút hết ruột, nhồi trấu

vào bụng.

Tiếng kêu dễ sợ lại vắng đến: “Koòng cò-ò-òì”. Pha thối phụt ngọn nến, ôm choàng Lương, run như dế. Con *phỉ* này ngửi mùi thịt cá nướng mà đến bắt người. Nên cháy bốc mùi mỡ, nguy lắm. Lương cười, đập tay Pha:

- Có người Việt đây, em sợ gì.

- Anh nói đi!

Theo tích truyền lại thì con ma này bị người Việt tóm cổ, vặn ngược hai bàn chân, nên nghe đâu nói tiếng Việt là nó lảng.

- Ở làng bao nói, vào rừng tê mồm. Xấu quá cái cô này!

Pha bị chạm nọc, cau mặt định cãi, rồi cười theo Lương. Kể cũng ngượng, có anh Lương đây thì ma rừng chứ đến Pháp nữa Pha cũng không sợ. Pha ngả đầu trên vai Lương, quàng cánh tay trần trên cổ anh, tưởng như tựa vào tảng đá. Giá cứ ngồi thế này mãi rồi chết Pha vẫn vui. Pha lơ mơ nghĩ đến hôm nọ trên tảng đá lưng chừng mây, Lương kể sơ qua chuyện đánh cá biển.

- Anh bảo độc lập thì có xe lửa chạy khắp nơi phải không?

- Nhất định.

- Em thích sang nước Việt xem biển với anh. Nghe nói biển mặn mà xanh, nhúng áo vào nhuộm xanh được, muối ngấm vào trắng người ra. Độc lập thích lắm anh nhỉ. Em cố sống đến độc lập xem một tí. Em sống được không anh?

- Được chứ. Em khỏe rồi đây.

- Anh đưa em về xem biển nhé?

- Em ngủ đi. Độc lập rồi anh đưa về xem biển.

Một cái gì nóng rực dâng trong cổ Lương, lẫn lộn cả vui, cảm động, thương cho Pha và cho mình. Bao giờ anh mới được nhìn lại mặt biển xanh rắt kín những buồm nâu trắng ruổi vào bến làng... Cánh tay mềm quàng trên cổ và hơi ấm của cô gái Lào gợi cho anh một xúc cảm vừa quen vừa lạ, đưa dần anh về với những ngày rất hiếm hoi anh được gần vợ con, mới cách đây sáu năm mà xa như ở hai đầu mút của một kiếp người.

Anh không oán người vợ phụ bạc. Sức người ta chỉ chịu đựng được đến thế, biết làm sao. Tất cả tình yêu đối với gia đình anh dồn cả cho đứa con. Anh cố đoán xem nó lên sáu tuổi thì mặt mũi chân tay ra sao, làm được những gì. Con nhà nghèo, chắc nó chóng khôn, biết làm đỡ tay bà cụ nuôi. Nó buộc sợi chỉ vào cái vỏ ốc, phơi nắng đi câu con hen trên bãi. Nó bới các đồng rong kéo lẫn trong mẻ lưới, mót cá tép về kho mặn ăn qua bữa cơm ngô. Khi trống mõ nổi lên báo động, nó dắt bà cụ ra hầm bí mật, tay xách túi gạo rang. Nó đen trũi và gầy, mặc cái quần đùi người lớn dài quá gối, cởi trần, đội nón rách. Thỉnh thoảng các cô du kích qua nhà xoa đầu nó, dúm cho quả chay chua xanh nhũn... Nhưng hần nổi lên rõ nét nhất vẫn là hình một đứa bé mới sổ sữa mập ú như hạt mít, khắp

người những ngón là ngón, vừa quấy vừa cười chảy dãi trên tay anh. Ôi nhớ, sao mà nhớ tiếng cười sặc, cái chân con đá vung vẩy vào cằm, ánh mắt rạng rỡ của vợ nhìn anh bế con, tất cả vàng ánh sáng hạnh phúc tỏa chung quanh cái nôi của đứa con đầu lòng... Lương nhắm mắt, cảm thấy rõ một mũi kim lạnh đang xuyên vào ngực, rất chậm.

Pha vẫn thủ thủ:

- Anh Sử kể em nghe chuyện vợ anh bỏ anh. Người như anh sao lại bỏ được nhỉ. Chị ấy kiếp sau rồi ra thân vườn hủ khóc mất thôi.

Lương vờ ngủ say để không phải nhắc đến vợ. Anh cố không nghe Pha nói. Mỗi khi Pha im, tiếng rừng ào ạt bên ngoài lại thốc vào. Dần dần Lương chỉ còn nghe cái tiếng dữ mãi hóa lành ấy. Anh chấp chờn thiếp đi với cảm giác nặng nặng bên vai. Có lẽ Pha dựa vào anh mà ngủ rồi.

Trời hé sáng chung quanh Lương. Thân nhẹ bỗng, lắc lư, Lương bay vào chát tím trong vắt. Gió mát, hay bàn tay nào vuốt trên má anh. Một câu văng theo anh từ xa lắm, nghe sao tha thiết lạ:

- Em là vợ anh thì đến chết em cũng đợi anh. Nhưng em không sống được đâu, anh Lương ơi...

Sóng biển hắt bọt trắng lên động thành mây. Một giọt gì nóng rơi xuống cổ Lương. Một giọt nữa. Nước biển ấm quá. Đôi cá nước lộn tròn theo thuyền Lương. Bố Lương ngồi sau lái câu nhàu: “Trông thấy núi đỏ thì khổ ba năm. Tao chưa thấy núi đỏ, mà chết không có đất chôn, không có đất chôn”. Đôi cá nước lại gần, phình lên thành chiếc tàu đen. Chiếc tàu lù lù đến. Bố Lương vẫn câu nhàu: “Dân thủy cư nhục lắm. Tao chưa thấy núi đỏ, mà....”. Nòng súng chĩa xuống thuyền, há mồm đen ngòm. Cộc! Cộc! Cộc! Lửa tóe trắng lóa. Lương chìm, tay chơi vơi. Cộc! Cộc! Cộc!

Lương bừng mở mắt.

Vũng nước đọng hắt nắng qua lỗ hồng, loáng từng quãng trên mặt anh. Con chim gõ kiến vù cánh bay. Lương nhắc chân đứng lên, lại quy. Anh níu tay đu người lên được. Một mùi thơm dịu vờn qua mũi. Bụi dứa đại xòe lá nhọn cạnh hốc cây. Một bông hoa lớn nghiêng đầu giữa bụi, hé những cánh trắng xanh, thơm rời rợi. Hoa *đọc kết* này các cô gái Lào thường giắt áo khi chơi hội, và trai làng sau cuộc múa còn nhớ mãi mùi áo thơm.

Pha nằm nghiêng trên cỏ, một vũng máu loang nhòe bên miệng. Đôi mắt xéch không nhắm. Hàng trăm con vắt no tròn đang trườn trên thân Pha xuống đất. Bàn tay Pha cũng trắng xanh như cánh hoa *đọc kết* đang với lên trước, đê rạp lá nhọn, gần chạm bông hoa muốn hái.

Cô gái Itxala bị xéo nát cuộc đời ấy còn trẻ, còn thích cài hoa bước vào hội múa.

Thằng lính gác gãi mũi như khi ăn gừng, ngó Khiêm. Dáng nó tò mò hơn là ghét. Khiêm ngửa cổ, vênh mặt. Dù bị trói vào chân cột cũng không để nó khinh mình. Mẹ mày, cứ phải lúc đang ngáy trong lô cốt, ông tương cho quả thủ pháo một cân thì còn mà ngó! Khiêm quen với lính gác đến nỗi nhìn bọn lính chung quanh cứ thấy như thằng nào cũng đã gặp đôi lần.

Khiêm vừa bị bắt sáng nay.

Văn Thon với Khiêm đi rất nhanh, gấp đôi gấp ba mọi hôm. Không hiểu tiếng nhau, ai nói người ấy nghe. Khiêm đưa ông mặng lược cho Văn Thon, bảo ăn. Anh gật ra ý hiểu rồi, quàng ông vào vai mang đến tới. Anh tưởng Khiêm kêu mệt. Đến lúc Khiêm đòi ông lại để mang, anh gật, rồi xé lá chuối trút mặng đưa cho Khiêm. Anh tưởng Khiêm đói. Đêm đến hai người tranh nhau gác, rồi Khiêm phải ngủ trước. Văn Thon ngồi cạnh đồng lửa lẩm bầm nói gì, Khiêm đôi lúc nghe nhắc tên Lương.

Giữa đêm, một tiếng nổ. Khiêm bật người như lò xo, vồ lấy Văn Thon. Nhưng anh rút khúc tre nứt toác trong lửa ra, chỉ trỏ. Thì ra tre nổ. Khiêm vẫn bị cái chết của Sử xoáy vào óc Trách nhiệm anh Lương giao thế là hồng: Khiêm lãnh đạo Sử mà để nó tự sát, còn vào Đảng gì nữa. Bây giờ đi theo bảo vệ anh Văn Thon, Khiêm cứ thấp thỏm: “Biết đâu, nhớ ra anh ấy làm như thằng Sử...” Biết là lo vợ vẫn nhưng Khiêm vẫn cứ lo.

Dầu hiệu gần làng ngày một nhiều. Dầu vạc vỏ cây chi chít. Đây đó những cây dầu rái có khoét hóc lấy nhựa, ngáp cái mồm đen và hăng xè. Một đồng ngói chẻ bằng gỗ

mạy khen đỏ bầm. Một chiếc thuyền độc mộc đeo dờ, lửa thui sém lòng, cây nong hai sườn còn chảy mủ tươi. Rồi vết chân trâu chân voi ăn rong. Chim gáy gù gù. Đường mòn đan chằng chịt: đường của dân làng ra suối, đi bắt trâu bắt voi, lấy rau rừng, lấy dầu rái. Có hôm Văn Thon phải chui qua rừng tre gai để tránh một phường săn nai. Vẫn chưa biết là vùng địch hay vùng ta.

Thế rồi rừng đột ngột tách làm đôi, lùi lại sau. Nương ngô trải mượt từ sườn đồi bên này lên đến chân làng tít đỉnh đồi bên kia. Một cái làng rất nhiều bưởi trĩu quả. Văn Thon che mắt nhìn. Giữa đám râu kín mặt lóe lên hàm răng trắng nhớn. Anh reo khàn khàn, cười. Khiêm ngơ ngác. Văn Thon chỉ vào làng, nói: “Itxala! Itxala!”. Khiêm mừng suýt nhảy cẫng, kéo anh đi mau, đi mau.

Được mười bước, Khiêm mới nhớ mình phải bảo vệ Văn Thon, Khiêm hoa tay ra hiệu rằng anh phải đợi đây, nói thật to, tưởng như nói to thì Văn Thon hiểu được tiếng Việt:

- Anh để tôi vào thăm dò cái đã. Như đi xích hầu ấy mà.

Theo thói quen. Khiêm trút lại tất cả giấy tờ, chỉ xách khẩu các bin.

Khiêm qua rẫy, ngửi mùi ngô non mà nước bọt tứa đầy mồm. Qua cái cầu treo, lên hết dốc, Khiêm gặp một bà cụ. Bà cụ tròn mắt, lấp bắp mấy tiếng, trở vào làng rồi ù té chạy. Khiêm nhìn lại

mình, bật cười. Quần đứt mất hẳn một ống, máu chân kim kín người, thảo nào họ sợ.

Nhà sàn chen chỗ đứng dưới các rặng bưởi. Quả xanh lòng thông sát mái gỗ, ngon mắt không chịu được. Một anh con trai đeo súng từ góc nhà nhô ra, chạm chán Khiêm. Anh rú lên. Khiêm cười, chỉ vào mình:” Itxala!” Anh kia nhón nhác, đẩy vào ngực Khiêm như muốn đuổi, nói líu tíu, chỉ nghe được một tiếng *pha lăng*. Lại, mình thế này mà làm được với Pháp ư? Khiêm phát cáu, chống hai tay lên sườn gắt trả. Tiếng giày đinh chạy đến rầm rập. Anh kia lùi lại, chĩa súng bắn một phát lên trời. Khiêm vụt hiểu, đâm đầu chạy. Lính địch đã vây kín cổng, quật Khiêm ngã, trói bó giò.

Giờ đây Khiêm ngồi dựa chân cột, hai tay bị trói quặt sau lưng. Nghĩ mà tức anh ách. Làng Itxala nào trở mặt chóng thế!

Đôi người làng đi qua, liếc Khiêm, cau mày. Mấy bà cụ xì mũi. Khiêm vênh mặt, ra điều ta đây không đếm xỉa cái hạng người phản phúc. Chợt Khiêm giật mình đánh thót. Soan à? Sao Soan ở đây? Đôi mắt tròn, xa nhau như mắt búp bê, ướt nhòa: Em Soan! Khiêm rướn nhìn, nhìn không chớp. Một cô gái làng rụt rè bước đến, đặt trước mặt Khiêm gói xôi, bát cá nướng, cái bầu nậm. Cô nói gì với thằng lính gác, sực sùi quay đi. Thằng lính cời dây trói tay Khiêm, buộc cứng hai chân, thở dài. Hẳn lại ghêch mắt tìm ruồi. Khiêm ăn xong, hẩn tháo dây trói chân để trói hai tay như cũ, vẫn thở dài.

Khiêm từ từ nhắm mắt. Bên dưới mí hiện lên đôi mắt tròn ướt nhòa kia nhìn Khiêm. Sao mà giống quá. Em đang làm gì Soan ơi... Một luồng nóng chạy trên môi Khiêm. Ừ mà cộng trừ nhân chia hết nước thì trong cả mấy tháng “lăng mạn” Khiêm mới hôn Soan được đúng mỗi một lần. Ấy cũng nhờ liều mạng. Sau đó Soan đỏ mặt, nguýt một cái, nguẩy một cái, đi biến. Khiêm sợ quá, ngỡ phen này Soan không thêm giáp mặt mình nữa. Khiêm tát vu vơ vào mồm. Nhưng tối hôm ấy, Soan xách đèn đi rỏ thuốc đau mắt, dừng bên Khiêm và đánh rơi một câu rất khế: “Lần sau thế nữa em giận ghê lắm nhé”. Lời rằng giận ghê lắm nhưng cho hoãn đến lần sau mới giận, và tiếng em đầu tiên xưng với người yêu lại ngọt lịm người! Tiếc quá, chúng nó sắp cắt đầu rồi. Ra mình cũng dại. Hôn bừa một lần nữa đã sao. Hôn đúng chỗ lúm đồng tiền trên má thơm mịn. Cô em hẩn lại cho khát đến lần sau và lần sau nữa mới giận...

Thằng Pháp tóc vàng đi qua. Một lúc sau, thằng lính gác cời trói cho Khiêm, ra hiệu đứng dậy. À, sắp lấy cung. Khiêm ngẩng cao đầu đi giữa những dãy nhà sàn ọp ẹp. Rất nhiều con mắt lấp ló sau kẽ phen. Nắng đỏ chói mắt, nhưng Khiêm vẫn không chớp, không cúi đầu. Muốn xem chiến sĩ Tình nguyện chết như thế nào thì cứ tha hồ mở cửa ra mà nhìn, việc gì phải chón nắp, hời các đám dân làng ăn ở hai lòng này!

Thằng Pháp ngồi trong chùa, mâm tiệc bày sẵn trước mặt. Ngửi mùi thịt cá thơm lừng, Khiêm ngậm một mồm nước bọt mà không dám nuốt, sợ nó thấy. Nó rót rượu, xoắn xuýt mời Khiêm ăn uống. Khiêm ăn thật sự, không làm khách. Sau lưng Khiêm, một tên lính phe phẩy cái quạt lá cọ, y như hầu quan. Mặc nó, Khiêm chén đầy, rồi ngủ một giấc li bì đến chiều cho lại sức.

Chúng nó lay Khiêm dậy. Bây giờ thì những năm sáu thằng Pháp và ngót chục thằng quan ngục ngồi hình vòng cung trong nhà khách giữa chùa, bốn góc nhà cắm bốn thằng lính đứng nghiêm. Thằng tóc vàng ban trưa ngồi giữa, hấn đeo lon ba gạch, mắt khoằm khoằm. Khiêm thấy buồn cười. Bày ra đủ bộ tướng sĩ tượng để nghe ông khai nhé! Cái cảm giác rờn rợn lúc mới nhìn chúng đã biến hẳn.

Khiêm nói tiếng Việt, thằng Pháp nói tiếng Pháp, thằng thông ngôn nói tiếng Lào, như đâm vào tai nhau. Khiêm càng buồn cười, cứ muốn cười phá vào tai những bộ mặt ngây cán tàn kia.

Sau chúng nó gọi đến một thằng đeo lon một gạch, má chấy xỉ, nói tiếng Việt ậm à như chó nhai giẻ rách. Mỗi khi hấn mở mồm lại chóa lên mấy cái răng vàng. Quái nhỉ, Khiêm gặp nó ở đồn nào trông quen tề.

- Đi bộ đội bao giờ?
- Hử?
- Mà ở bộ đội nào? Ở đâu?
- Ở trong rừng. Bộ đội tình nguyện.
- Ở rừng nào?
- Mới lên Lào, không biết.
- Hoại! Con xố pộ đội, cái tên pộ đội mà, gì?
- Ở tiểu đội lính mới, chưa về bộ đội nào cả.

Vòng quanh một lúc lâu, bọn Pháp kéo nhau đi. Bọn ngục ở lại, quật Khiêm ra vắn kìm sống ngay trong chùa. Khiêm nghĩ: “Đau quá thì ông cắn đứt lưỡi, đồ thằng nào bắt ông khai được”. Khiêm nghiêng răng, gân người khi kìm cắn thịt, xoáy, rút. Đau quá thật. Khiêm thè lưỡi định cắn, lại thụt vào. Cắn sớm nó phí đi. Cố chịu tí nữa. Tí nữa... Tí nữa... Khiêm mê dần. Những nhát kìm xé người chỉ còn tê tê, rồi tan mất. Cái câu hỏi hùng hổ của thằng thông ngôn đuổi theo Khiêm trong mê: “Khai không? Khai không?”. Thằng này gặp ở đâu nhỉ...

Sáng hôm sau, thằng Pháp lại cười cười mời Khiêm ăn tiệc. Cái quạt lá cọ lại phe phẩy sau lưng Khiêm. Thằng quan một dịch từng câu nhát gừng, mặt rúm lại vì cố nhớ tiếng:

- Thàn nói thàn kính toọng người Việt. Người Việt đéng nhau giỏi, không xợ. Thàn nói người Việt khôn, người Lào ngu.

Khiêm buột mồm:

- Nó bảo mà ngu đấy chứ.
- Cái gì?

Khiêm lại ăn cái đùi gà tự nhiên. Thằng quan một tiếp:

- Hôm qua thàn đi vắng, ở nhà pọng Lào đéeng ông, Thàn mang ông về pốt. Người Pháp tốt, người Lào xấu. Về ở thàn xướng... như khách cúi... kính toọng...

Khiêm ném cái đùi gà, vỗ đầu gối:

- Mẹ nó chứ, thằng Muôn!

Rồi Khiêm cắn môi. Hớ quá. Nhận ra thằng Muôn thì đẻ bụng, kêu tướng lên thế thì lộ hết. May sao Muôn không để ý, hẩn mãi nghe thằng Pháp. Khiêm lại ăn thật no lấy sức chịu đòn. Những vết kim sưng tấy, nhức ran khắp người cựa đầu đau đáu. Ông đi guốc trong bụng mày Tây ạ, đừng làm bộ tử tế. Giết ông thì giết, anh Văn Thon cũng thoát rồi, báo cáo về đến nơi rồi.

Chúng lôi Khiêm đi theo hai đại đội lính Xửa pà. Qua đầu làng, Khiêm lại gặp đôi mắt rất giống mắt Soan hôm qua. Cô gái hé cánh cửa sổ, nhô lên đến mũi nhìn theo Khiêm. Khiêm lơ mờ thấy giữa đôi mắt ấy và cái làng rất nhiều buổi này - làng Itxala trở thành làng vũ trang của địch - có một cái gì giống nhau, một nỗi khổ lớn lắm mà không nói ra được, chỉ trút vào ánh mắt khẩn khoản khẩn lầy Khiêm như phân trần, như xin lỗi.

Quân địch về một đồn lẻ, lên ô tô. Khiêm đuổi chân ngủ luôn, mặc kệ cho ba thằng gác đứng đồn một góc xe. Ngủ dậy, Khiêm nhìn ra bên đường, suýt reo to. Núi Vượn kia rồi, cái hình thất cổ bông, đỉnh nhọn đội mũ mây trông quen quá. Quãng đường núi mà đội CC3 lặn lội suốt bấy nhiêu ngày, xe địch chạy về chỉ mấy tiếng. Vào đồn, Khiêm vờ đi lủ rủ như người hết gối, nhưng mặt đất dưới bước chân Khiêm nóng hổi hơi người. Từng ngõ ngách trong cái đồn chính Pà Thạc này Khiêm và anh em trong đội đã bò qua lại bao nhiêu lần không nhớ hết!

Gian hầm nhốt người tù binh Việt xinh trai nằm cạnh nhà quan hai, giữa hai lớp lính gác, ba vòng thép gai, một bãi chông mìn. Qua một đêm, Khiêm biến tấu. Tên quan hai Pháp mất khẩu súng ngắn và cặp tài liệu tối mật để đầu giường, nhà bếp cũng kêu mất một hộp súc cù là loại quý. Hai chục lính gác bị nhốt xà lim, và trong khu đồn dân loang nhanh như thuốc súng cái câu chuyện Itxala biết phép tàng hình độn thổ.

*

* *

Cũng sáng sớm hôm ấy, Chum đi như chạy từ núi Vượn về làng. Nguy lắm. Anh lên báo cáo tình hình cho bác Cống ghi, thấy bác nằm trên bệ đá, sốt li bì, bụi vôi rắc trắng xóa râu tóc. Bác đắp một cái sa bàn lớn trên nền hang, đã sắp xong. Có đủ đồn lũy, ô tô, máy bay nặn bằng đất sét. Mỗi lần lên báo cáo, Chum lại chọc chọc ngón tay vào cái nhà quan tư, nói như khẩn: “Tao moi ruột mày, tao ăn ruột mày...”, và đoán chắc dưới kia thằng quan tư đang ôm bụng kêu trời. Bác Cống giải thích rằng đây không phải cúng ma hay mời chài gì, nhưng Chum vẫn thấy ngờ ngợ thế nào. Lệ thường phù phép người ta vẫn phải giữ kín.

Hôm nay cái sa bàn bị bỏ dờ. Bác Cống không ăn được. Đồng củ còi ngâm trong cái gàu tre vẫn đầy nguyên. Chum sải chân, chạy. Càng chạy càng thấy chậm. Phải kiếm sữa cho bác Cống uống.

Về đến làng Phi Lạt, Chum đảo một vòng quanh các nhà hội viên Itxala. Họ ăn củ mấy tháng này, nồi đồng bán hết sạch. Một anh cởi phăng áo ném cho Chum:

- Bán đi mà mua sữa. Đánh xong đồn ta mặc áo quan tư.

Lả với hai cô bạn con chấy cắn đôi vừa đi rừng về, gánh lưng lủng hai xâu măng ở hai đầu cán mai. Lả kéo Chum ra sau nhà, cười toe toét:

- Tôi qua thằng Muôn đến gạ em lấy nó. Em nói thỏ không đánh bạn với cọp, chim không chơi với mèo. Nó cút mất. Chị em bàn hăng lắm, định hể nó giở trò là lặn vào xé, là nện cho như chị Pha ấy!

- Lả nhận chồng chưa?

Lả quay đi, cắn ngón tay:

- Nhận rồi.

- Ai?

- Anh... anh Thoong Bay.

- Cưới chưa?

- Cưới... ư... cưới rồi. Hôm qua.

Lả đỏ bừng đến tận cổ, túm áo Chum nói hấp tấp:

- Là em nhận che mắt thôi đấy. Em cấm anh ấy không được lên nhà, chỉ đứng dưới thỏi khèn thôi đấy. Em chưa đồng ý thật đâu, anh bảo anh Thoong Bay thế nhá. Ra họp tổ Itxala anh ấy phải gọi em bằng chị cơ.

Chum cười hề hề. Tổ Itxala vận động trai gái làng giả vờ cưới nhau nhất loạt để khi lính xuống ghẹo dễ đấu tranh. Nhưng cái đôi này may ra thành vợ chồng thật. Nom đẹp đôi ra dáng, chỉ phải cái cùng rách xơ xác.

Nghe Chum nói cần tiền, Lả tốt lên nhà. Mẹ vừa đóng được ba ống gạo, Lả trút vào khăn đưa cho Chum:

- Đừng nói với mẹ nhá. Để em bảo là chó lên ăn vụng... Chị Pha chắc về đến vùng tự do rồi nhỉ. Chị Pha sướng quá. Chắc quên bọn này rồi chứ gì. Bao giờ mới đánh đồn...

- Lại hớ hênh!

- Đâu, em nói với anh thôi chứ!

Hộp sữa những mười lăm đồng, cái áo cũ mang ra cửa hiệu lão tỉnh trưởng đậm lắm chỉ được một tờ năm. Ba bơ gạo được đồng rưỡi. Chưa ăn thua.

Chum về nhà mình, tìm quanh. Túp lều toang hoác, rách như người. Mè Xi ngừng tay giã gạo, mắng xỉa mắng xói đứa con rể chỉ cấm đầu đi phu cho Pháp, nó trả ba ngày công một hộp xà phòng đánh răng cũng cầm, để vợ con đói nhăn răng. Mè chỉ trời vạch đất, thề rằng để con gái nữa ắt mè không gả cho cái quân chạy rong ăn hại như Chum. Nhưng mè bạc hết tóc rồi, nên không ai sợ câu

thề bồi ấy. Chum ngậm miệng chui vào buồng.

Vợ Chum sắp sửa đi cuộc nương, đang cho con bú. Chị gầy ngẳng, cổ dài ra. Để xong chị rướn cổ nuốt củ rừng, đi cuộc nương từ keng mở cổng đến keng đóng cổng. May được cái nhiều sữa nên con không đến nổi đói. Đưa bé ôm bầu vú tròn, nún nún môi, sữa trào hai bên mép.

Chum ngẩn mặt, nghĩ. Rồi anh lấy cái chai sạch, đưa cho vợ:

- Vắt cho tôi ít sữa vào đây!

Chị vợ kêu “ú!”, túm con ghì vào ngực. Chị tưởng chồng hóa rồng.

- Cái ông đến đỡ đẻ cho em hôm nọ ấy mà, ông ta ôm nặng. Phải cho uống sữa. Nhanh lên, mẹ vào kia.

Chị vợ từ từ đặt con xuống chiếu. Nghe nó khóc u oa, chị quờ tay định xốc lên, lại thôi. Chị đặt miệng chai vào vú vắt mạnh. Dòng sữa trắng vọt vào thành chai ri ri. Chum xoa bụng con, miệng à à dỗ nó nín. Nó vẫn quấy gào đói. Tiếng khóc cào cào trong ngực Chum. Dòng sữa trắng vẫn chảy, chảy nữa, chảy dài như dòng nước mát tuôn nóng sôi trên mặt người mẹ, rỏ xuống bầu vú chạy gân xanh đang cạn dần. Chum run giọng:

- Còn ít quá.

Dòng sữa thứ hai đã kiệt. Đưa bé cũng im. Nó lịm đi, mặt đỏ rưng, mớ tóc thưa trên đầu dựng ngược. Chị vợ vô lấy con, nức nở. Chum lập cập cầm chai sữa đứng dậy.

Cửa buồng mở, mẹ Xi xô vào.

Mè há mồm định mắng hai vợ chồng bỏ con khóc đứt hơi. Thấy chai sữa trên tay Chum, mè ngây người một loáng, rồi lu loa kêu làng nước. Chum xám mặt, cổ bịt miệng mè. Mè càng hét tướng, réo bản mường đến bất thình rẻ bị *phỉ bạ* ám hóa điên, nó giết vợ giết con, nó bóp cổ mè đây này, nó lấy chai sữa... Chum đóng cửa buồng đánh sầm, rút con dao lưng vung trước cổ mình, long mắt đỏ khé:

- Kêu nữa, tôi cắt cổ tôi chết ngay!

Mè còn muốn gào nhưng cứng hàm không gào được. Cái biau trên cổ nảy bần bật. Mè sợ quá. Chum chỉ im nghe chửi, chứ không giở quẻ thế này bao giờ. Lần đầu tiên mè hãi con rẻ. Chum lắng tai nghe ngóng. Cũng may, hàng xóm quen tính mè hay tru tréo nên không ai đến. Chum bầm bầm mũi dao, găm thật khế:

- Người ta cứu mẹ cứu con, cứu cả làng nước. Bây giờ người ta ôm liệt giường, gần chết...

- Người ta nào?

- Ông thầy cúng hôm nọ đỡ đẻ ấy. Cái mồm bà quạc to quá, lấp cả con mắt. Ông ta ôm, hiểu chưa?

- Hử, mà y bảo sao?

Chum nói toạc cả cho mẹ vợ biết.

Mè Xi nguôi giận, hết sợ. Mè hiểu theo lối riêng của mè, nghĩa là ông thầy cúng này theo

Itxala nên phải lang thang như các ông thầy tu *câm-ma-thần*. Mè chịu ơn sâu

ông ta đỡ đẻ cho con, là đi một lễ. Mè quen kính trọng các ông thầy cúng không kém các vị sư, để được lòng cả Thần Phật lẫn ma quỷ cho nó chắc chân đôi đường, là hai lễ. Còn cái sự ông ta theo Itxala thì quý hóa quá nữa, rõ ra ông là người đạo đức, yêu dân, ghét Pháp, chịu khổ cực để lo việc đời Vất sữa cho ông uống là phải lắm. Vợ chồng thằng Chum làm thế mà đúng. Mè bảo con gái:

- Con người ta xấu sữa, ăn cháo cũng mập tròn đầy. Thôi mày bỏ buổi nướng, đun cháo mớm cho nó vậy. Tao mới vay được hai ống gạo.

Rồi mè te tái đi lấy chai mật ong giấu tít dưới đồng củi, lằm bằm chửi bọn lính tuần bắt con mái vàng đang ấp hột nọ, và đòi đi theo Chum đến thăm ông thầy cúng. Chum không chịu, mè suýt làm om lên lần nữa. Sau Chum bắt mè chém con dao vào cột, thề độc rằng không hở cho ai biết, anh mới cho đi. Mè chịu thề. Bởi mè có một ý riêng.

Người ta ai cũng một lần chết. Hồn bỏ xác, bay về ở cái làng không có tiếng gà gáy và sương không hề tan, rồi đi nấp cạnh chum nước nhà người ta để đầu thai kiếp khác. Mè muốn hỏi ông thầy cúng xem cụ Thít La được siêu sinh hay còn đầu thai. Xét về công đức thì cụ đáng được lên thẳng Niết Bàn hầu Phật. Chỉ phải cái bị Pháp giết, chết bất đắc kỳ tử cũng khí sái. Mè đã ngoài năm mươi tuổi, nhưng tình cũ với cụ Thít La không phải mỗi chốc đã quên ngay được. Càng thương ông cụ, mè càng ghét cay ghét đắng thằng Pháp phá đạo, hại dân, bòn đến khó rách gà toi không từ, mè càng chửi con rẻ cứ cầm đầu đi phu đắp đôn cho nó mà không dám chống lại một câu. Biết Chum theo Itxala, mè đâm nể Chum ra mặt.

Trầy trật mãi, rồi mè trèo đến cửa hang núi Vượn. Nhớ cái tích vượn trắng, mè cũng hốt, nhưng Chum bảo không việc gì.

Chum tụt lại sau xóa dấu chân. Lâu nay anh chỉ tuyên truyền xa xôi cho mẹ vợ, không dám giao công việc vì ngại tính hót lẻo, hóng chuyện đông dài. Lần này anh đánh liều tổ chức bà ta vào, vì ít nhiều cũng đã lộ. Dù sao bà cụ vẫn căm thằng Pháp ăn ruột dân làng như *phỉ pop*, *phỉ koòng-còi*. Với lại bà cụ còn sợ con gái góa bụa, ắt biết giữ mồm hơn trước.

Mè Xi kéo góc váy rón rén bước vào cửa hang, chỗ góc tối nhất. Mè hấp háy mắt, dòm. Bỗng mè ngồi thụp xuống cạnh cây cột đá hình xương sống voi, cúi mặt, chắp hai tay: “*Xa thú! Xa thú!*”. Người mè nổi gai lạnh ngắt. Thôi chết, đúng ngòi Phạ lư xỉ và chàng học trò Chấn Thakhô-rốp hiện về!

Một ông cụ râu tóc trắng xóa ngồi khoanh chân trên bệ đá. Trước mặt cụ là một cảnh núi sông nhà cửa đắp nổi, rộng bằng ba chiếc chiếu. Bên cạnh bệ, anh con trai mặt trắng môi đỏ đứng nói gì không rõ, áo quần rách như tổ đĩa, khắp người máu khô đen loang lổ. Trên một ngách hang cao, ba bốn con vượn trắng ngồi gãi lông, đi qua lại lòng không, vênh mặt hăm hứ về phía mè.

- *Xa thú!* Lạy Phật vạn mớ lạy...

Có tiếng cười giòn tan. Tiếng gì như người vỗ ngực bành bạch. Mè Xi đánh bạo liếc nhìn lên. Chàng Chăm Tha vụt cúi đầu, chống chân lên trời, làm phép đi bằng hai tay. Ngài Phạ lư xỉ rút con dao chuôi ngà trong bọc ra cười khề khề. Mè hoa mắt, men vách đi luồn ra ngoài. Ôi leo ôi! Một cặp gấu to sụ đang châu trước cửa hang, gãi mõm như người liếm mép chực ăn.

Mè ngã quy xuống, run như dế trong góc tối.

Anh Chum cầm chai sữa bước vào. Anh kêu một tiếng ngạc nhiên: “Khiêm!”, đi ào qua cạnh mè mà không nom thấy. Anh túm hai chân chàng Chăm Tha chống ngược, ấn xuống đất. Hai người vồ lấy nhau trước mặt ngài Phạ lư xỉ, cười muồn vớ hang, phết vào lưng nhau đen đét.

*

* *

Trong khi ấy, một người băng băng đi về phía bắc. Vạch lá, rẽ rừng, qua đồi, qua lũng, như con voi bị thương đi tìm đàn. Mặt trời vòng qua đầu anh nhiều chuyển. Trăng hiền mở to mắt nhìn con người đang đi lảo đảo, kéo theo cái bóng cũng rách rưới như mình, không nghỉ. Vấp ngã lại dậy. Vừa nằm xuống nhắm mắt lại dậy. Vốc ngụm nước suối, vật quả sung, mà đôi chân vẫn bước.

Văn Thon một mình vượt rừng về mặt trận.

Rừng xé nát người anh, cướp cả lá bùa giữ mạng đeo cổ. Anh không cần. Đã có cái gói nilông nhỏ trong bao đạn thay nó giữ anh sống. Hình như tim óc anh không nằm đúng chỗ nữa, mà tụt cả vào trong cái gói ấy. Bảy người gục xuống vì nó, trút tất cả sức mạnh của mình cho Văn Thon, nên anh đi với sức tám người dồn lại. Không có tập báo cáo, anh đã nằm xuống đợi chết, hay bắn một viên đạn vào sọ. Nhưng anh không được chết, anh phải mang *Anh hùng ca số 5* về kịp mở chiến dịch.

Đồi nhấp nhô trước mặt anh như một đàn rùa chen nhau bò xuống dốc. Chân trời quang, rộng. Dãy núi cao chỉ còn hằn một dải tím mé sau, lẫn vào mây. Đã đến thung lũng sông Xê Ban.

Một cây cao thả xuống mấy sợi dây khura đen. Văn Thon phạt một nhát dao, há miệng hứng những tia nước phụt bằng que tăm. Bỗng hiện lên trước mắt anh một hình ảnh quen quá: Lương bịt bàn tay trên vết dao chém đứt dây khura đen, mỉm cười, đưa cho anh uống trước,

- Lương ơi!

Anh gọi Lương nước nở. Thương tiếc và hối hận lại cháy bùng, đốt người anh. Anh đã nghi ngờ, mỉa mai, giữ miếng với Lương, với anh em Việt. Người Lào không ăn ở với bạn xấu thế. Anh lại là cán bộ Itxala!

Văn Thon vịn gốc cây đứng lặng: Sợi dây leo đu đưa, rảy từng tia nước xuống vai anh.

...Tám năm trước, cách mạng nổ trên đất Lào.

Một ông a chan trẻ tuổi đang tu bổng xin hoàn tục rất gấp. Trả áo vàng xong là đi biệt. Dân làng có điều tiếng chê bai rằng mê gái bỏ chùa, bỏ làng. Cô gái trẻ tuổi con ông giáo Bun vượt ngục

đang bị lòng, nghe tin ấy khóc hết nước mắt. Cô đã nặng lòng yêu ông a chan, chỉ đợi ngày ông ra chùa.

Dân làng có người đánh voi lên Viêng Chăn bán cá khô, về kể lại: “Tôi gặp anh Văn Thon mặc quần áo bộ đội Lào Độc lập, vác súng đi đều. Ấy là anh đi cứu nước, không phải theo gái”. Dân làng đồn thổi lên rằng anh chỉ huy mấy trăm quân theo Chính phủ lâm thời, đi bên ngài Xuphanuvông (19). Cô gái trẻ không khóc nữa, thấp thỏm mừng. Cô dệt tấm vải đỏ, nghĩ đến bộ áo váy mới ngày cưới.

Làng mở hội Phạ vệt chơi hai ngày liền. Bộ đội về đông, diễn tuồng *ích kê* vui lắm. Tiểu đội trưởng Văn Thon và cô gái trẻ múa với nhau bao nhiêu vòng không nhớ. Cô ta lấy ba sợi tóc xe vào ba sợi bông trắng, buộc cổ tay chúc phúc người yêu, hẹn sống chết có nhau. Nhưng chỉ mấy hôm sau, đoàn xe sắt của Pháp rầm rầm nghiêng mặt đường 13, húc vào Thà Khẹt. Bộ đội của Văn Thon kéo về giữ Thà Khẹt, cùng với các đại đội Lào và Việt kiều ở đây đánh Pháp suốt một ngày. Chiều đến, xe sắt hồng học đè người trên đường phố. Bộ đội vỡ. Hơn một ngàn người bị giết, cả bà già trẻ con. Máu hòa đỏ sông Nậm Khoảng mấy ngày liền, quạ lượn tìm xác trôi như bầy ong.

Văn Thon băng rừng đi dọc sông Nậm Khoảng, về đến làng. Pháp qua làng anh rồi. Làng chỉ còn là bãi tro, chùa chỉ sót lại mấy thân cột đen. Trước sân nhà người yêu, đúng chỗ anh đến thổi khèn gọi, có một mảnh vải đỏ dệt dở hằn những vết giày đinh. Cô gái trán cao bị Pháp đẩy lên ô tô mang đi mất. Văn Thon chào mẹ, buộc súng vào cây chuối, bơi suốt đêm qua sông Nậm Khoảng sang đất Thái Lan. Anh gặp bác Bun đang tổ chức lại bộ đội ở đây. Lúc này anh gọi bác là đồng chí Thông Phun.

Rồi Văn Thon dẫn một trung đội *cù xạt* (cứu quốc) trở về hoạt động gần Viêng Chăn. Đức liều lĩnh của anh dần dần khét tiếng.

Anh kẹp Bòren dưới nách, đứng thẳng người quét chặn địch đang xung phong. Một mình một dao, anh bò vào làng cắt đầu thằng quan Pháp đi chơi gái. Người ta đồn trong lá bùa anh đeo cổ có một hòn ngọc chuối hay ngọc tre gì đó nên đạn phải tránh. Không đúng thế. Trong lá bùa chỉ có một mảnh vải đỏ vấy bùn, ba sợi bông và ba sợi tóc. Anh không tin bùa nữa, mà tin ở lòng căm thù ghê gớm của mình, tin lời kinh *A-gút-tu-ra Ni-ca-ya* dạy anh hãy tự tìm ra con đường chính nghĩa và theo đuổi nó đến cùng, tin lời kinh *Pa-đa-ma xut-ta* dạy anh đấu tranh thắng cái ác, dù chết cũng không để cái ác thắng mình.

Cả bốn mươi người trong trung đội đều gan lì như anh, vì có thù với địch. Ai hèn thì đã bỏ về làm ăn hay bị đuổi ra rồi. Gặp lính nguy đi lẻ tẻ họ không bắn. Những đêm họ hát múa với dân, lính nguy kéo đến xem đông, hỏi chuyện kháng chiến, trút đạn ra cho, đôi người vác súng theo luôn.

Ban đầu trung đội Văn Thon đánh dễ, thắng dễ. Địch chưa để ý đối phó. Thắng một trận, bộ đội kéo về nghỉ nơi xa địch, ăn gà uống rượu, bắn súng chơi, kêu đèn chai ngồi tán tỉnh các cô gái

làng, rủ thanh niên vào thêm đông, rồi lại lên đường đánh liên miên sau lưng địch.

Dần dần tình hình dần khó khăn. Địch dồn ép bốn phía, sục nát rừng, đốt các làng chứa bộ đội hoặc tiếp tế gạo. Nguồn muối bị cắt. Trung đội *cù xát* bạt vào rừng sâu, đôi rã chân tay, ghề kín người, bị địch úp liền liền. Đôi người nản bụng, đang đem bỏ súng trên chỗ nằm, trốn vào đồn đi lính Pháp cho đỡ đói. Những người này không khai báo, ra trận chỉ bắn lên trời. Ít lâu sau họ lại vác súng chạy về đơn vị, đi đánh Pháp như cũ.

Giữa lúc nguy ngập ấy, Văn Thon bắt được liên lạc với Chính phủ kháng chiến. Anh dẫn quân vượt núi về khu căn cứ phía đông, thoát vòng vây địch, tập trung với các đơn vị Itxala.

Trong nỗi mừng lớn của Văn Thon lúc bấy giờ có lẫn một chút nghi ngại. Anh gặp bộ đội Tình nguyện Việt Nam lần đầu tiên, ngờ lắm. Nom họ có vẻ dữ như Nhật mà thâm thế nào.

Pháp tự xưng là bảo hộ nước Lào. Nhật cũng nói giành độc lập cho Lào. Gần đây Mỹ bỏ súng bỏ tiền ra, bảo giúp Lào chống Cộng sản. Chúng nó láo toét đã đành, nhưng Việt Nam là nước thứ tư đến đất Lào, biết đâu không phải miệng trơn mà ruột xơ mướp? Hồi Pháp đắp đường 13, mấy thằng cai lục lộ người Việt rằng đen đánh phu người Lào chết dở. Răng đen là giống ăn thịt người, dân làng vào tỉnh nghe nói thế. Trong đám quân Pháp đánh vào Thà Khéc năm nọ cũng nhiều người Việt, giết dân như ngóc. Chuyện xưa bảo người Việt với người Lào là anh em, nhưng ở đời khỏi đưa em ăn ruột anh như ma *phỉ pop*.

Nghĩ thế Văn Thon lại vấp. Rõ ràng bố anh kể rằng thợ mỏ người Việt ở Bò Nềng nổi lên chống Pháp. Rõ ràng anh thấy bộ đội Việt kiêu ở Thà Khéc đánh Pháp như hùm, bên cạnh bộ đội Lào Độc lập. Sao lại thế? Người Việt quả là một dân tộc khó hiểu, rắc rối, chia năm xẻ bảy chống nhau lung tung. Chơi với họ phiền lắm. Văn Thon ngợ mãi, nhưng để bụng không nói, vả cũng không biết nói sao cho phải.

Văn Thon được cử chỉ huy một đại đội Itxala, phối hợp với một đại đội Tình nguyện, hoạt động ở phía tây Sầm Nứa. Anh em Itxala đều nhận rằng đi chung với bộ đội Việt thật dễ chịu. Họ ăn ở như bung bát nước đầy. Đánh nhau, họ tranh phần nguy hiểm nhất. Đến giáp hạt họ bóp miệng nhường gạo muối. Lấy được chiến lợi phẩm thì bao nhiêu súng tốt và quân trang mới chia về Itxala. Các mẹ Lào thương bộ đội Việt không kém Itxala, kiếm được quả chuối cũng dầm dúi nhét tay. Cái số anh em Itxala buộc tay thề kết bạn đời với bộ đội Việt cứ tăng lên mãi. Có trách được họ chẳng cũng chỉ biết nói rằng họ khắc khổ quá, gò bó quá, thế thôi.

Không hiểu sao Văn Thon vẫn cứ thấy ngại ngại, không nói ra miệng và vẫn canh cánh một bên, như cái nhọt mọc ngầm trong bụng. Đôi khi anh nghĩ rằng khôn khéo như người Việt thì cướp nước còn dễ hơn Nhật, Pháp, Mỹ. Biết là nghĩ lẫn thần mà cứ nghĩ. Qua một đợt học mười ngày về mặt trận liên minh Lào - Việt - Khome, anh tạm yên lòng, cái thắc mắc kia như đã tan thì phải.

Đến chuyển công tác này, anh đi với đội CC3 để về sau sẽ huấn luyện đội trình sát của

Itxala. Đến gần địch, máu hăng bốc lên, anh muốn xông xáo. Mỗi thù với giặc động thành một cục chỉ trong đáy tim, thỉnh thoảng động mạnh thì nó đau nhói. Trước cảnh làng Phi Lạt và cả khu đồn dân đang gục dần vì đói và ho lao, Văn Thon khát trả thù không chịu được. Máu vãi đỏ đeo trước ngực như bốc lửa đốt thịt. Nhưng Lương cố gìm anh lại, cả đội ăn ý nhau cố giữ anh từng ly. Thế là tất cả mỗi ngờ dạo trước lại nổi lên như cỏ gai. Văn Thon là người đầu tiên chịu khổ vì mỗi ngờ ấy. Anh không nói ra, nghĩ rằng họ sẽ chối quanh không nhận.

Bây giờ Văn Thon hiểu rõ tất cả. Anh hiểu sau khi Lương và toàn đội nổi nhau ngã xuống dọc đường băng rừng, trao lại tập *Anh hùng ca số 5* cho anh...

Tám năm trước, Văn Thon tìm ra chân lý của đời anh sau nhiều đêm nói chuyện với bác Bun, người cán bộ cách mạng. Đến nay, trước mắt Văn Thon lại chói lòa một chân lý thứ hai, khắc bằng chữ máu trong hồn con người đã nhiều năm tự vò xé mình để tìm con đường thoát cho lòng yêu nước.

Đó là tinh thần quốc tế.

*

* *

Mặt trời mặt trăng thay nhau soi đường cho con người kỳ lạ đang băng qua các đồi tranh, chốc chốc lại ngã, bật dậy, đi.

“Đến quãng rộng kia ta nghỉ”. Văn Thon hứa với mình thế, rồi không dừng chỗ quãng rộng. “Đến suối nghỉ một thể”. Anh vốc nước suối hắt lên mồm uống hùm hụp mà không ngời. Anh đánh lừa mình đi thêm từng thôi đường. “Cố tí nữa, sang rừng có bóng mát”. Cây rừng đã xòe lá trên đầu. “Gốc cây bạc lá bên kia phẳng hơn, không có tranh”. Gốc cây trước mặt như sợ bị mắc mưu, lùi dần, lùi mãi. Anh vịn cây, lê chân đuổi theo. Vấp một rễ ngang, anh ngã vật. Hai bàn tay cào cào mặt đất. Trong cơn mê, anh gọi tên Lương.

Ai châm lửa đốt dưới đùi anh? Trăm nghìn đốm lửa nhỏ chích vào thịt, thuôn mạnh đến xương. Văn Thon choàng tỉnh. Những con mồi đen nghiêng đôi cẳng, bị phui rơi còn quắp theo một mẩu thịt đỏ hỏn. Anh nhắm mắt lăn mấy vòng, chồm dậy, phui. Máu lại chảy, đè lên lớp máu cũ. Anh chợt thấy trời sáng. Một đôi chào mào rìa lông cho nhau, chớp nhanh bốn chấm mắt vàng rình anh.

Mặt lên cao. Đứng bóng. Xế chiều.

Văn Thon không dám ngồi xuống, sợ không dậy được nữa.

Một hàng rào lau lách chắn ngang. Rừng lau dài hết tầm mắt. Văn Thon đâm bổ vào lưới lá sắc như dao cạo. Bức tường xanh bọc kín anh, thả dây gai trói ghì, muốn nuốt chửng người đi lạc.

Văn Thon gằm gù, nghiêng vờ rằng. Trời tối sầm từng lúc. Điệu khèn vo vo rền to dần như tiếng thác, như kèn đám ma. Đứa nào đưa ma tao? Tao giết, quật chết, cầm ngay! Anh vò lấy một thân

cây, cầu, rít. Một cành khô gãy rắc giữa hai hàm răng. Anh hả cơn tức, đứng yên. Đầu óc sáng lại. Thế nào đây nhỉ? Lạc giữa rừng lau. Ai lại khờ thế, tay không mà dám chui qua rừng lau. Tìm lối ra thôi. Anh nhìn lên trời nhắm hướng, rút súng ngắn cầm tay, quờ quạng gỡ lưới.

Máu rỉ dài trên những lá lau xanh non, đánh dấu con đường chết. Gió lên, đưa tiếng thác sông Xê Ban đến rõ quá. Những ngọn lau lắc mạnh, múa rào rào. Khỏa lấp tiếng người chui sọt soạt mỗi lúc một yếu dần.

Một phát súng nổ. Một phát nữa. Rồi im lặng.

Gió nuốt nhanh một tiếng vang khô khốc. Rừng lau phát cờ, reo thẳng trận.

XIII

Tám chiếc máy bay ào đến khi mặt trời gần lặn và cơn đông đang ùn, giội bom lửa xuống rừng vầu. Bom na pan nổ pục một tiếng âm như nôi đất vỡ, nhả một vầng khói đen, rồi lửa lem lem bò trên lá khô.

Trung đoàn trưởng Mạnh quàng cái chắn trên vai, vọt thoăn thoắt giữa các bụi cây, qua tiểu đoàn trợ chiến. Bốn khẩu trọng liên ngược nòng đợi kèn hiệu nổ súng. Ngon ăn quá. Một xạ viên ngồi vào tư thế bắn, xoay nòng ngắm theo máy bay cho đỡ thèm.

- Báo cáo anh, cho tôi chiếc này...

- Đùa đấy à?

Các đại đội Itxala nằm ngồi đủ kiểu dưới một lòng suối khô. Họ đang họp từng nhóm kiểm điểm mấy ngày ôn tập, trong khi máy bay quần vè vè trên đầu. Hai anh xong việc, đang cầm cúí khoét những ống *mạy đư* làm cái khèn. Một anh nằm ngửa, gõ cái que vào ống nước, hát một bài *lâm* quấy, bị tiếng cười chung quanh ngắt quãng từng lúc. Lạ thật, lúc nào họ cũng cười được! Mạnh gọi to:

- Các đồng chí rút trước nhé, đừng đợi chúng tôi.

Một anh biết tiếng Việt, dịch lại. Mạnh chạy vút sang chỗ tiểu đoàn ba. Bộ đội ở đây lao đao vì lửa. Ba người chết, bị thương ngót chục. Lửa réo át tiếng truyền lệnh. Mạnh quát:

- Thôi kèn rút quân!

Lá cài ngập người, bộ đội chạy thành hàng dọc, khiêng một dãy cáng thương binh. Những gánh thuốc nổ lủng liểng vượt qua lửa tấp. Máy bay vẫn trút đạn hú họa vào đám cháy. Đạn nổ một tràng trên không kèm một tràng dưới đất, ùng ục veo veo.

Bộ đội ra khỏi vùng cháy, vừa gặp cơn đông đổ xuống. Mây vỡ ra, giội nước ông ộc như

thác núi. Chỉ trong mười phút rừng đã ngập nước. Mấy nghìn người lội bì bõm trong bùn, tìm chỗ trú giữa đêm đen.

Mành chống gậy đi soát lại các đơn vị. Lòng suối khô ban nãy đã ngập nước đến bụng. Mành lội ào ào. Người anh nóng như lò than. Con sốt rét bị ký ninh vàng đóng nút lại đang chực phá ra, gõ trống cơm bung bung trong tai. Anh đang tìm Tuyên để trút cơn tức. Thì Tuyên đến giữa lúc bất ngờ ấy. Một tia đèn pin lóe sáng.

- Đồng chí Mành đây hờ?

- Phải.

Mành muốn sặc luôn, muốn kéo Tuyên đến chỗ ba cái huyết mới, đến xem mấy chục người bị bỏng phải nằm dưới mưa cho nước xối vào những mảng thịt đỏ loét, để day nghiến: “Đây, kết quả của việc chuẩn bị chiến trường!”. Nhưng Tuyên nói trước mắt:

- Tôi cho đưa tất cả thương binh vào các lán của mặt trận bộ. Bệnh xá cháy. Bên Itxala bắt được hai gián điệp căng vải trắng chỉ điểm.

- Về chưa?

- Gì?

- Tôi hỏi cái đội chuẩn chiến của anh về chưa, hay còn đợi mang võng đi khiêng?

Tuyên lạnh lùng đáp:

- Chỉ sợ không còn sót ai mà khiêng nữa thôi. Bây giờ ta sang họp với ông Thông Phun bàn kế hoạch mới. Không đánh Pà Thạc được nữa.

- Bây giờ anh mới nhận ra thế à?

Chớp bật trắng lóa. Mành chợt thấy Tuyên phơi đầu trần dưới mưa, cái mũ rộng vành treo sau lưng. Mành nguôi giận, gọi:

-Này, đội mũ lên chứ!

- Để cho mát...

Bên tay phải, rừng tào tác những tiếng gọi nhau, chặt cây. Tuyên bấm đèn soi lên những dãy sườn lán bằng vầu buộc xinh gọn:

- Bộ đội Lào đây.

Một giọng trầm cất lên tiếng hát. Mười giọng cao thấp tiếp theo. Bài hát lan qua các lán, các gốc cây, xoáy tròn trong gió:

Phuộc hậu pên tha hản Itxala (Chúng ta là quân Giải phóng).

Trong chớp lòa, hai người thấy một cảnh kỳ dị. Mấy trăm người phủ kín bùn như vừa ngoi dưới ruộng lên, đang hùng hục lợp dãy lán che súng, hát thi sức với mưa gió. Tiếng hát quần quai như vật lộn giành sống, cuộn lên những lời kêu hãnh:

Mưa trút chúng ta không kêu

Chúng ta là quân Giải phóng...

Đói bệnh, lửa, nước, tất cả sắt thép của địch không dập được tiếng hát của nước Lào kháng chiến. Tiếng hát dội lên mây đen rền rền, quấy trong dông bão:

Lốp lốp xông lên... độc lập... vì tự do hòa bình...

Cờ kháng chiến... vượt lên... hùng cường...

Mành không kịp hiểu vì sao mắt anh nóng và tim anh đập mạnh. Cũng cái cảm giác như hôm nào nói chuyện với đồng chí Itxala. Họ còn khổ nhiều quá... Anh chợt thấy hổ thẹn. Anh vừa quát tháo với Tuyên vì Tuyên cố đánh Pà Thạc để giải vây cho các đồng chí Itxala và du kích đang nguy khốn.

Mành lộ bùn lép nhép, cúi đầu theo Tuyên không nói. Tuyên vẫn để đầu trần, thỉnh thoảng ngửa mặt lên hứng mưa. Cái bóng thấp lùn bước lấp gập, cái đầu húi carê ướt sũng trước mặt Mành là sự đau khổ hiện thành hình người.

*

* *

Chính ủy Thông Phun ngồi xồm trên sạp, trùm nilông che nước dột. Râu anh đọng nước sáng lấp lánh trong ánh đèn bão. Anh vừa đi kiểm tra bộ đội về, đang khom lưng trên bản đồ, tìm một cái tên. Chữ Lào in đá bị nhòe khó đọc, anh gỡ kính rồi lại đeo, lần mãi ngón tay. Bỗng anh vỗ sạp kêu:

- Đây rồi, làng Xa Ming buổi ngon có tiếng!

- Sao?

Thấy Tuyên đứng trước mặt, anh kéo áo Tuyên nói vội:

- Ngồi xuống, ngồi đây... Làng Xa Ming bị địch chiếm cách đây một tháng, tôi đã báo tin cho anh Đặng. Cơ sở Itxala ở đây rút vào bí mật. Họ cho một người về báo tin có anh bộ đội Việt lạc vào làng, bị địch bắt.

- Phía Xa Ming các anh gây cơ sở, có bộ phận Việt nào đâu!

- Thế mới lạ. Anh này người đẹp đẹp, không biết tiếng Lào, trẻ lắm. Bị tra bằng kim súng mà không khai. Chúng nó mang về đồn, chưa biết giam ở đâu hay giết rồi.

- Thôi chết, cậu Khiêm chuột nhất!

Tuyên chồm lên. Thông Phun lắc đầu:

- Chả phải. Nhất định anh Đặng báo cho đội CC3 biết từ lâu, họ còn vào làng ấy làm gì.

Cán bộ các đơn vị lục tục đến. Tuyên cắn môi nghĩ. Anh cố giữ bình tĩnh để không chạy một mạch về Ban tham mưu tìm Đặng, hỏi cho ra lẽ. Đường số 1 bị lộ, làng Xa Ming vào tay địch, tất cả những tin ấy có đến đội CC3 không?

Thông Phun mân mê hai tờ giấy trong tập công văn, ngập ngừng không muốn trao cho Tuyên. Hai bức điện vừa gửi đến Ban chỉ huy chiến dịch. Một mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng Lào cho phép

đổi hướng tấn công. Một chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân tình nguyện gửi cho Tuyên: “Nghiêm khắc kiểm thảo các đồng chí phụ trách chuẩn bị Pà Thạc, báo cáo ngay”. Anh biết rằng trách nhiệm và kỷ luật sẽ đổ xuống đầu Tuyên trước hết, vì Tuyên được giao việc chuẩn bị chiến trường hướng nam, lại có đề nghị lên trên xin giữ nguyên hướng mở chiến dịch.

Nghĩ thế, anh càng thương Tuyên. Anh đã viết một điện dài gửi về Bộ Quốc phòng, chia bớt sang cho mình một phần khuyết điểm và bào chữa cho Tuyên.

Mành lên tiếng:

- Đề nghị các đồng chí bàn luôn sang kế hoạch mới. Tình hình đủ rõ rồi đây.

Mành nhắc lại đề nghị tiến quân về phía tây bằng mấy câu gọn. Kế hoạch được thông qua rất nhanh. Mành cười rạng rỡ. Anh hết sốt rồi. Chậm lắm chỉ ba ngày nữa thôi, súng sẽ nổ. Cả một đội kèn đang thổi bài xuất quân bên tai Mành.

Thông Phun đưa cho Tuyên và Mành hai bức điện. Mành đọc xong, trầm ngâm gãi gáy. Anh nói một câu khiến Thông Phun và Tuyên cùng ngạc nhiên:

- Nên kiểm thảo cách làm việc của Đặng, chứ đồng chí Tuyên chả có khuyết điểm gì trong chuyện này.

Thông Phun buột mồm: “Đúng thế”.

Tuyên ngẩng đầu, phân vân. Mành thật bụng hay lại mai mĩa châm chọc?

Mành không để ý, vẫn nói rành mạch:

- Chủ trương đánh Pà Thạc hoàn toàn đúng. Trước đây tôi đấu tranh để đổi hướng chiến dịch là tôi sai. Nhưng bây giờ không còn hy vọng tìm ra đội CC3 nữa, thì bắt buộc phải tấn công hướng tây thôi.

Rồi Mành cau mặt nói nhanh hơn, lại nắm nắm tay phải vào lòng bàn tay trái để chấm câu, như diễn thuyết với Tuyên:

- Cậu Đặng chỉ biết vùi đầu vào giấy tờ, giấy tờ, giấy tờ. Công tác tham mưu không phải công tác bàn giấy đâu nhé. Tôi mới gặp nó chưa bao lâu mà đã ngấy cái lý thuyết sách vở của nó rồi. Nó thấy anh ở địch hậu ít được đọc tài liệu mới, không quen công tác tham mưu, nó vác lý thuyết ra lèo anh. Ừ mà như thế anh cũng có khuyết điểm. Anh tin nó quá, không kiểm tra đôn đốc gì cả... Thôi tôi về trước xem bộ đội ra sao cái đã.

Mành rút áo mưa, vơ cây gậy, còn quay lại:

- Không chừng đội CC3 cũng một duộc với Đặng đấy. Gì chứ bệnh quan liêu là chúa hay lây từ trên xuống dưới.

Thông Phun và Tuyên ngồi đối mặt nhau một lúc nữa. Tự nhiên Thông Phun nhớ rõ mồn một đến cuộc họp cách đây hai mươi hôm, anh và Tuyên bàn kế hoạch đánh Pà Thạc mà rộn rục, mà phơi phơi như chấp cánh. Những người chỉ huy bộ đội thường rất giàu tưởng tượng và mơ ước. Trong khi lo

từng củ gừng cho bộ đội chống ho, từng sợi dây mìn cho du kích, họ đã vẽ nên trong trí cuộc chiến đấu sắp đến với bao nhiêu là tình huống trắc trở, đã thấy trước cảnh chiến thắng vàng son. Chỉ qua có hai mươi hôm, tất cả vùng sụp đổ, tan thành bụi.

Không khí như ám khói, khó thở. Hai người cùng lặng im trong phút hiểu nhau. Tuyên đứng lên, cười gượng:

- Tôi thua cuộc rồi nhé.

Thông Phun đáp giản dị:

- Tôi cũng chưa viết thêm được chữ nào, thế là hòa.

- Chúng mình đều thua cuộc thì đúng hơn.

- Tạm thua một keo. Tôi đang rút người về tổ chức đội chuẩn chiến 4, lại ném xuống Pà Thạc. Tiếc rằng không có...

Anh ngừng giữa câu. Nhắc đến Văn Thon, người bạn Việt sẽ hiểu ra ý trách móc. Tuyên gỡ tay xuống bàn, hỏi

- Trinh sát Itxala mất nhiều người, liệu tổ chức thêm một đội đủ không?

- Itxala chưa hết người. Không bao giờ hết người anh ạ.

Thông Phun cười, rút hộp sữa trong cái làn mây nhét vào túi dệt Tuyên, trong khi Tuyên quay lưng giữ áo mưa. Quà của bạn cũ ở Viêng Chăn gửi ra cho anh, quý nhất chỉ có hộp sữa ấy.

Một bóng đen nhô ra khỏi bụi vầu cạnh lán, đi theo Tuyên một quãng mới gọi bằng tiếng Lào.

- Đồng chí Tuyên!

Tuyên giật mình, bấm đèn pin. Đôi mắt xéch của trung đội trưởng Pheng nhìn anh trừng trừng, mái tóc ướt dán vào mang tai.

- Ta không đánh Pà Thạc nữa hờ đồng chí?

Tuyên cắn môi.

- Tôi nấp cạnh lán nghe trộm. Xin lỗi đồng chí, tôi phạm kỷ luật. Đồng chí biết hơn, nói hộ tôi sao không đánh Pà Thạc?

Tuyên vẫn im. Một sợi tóc cứa vào tim anh khi nghe câu hỏi vừa uất vừa khản khoản ấy. Anh không dám nhìn vào hai chấm mắt trắng của Pheng. Người chiến sĩ Lào đứng trước mặt anh như ông quan tòa buộc tội, gay gắt hỏi anh đã làm hỏng kế hoạch như thế nào. Anh muốn nói một câu an ủi, xin lỗi, mà bối rối không thốt ra lời.

Pheng thở phào, nói ngút hơi:

- Tôi hiểu rồi. Phải giữ bí mật.

Pheng biến vào bóng tối. Tuyên đưa tay vuốt trán, gạt mồ hôi lạnh lấm tấm. Suốt dọc đường về cơ quan, anh thấy đôi mắt xéch nhìn chọc vào mình, nghe cái giọng ứ đau khổ: “Sao không đánh Pà

Thạc?”.

Lán tham mưu chắt ních những cáng và ba lô xếp đồng. Thương binh nặng nằm trên sạp cao quá đầu, nhìn lên chỉ thấy một dãy bàn chân trùm chắn. Thương binh nhẹ trải áo mưa nằm trên đất nhão. Tiếng rên, tiếng thở khò khè. Mùi cồn không át được mùi tanh. Tuyên tạt vào định hỏi thăm thương binh và xem Đặng đưa cơ quan đi đâu. Chợt anh trông thấy Soan, vội dừng lại, né sang một góc tối.

Soan đang nắn nì một anh quán băng kín đầu lên nằm sạp. Anh này gắt:

- Tôi khỏe như vâm, yếu đau gì. Đồng chí lên ngủ đi. Thức phờ người rồi còn...

Soan bắt chước vẻ làm nghiêm của chị y tá trưởng có râu mép, cổ nhúu mảy và đôi giọng ồm ồm:

- Yêu cầu đồng chí đừng gây khó khăn cho chuyên môn!

- Có yêu cũng chả cầu!

Thấy Soan xịu mặt, anh kia cười khì, trèo lên sạp.

Chung quanh khúc khích, đế vào:

- Nũng tí thôi.

- Ý chừng còn thích cô y tá công chạy bom lần nữa.

Soan chợt thấy Tuyên đi qua chỗ sáng. Soan chạy ào theo. Tuyên hỏi ngay:

- Ban tham mưu đi đâu?

- Anh Đặng bảo ra làng Na Phô ạ.

Tuyên bước thẳng. Anh sợ phải nói cái tin Khiêm bị bắt. Soan gọi giật:

- Anh ạ...

- Anh vội tí. Chưa có tin gì mới... Không sao, họ về cả thôi.

Soan nhoẻn cười, tay gỡ mái tóc rối:

- Anh bí mật thì em nói. Chuyện hay quá.

- Chuyện gì thế?

- Chị y tá trưởng ấy mà..., chị tâm sự với em, bảo ai lấy anh thì hạnh phúc lắm. Nom chị buồn buồn là. Bí mật anh nhé.

Soan bưng miệng cười, chạy ù vào lán. Tuyên thở mạnh, bỏ đi. May quá, Soan không hỏi tin Khiêm. Phải nhẹ nhẹ, từ từ, cho Soan biết từng tí một. Giờ đây nếu Khiêm sống sót trở về, anh còn mừng hơn là Soan yêu anh. Cái đêm thức bên Soan đã lùi xa, như cách hàng mấy năm. Anh chỉ là ông chú, phải là ông chú.

Soan cầm lọ thuốc đau mắt đi rỏ khắp vòng, rồi về ngồi trên ba lô mình, gỡ tóc. áo quần ướt và vấy máu tanh quá, làm thế nào thay được nhỉ. Lại đói ngấu nữa... Cái lược rơi khỏi tay. Soan ngáp đôn, dựa vào cột ngủ luôn. Một anh liên lạc đi qua lán, dòm vào:

- Đồng chí Soan!

Soan dụi mắt nhìn hộp sữa anh ta dúi vào tay, của anh Tuyên gửi cho riêng Soan. Úi chết, sao lại được cả một hộp “Con chim” vào giữa lúc túng quẫn này! Soan cuống quýt xách đèn xuống bếp đun nước sôi pha sữa ngay. Các anh bị bỏng nặng không ăn được cháo...

*

* *

Các nhóm già gạo bị máy bay xua ra rừng một lúc, lại kéo vào làng, hát ghẹo, thổi khèn ù ù, đuổi nhau, cười ngặt nghẽo, hú những tiếng dài khen câu đùa đậm. Cánh thanh niên vốn ham chơi, hò nhau:

- *Áu! Áu me!* Nào ta múa một vòng anh em ơi!

- Các cô ở lại đằng này. Nghỉ một giờ!

Các cô bấm nhau rúc rích. Anh xã đội trưởng nhảy lên một cái cối giã úp sập:

- Giới phụ nữ khuyên các anh đứng trên cần cối mà múa!

Cười. Xô đẩy nhau tranh chỗ giã. Bóc trấu bỏ vào cối nhau, kêu í ới.

Rình rình rịch rịch.

Khít... xình! Khít... xình!

Trời giội mưa, tối sầm, thì đèn chai bật sáng giăng giăng khắp làng Na Phô, dưới sàn nhà, dưới những mái che bằng cốt bằng nong. Tiếng voi tập đi đều vẫn gang với tiếng mưa, không đứt đoạn.

Đặng dẫn cơ quan tham mưu ra làng trú mưa, khi có lệnh nhường lán cho thương binh. Các ban khác làm lán lợp lá chuối ở cạnh bộ đội. Đặng thấy họ máy móc. Xa bộ đội năm cây số, anh vẫn nắm được tình hình cụ thể qua báo cáo, cứ gì phải bám theo đơn vị những nhặng. Vấn đề chính là làm việc khoa học hay không.

Thấy mấy anh bộ đội Việt đi giữa mưa, bà con ùa ra hỏi thăm, chèo kéo, lôi về nhà mình. Đặng từ chối khéo. Vào chỗ giã gạo ồn quá, mà anh định xem lại công văn, đọc mấy văn kiện quan trọng. Đi rảo một vòng, anh xoay xoay cây ba toong trở vào ngôi nhà to nhất, vừa tĩnh vừa sạch. Đồng chí văn thư nói nhỏ:

- Báo cáo anh nhà này không được tốt. Buôn ngoại hóa bán cắt cổ, thì thụt vào thành luôn.

- Sao đồng chí biết?

- Chúng tôi ra làng làm ruộng giúp dân, họ kể cho nghe.

Đặng lưỡng lự, rồi gạt:

- Không sao, nghỉ tạm một đêm thôi mà. Tôi cần chỗ vắng làm việc.

Lão chủ nhà đang ngồi uống rượu khật khưỡng một mình. Nhận ra bộ đội, lão hơi cuống, sau

lại mừng quýnh. Lão quát vợ quét một đầu nhà, trái chiếu, thấp đèn hoa kỳ to ngọn cho bộ đội nghỉ. Rồi lão vào buồng xách ra thêm chai rượu và xâu thịt nai nướng, bày mâm mời bộ đội. Anh em xin kiếu, chuồn ra giã gạo với dân làng cho vui.

Chỉ còn Đặng ngồi lại với tập công văn, bên ngọn đèn cháy ri ri, sáng và ấm. Lão chủ nhà ấn chén rượu vào tay anh:

- Ông uống một chén. Thằng rể mua được cái đùi nai, bố vợ đánh chén, chứ chả dám rượu chè mang tội với chính phủ. Ông uống...

Đặng chỉ hiểu có tiếng *kin*. Anh làm hai hớp cạn chén. Luồng máu nóng từ bụng trào lên, sưởi chân tay lạnh cóng. Anh cười, xua tay. Lão chủ lại rót đầy chén nữa, cười sắc mặt ngây:

- Bộ đội ăn khỏe như anh chàng Bảy Chum, cơ man là gạo. Tôi cũng giã đầy chứ, chỉ phải cái không quen, đau tay quá. Thằng rể lo kiếm ăn kiếm ở, bận luôn. Kia, ông uống nữa.

Đặng lại uống. Mũi cay nồng, khó thở. Tiếng ồn ào chung quanh ngạt dần, như bị cái chăn chùm kín. Chân tay nhẹ bồng. Rồi cả thân thể anh tan đâu mất, chỉ còn cái đầu lơ lửng và chén rượu chạm môi lạnh lạnh. Anh lại uống.

Rượu đánh thức cái buồn sâu kín nhất của anh. Chưa uống thì buồn thâm lặng. Càng uống càng buồn nhứt nhối, giống như bàn tay bàn chân tê dại hồi lâu nổi lên buốt nhối ngàn mũi kim châm. Chờn vờn trước mắt anh cái cảnh Ban tham mưu kiểm thảo. Cũng có nêu vài cái ưu điểm gọi là. Khuyết điểm khối. Quan liêu. Mệnh lệnh. Giấy tờ. Thiếu trách nhiệm... Anh cười chua chát: “Hừ, hàng ngày không vạch nổi cái kế hoạch huấn luyện đại đội, vào hội nghị lại lớn tiếng phê phán công tác của tham mưu trưởng trung đoàn!” Cũng may họ chưa biết vụ CC3... Cũng như mọi lần nghĩ đến đội chuẩn chiến, anh thấy nhối mạnh một cái ở đâu trong người không rõ. Anh lắc đầu, đưa mu bàn tay gạt cái trán hói: “Xếp nó lại. Quên đi. Pháo binh bắn sai, đâm lưng bộ đội thì sao, đem giết cả đi à!”.

Như cái máy, anh tợp hết chén này sang chén khác. Ngọn đèn nầy làm hai, làm bốn, thành một quầng lửa trong đó khuôn mặt bóng đỏ của lão chủ cứ biến rồi hiện như chơi ú tim. Lão muốn đùa với Đặng. Thôi, người ta đang buồn đây. Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng, thế mà tài Đặng hết chỗ dùng rồi, hết chỗ dùng... Họ không hiểu được con người đã đứng đầu Ban tác huấn của một Liên khu, đã giảng chiến thuật trong các lớp cán bộ trung cao cấp (đề nghị đồng chí đại đoàn phó tóm tắt cho tôi các đặc điểm của chiến thuật công kiên... Vâng, tốt lắm!), đã soạn sách giáo khoa cho trường sĩ quan tham mưu, đã viết nhiều bài trong “Quân chính tập san” phân tích lối hành binh của Tôn Tử và đại đế Alécxăng, khiến cho một đồng chí thiếu tướng phải khen: “Tiểu đoàn trưởng mà hiểu rộng thế này à?”

Chao ôi buồn...

Bạn cũ và cả cấp dưới của Đặng nữa, khối người lên đến trung đoàn đại đoàn. Ở trường Thanh niên tiền tuyến ra, theo Cách mạng, anh vút lên cấp nhanh hơn họ, rồi dừng lại chết gí một chỗ ở cấp tiểu đoàn liền năm năm. Người ta đánh giá anh ngày một khác đi, đẩy anh từ nghiên cứu sang tác

chiến, từ tác chiến về giảng dạy, để cuối cùng ném anh vào cái xó núi này, làm một chân tham mưu trưởng quyền rơm vạ đá. Công tác rồi bồng bong, nề nếp du kích. Có quấy thì cái lưới thành kiến càng thít chặt, bó giò chân tay. Anh sinh bất phùng thời mất rồi...

Ai đập vào chân Đặng, cắt dòng suy nghĩ đen và nặng. Ai ấn vào tay Đặng một gói vuông, dày. Anh căng mắt nhìn dò dẫm.

Lão con buồn ngồi tựa lưng, ngoẹo đầu, ngáy pho pho. Vợ lão dọn mâm bát. Cái gói nilông đựng một tập giấy. Ánh đèn và dòng chữ múa tròn, nhảy như chim sẻ, không đọc được. Đồng chí văn thư báo cáo, tiếng âm u đứt đoạn như ngồi trong chum nói ra:

- Anh du kích... một người lạc rừng bị ngắt trên bờ sông... trong túi... bắn lên trời hai phát.. hình như quan trọng.

- Xem chưa?

- Chưa ạ. Có ghi chữ “tối mật” bên ngoài. Anh đã dặn...

- Được. Tôi... sẽ nghiên cứu.

Hơi rượu bốc ngùn ngụt. Lưới Đặng vướng mồm khó nói. Những chữ đỏ vẫn đuổi nhau, không kịp xếp hàng ngang cho anh đọc.

- Báo cáo anh, có lẽ tài liệu thượng khẩn hay hỏa tốc.

- Để tôi nghiên cứu.

Đó là câu của miệng của Đặng để giữ thế chủ động. “Tôi sẽ nghiên cứu”, rồi công văn chui vào kẹp giấy, người có việc ra nằm đợi ngoài trạm liên lạc. Vài hôm sau, anh giở ra đọc lướt qua, giải quyết ba phút là xong. Không ai trách anh chậm trễ được. Phải nghiên cứu mà.

Đặng ngả lưng trên đệm. Êm quá. Lão chủ thế mà chu đáo. Xấu với ai thì xấu, đối với bộ đội vẫn tốt đấy chứ... Cái gói rơi xuống bên gối. Anh ngủ trong cái nhà vắng, tập công văn lật ngửa cạnh mình. Rồi Đặng nghe tiếng lao xao chung quanh, lơ mơ phát cáu. Không có giờ nào được yên. Anh cố ngủ say được một giấc dài nữa. Có tiếng gọi anh mấy lần. Một bàn tay lật ngửa anh ra, lòi dậy, không kiên nhẫn.

Người ngồi chập nhà. Trung đoàn trưởng Tuyên chúi đầu vào tập công văn, thỉnh thoảng dòm sang bên, đọc cuốn sổ điện báo. Lớ nhớ các chủ nhiệm chính trị, cung cấp, các đảng ủy viên. Họ kéo ra làm gì giữa lúc khuya khoắt này?

Đặng cười ngượng ngịu với Tuyên:

- Mệt quá, các đồng chí đến chả biết gì cả.

- Đồng chí hết say chưa?

- Say gì... làm một hớp cho ấm. Gia đình này quý bộ đội lắm.

Đặng đã bình tĩnh. Trước một người nóng tính như Tuyên, bình tĩnh là đã thắng một nửa. Anh không mấy khi bối rối khi thủ trưởng hét ra lửa. Một thói quen có lợi. Anh lạnh giọng:

- Đồng chí cho biết đây là kiểm thảo hay lấy khẩu cung?

- Kiểm thảo.

Hồng rồi. Tuyên không nổi nóng thêm, nghĩa là không bị dồn vào thế bí. Đặng bắt đầu trình bày lúng túng. Cán bộ tác huấn và quân báo đều đi công tác hết, còn mỗi mình anh ở nhà, công việc rối mù, tất nhiên bị chậm trễ.

Một đảng ủy viên hỏi về vụ làng Xa Mì bị địch chiếm mà đội CC3 không biết. Đặng cười khẩy, bật hai ngón tay đánh tách:

- Chức trách của tham mưu trưởng đã được quy định từ lâu, đồng chí nên nghiên cứu lại. Cơ sở còn hay mất là do Ban chính trị theo dõi...

Tuyên nhòm người như sắp nhảy xổ lên trước. Đường gân chữ y bò lên trán, chạm chân tóc húi ngắn.

- Khốn nhưng làng Xa Mì nằm trên đường về của đội chuẩn chiến, là cái nút liên lạc với phía nam! Cậu Khiêm vừa bị bắt ở Xa Mì. Anh Thông Phun báo cho đồng chí biết, đồng chí vất tin vào xó. Rõ ràng trước mắt đây, đồng chí có hiểu không? Có chịu hiểu không?

- Yêu cầu đồng chí xem lại thái độ...

- Đồng ý, tôi đang nóng. Tôi chỉ ngạc nhiên tại sao Đảng ủy, Chi bộ, chính quyền giúp đỡ đồng chí bao nhiêu lần, mà đồng chí không bớt quan liêu đi một chút cho bộ đội nhờ!

Tuyên chống tay trên sàn, chạm phải cái gói con. Anh táy máy cầm nó lên, vẫn nói:

- Tôi nhận phần trách nhiệm chính trong việc chuẩn bị Pà Thạc thất bại, không phải mượn kiểm thảo để đổ lỗi cho đồng chí đâu. Đồng chí có nhiều mặt xuất sắc, đồng ý thế. Nhưng dứt khoát một lần, tôi yêu cầu đồng chí đừng chối quanh nữa, mà nhìn thẳng vào chỗ yếu của mình để sửa chữa.

Mảnh ni lông tuột rơi xuống sàn. Một tập giấy lọt vào tay Tuyên. Anh vỗ vỗ nó, nghe Đặng trả lời hằn học:

- Đã thế, tôi xin đổi công tác. Trả tôi về nước. Tác phong của các đồng chí không hợp, tôi không làm việc được.

Anh chủ nhiệm chính trị vẫn thấp giọng:

- Đồng chí không phải đề nghị. Chúng ta thiếu cán bộ thật đấy, nhưng những người sa sút đến mất hết phẩm chất đảng viên thì ở đây hay ở Việt Nam đều là thừa cả.

- Tôi đi nơi khác, chắc nhiều người mừng thoát nạn đấy nhỉ!

Tuyên lắc đầu chua xót, nói chậm:

- Đồng chí đừng nói thế. Không ai mừng thoát nạn đâu. Thấy một đồng chí mình ị ạch như con sên, ai chạm đến thì rứt đầu vào vỏ, chúng tôi đau đớn chứ không vui gì. Tiếc rằng đến phút cuối cùng đồng chí vẫn không thật thà trước Đảng. Đến bây giờ mới dùng kỷ luật đối với đồng chí cũng đã khá muộn...

Tập giấy trong tay Tuyên mở rộng. Anh lơ đãng nhìn xuống. Anh bỗng run lên như phát sốt.

Tập báo cáo ngót bốn mươi tờ khổ rộng, với tất cả sơ đồ, yếu đồ, địch tình, địa hình, kế hoạch hành trú quân, kế hoạch tác chiến... tất cả những gì cần biết để mở chiến dịch Pà Thạc cứu khu du kích phía nam, giải phóng mười vạn dân và bẻ gãy nát con dao bầu cắt lìa hai khu căn cứ, đã nằm gọn đây từ bao giờ.

Trên trang đầu tô nắn nét một hàng chữ thắm, nước ngấm vào đã kéo những vệt đỏ chảy xuống như rỏ máu tươi:

ANH HÙNG CA SỐ 5

XIV

Đã bảy năm rồi, chiến tranh du kích rung chuyển đất Đông Dương dưới chân Pháp - Mỹ như một trận động đất kéo dài và rộng khắp. Những đơn vị lớn vận động ngầm dưới đất giống như những luồng đá chảy lỏng, đột ngột chọc lên thành những ngọn núi lửa ngay giữa lòng địch. Một ngọn núi lửa như thế sắp nổ tung ở mặt trận Tây Nam. Nhưng buổi chiều nay trên sông Xê Ban, nắng vẫn êm và rừng vẫn rung điệu nhạc cành lá như trong những ngày thanh bình nhất của nước Triệu Voi.

Một đàn khỉ kéo nhau đi tắm. Chúng nối đuôi nhau bò ra một cành thấp, nhảy tồm xuống nước, lội lên tảng đá gãi lông, sưởi nắng, gắt nhau choe chọe.

Chiếc thuyền con trôi xuôi dòng, rẽ nước tỏa chéo về mé sau thành hai cánh bạc rập rờn. Cô gái Lào ngồi trên đuôi thuyền vung cái bơi chèo nghịch đuổi khi, rồi hát tiếp bài *con lâm* đứt đoạn:

Yêu người chiến sĩ

Sống với cây rừng, thác núi

Tôi con gà lên chuồng

Mà anh phải nằm mặt đất

Yêu người chiến sĩ

Gạo bắc, muối nam, củ sả ở làng người...

Tiếng hát trong vắt thổi nắng gọn trên sông. Một con voi nhà ngừng vòi cuộn lá, trầm ngâm phẩy tai. Rặng vầu lay ngọn đếm nhịp.

Em sinh ra nằm trên nia

Địu theo lưng mẹ

Lớn lên đi hái nương bông

Em dệt tấm khăn ba năm

Em dệt tấm vải chín năm

Dệt lòng em theo mỗi sợi

Em gửi đến chàng

Yêu thì đáp

Không yêu thì đốt

Tưởng nhớ thì đánh giặc gấp trăm

Áo em là áo giáp che thân chàng

Vì đời em đã dệt vào sợi bông trăm màu...

Thuyền khuất sau khuỷu sông. Thuyền của dân làng chở đèn chai tiếp tế cho bộ đội thấp đi đêm. Tiếng vang nhắc lại lời cuối cùng: “Đời em... dệt vào... sợi bông trăm màu...”

Trên bờ sông, một người cao lớn ngồi dưới bóng cây, tay bó gối. Anh đến từ bao giờ không rõ. Im như pho tượng, cây gậy kê vào vai, bốn năm điều thuốc hút dở vắt dưới chân.

Một bóng trắng hiện trên đầu dốc, rẽ lá đi xuống. Câu tiếng Lào thanh thanh pha giọng Việt:

- *Thố!* Anh Văn Thon ra đây mà em tìm gần đứt hơi!

Văn Thon không quay lại. Đồng râu tóc rậm rì không cựa. Cô y tá đến bên anh, nhả nhó:

- Ông Thông Phun lại sang thăm anh. Cả anh Tuyên nữa. Cơ man là cán bộ. Chúng em đi lòng anh mãi. Về anh nhé!

- Không.

- Về thay băng đi. Rồi em cắt tóc cạo râu cho. Ai lại để thế này... Gương đây, anh xem.

Cái lối dễ chóng ngoan” của Soan thường được việc gấp mấy mệnh lệnh của quân y trưởng. Nhưng Văn Thon không nghe gì, thấy gì. Soan cau mày rồi cười:

- Anh ngồi, em cũng ngồi đợi. Xem ai gan hơn.

Cả nụ cười kèm hai đồng tiền trên má cũng không ăn thua. Văn Thon vẫn nhìn đăm đăm sang bên kia sông, về phía nam. Anh đang bay về nơi các đồng chí ngã dọc đường. Người Lào sống có bầu chết có bạn, sao một mình anh ngồi đây?

- Anh Văn Thon đi với đội anh Lương phải không?

Ai nhắc tên Lương thế? Lương không chết được. Con người như thế nhất định không chịu tắt thở một cách vô lý. Hồn Lương đóng đinh vào xác, buộc vào xác bằng xích voi...

- Này, anh biết anh Khiêm chứ nhỉ?

Soan đang hỏi một con người rỗng. Văn Thon có ở đây đâu.

- Em van anh, nói đi... anh biết anh Khiêm trình sát chứ?

- Anh Khiêm trẻ, trắng, hay vào đồn ấy mà.

Văn Thon nghe bập bõm. Người ta trách anh để Khiêm vào làng cho địch bắt. Anh nói nhất

gừng:

- Không phải tại tôi... ác hại, cái làng ấy...
- Em tưởng anh đi với đội chuẩn chiến 3.
- Không, tôi biết đâu! Chỉ nghe súng nổ, rồi địch kêu om sòm. Làm thế nào được, tôi mang báo cáo về mà!

Soan thở dài, thất vọng. Văn Thon chợt mỉm cười. Nụ cười nở ấm giữa khuôn mặt kín râu và chẳng chịt vết gai. Anh nhặt một cái que, vạch lia lịa trên mặt cát thành những hình tròn lũy. Soan trở mắt nhìn người mất trí hiên như bọt đang cười và vẽ một mình rất lâu...

Một chiếc thuyền có mũi xuôi nhanh. Anh du kích nheo mắt nhìn lên, vội ấn ngang mái chèo kìm thuyền lại gọi:

- Chị Soan thầy thuốc đấy hả? Có người ốm!
- Vào đây anh!

Mũi thuyền trườn lên bãi cát. Vợ chồng anh du kích nhảy xuống, khiêng mũi thuyền bỏ lên bờ. Soan lật chiếc chiếu trùm lù lù giữa lòng thuyền, tròn mắt kinh hãi. Một cái xác khô đét gần như trần truồng. Đúng hơn là một bộ xương bọc một làn da cóc, quét thêm mấy lớp máu đông vẩy bên ngoài. Một bắp chân sưng tròn như cây chuối, loét mủ xanh.

Soan lắp bắp:

- Ai đấy?
- Không biết. Có lẽ người của ta. Chúng tôi chở thuyền gạo, thấy anh nằm trên bờ sông. Đầu gối nát cả, chắc bò nhiều.

Soan ngơ ngợ nhìn cái thắt lưng đeo súng ngắn kiểu Mỹ trên bụng cái xác. Trông quen quá... Văn Thon chống gậy đến nơi; bỗng rú lạc giọng:

- Lương!

Văn Thon vấp gậy ào xuống nước, quàng tay xóc Lương dậy, rít lên:

- Lương ơi! Tôi đây, Văn Thon đây mà! Lương!

Cái xác khô khê cựa. Một bên mắt nhấp nháy. Soan giật áo Văn Thon, run lẩy bẩy:

- Nhẹ tay tí anh... khế tí.. anh ấy yếu quá.

Anh du kích vỗ đùi đánh đét, reo ầm: “Còn sống!” Văn Thon khoát tay. Anh ghé tai cạnh môi Lương, rồi gật đầu nức nở:

- Báo cáo về kịp rồi, nhận được rồi. Bộ đội sắp đánh Pà Thạc. Thằng bé Khiêm bị địch bắt. Địch bắt ở Xa Mìng. Anh nghe rõ không?

Văn Thon bóp vai Lương muốn vỡ. Vợ chồng anh du kích cuống quýt cầm bơi chèo trên cát, căng chiếu che nắng. Không ai trông thấy Soan ngã quỵ xuống bãi, hai tay chống một bên, tóc đổ trên má trắng bệch, đôi mắt tròn mở trơ trơ nhìn Lương cứ dậm dậm.

- Bộ đội đang qua sông kia... Đang qua sông... đi đánh Pà Thạc. ..

Văn Thon lội nước đẩy thuyền ra. Nước ngập đến gối, đến bụng. Anh đỡ Lương ngồi lên. Màn tre vầu mở toang, khuỷu sông dưới kia hiện rõ giữa nắng. Bộ đội tụ thành những đám xanh lá xếp vuông trên bãi chảy từng dòng xuống sông. Mấy chục chiếc thuyền đan chéo nhau qua lại. Sóng người ào ạt đổ về hướng nam theo con đường đã mở.

Lương nhắm mắt. Một giọt đục và nhỏ ú ra bên khóe con mắt lạnh.

Gió trở chiều từ lúc nào, lùa qua đèo tạt xuống sông Xê Ban. Chung quanh hai người bạn, những tiếng trầm thanh của thác, rừng, voi, chim cùng hòa thành một điệu nhạc xô bờ, dữ dội, ngùn ngụt tỏa lên rung trời. Sông núi Lào đang hát khúc anh hùng ca đời đời không tắt.

9.1958 - 1.1960

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

(1) Người Lào ở vùng thấp, tức dân tộc đa số.

(2) Đảng “Quốc gia tiến bộ” của Cà Tày (về sau nhập với đảng “Tự do” của Phủi Xananicon làm một).

(3) Điệu “hát kể”, rất phổ biến trong nhân dân Lào.

(4) Khăn tằm dài và mỏng.

(5) Một *mừn* là mười hai kilôgam.

(6) Quân đội quốc gia Lào.

(7) Loại quần một ống của đàn ông.

(8) Thưởng koong-băn-xa-can xa-nằm-rốp: gửi Ban chỉ huy mặt trận.

(9) Bạn rất thân.

(10) Người hát những bài *con lâ*m.

(11) Đài Pháp - Á của Pháp.

(12) Minh ngữ.

(13) Giờ trực đài.

(14) Tiểu đội trưởng.

(15) Một *hày* rộng vào khoảng 400m²

(16) Trong thời kỳ Pháp thuộc, Pháp vẫn giữ nguyên tình trạng phong kiến phân tranh ở Lào. Nước Triệu Voi thành lập vào thế kỷ XIV, đến thế kỷ XVIII thì tan rã thành nhiều nước nhỏ chống nhau: Viêng Chăn, Luông Prabang, Mưong Phuôn, Châm-pa-xắc.

(17) Cuộc đấu tranh lớn của nhân dân các thành phố dọc sông Mê Kông năm 1934-1935 được thợ mỏ và nông dân hưởng ứng, về sau bị dập tắt.

(18) Nhà sư tu ẩn trong rừng núi, không ở làng.

(19) Chính phủ lâm thời Lào Độc lập thành lập ngày 12-10 - 1945, trong đó Hoàng thân Xuphanuvông làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.